

Số: /QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH:
**Về việc ban hành Kế hoạch Phòng, chống thiên tai
tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021-2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013;
Căn cứ Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ
Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.*

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch Phòng, chống thiên tai giai đoạn năm 2021-2025 tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Giao Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức, triển khai thực hiện Kế hoạch.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
 - Ban chỉ đạo TW về PCTT (để báo cáo);
 - Thường trực Tỉnh ủy (để báo cáo);
 - CT, các PCT UBND tỉnh;
 - Lưu VT, các VP;
- Bh_VP_41

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Song Tùng

KẾ HOẠCH**Phòng, chống thiên tai tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021 – 2025**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /5/2021 của UBND tỉnh)

Chương I**CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ LẬP KẾ HOẠCH**

- Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;
- Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;
- Căn cứ Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai;
- Căn cứ Nghị định số 83/2019/NĐ-CP ngày 12/11/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai;
- Căn cứ Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ Quy định về thành lập và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai;
- Căn cứ Nghị định số 104/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; đê điều;
- Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng chống thiên tai.
- Căn cứ Quyết định số 957/QĐ-TTg ngày 06/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển đến năm 2030.
- Căn cứ Quyết định số 1061/QĐ-TTg ngày 1/7/2014 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Phòng, chống thiên tai;
- Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-TTg ngày 13/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai;
- Căn cứ Quyết định số 44/QĐ-TTg ngày 15/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết về cấp độ rủi ro thiên tai;
- Căn cứ Quyết định số 05/2020/QĐ-TTg ngày 31/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ trên các sông thuộc phạm vi cả nước;

- Căn cứ Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai.

- Căn cứ Quyết định số 987/QĐ-TTg ngày 9/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai.

- Căn cứ Quyết định số 1857/QĐ-BTNMT ngày 29/8/2014 và Quyết định số 2901/QĐ-BTNMT ngày 16/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt và công bố kết quả phân vùng bão và xác định nguy cơ bão, nước dâng do bão cho khu vực ven biển Việt Nam;

- Căn cứ Quyết định số 439/QĐ-UBND ngày 26/6/2020 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc ban hành quy chế tổ chức, hoạt động của quỹ phòng chống thiên tai tỉnh Ninh Bình.

Chương II

MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU

2.1. Mục đích

- Chủ động quản lý, phòng, chống, ứng phó kịp thời để giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản do thiên tai gây ra. Đồng thời khắc phục khẩn trương, có hiệu quả sau thiên tai; tạo điều kiện ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, góp phần bảo đảm an ninh, quốc phòng.

- Giúp UBND tỉnh, Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn (PCTT và TKCN) tỉnh có cơ sở để chủ động ứng phó, chỉ đạo, phối hợp chỉ huy các hành động, biện pháp cần thiết để phòng ngừa, ứng phó và khắc phục thiệt hại một cách hiệu quả, hạn chế thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra, đặc biệt giảm thiểu thiệt hại về người, tài sản, cơ sở hạ tầng và các công trình trọng yếu;

- Nâng cao nhận thức cộng đồng trong quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng để phát huy ý thức tự giác, chủ động phòng, chống thiên tai của toàn dân trên địa bàn tỉnh;

- Nâng cao năng lực xử lý tình huống, sự cố và chỉ huy, điều hành cũng như tăng cường trách nhiệm của các cấp, các ngành trong công tác phòng chống thiên tai;

- Nâng cao tính chủ động trong công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.

- Dựa trên cơ sở kế hoạch PCTT này, địa phương, cơ quan, đơn vị trong tỉnh chủ động xây dựng, rà soát, tổ chức thực hiện sát với tình hình thực tế nhằm xây dựng một xã hội an toàn trước thiên tai.

2.2. Yêu cầu

- Xác định rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh trong hoạt động phòng, chống thiên tai theo quy định của pháp luật.

- Nâng cao năng lực xử lý tình huống, sự cố, chỉ huy, điều hành tại chỗ để ứng phó thiên tai có hiệu quả.
- Quán triệt và thực hiện có hiệu quả phương châm “bốn tại chỗ” (chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện, vật tư tại chỗ; hậu cần tại chỗ).
- Tuyên truyền, giáo dục, cung cấp kiến thức về phòng, chống thiên tai và tác động của thiên tai đến an toàn tính mạng và tài sản của người dân trong tỉnh.
- Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ đặc biệt là công nghệ 4.0 phù hợp với công tác PCTT trong tình hình mới.
- Cung cấp thông tin cho việc lồng ghép vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, chương trình nông thôn mới tại địa phương.
- Sử dụng nguồn kinh phí có hiệu quả trong việc phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả, tái thiết sau thiên tai; ưu tiên các giải pháp phi công trình, đặc biệt trong việc nâng cao năng lực và nhận thức cho cộng đồng chủ động PCTT.
- Có xét đến bối cảnh biến đổi khí hậu và khả năng xảy ra thiên tai cực đoan.

Chương III

ĐẶC ĐIỂM CHUNG VỀ TỰ NHIÊN, DÂN SINH, KINH TẾ - XÃ HỘI, CƠ SỞ HẠ TẦNG CHỦ YẾU

3.1. Vị trí địa lý

Ninh Bình là một tỉnh nằm ở cực Nam đồng bằng Bắc bộ, 19050' đến 20027' độ Vĩ Bắc, 105032' đến 106o27' độ Kinh Đông. Dãy núi Tam Điệp chạy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam, làm ranh rới tự nhiên giữa hai tỉnh Ninh Bình và Thanh Hoá. Phía Đông và Đông Bắc có sông Đáy bao quanh, giáp với hai tỉnh Hà Nam và Nam Định, phía Bắc giáp tỉnh Hoà Bình, phía Nam là biển Đông. Quốc lộ 1A, Quốc lộ 10 và đường sắt Bắc Nam chạy xuyên qua tỉnh. Ninh Bình còn có hệ thống cảng biển, đường sông, đường biển thuận lợi, tạo điều kiện giao lưu, hợp tác, phát triển toàn diện với các tỉnh khác trong cả nước và quốc tế.

3.2. Đặc điểm địa hình, địa chất

Tỉnh có địa hình đa dạng, thấp dần từ vùng núi đồi phía Tây sang vùng đồng bằng trũng xen kẽ núi đá vôi và xuống đồng bằng phì nhiêu, bãi bồi ven biển phía Đông. Địa hình hội tụ đầy đủ điều kiện khá thuận lợi để phát triển kinh tế xã hội với thế mạnh của từng vùng.

- Vùng đồi núi: Vùng này nằm ở phía Tây và Tây Nam của tỉnh, bao gồm các khu vực phía Tây Nam huyện Nho Quan và thành phố Tam Điệp, phía tây huyện Gia Viễn, phía Tây Nam huyện Hoa Lư và Tây Nam huyện Yên Mô. Diện tích toàn vùng này khoảng 35.000ha, chiếm 24% diện tích tự nhiên toàn tỉnh. Độ cao trung bình từ 90-120m. Đặc biệt khu vực núi đá có độ cao trên 200m.

- Vùng đồng bằng trũng trung tâm: Bao gồm Thành phố Ninh Bình, huyện Yên Khánh, huyện Kim Sơn và diện tích còn lại của các huyện khác trong tỉnh, diện tích khoảng 101 nghìn ha, chiếm 71,1% diện tích tự nhiên toàn tỉnh, là nơi tập trung dân cư đông đúc nhất tỉnh, chiếm khoảng 90% dân số toàn tỉnh. Vùng này độ cao trung bình từ 0,9÷1,2m, đất đai chủ yếu là đất phù sa được bồi và không được bồi. Tiềm năng phát triển của vùng là nông nghiệp: Trồng lúa, rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày. Về công nghiệp có cơ khí sửa chữa tàu, thuyền, chế biến lương thực, thực phẩm, công nghiệp dệt, may, thương nghiệp dịch vụ, phát triển cảng sông.

- Vùng đồng bằng, bãi bồi ven biển: Vùng này thuộc diện tích của 3 xã ven biển huyện Kim Sơn là: Kim Trung, Kim Hải, Kim Đồng, diện tích khoảng 6.000ha, chiếm 4.2% diện tích tự nhiên toàn tỉnh. Đất đai ở đây còn nhiễm mặn nhiều do mới bồi tụ nên đang trong thời kỳ cải tạo, vì vậy chủ yếu phù hợp với việc trồng rừng phòng hộ (sú, vẹt), trồng cói, trồng một vụ lúa và nuôi trồng thủy hải sản nhanh, bền vững.

3.3. Đặc điểm khí tượng, thủy văn, tình hình thiên tai trên địa bàn

3.3.1. Đặc điểm khí tượng

Ninh Bình nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, chịu ảnh hưởng của khí hậu ven biển. Nhiệt độ trung bình năm khoảng 23 - 24oC, nhiệt độ trung bình thấp nhất (tháng 1) khoảng 15,4 – 16,9oC và cao nhất (tháng 6, tháng 7) khoảng 27,8 - 29,2oC. Lượng mưa trung bình hàng năm khoảng 1672 - 1888mm, nhưng phân bố không đều, tập trung 85% lượng mưa vào mùa mưa (từ tháng 5 đến tháng 10) mùa khô kéo dài từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau.

Chế độ mưa được chia làm 2 mùa rõ rệt. Mùa mưa diễn ra vào mùa hạ (từ giữa tháng 4 đến đầu tháng 10), tập trung đến khoảng 85% lượng mưa trong năm; Mùa khô lượng mưa thấp chiếm khoảng 15% (từ đầu tháng 10 đến giữa tháng 4 năm sau). Lượng mưa trung bình năm khoảng 1672 - 1888mm, phân bố không đều trong năm, nhưng phân bố khá đều trên toàn bộ diện tích. Hiện nay, có dấu hiệu diễn biến phức tạp của tình hình thời tiết: mùa mưa bắt đầu sớm hơn, kết thúc muộn hơn so với tổng lượng mưa lớn, gây lụt lội nhiều hơn; mùa khô ngắn hơn với tổng lượng mưa giảm đáng kể.

3.3.2. Đặc điểm thủy văn

Ninh Bình có mạng lưới sông ngòi dày đặc, sông ngòi phân bố tương đối đều, các sông lớn và vừa thường tập trung ở phía Đông và Nam. Tỉnh Ninh Bình có hai hệ thống sông lớn là sông Hoàng Long và sông Đáy.

Sông Hoàng Long nằm trong vùng chuyển tiếp từ vùng đồng bằng lên miền núi. Sông Hoàng Long gồm ba chi lưu chính là sông Bôi, sông Na và sông Lạng. Dòng chảy trên sông Hoàng Long chia làm hai mùa rõ rệt, một mùa lũ và một mùa kiệt. Sự khác biệt giữa mùa lũ và mùa kiệt tương đối nghiêm trọng do sông có độ dốc lớn, lưu vực không có vùng chuyển tiếp độ cao từ miền núi xuống đồng bằng, lưu vực có ba sông hình rẽ quạt, lớp đất mặt không dày và thảm thực

vật thừa làm giảm khả năng giữ nước. Mùa lũ chịu ảnh hưởng rất lớn của bão, áp thấp nhiệt đới và dải hội tụ nhiệt đới, tập trung vào các tháng 8,9,10.

Sông Đáy là chi lưu của sông Hồng chảy từ Thượng Cốc ra biển qua cửa Đáy, từ Thượng Cốc đến Gián Khẩu sông chảy theo hướng Bắc - Nam, từ Gián Khẩu đến Tam Tòa theo hướng Tây Bắc - Đông Nam, sau đó theo hướng Bắc - Nam chảy ra biển. Sông ngòi ở tỉnh Ninh Bình phân bố tương đối đồng đều. Sông ngòi ở đây vừa có tác dụng dẫn nước có phù sa màu mỡ cung cấp cho ruộng đồng vừa có tác dụng tiêu nước vào mùa mưa úng lụt.

3.3.3. Đặc điểm tình hình thiên tai trên địa bàn tỉnh trong những năm gần đây

a. Bão, ATNĐ

Bão và áp thấp nhiệt đới thường xuất hiện vào mùa mưa từ tháng 7-11. Trung bình mỗi năm tỉnh Ninh Bình chịu tác động trực tiếp của 1-2 cơn bão. Khi đổ bộ vào đất liền, bão gây gió mạnh tới cấp 8-9; đặc biệt năm 2012 bão số 8 (Bão Sơn Tinh) đi vào biển Đông gần địa bàn tỉnh Ninh Bình với sức gió mạnh cấp 12 cấp 13, giật cấp 14, cấp 15; Hồi 17 giờ ngày 28/10/2012, bão số 8 đi sát bờ biển tỉnh Ninh Bình. Khu vực tỉnh Ninh Bình chịu ảnh hưởng trực tiếp của Bão số 8 với sức gió mạnh cấp 9, cấp 10, giật cấp 10, cấp 11, gây mưa trên toàn bộ tỉnh Ninh Bình. Cơn bão số 1 năm 2016 gây mưa to đến rất to, lượng mưa phổ biến từ 200 ÷ 250mm; gió trong đất liền mạnh cấp 8 đến cấp 11, giật cấp 10 đến cấp 13; vùng ven biển gió mạnh cấp 8, giật cấp 12. Những cơn bão mạnh, tốc độ di chuyển nhanh, đường đi phức tạp, khi vào gần đất liền có xu hướng lệch về phía Nam. Đáng chú ý những cơn bão xuất phát ngay trên biển Đông, di chuyển nhanh, bất ngờ, đổ bộ vào đất liền; gây thiệt hại nặng nề cho ngư dân, tàu thuyền và cơ sở hạ tầng ảnh hưởng đến đời sống của người dân và gây thiệt hại cho sự phát triển kinh tế xã hội tỉnh Ninh Bình. Thiệt hại do bão: 32.531ha lúa mới cấy bị ngập úng; 1.552ha hoa màu bị hư hại; 159,7ha cây ăn quả bị gãy đổ; 161ha rừng bị hư hại; 5ha cây công nghiệp bị đổ gãy; 5.340 con gia cầm bị chết và cuốn trôi; sập đổ 11 cái, tốc mái 7.659 cái nhà; 1.720m kè bị sạt lở, hư hỏng; 20m kênh mương bị sạt trôi và nhiều thiệt hại khác. Tổng giá trị thiệt hại do bão số 1 gây ra ước khoảng 600 tỷ đồng.

Bảng 3. 1: Thống kê số các cơn bão và áp thấp nhiệt đới đổ bộ hoặc ảnh hưởng trực tiếp, gián tiếp đến Ninh Bình từ năm 2010 đến nay

Năm	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019
Bão và ATNĐ ảnh hưởng gián tiếp	2	1	2	2	2	1	1	1	2	1
Bão và ATNĐ chịu ảnh hưởng trực tiếp	1	2	1	3			1		2	3
Tổng cộng	3	3	3	5	2	1	2	1	4	4

b. Lốc, sét, mưa đá

Lốc, sét, mưa đá là loại hình thiên tai đến rất nhanh và bất ngờ. Ngày 24 tháng 5 năm 2015 trên địa bàn thành phố Tam Điệp có mưa nhỏ kèm theo giông, sấm sét, tại khu vực đồng Cù, tổ 10, phường Tân Bình, thành phố Tam Điệp sét đánh chết 04 người và làm bị thương 03 người.

Chiều tối ngày 25/01/2020 do chịu ảnh hưởng của KKL kết hợp với hội tụ gió Tây Nam phát triển từ mực 3000 – 5000m nên Tại Cúc Phương và TP Ninh Bình xảy ra mưa đá.

c. Mưa lớn

Do ảnh hưởng của hoàn lưu áp thấp nhiệt đới nên từ ngày 09/10 đến ngày 13/10/2017 khu vực tỉnh Ninh Bình có mưa vừa, mưa to đến rất to và giông (*Tổng lượng mưa từ 7h ngày 09/10/2017 đến 7h ngày 12/10/2017 như sau: Tại trạm Thủy văn Hưng thi: 423,2mm; trạm khí tượng Nho Quan: 207,9 mm; trạm Thủy văn Bến Đé: 379,0mm; trạm thủy văn Gián Khẩu: 433,8mm; trạm Khí tượng Ninh Bình: 301,3mm; trạm Thủy văn Như Tân: 318,6mm*). Lượng mưa lớn đã làm xuất hiện lũ trên sông Hoàng Long, sông Đáy, vào hồi 06 giờ ngày 12/10 mực nước lũ trên sông Hoàng Long tại trạm Thủy văn Bến Đé đạt đỉnh 5,53m (*vượt báo động III 1,53m và vượt lũ lịch sử năm 1985*), đến 16h giờ ngày 12/10/2017 mực nước lũ trên sông Đáy tại Ninh Bình đạt đỉnh 3,94m (*vượt báo động III là 0,44m*).

Do ảnh hưởng của hoàn lưu áp thấp nhiệt đới kết hợp gió Đông hoạt động mạnh và không khí lạnh tăng cường gây ra đợt mưa lớn từ ngày 09/10 - 13/10; lượng mưa từ 17 giờ ngày 09/10/2017 đến 07 giờ ngày 13/10/2017 tại Nho Quan là 195,6mm, tại Cúc Phương là 397,5mm; mực nước sông Hoàng Long tại Bến Đé đạt đỉnh +5,53m.

Năm 2018 trên cả nước có 9 cơn bão và 7 ATNĐ hoạt động trên biển Đông. Mùa mưa bão năm 2018 Ninh Bình chịu ảnh hưởng trực tiếp của 2 cơn bão (*Cơn bão số 03 và cơn bão số 04*) và hoàn lưu của 02 vùng áp thấp suy yếu từ cơn bão số 5 và cơn bão số 6.

Do ảnh hưởng hoàn lưu cơn bão số 3 khu vực tỉnh Ninh Bình và Hưng Thi- Hòa Bình đã có mưa to đến rất to, mưa trên diện rộng và kéo dài (*Tổng lượng mưa đo được từ 19h ngày 12/7/2018 đến 7h ngày 22/7/2018 như sau: Tại trạm Thủy văn Hưng thi: 373,5mm; trạm khí tượng Nho Quan: 453,1 mm; trạm Thủy văn Bến Đé: 411,6mm; trạm thủy văn Gián Khẩu: 329,5mm; trạm Khí tượng Ninh Bình: 356,3mm; trạm Thủy văn Như Tân: 379,9mm*). Lượng mưa lớn đã làm xuất hiện lũ trên sông Hoàng Long, vào hồi 08 giờ ngày 20/7 mực nước lũ trên sông Hoàng Long tại trạm Thủy văn Bến Đé đạt đỉnh 3,89m (*vượt báo động II 0,39m*). Ngoài ra do ảnh hưởng của xoáy thấp kết hợp với dải mây hội tụ gây mưa lớn trên địa bàn tỉnh Ninh Bình và Hòa Bình từ đêm ngày 20/7 - 23/7 lũ xuất hiện trở lại, đến 13h ngày 22/7 Bến Đé đạt đỉnh ở mức 4,14 m (*vượt BĐ III là 0,14m*).

Ngày 02/8/2019 do ảnh hưởng của hoàn lưu bão số 3 gây ra mưa vừa, mưa to tổng lượng mưa cả đợt như sau: Trạm Thủy văn Hưng Thi: 240 mm; Trạm Khí tượng Nho Quan: 211 mm; Trạm Thủy văn Bến Đê: 158,7 mm; Trạm Thủy văn Gián Khẩu: 132,9 mm

Mưa lớn làm xuất hiện lũ trên sông Hoàng Long, hồi (8h đến 12h) mực nước tại Bến Đên đạt đỉnh là 3,34m (*vượt BĐ I là 0,34 m*).

d. Năng nóng.

Những năm gần đây nắng nóng xảy ra đặc biệt gay gắt trên địa bàn tỉnh. Diễn hình năm 2015 do chịu ảnh hưởng của hiện tượng thời tiết ELNINO trong năm đã xảy ra nhiều đợt nắng nóng trên diện rộng kỷ lục là đợt nắng nóng cuối tháng 5 tại Cúc Phương huyện Nho Quan đã đo được nhiệt độ lên tới 41,5°C hay năm 2018 có 05 đợt nắng nóng trên diện rộng, đặc biệt là đợt nắng nóng từ 28/6-07/7, nhiệt độ cao nhất là 41,5°C (*tại Nho Quan, vào ngày 05/7*).

Năm 2020, trên địa bàn tỉnh xảy 12 đợt nắng nóng diện rộng đặc biệt là đợt nắng nóng từ ngày 20/5 – 21/5. Tx: 40,6°C (tại Nho Quan)

đ. Hạn hán.

Theo số liệu thống kê từ năm 2001 đến nay, hầu hết các địa phương trong tỉnh đều xảy ra hạn hán trong giai đoạn tưới dưỡng lúa vụ đông xuân, đặc biệt các huyện miền núi Nho Quan, Gia Viễn, thành phố Tam Điệp... diện tích hạn và thiếu nước chiếm bình quân 15 - 20% diện tích canh tác. Hạn hán và nắng nóng gay gắt kéo dài đã làm ảnh hưởng đến 625,8ha cây trồng vụ đông xuân, thiếu nước sinh hoạt và phục vụ sản xuất vụ mùa ở nhiều xã như Sơn Hà, Kỳ Phú, Phú Long, Quảng Lạc, Sơn Lai, Gia Sơn, Xích Thổ của huyện Nho Quan...

e. Rét đậm, rét hại.

Hiện tượng rét đậm rét hại xảy ra trên toàn tỉnh Ninh Bình xuất hiện vào tháng 11 đến tháng 2 năm sau. Diễn hình trong năm 2016 do ảnh hưởng của không khí lạnh rất mạnh từ ngày 23 - 28/1 trên địa bàn tỉnh xuất hiện rét đậm rét hại, tại Nho Quan, Thành phố Tam Điệp có nơi xuống tới 4,4°C. Năm 2017 do chịu ảnh hưởng của không khí lạnh có cường độ rất mạnh được tăng cường liên tục, từ ngày 10/02 đến ngày 13/02 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình đã xảy ra rét đậm, rét hại (*Cúc Phương 9,0°C; Nho Quan 11,3°C; Ninh Bình 12,8°C*). Đợt 02 từ ngày 24-25/2 nhiệt độ thấp nhất ở một số nơi như sau: Cúc Phương 12,2°C; Nho Quan 13,7°C; Ninh Bình 13,6°C.

f. Lũ và ngập lụt

Lũ lụt xảy ra trên phạm vi rộng, bình quân mỗi năm xảy ra 1-2 trận lũ. Lũ chính vụ xuất hiện vào tháng 7-10. Thời gian mưa gây lũ mỗi đợt thường từ 2-3 ngày có đợt lên tới 5 ngày. Thống kê một số trận lũ gây úng ngập điển hình đã xảy ra trên địa bàn tỉnh Ninh Bình như sau:

- Trận úng lụt cuối tháng 9/1978: Lượng mưa đo được trong 2 ngày 21,22/IX trên lưu vực sông Hoàng Long là 486mm; tại Bến Đê mưa 718mm,

Chi Nê 581mm, Hưng Thi 475mm. Trên sông Hoàng Long xuất hiện lũ rất lớn, đỉnh lũ tại Bến Đé là 5,42m (16h/22) cao hơn BĐIII 1,42m và duy trì trên BĐIII trong 5 ngày. Lũ đặc biệt lớn trên sông Hoàng Long dâng cao đột ngột, kéo dài 4,5 ngày và trùng với thời kỳ triều cường kết hợp với mưa lớn trong đồng nên gây tràn vỡ nhiều đoạn đê hạ lưu sông Hoàng Long và uy hiếp đê sông Đáy. Đê hữu sông Hoàng Long bị tràn vỡ 5 đoạn: làng Sui, làng Mòi, Đồi 94, Đập Lạc Khoái, Vân Trình với tổng chiều dài 565m, sâu từ 1,3÷1,8m. Đê tả Hoàng Long bị vỡ đoạn Đầm Cút, dài 240m, sâu 1,2 m.

- Trận lũ, úng lụt lớn tháng 9/1985: Do ảnh hưởng của dải hội tụ nhiệt đới với lưỡi cao đã gây mưa từ ngày 7-13/IX/1985 trên toàn Bắc Bộ. Lượng mưa đo được tại Gia Viễn trong cả đợt là 955mm, trong đó ngày 12 mưa trên 600mm; tại Nho Quan, lượng mưa cả đợt đạt 841mm, riêng đêm 11 sáng 12 mưa 398mm. Lũ sông Hoàng Long tại Bến Đé là 5,46 m (1h/13) vượt BĐ3 là 1,46 m và kéo dài 7 ngày đã làm đê sông Hoàng Long bị vỡ đoạn Chấn Hưng dài 500m. Ngày 11/9 lũ tràn đập Gia Tường, Đức Long, Lạc Vân và Lạc Khoái. Ngày 12/9 lũ tràn đê Năm Căn. Ngày 13/9 toàn tuyến đê tả Hoàng Long từ Gia Tân đến Gia Viễn, Gia Thắng, Chấn Hưng đều bị tràn, vị trí Chấn Hưng bị vỡ. Huyện Gia Viễn có 20 xã thì cả 20 xã đều bị ngập, 80% số hộ bị ngập sâu đến mái nhà, chỉ còn khoảng 1.000 hộ ở trên khu đất cao là bị ngập ít hơn. Quốc lộ 1 ngập sâu 1,5m, ô tô và tàu hỏa không đi lại được. Toàn huyện Gia Viễn gieo cấy 9.947ha, mất trắng 80%, ngoài ra còn thiệt hại về hoa màu, trâu bò, lợn gà, cây ăn trái và các tài sản khác.

- Trận ngập úng tháng 10/2007: Do có mưa lớn ở thượng nguồn, gây lũ lớn trên sông Hoàng Long. Khi mực nước lũ trên sông Hoàng Long tại Bến Đé đạt đến +4,40 m, lúc 17 giờ ngày 5/10 đã phải xả lũ qua tràn Gia Tường, Đức Long vào khu chận lũ Gia Tường - Đức Long. Đến 21 giờ cùng ngày, mực nước tại Bến Đé là +4,96 m phải xả lũ qua tràn Lạc Khoái và khu hữu Hoàng Long. Mực nước lũ tại Bến Đé tiếp tục lên đến đỉnh là +5,17 m lúc 0 giờ ngày 6/10 và bắt đầu hạ xuống.

Tràn xả lũ sông Hoàng Long tại Nho Quan và Gia Viễn, đã cho tràn từ 17h ngày 05/10, tình hình ngập lụt như sau:

- Số xã bị ngập: 12 xã (*trong đó có 8 xã của huyện Nho Quan, 4 xã của huyện Gia Viễn*).

- Số hộ bị ngập: 16.450 hộ.

- Số dân bị ngập: 55.000 người.

- Trận lũ tháng 10/2017: Do ảnh hưởng của hoàn lưu áp thấp nhiệt đới nên từ ngày 09/10 đến ngày 13/10 khu vực tỉnh Ninh Bình có mưa vừa, mưa to đến rất to và giông (*Tổng lượng mưa từ 7h ngày 09/10/2017 đến 7h ngày 12/10/2017 như sau: Tại trạm Thủy văn Hưng thi: 423,2mm; trạm khí tượng Nho Quan: 207,9 mm; trạm Thủy văn Bến Đé: 379,0mm; trạm thủy văn Gián Khẩu: 433,8mm; trạm Khí tượng Ninh Bình: 301,3mm; trạm Thủy văn Như Tân:*

318,6mm). Lượng mưa lớn đã làm xuất hiện lũ trên sông Hoàng Long, sông Đáy, vào hồi 06 giờ ngày 12/10 mực nước lũ trên sông Hoàng Long tại trạm Thủy văn Bến Đê đạt đỉnh 5,53m (*vượt báo động III 1,53m và vượt lũ lịch sử năm 1985*), đến 16h giờ ngày 12/10/2017 mực nước lũ trên sông Đáy tại Ninh Bình đạt đỉnh 3,94m (*vượt báo động III là 0,44m*). Lũ lớn đã làm ngập 10.713 ngôi nhà, 15.179ha lúa mùa, 2.492 ha cây hoa màu bị ảnh hưởng; 5.924 con gia súc, 87.123 con gia bị chết và lũ cuốn trôi; nhiều công trình thủy lợi và giao thông bị hư hỏng. Kinh phí thiệt hại và khắc phục thiệt hại sau mưa, lũ là 1.052 tỷ đồng.

Theo tính toán ngập lụt hạ du các hồ chứa nước trên lưu vực sông Hồng - Thái Bình (nguồn: Tổng cục phòng chống thiên tai) thì tỷ lệ % số dân bị ảnh hưởng trên tổng số dân toàn xã theo độ ngập sâu theo kịch bản xả lũ thiết kế hạ du tần suất 0.2% được thống kê như sau:

Bảng 3. 2: Tỷ lệ % số dân bị ảnh hưởng trên tổng số dân toàn xã theo độ ngập sâu

Huyện	Tỷ lệ % số dân bị ảnh hưởng trên tổng số dân toàn xã theo độ ngập sâu									
	KỊCH BẢN 2 (tỷ lệ %)									
	0.1 - 0.5m	0.5 - 1m	1 - 1.5 m	1.5 - 2 m	2 - 2.5 m	2.5 - 3 m	3 - 3.5 m	3.5 - 4 m	4 - 4.5 m	>4.5 m
Ninh Bình	0.1	0.2	0.1	-	-	-	-	-	-	-
Tam Điệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Nho Quan	7.9	7.0	6.3	3.2	1.3	0.7	0.3	-	-	-
Gia Viễn	2.2	1.7	0.5	0.2	0.3	0.1	0.1	-	-	-
Hoa Lư	0.5	0.3	0.1	0.1	-	-	-	-	-	-
Yên Khánh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Kim Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Yên Mô	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Như vậy nếu xảy ra trường hợp xả lũ thiết kế hạ du tần suất 0,2% thì có khoảng 10,7% dân số Ninh Bình bị ngập khoảng từ 0,1÷0,5m; 9,1% dân số Ninh Bình bị ngập khoảng từ 0,5 ÷1,0m; 7% dân số Ninh Bình bị ngập khoảng từ 1,0 ÷1,5m.

g. Sạt lở đất, sụt lún đất

Vào lúc 23h ngày 20/02/2019, tuyến đường phía Tây của nhà thờ thôn kênh Gà, xã Gia Thịnh, huyện Gia Viễn đã xảy ra sạt lở đường giao thông ven sông dài khoảng 50m, chiều rộng B = 3m, chiều sâu sạt lở H = 2,5m đã làm ảnh hưởng và có nguy cơ gây sạt lở nhà ở và công trình của 4 hộ dân, làm chia cắt giao thông đi lại của 100 hộ dân phía Tây nhà thờ thôn kênh Gà.

h. Xâm nhập mặn.

Hiện tượng xâm nhập mặn ở vùng bãi bồi ven biển Kim Sơn đã lấn sâu vào các cửa sông từ 20 - 25 km trên sông Đáy và 10 - 15 km trên sông Vạc. Hiện tượng xâm nhập mặn có dấu hiệu gia tăng, nhất là vào giai đoạn đổ ải vụ đông xuân.

3.4. Đặc điểm dân sinh

Tỉnh Ninh Bình có 8 đơn vị hành chính cấp huyện trực thuộc, bao gồm 2 thành phố và 6 huyện với 143 đơn vị hành chính cấp xã, bao gồm 119 xã, 17 phường và 7 thị trấn.

Tính đến 31/12/2019 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình có 982.487 người trong đó: khu vực thành thị 206.524 người chiếm 21%; khu vực nông thôn 775.963 người chiếm 79%.

3.5. Đặc điểm kinh tế - xã hội

Tốc độ tăng trưởng GDP đạt 6,78%, thu ngân sách tiếp tục duy trì ở mức cao và đạt mức cao nhất từ đầu nhiệm kỳ; sản xuất công nghiệp duy trì đà tăng trưởng; nông nghiệp được mùa, phong trào xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới kiểu mẫu được đẩy mạnh và đi vào chiều sâu; dịch vụ, du lịch chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid-19; văn hóa - xã hội tiếp tục có tiến bộ, an sinh xã hội được đảm bảo, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân tiếp tục được cải thiện. Công tác xúc tiến đầu tư được quan tâm; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo; quân sự, quốc phòng địa phương được tăng cường; công tác cải cách hành chính tiếp tục có nhiều điểm sáng; công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo được tập trung chỉ đạo. Hoạt động của chính quyền các cấp có nhiều đổi mới, hiệu quả quản lý nhà nước ngày càng được nâng cao. Đã có 12/16 chỉ tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 hoàn thành và hoàn thành vượt mục tiêu, trong đó có 6/12 chỉ tiêu vượt mục tiêu kế hoạch và 3/16 chỉ tiêu không đạt kế hoạch nhưng đạt so với phương án tăng trưởng điều chỉnh năm 2020; 01 chỉ tiêu không đạt so với kế hoạch và kịch bản tăng trưởng là chỉ tiêu về khách du lịch.

Tổng sản phẩm xã hội trên địa bàn tỉnh¹ (theo giá SS 2010) năm 2020 ước đạt trên 41.217,6 tỷ đồng, tăng 6,78% so với năm 2019, không đạt kế hoạch đề ra (kế hoạch là 8,0%) nhưng vượt so với phương án điều chỉnh tăng trưởng đề ra ban

¹Trong đó, khu vực nông - lâm - thủy sản đạt trên 4.281,9 tỷ đồng, tăng 3,18%; khu vực công nghiệp - xây dựng đạt trên 16.185,8 tỷ đồng, tăng 11,47%, riêng công nghiệp đạt trên 12.467,9 tỷ đồng, tăng 10,42%; khu vực dịch vụ đạt trên 14.437,5 tỷ đồng, tăng 3,06% so với năm 2019. GRDP bình quân đầu người đạt 64,91 triệu đồng, tăng 4,6 triệu đồng so với năm 2019.

đầu là 6,76%. Nguyên nhân là do tác động tiêu cực của dịch Covid-19 lên các hoạt động kinh tế - xã hội trong mọi ngành, lĩnh vực, nhất là ngành dịch vụ.

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng tỷ trọng các ngành công nghiệp; năm 2020 tỷ trọng công nghiệp - xây dựng là 45,1%; nông, lâm, thủy sản là 13,1%; dịch vụ là 41,8%.

a. Sản xuất nông nghiệp

- Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm toàn tỉnh năm 2020 đạt 95,1 nghìn ha, giảm 2,7% so với năm 2019, năm 2019 đạt 98,7 nghìn ha, giảm 887,6 ha so với năm 2018; trong đó, diện tích cây lương thực có hạt đạt 70,1 nghìn ha, giảm 2% so với năm 2018. Sản lượng lương thực có hạt ước đạt trên 462,2 nghìn tấn, giảm 8,7 nghìn tấn so với năm 2019, đạt 98% so với kế hoạch; năng suất lúa bình quân ước đạt 61,6 tạ/ha, tăng 0,3 tạ/ha so với năm 2019. Diện tích lúa đặc sản chất lượng cao đạt 50,7ha, chiếm 7,4% diện tích, tăng 1,3 ha so với năm 2019. Nguyên nhân giảm do một số diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả được chuyển đổi mục đích sử dụng để nuôi thủy sản kết hợp với trồng cây lâu năm; bên cạnh đó, một số diện tích chuyển sang cơ sở hạ tầng khu du lịch và khu đô thị mới hoặc phục vụ khu công nghiệp và các công trình cơ sở hạ tầng, tái định cư...

- Chăn nuôi gặp nhiều khó khăn trước biến động của thị trường và diễn biến phức tạp khó lường của dịch bệnh tả lợn Châu Phi. Tổng đàn lợn năm 2020 ước đạt 287 nghìn con, tăng 14,8% so với cùng kỳ; tổng đàn trâu, bò ước đạt 50 nghìn con, đạt 85% kế hoạch; chăn nuôi gia cầm tiếp tục phát triển.

- Sản xuất thủy sản tiếp tục phát triển thuận lợi, tăng trưởng cả về nuôi trồng, khai thác và sản xuất giống. Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản² năm 2020 ước đạt 13,9 nghìn ha, giảm 400 ha so với năm 2019; tổng sản lượng thủy hải sản ước đạt 60,7 nghìn tấn, tăng 10,2% và đạt kế hoạch đề ra.

- Công tác khoanh nuôi, bảo vệ rừng được chú trọng, hoàn thành 100% kế hoạch đối với công tác bảo vệ rừng, chăm sóc rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng.

- Công tác thủy lợi, đê điều và phòng chống lụt bão, tiếp tục được quan tâm, chỉ đạo, chú trọng vào công tác tưới tiêu cho cây trồng và củng cố hệ thống công trình thủy lợi phục vụ sản xuất.

b. Sản xuất công nghiệp

Tổng giá trị sản xuất (theo giá SS 2010) đạt gần 85,76 nghìn tỷ đồng, tăng 11,4% so với năm 2019. Một số sản phẩm công nghiệp có mức tăng khá so với năm 2019 như: kính nổi tăng 20,8%; giày dép các loại tăng 6,4%; cần gạt nước ô tô, tăng 68,4%...

²Công tác sản xuất giống đảm bảo cả về số lượng và chất lượng, đáp ứng được nhu cầu nuôi thả ở địa phương và xuất sang các tỉnh Nam Định, Thanh Hóa, Thái Bình, Quảng Ninh; trong năm đã sản xuất 10 tỷ con hầu giống, tăng gấp 4 lần năm 2019; 70 tỷ con ngao, tăng gấp 2 lần năm 2019; cua xanh đạt 3,5 triệu con.

c. Văn hóa - xã hội

Công tác Giáo dục - Đào tạo có chuyển biến tích cực, chất lượng giáo dục các cấp học được nâng cao. Quy mô trường lớp các cấp học được duy trì ổn định; công tác phổ cập giáo dục các cấp được quan tâm chỉ đạo và duy trì vững chắc tạo điều kiện nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Cơ sở vật chất được tăng cường, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia các cấp học cơ bản đều đạt và vượt mục tiêu Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XXI đề ra.

- Công tác y tế, bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân được quan tâm chỉ đạo thực hiện đồng bộ của cả 2 lĩnh vực phòng bệnh và chữa bệnh gắn với duy trì quy chế chuyên môn, nâng cao y đức; không để xảy ra dịch bệnh trên địa bàn. Công tác tuyên truyền các chính sách về Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp được triển khai rộng khắp, số lượng người dân tham gia bảo hiểm ngày càng tăng, nâng tỷ lệ Bảo hiểm y tế đạt 91,2% đạt kế hoạch đề ra.

- Công tác xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm, đảm bảo an sinh xã hội được xác định là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt.

Phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm để phát triển kinh tế xã hội cụ thể như sau: Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thành công Đại hội đảng toàn quốc lần thứ XIII. Thực hiện hiệu quả nhiệm vụ trọng tâm, khâu đột phá gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng hiệu quả của nền kinh tế. Đẩy mạnh tái cơ cấu và chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên cơ sở triển khai đồng bộ, hiệu quả các cơ chế chính sách với trọng tâm về cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền điện tử. Tháo dỡ khó khăn trong phát triển sản xuất - kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh; cải thiện môi trường đầu tư, ưu tiên thu hút những dự án lớn, tạo đà tăng trưởng cho giai đoạn tới. Phát triển kinh tế xã hội đi đôi với phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Chú trọng bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu. Thực hiện tiết kiệm, phòng chống tham nhũng, lãng phí; tập trung giải quyết khiếu nại, tố cáo. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế; củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh, ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội.

3.6. Đặc điểm cơ sở hạ tầng

a. Giao thông

Đường bộ gồm có quốc lộ 1A, 10, 45, 12B, QL.38B, QL.21B, QL.12B kéo dài, QL.1 nối cảng Ninh Phúc với tổng chiều dài khoảng 238km; tỉnh lộ gồm 20 tuyến: 477, 477B, 477C, 478, 478B, 479, 479C, 480, 480B, 480C, 480D, 480E, 481, 481D, 481E, 481B...; huyện lộ dài hơn 190km và đường giao thông nông thôn được cứng hóa 84% với 1.338 km.

Hệ thống đường thủy gồm 22 tuyến sông với tổng chiều dài gần 364,3 km. Có các cảng là cảng Ninh Bình, cảng Ninh Phúc và cảng ICD...

Tuyến đường sắt Bắc - Nam qua địa bàn tỉnh có chiều dài 21,6 km với 4 ga (ga Ninh Bình, ga Cầu Yên, ga Ghềnh và ga Đồng Giao), thuận lợi trong vận chuyển hành khách và hàng hóa.

b. Hệ thống điện

Mạng lưới điện được xây dựng tương đối đều trên địa bàn cả tỉnh, đến được hết các xã, tổng chiều dài các loại đường dây trên 770km. Đã xây dựng trạm biến áp trung gian 500 KVA; trạm biến áp 220KVA: có 3 trạm tổng công suất 375.000 KVA; trạm biến áp 110 KVA; có 6 trạm tổng công suất 325.000 KVA...

c. Hệ thống hạ tầng thương mại, du lịch

Về thương mại: Toàn tỉnh có 110 chợ, trong đó có 03 chợ loại II và 107 chợ loại III và có trên 20.000 cơ sở kinh doanh thương mại.

Về du lịch: tính đến 31/12/2020, Ninh Bình có hơn 679 cơ sở lưu trú du lịch với 8.508 phòng nghỉ và gần 20 khu, điểm du lịch chính, trong đó có 08 khu, điểm du lịch có vận chuyển khách bằng đường thủy nội địa. Hệ thống giao thông đến các khu, điểm du lịch thuận tiện cho khách du lịch. Hệ thống điện, nước, bến xe, bến thuyền đảm bảo điều kiện phục vụ khách du lịch,...

d. Hệ thống hạ tầng viễn thông

Hệ thống hạ tầng bưu chính viễn thông hiện nay Mạng lưới điểm phục vụ bưu chính trên địa bàn tỉnh ngày càng được mở rộng. Đến nay, toàn tỉnh có 192 điểm phục vụ bưu chính (trong đó có: 57 bưu cục; 112 điểm BĐ-VHX; 23 điểm phục vụ khác). Chất lượng dịch vụ và chất lượng phục vụ được nâng lên. Hạ tầng viễn thông không ngừng đầu tư mở rộng và hiện đại hoá, nâng cao chất lượng dịch vụ, mở rộng vùng phủ sóng đáp ứng yêu cầu đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp Ủy Đảng và Chính quyền, trao đổi thông tin trên tất cả lĩnh vực, của mọi tầng lớp nhân dân trong tỉnh, góp phần phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng, phòng chống thiên tai, với trên 95 nghìn thuê bao di động, trên 70 nghìn thuê bao internet băng rộng, trong đó 100% các cơ quan Nhà nước được kết nối internet băng thông rộng. 100% xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh đã có đường cáp quang tới trung tâm và những khu tập trung đông dân cư, sẵn sàng cầu cung cấp dịch vụ Internet tốc độ cao.

e. Hệ thống hạ tầng thủy lợi

Hệ thống công trình thủy lợi phục vụ nhiệm vụ phòng chống lụt bão, giảm nhẹ thiên tai, sản xuất nông nghiệp, đồng thời phục vụ dân sinh kinh tế, phát triển giao thông, du lịch như: đê sông, đê biển, hồ chứa, tràn phân lũ, chậm lũ, cống, trạm bơm, kênh mương...

Qua nhiều năm củng cố tu bổ, hệ thống cơ sở hạ tầng thủy lợi của tỉnh đã được hình thành với tổng chiều dài các tuyến đê là 424,509 km, trong đó đê cấp II, III dài trên 175,558 km; đê cấp III, IV là 248,951 km; trên tuyến có 37 kè, 263 công, âu. Toàn tỉnh có 46 hồ với tổng dung tích 44,34 triệu m³; trong đó có các hồ lớn với dung tích từ 1÷5 triệu m³ như các hồ Thác La, Yên Quang, Đồng

Chương, Thường Sung, Đập Trời, Đá Lải huyện Nho Quan và các hồ Yên Thắng, Yên Đồng huyện Yên Mô; hồ Núi Vá thành phố Tam Điệp

Cơ sở hạ tầng thuỷ lợi, phòng chống lụt bão được đầu tư xây dựng trong những năm qua phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nói chung và của ngành nông nghiệp nói riêng.

Năng lực phòng chống, giảm nhẹ thiên tai được nâng lên đáng kể, từng bước xoá dần các trọng điểm phòng chống lụt bão xung yếu, phục vụ kịp thời, hiệu quả cho sản xuất nông nghiệp; đồng thời cải tạo giao thông nông thôn, tạo điều kiện cho công tác ứng cứu đê điều trong mùa mưa bão, cải tạo môi trường sinh thái, cảnh quan du lịch, góp phần xoá đói giảm nghèo và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

f. Xây dựng nông thôn mới

Kết cấu hạ tầng nông thôn từng bước được đầu tư xây dựng theo hướng văn minh, hiện đại, gắn với việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc đồng thời vệ sinh môi trường. Đời sống văn hóa tinh thần của nông dân từng bước được nâng cao với 100% số xã có đủ điện phục vụ sản xuất và sinh hoạt; 100% xã có nhà văn hóa, trạm y tế, trường học... Tiến trình cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp được đẩy mạnh theo hướng hiện đại hóa, nâng cao chất lượng và hiệu quả, đặc biệt trong các khâu: làm đất, tưới tiêu nước, ra hạt, xay xát... do vậy đã tiết kiệm được chi phí, thời gian và thời vụ sản xuất, từng bước giải quyết được vấn đề việc làm và tăng thu nhập, giảm nghèo cho nông dân.

Công tác xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới kiểu mẫu được tập trung chỉ đạo thực hiện, đã thành lập Tổ công tác phụ trách các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm 2020 do các đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm tổ trưởng. Trong năm đã tổ chức lễ công bố huyện Gia Viễn đạt chuẩn nông thôn năm 2020; Đến hết năm 2020, toàn tỉnh có 04 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, 106/116 xã đạt chuẩn nông thôn mới, nâng tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới lên 91,4%; có 08 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, 68 thôn đạt khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu.

Chương IV

HIỆN TRẠNG CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI

4.1. Hệ thống văn bản pháp luật, cơ chế chính sách liên quan đến PCTT

Để chủ động trong công tác phòng chống thiên tai UBND tỉnh, Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn (PCTT và TKCN) đã ban hành hệ thống các văn bản làm cơ sở để triển khai thực hiện công tác PCTT và TKCN như:

- Kiện toàn Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh, thông báo phân công nhiệm vụ các thành viên Ban chỉ huy; Thành lập các tiểu

ban và thông báo phân công các thành viên tiêu ban Tiên phương, Hậu phương, Cứu hộ cứu nạn.

- Xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai, các phương án: Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai; phương án ứng phó bão mạnh siêu bão; phương án bảo vệ trọng điểm; phương án hộ đê toàn tuyến; phương án thông tin liên lạc; phương án hậu phương và khắc phục hậu quả thiên tai...

- Kịp thời ban hành nhiều Công điện, văn bản chỉ đạo phòng, chống bão, mưa lũ, nắng nóng, hạn hán xâm nhập mặn; văn bản chỉ đạo khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra; báo cáo nhanh, báo cáo thiệt hại sau thiên tai và đề xuất hỗ trợ, khắc phục hậu quả sau thiên tai.

- Các Sở, ngành, địa phương đã kiện toàn Ban Chỉ huy PCTT và TKCN theo quy định và ban hành các phương án để tổ chức thực hiện.

- Thực hiện các văn bản Pháp luật về PCTT của Trung ương cũng như các văn bản triển khai của địa phương đến nay tỉnh đã xây dựng, kiện toàn được tương đối hoàn chỉnh hệ thống bộ máy cũng như cơ sở vật chất nhằm đảm bảo ứng phó, an toàn, hạn chế tới mức thấp nhất tác hại của thiên tai cụ thể:

- + Hoàn thiện bộ máy của Ban chỉ huy PCTT và TKCN từ cấp tỉnh đến cấp xã, phường, thị trấn.

- + Quy định rõ chức năng nhiệm vụ của các cấp các ngành, của từng thành viên Ban chỉ huy các cấp trong công tác PCTT và TKCN.

- + Xây dựng, triển khai các Văn bản Pháp luật về PCTT và TKCN, phổ biến quán triệt tới từng người dân.

- + Xây dựng các Kế hoạch, Phương án, chuẩn bị nhân lực, vật tư, phương tiện, nhu yếu phẩm theo phương châm “4 tại chỗ” từ nhân dân, các cấp, các ngành nhằm đảm bảo ứng phó với các kịch bản thiên tai xảy ra.

- + Chủ động kiểm tra, xây dựng kế hoạch đầu tư nâng cấp, cải tạo, sửa chữa hệ thống các công trình hạ tầng đảm bảo phục vụ PCTT và TKCN.

- + Nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, cán bộ điều hành, lực lượng thực hiện, nhân dân trong PCTT và TKCN bằng các hình thức tập huấn, bồi dưỡng, diễn tập, thông tin, tuyên truyền...

4.2. Hệ thống chỉ huy PCTT và TKCN các cấp và quy chế phối hợp

Hàng năm UBND tỉnh ra quyết định kiện toàn Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và TKCN tỉnh, phân công nhiệm vụ cho các thành viên; kiện toàn Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và TKCN các huyện, thành phố và giao chỉ tiêu chuẩn bị vật tư dự trữ cho các xã, phường, thị trấn.

Nâng cao năng lực Ban chỉ huy, Văn phòng thường trực Ban chỉ huy PCTT và TKCN các cấp; đầu tư cơ sở vật chất trang thiết bị, ứng dụng công nghệ, xây dựng công cụ hỗ trợ tại Văn phòng thường trực các cấp: Bố trí phòng trực ban, trang bị điện thoại, máy Fax, máy tính kết nối internet để tiếp nhận, tổng hợp và xử lý các thông tin về phòng chống thiên tai và TKCN kịp thời.

Thực hiện nghiêm chế độ trực ban phòng, chống thiên tai theo quy định (*Tại Quyết định số 26/QĐ-BCH ngày 29/3/2018 về việc ban hành quy chế về công tác trực ban PCTT & TKCN*); Thường xuyên truy cập vào địa chỉ Email mà đơn vị đã đăng ký với Văn phòng ban chỉ huy PCTT & TKCN tỉnh để nhận các Công điện, văn bản chỉ đạo của Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và TKCN tỉnh.

Xây dựng phương án cải tạo, nâng cấp văn phòng Ban chỉ huy theo chủ trương tại văn bản số 41/TWPCTT ngày 27/02/2018 của Ban chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai và trình UBND tỉnh phê duyệt, đầu tư xây dựng.

4.3. Công tác dự báo, cảnh báo sớm

Đài Khí tượng thủy văn tỉnh có trách nhiệm xây dựng, tổ chức thực hiện phương án đảm bảo thông tin dự báo, cảnh báo bão, mưa, lũ trên địa bàn tỉnh; thường xuyên cập nhật thông tin về diễn biến thời tiết thủy văn của Trung tâm dự báo KTTV trung ương, các đài Khí tượng khu vực, tổng hợp phát hành các bản tin thông báo, dự báo, cảnh báo về mưa, lũ, ATNĐ - bão trên địa bàn toàn tỉnh. Dự báo lũ trên sông Hoàng Long tại Hưng Thi, Bến Đê; trên sông Đáy tại thành phố Ninh Bình; cảnh báo lũ trên các hồ chứa lớn. Yêu cầu dự báo phải chính xác, kịp thời, có chất lượng cao;

- Công tác dự báo đã bám sát dự báo của Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn Quốc gia và các Bộ, ngành chuyên môn. Công tác báo cáo trước, trong và sau thiên tai đầy đủ, kịp thời, đúng quy định với Ban chỉ đạo Trung ương về chống thiên tai, Ủy ban Quốc gia về tìm kiếm cứu nạn và các Bộ ngành trung ương khi có yêu cầu.

- Phối hợp đồng bộ, chặt chẽ với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh chi tiết hóa bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai được Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn Trung ương ban hành báo cáo về Ban Chỉ huy PCTT & TKCN tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT & TKCN các cấp. Tổ chức dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai theo đúng quy định tại Quyết định số 03/2020/QĐ-TTg. Tăng cường dự báo, nhận định tình hình nắng nóng, hạn hán, xâm nhập mặn, rét đậm, rét hại giông lốc, .. thường xuyên cung cấp cho các cơ quan liên quan và địa phương để phục vụ chỉ đạo phòng, chống thiên tai.

- Ngoài phương thức chuyển tải thông tin truyền thống bằng văn bản giấy, email, thời gian qua địa phương đã ứng dụng đa dạng các loại hình truyền thông, mạng xã hội để tương tác với người dân chịu ảnh hưởng của thiên tai: Tivi, loa đài, trang mạng xã hội Facebook, Zalo... Đây được coi là những phương thức truyền tải thông tin có mức độ tương tác rất nhanh với người dân.

4.4. Phương tiện, vật tư, trang thiết bị phục vụ phòng chống thiên tai

Vật tư, trang thiết bị do tỉnh quản lý gồm: đá hộc: 34.918m³; đá 2x4: 422m³; bạt chắn sóng: 51.900m²; bao tải: 331.475 cái; vải lọc: 3.550m²; rọ thép: 2.099 cái; dây thép: 13.680kg...

- Trường hợp vật tư để xử lý sự cố của địa phương không đáp ứng, Trưởng Ban Chỉ huy PCTT & TKCN huyện báo cáo Trưởng Ban chỉ huy PCTT

& TKCN tỉnh đề huy động vật tư tại các kho do tỉnh quản lý. Khi Ban Chỉ huy PCTT & TKCN tỉnh ban hành lệnh xuất vật tư (bao ni lông, rọ thép, mai, cước, xẻng,...) cho huyện Nho Quan, Gia Viễn thì lấy tại kho Ngô Đồng; các huyện Hoa Lư, Yên Khánh, Kim Sơn, Yên Mô, thành phố Ninh Bình thì lấy tại các kho Ninh Giang, Kho Yên Khánh, Kho Kim Sơn, Kho thành phố Ninh Bình. Trong trường hợp cần thiết thì có thể điều động thêm vật tư của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh để xử lý sự cố và sẽ hoàn trả lại sau khi hết bão lũ.

- Phương tiện PCTT: Xe tải, xe khách, xe con: 598 chiếc; Xe cứu thương: 30 chiếc; Xe chữa cháy các loại: 10 chiếc; Tàu TKCN: 11 chiếc; Xuồng: 65 chiếc; Nhà bạt: 334 chiếc; Áo phao 21.531 cái; Máy phát điện: 42 cái; Thiết bị khác: 66 cái.

4.5. Công tác cứu hộ, cứu nạn

Lực lượng cơ động: Từ 1.500 đến 1.700 người. Cụ thể:

- Bộ CHQS tỉnh: Quân số thường trực của Bộ CHQS tỉnh từ 250 đến 300 cán bộ, chiến sỹ.

- Quân đoàn 1: Quân số 1.000 cán bộ, chiến sỹ. Gồm các đơn vị: Lữ đoàn: 299, 202, 241, Trường Quân Sự, d21, d701, d140.

- Sư đoàn 350/QK3: Quân số 150 cán bộ, chiến sỹ.

- Lữ đoàn Công binh 279: Quân số 25 cán bộ, chiến sỹ.

- Trường trung cấp KTTTG: Quân số từ 50 - 70 cán bộ, chiến sỹ.

- Kho J102: Quân số từ 25 - 30 cán bộ, chiến sỹ.

- Kho 820/BTL Công Binh: Quân số từ 20 - 30 đ/c.

- Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh: Quân số 70 cán bộ, chiến sỹ.

- Viện Quân y 5: 01 Đội phẫu thuật cứu chữa cơ bản, 02 tổ cấp cứu cơ động, 02 tổ vệ sinh phòng dịch, 8 cơ sở thuốc và phương tiện: xe con 03 chiếc, xe cứu thương 02 chiếc.

- Sở Y tế: Tổ chức công tác cấp cứu thường trực tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh, các bệnh viện chuyên khoa tuyến tỉnh và Bệnh viện Đa khoa các huyện, thành phố. Đồng thời thành lập, bố trí 09 tổ cấp cứu lưu động; 09 tổ phòng chống dịch và xử lý vệ sinh môi trường; các tổ cấp cứu có được trang bị thuốc men, dụng cụ cấp cứu, 10 xe ô tô cứu thương (các bệnh viện).

- Lực lượng của các sở, ngành: Trên cơ sở nhiệm vụ đã được phân công tại Phương án số 02/PA-UBND ngày 04/4/2019 của UBND tỉnh Ninh Bình về triển khai phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; biên bản hiệp đồng PCTT-TKCN năm 2020 với các đơn vị quân đội trên địa bàn tỉnh và lực lượng cơ động của Quân khu 3; các đơn vị có trách nhiệm chuẩn bị lực lượng, phương tiện sẵn sàng tham gia tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn theo từng tình huống cụ thể, trên từng địa bàn đảm nhiệm, khi có lệnh điều động của Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh, Tiểu ban cứu hộ, cứu nạn.

Lực lượng tại chỗ

- Huy động tối đa các phương tiện đường thủy, đường bộ đang hoạt động trên địa bàn của các vùng bị thiên tai để tham gia TKCN. UBND các huyện, thành phố và các xã, phường, thị trấn có kế hoạch hiệp đồng chặt chẽ với các chủ phương tiện để huy động phương tiện phòng, chống thiên tai kịp thời.

- Các cơ quan, đơn vị, các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh khi có thiên tai xảy ra, phải xác định chủ động phòng, chống, tìm kiếm cứu nạn với tinh thần tự cứu mình là chính.

Phương tiện

Huy động phương tiện, trang bị PCTT&TKCN của 16 cơ quan đơn vị trên địa bàn tỉnh theo Phương án số 02/PA-UBND ngày 04/4/2019 của UBND tỉnh Ninh Bình.

4.6. Thông tin, truyền thông trong PCTT

Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Ninh Bình, Cổng thông tin điện tử tỉnh, Đài truyền thanh các cấp tăng cường cập nhật thông tin tình hình diễn biến bão, mưa lũ và các loại hình thiên tai kịp thời tới người dân; hướng dẫn kỹ năng phòng ngừa, ứng phó mưa lũ, sạt lở đất qua các phương tiện thông tin đại chúng. Công an tỉnh đã đăng tải 01 phóng sự, 25 tin, bài tuyên truyền trên Đài PTTH tỉnh, tổ chức trên 1.500 lượt tuyên truyền lưu động bằng xe ô tô, mô tô có gắn loa trên các tuyến đê, cặng treo 85 băng rôn...

Triển khai Kế hoạch thực hiện Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng trên địa bàn tỉnh, trong đó tập trung tuyên truyền, phổ biến kiến thức phòng, chống, ứng phó với thiên tai ở các khu vực xung yếu, đông dân cư. Tổ chức huấn luyện, diễn tập cho lực lượng tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn trên địa bàn tỉnh; huy động mọi nguồn lực tài chính cho công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ. Thực hiện xã hội hóa, phát huy tốt phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, tinh thần trách nhiệm của doanh nghiệp đối với xã hội trong công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; triển khai hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức về thiên tai và kỹ năng ứng phó với thiên tai theo Chương trình phối hợp giữa Bộ Nông nghiệp và PTNT và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Sở Thông tin và Truyền thông đã có phương án đảm bảo thông tin liên lạc kịp thời, chính xác, trong mọi tình huống tại các vùng miền trong tỉnh, cho các trạm khí tượng thủy văn... Chuẩn bị đầy đủ thiết bị, vật tư dự phòng, tổ chức các xe thông tin cơ động vô tuyến sóng ngắn, xe lưu động phát sóng thông tin di động... phục vụ công tác PCTT khi mạng điện thoại cố định và di động gặp sự cố.

Tăng cường thông tin về thiên tai, hướng dẫn kỹ năng phòng ngừa, ứng phó mưa lũ, sạt lở đất qua hệ thống phát thanh truyền hình. Chỉ đạo Đài Phát thanh và truyền hình các cấp tăng cường thời lượng phát sóng trên truyền hình và hệ thống phát thanh, đặc biệt tại cấp xã, phường để thông tin kịp thời tới người dân; rà soát hệ thống truyền thanh tại cấp cơ sở đảm bảo hoạt động tốt.

Luôn cập nhật thông tin tình hình diễn biến bão, mưa lũ; thông tin cảnh báo, dự báo, công điện, văn bản chỉ đạo điều hành ứng phó với bão của Chính phủ, Ban chỉ đạo Trung ương về Phòng, chống thiên tai, chính quyền các cấp tại địa phương; hướng dẫn đối với người dân theo dõi diễn biến tình hình bão, mưa lũ; những việc nên làm và không nên làm (chủ động chằng chống nhà cửa, gia cố lồng bè nuôi trồng thủy sản, đảm bảo an toàn tàu thuyền, sẵn sàng sơ tán đến địa điểm an toàn...).

Truyền tin về công tác chỉ đạo, chỉ huy: UBND các cấp và Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các cấp có trách nhiệm phổ biến nội dung văn bản chỉ đạo, chỉ huy ứng phó thiên tai đến cộng đồng và người dân. Phương thức truyền phát văn bản chỉ đạo, chỉ huy ứng phó thông qua: Văn bản điện tử, fax, email, SMS, hệ thống truyền hình, phát thanh, hệ thống thông tin cảnh báo sớm, truyền đạt trực tiếp và các hình thức khác.

Phổ biến kiến thức về phòng, chống thiên tai trong nhà trường: Nhà trường, phụ huynh thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn cho học sinh khi có thiên tai. Tổ chức tập huấn, truyền thông, đào tạo nâng cao nhận thức, hướng dẫn kỹ năng ứng phó các tình huống thiên tai.

Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và TKCN tỉnh Ninh Bình đã cấp tài liệu tuyên truyền công tác ứng phó thiên tai, bão, lũ lụt, sạt lở đất và tìm kiếm cứu nạn cho các đơn vị và UBND các huyện, thành phố.

Công an tỉnh đã mở 149 lớp huấn luyện nghiệp vụ về PCCC và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng PCCC cơ sở, dân phòng và chuyên ngành với 9.692 lượt người tham gia. Trong đó có 17 lớp tuyên truyền, huấn luyện đối với các khu dân cư với trên 1.500 lượt người tham gia (Nổi bật như: Tuyên truyền cho nhân dân tại phường Vân Giang, phường Nam Thành, phường Nam Bình...); phối hợp với Sở Giáo dục và đào tạo tỉnh Ninh Bình tổ chức tuyên truyền hướng dẫn các biện pháp đảm bảo an toàn PCCC và kỹ năng cứu nạn, cứu hộ, thoát nạn trong đám cháy cho Giáo viên và học sinh các Trường THPT trên địa bàn huyện được 10 lớp, với 2.000 lượt giáo viên và học sinh tham gia.

4.7. Năng lực và nhận thức của cộng đồng trong PCTT

Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và TKCN các huyện, thành phố được kiện toàn và phân công cụ thể trách nhiệm của từng bộ phận, thành viên, 100% cán bộ cấp xã tham gia trực tiếp công tác PCTT được tập huấn, nâng cao năng lực, trình độ. Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và TKCN các huyện, thành phố có Kế hoạch Phòng, chống thiên tai và được cập nhật bổ sung hàng năm, có phương án ứng phó với các loại hình thiên tai thường xuyên xảy ra trên địa bàn. Các cơ sở hạ tầng được xây dựng mới phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn an toàn trước thiên tai. Theo dõi chặt chẽ, sát sao tình hình thiên tai tại những vùng trọng điểm, xung yếu trên địa bàn nhất là khu vực ven biển, ven sông; tổ chức tuyên truyền phổ biến kiến thức cho người dân về thiên tai, cách thức phòng, chống; chủ động bố trí, dự phòng các loại phương tiện, vật tư cần thiết. Khi có

thiên tai xảy ra Ban chỉ huy PCTT & TKCN các huyện, thành phố chủ động phối kết hợp chặt chẽ với cấp trên, các lực lượng vũ trang đóng trên địa bàn tổ chức cứu hộ, cứu nạn. Các đội thanh niên xung kích, dân quân tự vệ, tổ dân quân tự quản tích cực hỗ trợ nhân dân đối phó với thiên tai. Chỉ đạo cung cấp lương thực, thuốc men, chăn màn quần áo hỗ trợ dân, di dời đến nơi an toàn. Thường xuyên tuần tra, túc trực tại các điểm xung yếu trên địa bàn.

Nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng, các cấp chính quyền và địa phương đề chủ động ứng phó giảm thiểu rủi ro trong bối cảnh thiên tai tại Việt Nam ngày càng diễn biến phức tạp, Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh yêu cầu UBND các huyện, thành phố tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Quốc tế giảm nhẹ thiên tai phù hợp với điều kiện địa phương (treo băng rôn, khẩu hiệu, hình ảnh về hoạt động phòng chống thiên tai tại trụ sở ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã...); phối hợp với ngành giáo dục tại địa phương để triển khai hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức về thiên tai và kỹ năng ứng phó với thiên tai cho các em học sinh trong trường học theo Chương trình phối hợp giữa Bộ Nông nghiệp và PTNT và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Các huyện, thành phố có kế hoạch, giải pháp cụ thể để đẩy mạnh thực hiện Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng tới các thôn bản, tổ dân phố, lấy lực lượng dân quân tự vệ làm nòng cốt để chủ động ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai ngay từ giờ đầu.

4.8. Đánh giá năng lực các cơ sở hạ tầng phòng chống thiên tai

a. Hệ thống công trình PCTT.

Hệ thống đê sông, đê biển, kè, cống, các tuyến kênh, hồ chứa trên địa bàn tỉnh trong nhiều năm qua được Trung ương và tỉnh quan tâm đầu tư, nâng cấp, tu bổ, nạo vét nên đến nay đã cơ bản đủ khả năng chống lũ, chống tràn, tích nước theo mực nước thiết kế, đảm bảo an toàn, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phòng, chống lụt bão, hạn hán, xâm nhập mặn. Tuy nhiên vào năm 2017 lũ trên sông Hoàng Long lên cao, vượt lũ lịch sử năm 1985 và đạt mức 5.53m; do lũ kéo dài lâu ngày nên một số công trình như kè, cống bị ảnh hưởng nặng nề và cần sửa chữa, nâng cấp. Đặc biệt cần quan tâm, kiểm tra, theo dõi một số tuyến đê trọng điểm như đê tả, hữu Hoàng Long, đê Đức Long - Gia Tường - Lạc Vân, đê hữu Đáy, đê biển Bình Minh III.

Tuy nhiên, mỗi khi có mưa lớn, kéo dài thường bị ngập lụt trên diện rộng, nhiều khu dân cư bị chia cắt là do: (i) hệ thống trục thoát lũ bị giảm năng lực; (ii) một số hồ đập xây dựng đã lâu, đã xuống cấp; (iii) công trình giao thông thiếu khẩu độ thoát lũ; (iv) đô thị hóa nhanh, giảm diện tích trữ lũ. Toàn tỉnh hiện có 46 hồ chứa với tổng dung tích 38,76 triệu m³ tưới cho 6.639ha đất canh tác. Khi có nắng hạn, nguồn nước từ 46 hồ chứa chưa đáp ứng cho nhu cầu sản xuất và sinh hoạt ngày càng tăng.

b. Hệ thống quan trắc khí tượng thủy văn

Trên địa bàn tỉnh, hiện có các trạm quan trắc thủy văn phục vụ công tác theo dõi diễn biến mưa lũ như sau:

Bảng 4. 1: Các trạm quan trắc thủy văn

STT	Trạm	Đo mưa	Đo mực nước
1	Trạm Khí tượng Cúc Phương	x	
2	Trạm khí tượng Nho Quan	x	
3	Trạm thủy văn Bến Đé	x	x
4	Trạm thủy văn Gián khẩu	x	x
5	Trạm Khí tượng Ninh Bình	x	
6	Trạm Thủy văn Như Tân	x	x
7	Trạm Thủy văn Ninh Bình		x

c. Hệ thống điện, thông tin liên lạc, truyền thanh, truyền hình

Mạng lưới bưu chính viễn thông với đủ các loại hình dịch vụ, điện thoại cố định, điện thoại di động mạng vinaphone, mobiphone, viettel, thông tin di động sóng ngắn Codan, thông tin chuyên dùng Inmarsat có thể đáp ứng nhanh chóng thông tin, liên lạc; bảo đảm thông tin liên lạc chỉ huy, điều hành phòng chống thiên tai trên toàn tỉnh và phục vụ các nhu cầu của khách hàng.

d. Hệ thống giao thông phục vụ cứu hộ, cứu nạn

Hệ thống giao thông đường bộ xuyên suốt từ tuyến Quốc lộ đến tỉnh lộ, đến vùng sâu, xa tạo điều kiện thuận lợi cho công tác phòng chống giảm nhẹ thiên tai. Với mật độ phân bố 0,87 km/km² cơ bản đảm bảo cho việc triển khai công tác chuẩn bị PCTT và TKCN, công tác ứng phó, cứu hộ, cứu nạn giảm thiệt hại về tính mạng và tài sản. Tuy nhiên, khi có lũ lớn tại một số tuyến đường huyện, đường xã xảy ra tình trạng ngập, sạt lở, khó khăn trong ứng phó thiên tai.

e. Cơ sở hạ tầng khác kết hợp với PCTT

Hệ thống công trình, cơ sở hạ tầng cơ bản đáp ứng được điều kiện, có thể sử dụng làm nơi tập kết, sơ tán dân đến: nhà ở kiên cố của nhân dân, công trình công cộng bao gồm: công trình giáo dục (nhà trẻ, trường học các cấp); công trình y tế (bệnh viện, trạm y tế...); trụ sở cơ quan...

4.9. Đánh giá thực hiện lồng ghép nội dung PCTT trong các chương trình, dự án, kế hoạch, quy hoạch của các ngành, phát triển kinh tế - xã hội

Nhiệm vụ phòng, chống thiên tai phải được lồng ghép vào quy hoạch kế hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội. Căn cứ vào loại hình rủi ro do thiên tai, phân vùng rủi ro thiên tai ứng với mỗi loại hình và cấp độ rủi ro thiên tai của ngành và địa phương để lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai. Ưu tiên các công trình đa mục tiêu, kết hợp giải pháp công trình và phi công trình, hướng tới phát triển bền vững và đối tượng dễ bị tổn thương trong lồng ghép nội dung

phòng, chống thiên tai. Huy động các nguồn vốn cho công tác phòng, chống thiên tai được lồng ghép, cân đối trong quá trình lập đề cương, nhiệm vụ quy hoạch, trong quá trình xây dựng dự toán ngân sách kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư phát triển của tỉnh.

Quy trình thực hiện lồng ghép gồm: Rà soát đánh giá việc thực hiện nội dung phòng, chống thiên tai trong thực hiện quy hoạch, kế hoạch của địa phương; phân tích tình trạng và khả năng chống chịu thiên tai của các đối tượng dễ bị tổn thương trong tương lai về kinh tế, xã hội và môi trường; xác định các nguyên nhân, gồm cả nguyên nhân khách quan, chủ quan dẫn đến thiệt hại của từng lĩnh vực kinh tế, xã hội và môi trường để có các giải pháp phòng, chống thiên tai cho phù hợp với các loại hình thiên tai thường xuyên xảy ra và giám sát, đánh giá việc thực hiện lồng ghép.

4.10. Đánh giá về công tác phục hồi, tái thiết

Trước tình hình diễn biến của bão, lũ xảy ra, hàng năm Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT đã thành lập các đoàn công tác xuống địa bàn theo nhiệm vụ được phân công, phối hợp với các huyện, thành phố chỉ đạo công tác khắc phục hậu quả, động viên chính quyền và nhân dân địa phương khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra.

Cấp ủy đảng, chính quyền các địa phương đã tập trung chỉ đạo nhân dân khẩn trương tập trung huy động lực lượng, phương tiện để tu sửa, khắc phục các sự cố về đê điều.

Ban chỉ huy PCTT & TKCN tỉnh đã chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập các đoàn về địa phương chỉ đạo công tác tiêu úng khu vực lúa và hoa màu bị ngập; phối hợp với các địa phương kiểm tra hướng dẫn người dân khôi phục sản xuất đồng thời rà soát, hướng dẫn địa phương thống kê thiệt hại do mưa lũ gây ra.

Được sự quan tâm của Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và PTNT, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã cấp kinh phí khôi phục cơ sở hạ tầng, khôi phục sản xuất. Cụ thể trong năm 2019, 2020 đã bố trí kinh phí Nâng cấp đê hữu sông Hoàng Long và sông Đáy kết hợp giao thông đoạn từ Bái Đính đi Kim Sơn (kinh phí 3.806.000 triệu đồng); xử lý cấp bách tuyến đê Đầm Cút, tuyến Gia Viễn giai đoạn 2 (kinh phí 90.000 triệu đồng); khắc phục thiệt hại do mưa lũ, bảo vệ khu dân cư các huyện Gia Viễn, Nho Quan, hạng mục cải tạo, tu bổ cấp bách đê bao Hoa Tiên và các tuyến kênh, trạm bơm nằm trong đê bao Hoa Tiên, huyện Gia Viễn (kinh phí 82.000 triệu đồng); xử lý đột xuất, sạt lở bờ sông kết hợp giao thông thôn Kênh Gà, xã Gia Thịnh, huyện Gia Viễn (kinh phí 5.000 triệu đồng)...

4.11. Nguồn lực tài chính

- Nguồn lực tài chính lồng ghép với kế hoạch, đề án phát triển các ngành giao thông, Tài nguyên môi trường, các địa phương phát triển kết cấu hạ tầng với phòng chống thiên tai nằm trong Kế hoạch, đề án phát triển riêng của các ngành, lĩnh vực.

- Nguồn lực tài chính thực hiện hiện đại hóa hệ thống Thủy lợi, Đề điều Phòng chống thiên tai

4.12. Những tồn tại và hạn chế trong công tác phòng chống thiên tai.

- Công tác “4 tại chỗ” còn hạn chế, nhiều bất cập, chưa đáp ứng tình hình thực tiễn, việc triển khai lực lượng, vật tư, phương tiện của một số địa phương để xử lý giờ đầu còn lúng túng, chưa chủ động và trông chờ vào sự điều động của tỉnh.

- Một số địa phương trong thực hiện nhiệm vụ PCTT chưa sâu sát, chưa quyết liệt nên hiệu quả trong xử lý tình huống do thiên tai gây ra còn hạn chế.

- Cơ chế phối hợp giữa các sở, ngành với địa phương trong công tác phòng chống thiên tai còn hạn chế nên phát huy hiệu quả còn chưa cao.

- Công tác báo cáo nhanh, báo cáo thiệt hại thiên tai của các huyện, thành phố còn chậm, chưa theo biểu mẫu hướng dẫn của Trung ương làm ảnh hưởng đến việc tổng hợp báo cáo của Văn phòng ban chỉ huy lên Ban chỉ đạo Trung ương.

- Lực lượng địa phương khi tham gia ứng cứu chưa chuẩn bị dụng cụ, vật tư đáp ứng nhiệm vụ kịp thời làm hạn chế việc xử lý sự cố giờ đầu.

- Việc cải tạo, nâng cấp các công trình đê điều, hồ đập, lòng dẫn thoát lũ, chống biến đổi khí hậu cũng như việc bảo trì, tu bổ, sửa chữa công trình phòng, chống thiên tai nhìn chung còn chậm do thiếu vốn đầu tư.

- Việc quản lý, kiểm tra, xử lý các vi phạm pháp luật về đê điều, PCTT đối với một vài địa phương còn thực hiện chưa quyết liệt nên vẫn còn để xảy ra một số vụ việc vi phạm kéo dài.

- Giải pháp phòng, chống thiên tai và TKCN chưa được triển khai đồng bộ, mới chỉ tập trung vào các giải pháp công trình, chưa đẩy mạnh thực hiện các giải pháp phi công trình.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao kiến thức phòng, chống thiên tai cho nhân dân còn nhiều hạn chế, chất lượng dự báo, cảnh báo chưa cao và chưa lường hết các diễn biến phức tạp của thiên tai.

4.13. Xu thế diễn biến thiên tai và thách thức trong điều kiện mới.

- Biến đổi khí hậu và nước biển dâng ngày càng thể hiện rõ nét thông qua các hiện tượng ngập lụt, xâm nhập mặn, suy giảm đa dạng sinh học, thay đổi nhiệt độ, phát thải khí nhà kính... gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống kinh tế - xã hội và người dân tỉnh Ninh Bình.

- Lượng mưa diễn biến phức tạp, ngày càng cực đoan và không theo quy luật trung bình nhiều năm, nền nhiệt có xu hướng tăng trong vòng 30 năm trở lại đây. Tình trạng xâm nhập mặn và nước biển dâng diễn biến thất thường. Xâm nhập mặn lấn sâu vào cửa sông Đáy từ 35-40km, sông Vạc từ 30-35km, đã xuất hiện độ mặn 1,3‰ tại Âu sông Mới.

- Hiện tượng ngập lụt diễn ra mạnh mẽ tại Ninh Bình thời gian qua. Với địa thế là hàng lang thoát lũ, vùng phân lũ, chậm lũ trong trường hợp thành phố

Hà Nội ngập lụt trên sông Đáy, 11 xã thuộc huyện Nho Quan và Gia Viễn là vùng xả lũ cho toàn tỉnh và hạ du thường xuyên chịu ảnh hưởng lũ từ tỉnh Hòa Bình tràn về trên sông Hoàng Long.

- Bên cạnh đó, do ảnh hưởng quá trình phát triển kinh tế - xã hội nhanh và nóng trong những năm qua cũng làm ảnh hưởng đến công tác phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh.

Chương V

ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI

5.1. Phạm vi đánh giá

- Phạm vi đánh giá theo không gian: Đánh giá trên phạm vi toàn tỉnh Ninh Bình và mức độ chi tiết đến cấp huyện, cấp xã.

- Phạm vi đánh giá theo thời gian: Thời gian đánh giá trong tương lai có thể xem xét 30-50 năm do tác động của BĐKH, chuỗi số liệu thu thập về độ lớn của thiên tai và thiệt hại trong quá khứ trong vòng từ 5 đến 10 năm gần đây, ngoài ra liệt kê các trận thiên tai lịch sử, thiên tai lớn xảy ra trước đó.

5.2. Phương pháp đánh giá

Do thời gian và nguồn lực thực hiện còn hạn chế, vì vậy thực hiện đánh giá rủi ro thiên tai ở mức độ cơ bản, trong những năm tới, sẽ tiến hành đánh giá rủi ro thiên tai chi tiết đến cấp xã cho từng loại hình thiên tai xảy ra trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Đánh giá rủi ro thiên tai ở mức độ cơ bản được đánh giá thông qua hệ thống bảng đánh giá dựa vào các trận thiên tai xảy ra trong quá khứ, tác động đến con người, kinh tế - xã hội, cơ sở hạ tầng, năng lực ứng phó, tình trạng dễ bị tổn thương.

Các bước đánh giá rủi ro thiên tai thực hiện theo sơ đồ sau:



Mục tiêu của đánh giá thiên tai là để xác định các loại thiên tai, cấp độ rủi ro thiên tai, nguy cơ và người dân, cộng đồng có thể phải đối mặt với các loại hình thiên tai trong khu vực.

Tiêu chí phân cấp với từng cấp độ rủi ro thiên tai:

Cấp độ rủi ro	Mô tả chi tiết
Cấp 1 (Rủi ro thấp)	<ul style="list-style-type: none"> - Ít có khả năng gây thiệt hại về người, vật nuôi; - Thiệt hại đến tài sản, công trình hạ tầng không lớn; - Tác hại ít đến môi trường. - Quy mô tác động theo không gian: 1 huyện, xã trong phạm vi 1 tỉnh hoặc nhiều tỉnh không liên kề
Cấp 2 (Rủi ro trung bình)	<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng gây thiệt hại về người, vật nuôi; - Thiệt hại đáng kể đến tài sản, công trình hạ tầng; - Tác hại tương đối lớn đến môi trường. - Quy mô tác động theo không gian: 1 tỉnh
Cấp 3 (Rủi ro lớn)	<ul style="list-style-type: none"> - Có nhiều khả năng gây thiệt hại về người, vật nuôi; - Thiệt hại lớn đến tài sản, công trình hạ tầng; - Có tác động rất xấu và để lại hậu quả nghiêm trọng đến môi trường - Quy mô tác động theo không gian: nhiều tỉnh
Cấp 4 (Rủi ro rất lớn)	<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng gây thiệt hại lớn về người, vật nuôi; - Thiệt hại nặng nề về tài sản, công trình hạ tầng, gây đình trệ các hoạt động kinh tế-xã hội khác; mất mát lớn về tài chính; - Môi trường bị phá hủy, để lại hậu quả lâu dài, khó có khả năng hồi phục. - Quy mô tác động theo không gian: nhiều tỉnh
Cấp 5 (Thảm họa)	<ul style="list-style-type: none"> - Thiệt hại rất lớn về người; vật nuôi; dịch bệnh phát sinh, cộng đồng dân cư không đủ khả năng phục hồi thiệt hại và khắc phục hậu quả thiên tai; - Phá hủy tài sản, các công trình hạ tầng, thiệt hại nặng nề về tài chính, cần trợ giúp từ bên ngoài; - Môi trường bị tàn phá nặng nề, hậu quả nghiêm trọng và lâu dài, không có khả năng phục hồi. - Quy mô tác động theo không gian: nhiều tỉnh

Cấp độ rủi ro thiên tai do áp thấp nhiệt đới, bão có 3 cấp, thấp nhất là cấp 3 và cao nhất là cấp 5, như trong bảng:

Bảng 5.1: Phân cấp độ rủi ro do áp thấp nhiệt đới, bão

≥16 (siêu bão)	4	5	5	-	-
14-15 (bão rất mạnh)	4	4	5	5	5
12-13 (bão rất mạnh)	3	4	4	5	4
10-11 (bão mạnh)	3	3	3	4	3
8-9 (bão)	3	3	3	3	3
6-7 (ATNĐ)	3	3	3	3	3
Phạm vi ảnh hưởng	Biển Đông	Vùng biển ven bờ, đất liền Đông Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Trung Trung Bộ	Đất liền Nam Trung Bộ	Đất liền Nam Bộ	Tây Bắc, Việt Bắc, Tây Nguyên

Cấp độ rủi ro thiên tai do lốc, sét:

Bảng 5.2: Phân cấp rủi ro thiên tai do lốc, sét

Phạm vi và khu vực ảnh hưởng	Cấp độ rủi ro
Rộng	2
Nhỏ	1

Cấp độ rủi ro thiên tai do mưa lớn

Bảng 5.3: Phân cấp rủi ro thiên tai do mưa lớn

Lượng mưa (mm)	Cấp độ rủi ro					
Trên 400/24giờ	3	3	4	3	4	4
Trên 200 đến 400/24 giờ	2	3	3	2	3	4
Từ 100 đến 200/24 giờ hoặc 50-100/12 giờ	1	2	2	1	2	2
Khu vực ảnh hưởng	Đồng bằng, ven biển			Trung du, vùng núi		
Thời gian kéo dài (ngày)	Từ 1 đến 2	Trên 2 đến 4	Trên 4	Từ 1 đến 2	Trên 2 đến 4	Trên 4

Cấp độ rủi ro thiên tai do nắng nóng

Bảng 5.4: Phân cấp rủi ro thiên tai do nắng nóng

T _x (°C)	Cấp độ rủi ro											
Trên 41	2	1	2	2	2	3	3	3	4	4	4	4
Trên 39 đến 41	1	1	2	2	2	2	2	2	3	3	3	4
Từ 37 đến 39	1	1	1	1	1	1	1	1	2	2	2	3
Thời gian kéo dài (ngày)	Từ 3 đến 5			Trên 5 đến 10			Trên 10 đến 25			Trên 25		
Khu vực ảnh hưởng	Bắc Bộ	Trung Bộ	Tây Nguyên và Nam Bộ	Bắc Bộ	Trung Bộ	Tây Nguyên và Nam Bộ	Bắc Bộ	Trung Bộ	Tây Nguyên và Nam Bộ	Bắc Bộ	Trung Bộ	Tây Nguyên và Nam Bộ

Cấp độ rủi ro thiên tai do hạn hán:

Bảng 5.5: Phân cấp độ rủi ro thiên tai do hạn hán

Khoảng thời gian lượng mưa tháng thiếu hụt trên 50% trong khu vực (tháng)	Cấp độ rủi ro								
Trên 5	2	2	3	3	3	4	4	4	4
Trên 3 đến 5	1	1	2	2	3	3	4	4	4
Từ 2 đến 3	-	1	1	1	2	2	3	3	3
Thiếu hụt nguồn nước mặt trong khu vực (%)	Từ 20 đến 50			Trên 50 đến 70			Trên 70		
Khu vực ảnh hưởng	Các tỉnh Bắc Bộ	Các tỉnh Trung Bộ	Các tỉnh Tây Nguyên, Nam Bộ	Các tỉnh Bắc Bộ	Các tỉnh Trung Bộ	Các tỉnh Tây Nguyên, Nam Bộ	Các tỉnh Bắc Bộ	Các tỉnh Trung Bộ	Các tỉnh Tây Nguyên, Nam Bộ

Cấp độ rủi ro thiên tai do rét hại, sương muối:

Bảng 5.6: Phân cấp độ rủi ro thiên tai do rét hại, sương muối

Nhiệt độ trung bình ngày(°C)	Cấp độ rủi ro					
	Dưới 0	2	-	3	-	-
Từ 0 đến 4	1	-	2	-	3	-
Từ trên 4 đến 8	-	1	1	2	2	3
Từ trên 8 đến 13	-	-	-	1	1	2
Khu vực ảnh hưởng	Vùng núi, trung du Bắc Bộ	Đồng bằng Bắc Bộ, Bắc và Trung Trung Bộ	Vùng núi, trung du Bắc Bộ	Đồng bằng Bắc Bộ, Bắc và Trung Trung Bộ	Vùng núi, trung du Bắc Bộ	Đồng bằng Bắc Bộ, Bắc và Trung Trung Bộ
Thời gian kéo dài (ngày)	Từ 3-5		Từ trên 5-10		Trên 10	

Cấp độ rủi ro thiên tai do lũ, ngập lụt

Bảng 5.7: Phân cấp độ rủi ro thiên tai do lũ, ngập lụt

Mức nước lũ	Cấp độ rủi ro			
> Lũ lịch sử hoặc lũ thiết kế	3	3	4	5
BĐ3+1m- Lũ lịch sử hoặc lũ thiết kế	3	3	3	4
(BĐ3+0.5m) - <(BĐ3+1.0m)	2	2	3	4
BĐ3- <(BĐ3+0.5m)	2	2	3	3
BĐ2 – <BĐ3	1	2	2	3
BĐ1-<BĐ2	1	1	1	2
Khu vực xảy ra lũ, ngập lụt	Các vị trí dự báo thuộc khu vực 1	Các vị trí dự báo thuộc khu vực 2	Các vị trí dự báo thuộc khu vực 3	Các vị trí dự báo thuộc khu vực 4

(Ghi chú: Khu vực tỉnh Ninh Bình thuộc vị trí dự báo khu vực 3)

Cấp độ rủi ro thiên tai do lũ, ngập lụt có 4 cấp (từ cấp 1 đến cấp 4):

- Rủi ro thiên tai cấp độ 1 trong trường hợp sau: Mức nước lũ cao từ báo động 2 lên đến báo động 3 ở hạ lưu sông Hoàng Long tại trạm thủy văn Bến Đé;
- Rủi ro thiên tai cấp độ 2 trong trường hợp sau: Mức nước lũ cao từ báo động 2 lên đến báo động 3 ở hạ lưu sông Hoàng Long tại trạm thủy văn Bến Đé;
- Rủi ro thiên tai cấp độ 3 trong trường hợp sau: Mức nước lũ cao từ báo động 3 đến mức lũ lịch sử ở hạ lưu sông Hoàng Long tại trạm thủy văn Bến Đé (+5.53m);
- Rủi ro thiên tai cấp độ 4 khi xảy ra lũ với mực nước cao trên mức lũ lịch sử ở hạ lưu sông Hoàng Long tại trạm thủy văn Bến Đé.
- Cấp độ rủi ro thiên tai do lũ, ngập lụt khi có tác động tổ hợp với các thiên tai khác:

+ Cấp độ rủi ro thiên tai do lũ, ngập lụt được xem xét xác định tăng lên một cấp, đến cấp cao nhất là cấp 5, khi có tổ hợp tác động của áp thấp nhiệt đới, bão có cấp độ rủi ro thiên tai thấp hơn cấp độ rủi ro của lũ, ngập lụt;

+ Cấp độ rủi ro thiên tai do lũ, ngập lụt khi có tổ hợp tác động của áp thấp nhiệt đới, bão có cấp độ rủi ro thiên tai bằng hoặc lớn hơn cấp độ rủi ro của lũ, ngập lụt, được xem xét xác định theo cấp độ rủi ro thiên tai của bão, áp thấp nhiệt đới.

Cấp độ rủi ro thiên tai do lũ quét, sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy

Bảng 5.8: Phân cấp độ rủi ro thiên tai do mưa lũ hoặc dòng chảy

Vùng có nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy	Cấp độ rủi ro do lũ quét, sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Rất cao	3	3	3	3	3	3	2	3	3	1	2	2
Cao	2	3	3	2	3	3	1	2	2	-	1	2
Trung bình	1	2	2	1	2	2	-	1	2	-	-	1
Thấp	1	1	2	-	1	2	-	-	1	-	-	-
Tổng lượng ngày (mm)	100-200	200-400	>400	100-200	200-400	>400	100-200	200-400	>400	100-200	200-400	>400

Cấp độ rủi ro thiên tai do xâm nhập mặn

Bảng 5.9: Phân cấp độ rủi ro thiên tai do xâm nhập mặn

Khoảng cách xâm nhập sâu trong sông	Cấp độ rủi ro do xâm nhập mặn					
	1	2	3	4	5	6
>90 km	3	-	3	-	-	4
50-90 km	2	2	2	4	3	3
25-50 km	1	1	1	3	2	2
15-25 km	-	-	-	2	1	-
Khu vực ảnh hưởng	Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ	Duyên hải Trung Bộ	Nam Bộ	Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ	Duyên hải Trung Bộ	Nam Bộ
Độ mặn	1‰			4‰		

5.3. Nội dung đánh giá.

5.3.1. Đánh giá độ lớn của thiên tai

Căn cứ vào quy định chi tiết về cấp độ rủi ro thiên tai trong Quyết định số 44/2014/QĐ-TTg để xác định các loại hình thiên tai. Dựa trên số liệu khí tượng thủy văn (KTTV) tỉnh để hỗ trợ xác định nội dung này. Kết quả đánh giá chi tiết được chỉ ra như sau:

a) Về bão, áp thấp nhiệt đới:

Các cơn bão đổ bộ và ảnh hưởng đến tỉnh Ninh Bình từ năm 2011 đến nay:

Bảng 5.10: Đánh giá cấp độ bão, ATNĐ chi tiết và mức độ DBTT

Năm	Tên bão	Cấp bão	Mức độ tổn thương		
			Thấp	Trung bình	Cao
2011	Số 2 Số 3	Cấp 6,7, giạt cấp 8		x	
2012	Số 8	Cấp 9, 10 giạt cấp 11, 12			x
2013	Số 5 Số 6 Số 14	Cấp 6, 7, giạt cấp 8, 9		x	
2014	Số 3	Cấp 5, 6 giạt cấp 7, 8	x		
2015	Số 1	Cấp 4 giạt cấp 6	x		
2016	Số 1	Cấp 8-11 giạt cấp 10-13			x
2017	Số 10	Cấp 8 giạt cấp 11			x
2018	Số 3 Số 4	Cấp 5, 6 giạt cấp 7, 8	x		
2019	Số 3	Cấp 5, 6 giạt cấp 7, 8	x		

Đánh giá cấp độ bão: Bão và áp thấp nhiệt đới thường xuất hiện vào mùa mưa từ tháng 7 - 11. Trung bình mỗi năm tỉnh Ninh Bình chịu tác động trực tiếp của 1-2 cơn bão. Khi đổ bộ vào đất liền, bão gây gió mạnh tới cấp 8-9, đã tàn phá nhà cửa, cơ sở hạ tầng, kinh tế - xã hội; đời sống người dân gặp nhiều khó khăn.

b) Về lũ, ngập lụt:

Những cơn lũ lụt do mưa lớn tỉnh Ninh Bình trong những năm gần đây:

Bảng 5.11:Đánh giá cấp độ lũ, ngập lụt chi tiết và mức độ DBTT

TT	Năm	Sông Hoàng Long				Sông Đáy			
		Mức báo động	Mức độ dễ bị tổn thương			Mức báo động	Mức độ dễ bị tổn thương		
			Thấp	Trung bình	Cao		Thấp	Trung bình	Cao
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	7/9/2012	BĐ1+0,26	x						
2	9/8/2013	BĐ2+0,21		x					
3	30/8/2014	BĐ1+0,25	x						
4	18/9/2015	BĐ2+0,42		x					
5	12/10/2017	BĐ3+1,53			x	BĐ3 +0,44			x
6	20/7/2018 22/7/2018	BĐ2+0,39 BĐ3+0,14		x		x			
7	2/8/2019	BĐ1+0,34							

Đánh giá cấp độ lũ, lụt: Lũ, lụt xảy ra trên phạm vi rộng, bình quân mỗi năm xảy ra 3 - 4 đợt lũ. Lũ chính vụ xuất hiện vào tháng 7, 8. Lũ tiểu mãn xuất hiện vào tháng 5. Thời gian mưa gây lũ mỗi đợt thường từ 2 - 3 ngày, có đợt lên đến 5 ngày. Lượng mưa từ 200 - 300 mm, có đợt lên đến 400 -500 mm. Đợt lũ lịch sử năm 2017, lượng mưa từ 17 giờ ngày 09/10/2017 đến 07 giờ ngày 13/10/2017 tại Nho Quan là 195,6mm, tại Cúc Phương là 397,5mm; mực nước sông Hoàng Long tại Đê đạt đỉnh +5,53m. Tổng lượng dòng chảy mùa lũ chiếm tới 70% lượng dòng chảy năm.

c) Về hạn hán:

Đánh giá cấp hạn hán: Theo quy định chi tiết về cấp độ rủi ro do hạn hán của Chính phủ, thì các năm gần đây, hạn hán trong tỉnh được xếp hạng như sau:

Bảng 5.12:Đánh giá cấp độ hạn hán chi tiết và mức độ DBTT

Cấp độ rủi ro do hạn hán	Chi tiết lượng nước thiếu hụt		Mức độ dễ bị tổn thương**		
	Lượng mưa tháng so với trung bình nhiều năm và kéo dài trong nhiều tháng*	Nguồn nước trong sông, trữ trong kênh rạch, hồ ao*	Thấp	Trung bình	Cao
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Cấp độ 1	> 50% kéo dài 2-3 tháng	<30-50%		X	

	> 50% kéo dài 3-6 tháng	50-80%			
Cấp độ 2	> 50% kéo dài 2-3 tháng > 50% kéo dài 3-6 tháng >50% kéo dài trên 6 tháng	<30% < 30-50% 50-80%			X
Cấp độ 3	> 50% kéo dài 3-6 tháng >50% kéo dài trên 6 tháng	<30% <30-50%			X
Cấp độ 4	>50% kéo dài trên 6 tháng	< 30%			X

d) Về nắng nóng

Bảng 5.13:Đánh giá cấp độ nắng nóng chi tiết và mức độ DBTT

Cấp độ rủi ro do nắng nóng	Chi tiết về mức độ nắng nóng		Mức độ dễ bị tổn thương**		
	Nhiệt độ cao nhất trong ngày*	Số ngày kéo dài*	Thấp	Trung bình	Cao
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Cấp độ 1	39 – 40o >40o	5 – 10 ngày 3 – 5 ngày		X	
Cấp độ 2	39 – 40° >40°	> 10 ngày 5 – 10 ngày			X
Cấp độ 3	> 40°	> 10 ngày			X

e) Về xâm nhập mặn

Bảng 5.14:Đánh giá cấp độ xâm nhập mặn chi tiết và mức độ DBTT

Cấp độ rủi ro do xâm nhập mặn	Chi tiết về mức độ nắng nóng		Mức độ dễ bị tổn thương**		
	Ranh giới độ mặn	Khoảng cách từ cửa biển vào sâu trong sông	Thấp	Trung bình	Cao
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Cấp độ 1	4‰	25 – 50km	X		
Cấp độ 2	4‰	> 50km		X	

f) Về lũ quét

Bảng 5.15: Đánh giá cấp độ lũ quét chi tiết và mức độ DBTT

Cấp độ rủi ro do lũ quét	Lượng mưa trong 24 giờ chi tiết*	Tổng lượng mưa cả trận có thể gây ra lũ quét***	Mức độ dễ bị tổn thương**		
			Thấp	Trung bình	Cao
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Cấp độ 1	100-200mm trên phạm vi nhiều tỉnh 200-500mm thuộc 1 tỉnh			X	
Cấp độ 2	200-500mm trên phạm vi nhiều tỉnh >500mm thuộc 1 tỉnh				X
Cấp độ 3	>500mm trên phạm vi nhiều tỉnh				X
Cấp độ 4	Tổ hợp nhiều thiên tai như mưa to, sạt lở trên diện rộng ở nơi xảy ra lũ quét				X

g) Về gió mạnh trên biển

Bảng 5.16: Đánh giá cấp độ gió mạnh trên biển chi tiết và mức độ DBTT

Cấp độ rủi ro do gió mạnh	Cấp độ gió mạnh chi tiết*	Mức độ dễ bị tổn thương**		
		Thấp	Trung bình	Cao
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Cấp 6-9 xảy ra trên vùng biển ngoài khơi	X		
2	Cấp 6-9 xảy ra trên vùng biển ven bờ >9 xảy ra trên vùng biển ngoài khơi		X	
3	>9 xảy ra trên vùng biển ven bờ		X	

h) Về mưa lớn

Bảng 5.17: Đánh giá cấp độ mưa lớn chi tiết và mức độ DBTT

Cấp độ rủi ro do mưa lớn	Chi tiết về lượng mưa		Mức độ dễ bị tổn thương**		
	Lượng mưa trong 24 giờ	Số ngày kéo dài	Thấp	Trung bình	Cao
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Cấp độ 1	100 – 200 mm > 200 – 500mm	1 – 2 ngày ở trung du và miền núi 1 – 2 ngày ở đồng bằng	X		
Cấp độ 2	100 – 200 mm > 200 – 500mm >500m	2 – 4 ngày ở trung du và miền núi 1 – 2 ngày ở đồng bằng 1 – 2 ngày ở đồng bằng		X	
Cấp độ 3	>200 – 500 mm >500m	2 – 4 ngày ở trung du và miền núi 1 – 2 ngày ở trung du và miền núi		X	

i) Về rét hại

Bảng 5.18: Đánh giá cấp độ rét hại, sương muối chi tiết và mức độ DBTT

Cấp độ rủi ro do rét hại, sương muối	Nhiệt độ	Thời gian kéo dài	Mức độ dễ bị tổn thương**		
			Thấp	Trung bình	Cao
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Cấp độ 1	> 8 – 13° > 4 – 8° 0 – 4°	>5-10 ngày ở đồng bằng hoặc >10 ngày ở miền núi 3-5 ngày ở đồng bằng hoặc >5-10 ngày ở miền núi 3-5 ngày ở miền núi	X		
Cấp độ 2	> 8 – 13° > 4 – 8° 0 – 4° <0°	>10 ngày ở vùng đồng bằng >5-10 ngày ở đồng bằng hoặc >10 ngày ở miền núi 3-5 ngày ở đồng bằng hoặc >5-10 ngày ở miền núi 3-5 ngày ở miền núi		X	
Cấp độ 3	> 4 – 8° 0 – 4° <0°	>10 ngày ở đồng bằng >5-10 ngày ở đồng bằng hoặc >10 ngày ở miền núi >5-10 ngày ở miền núi		X	

k) Về sạt lở

Bảng 5.19: Đánh giá cấp độ sạt lở, sụt lún đất chi tiết và mức độ DBTT

Cấp độ rủi ro do sạt lở, sụt lún đất	Lượng mưa trong 24 giờ chi tiết*	Số ngày mưa liên tục và một số yếu tố tác động khác	Mức độ dễ bị tổn thương		
			Thấp	Trung bình	Cao
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Cấp độ 1	200 - 300mm	2 ngày mưa liên tục, trên các sườn có độ dốc >25°, trên nền đất yếu, đất bờ rời, đất sườn tàn tích		X	
	>300mm	1-2 ngày mưa liên tục, trên các sườn có độ dốc <25°, trên nền đất yếu, đất bờ rời			
	>300mm	>2 ngày mưa liên tục, trên các sườn có độ dốc >25°, trên nền đá phiến và bột sét kết gán kết yếu			
Cấp độ 2	>300mm	>2 ngày mưa liên tục, trên các sườn có độ dốc >25°, trên nền đất yếu, đất bờ rời, đất sườn tàn tích			X

m) Về lốc, sét, mưa đá

Bảng 5.20: Đánh giá cấp độ lốc, sét, mưa đá chi tiết và mức độ DBTT

Cấp độ rủi ro do lốc, sét, mưa đá	Mức độ/ độ lớn (thiệt hại)	Phạm vi ảnh hưởng	Mức độ dễ bị tổn thương		
			Thấp	Trung bình	Cao
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Cấp độ 1	Trung bình (thiệt hại 1 phần dưới 30%)	Trong phạm vi thôn/bản		X	
Cấp độ 2	Mạnh (thiệt hại trên 30%)	Trong phạm vi từ 1 xã trở lên			X

Thông kê các loại hình thiên tai xảy ra trên địa bàn tỉnh Ninh Bình từ 2011 đến nay cho thấy tình hình thiên tai trên địa bàn tỉnh Ninh Bình như sau:

Bảng 5.21: Đánh giá thiên tai trên địa bàn tỉnh Ninh Bình từ năm 2011 đến nay

STT	Loại hình thiên tai	Cấp độ rủi ro thiên tai lớn nhất	Dấu hiệu cảnh báo	Thời gian cảnh báo	Tốc độ diễn ra	Thời điểm đã xuất hiện	Địa điểm đã xuất hiện
1	Bão, ATNĐ	Cấp 4	Bão rất mạnh từ cấp 12 đến cấp 15 hoạt động trên vùng biển ven bờ;đất liền khu vực Đông Bắc Bộ gây mưa trên toàn bộ tỉnh Ninh Bình	3-4 ngày	2 ngày	19h/23/10/2012-7h/29/10/2012	Ven biển các tỉnh phía Đông Bắc Bộ, trong đó có Ninh Bình, gây mưa trên toàn bộ Ninh Bình
2	Lốc, sét, mưa đá	Cấp 1	Mưa nhỏ kèm theo giông, sấm sét	10-30 phút	10 phút	24/5/2015	Ngày 24 tháng 5 năm 2015 trên địa bàn thành phố Tam Điệp có mưa nhỏ kèm theo giông, sấm sét, tại khu vực đồng Cùg, tổ 10, phường Tân Bình, thành phố Tam Điệp sét đánh chết 04 người và làm bị thương 03 người
3	Mưa lớn	Cấp 4	Hoàn lưu của ATNĐ, Lượng mưa trên 400 mm trong 24 giờ kéo dài trên 4 ngày	3-4 ngày	3 ngày – 4 ngày	7h/9/10/2017-7h/12/10/2017	Tại trạm Thủy văn Hưng thi: 423,2mm; trạm khí tượng Nho Quan: 207,9 mm; trạm Thủy văn Bến Đê: 379,0mm; trạm thủy văn Gián Khẩu: 433,8mm; trạm Khí tượng Ninh Bình: 301,3mm; trạm Thủy văn Như Tân: 318,6mm
4	Nắng nóng	Cấp 3	Đợt nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày từ trên 39 ⁰ C đến 41 ⁰ C,kéo dài từ 3 ngày đến 5 ngày	3-5 ngày	3 ngày đến 5 ngày	28/6-07/7/2018	Năm 2018, có 05 đợt nắng nóng trên diện rộng, gây ra nắng nóng gay gắt, đặc biệt là đợt nắng nóng

STT	Loại hình thiên tai	Cấp độ rủi ro thiên tai lớn nhất	Dấu hiệu cảnh báo	Thời gian cảnh báo	Tốc độ diễn ra	Thời điểm đã xuất hiện	Địa điểm đã xuất hiện
							từ 28/6-07/7, nhiệt độ cao nhất là 41,1 ⁰ C(Xảy ra tại Nho Quan, vào ngày 05/7).
5	Hạn hán	Cấp 3	Tình trạng thiếu hụt tổng lượng mưa tháng trên 50% so với trung bình nhiều năm, kéo dài từ 2 tháng đến 3 tháng và thiếu hụt tổng lượng dòng chảy trong khu vực trên 70% so với trung bình nhiều năm	2 tháng đến 3 tháng	2 tháng đến 3 tháng	5/2015 - 6/2015	Nắng nóng xảy ra 13 đợt với 73 ngày nắng nóng, các đợt nắng nóng kỷ lục xuất hiện trong tháng 5 và tháng 6, trị số nhiệt độ cao nhất: 41,5 ⁰ C (ngày 31/5); lượng mưa tháng 4, tháng 5 chỉ đạt 129,3mm.
6	Rét đậm, rét hại	Cấp 1	Đợt rét hại với nhiệt độ không khí trung bình ngày từ trên 4 ⁰ C đến 8 ⁰ C, kéo dài từ 3 ngày đến 5 ngày	6 ngày	6 ngày	23/1/2016 - 28/1/2016	Do ảnh hưởng của không khí lạnh rất mạnh từ ngày 23 – 28/1/2016 trên địa bàn tỉnh xuất hiện rét đậm rét hại, tại Nho Quan, Thành phố Tam Điệp có nơi xuống tới 4.4 ⁰ C
7	Lũ và ngập lụt	Cấp 4	Mực nước lũ cao vượt lũ lịch sử hoặc lũ thiết kê	1 ngày	3 ngày đến 5 ngày	16h giờ ngày 12/10/2017	Lượng mưa lớn đã làm xuất hiện lũ trên sông Hoàng Long, sông Đáy, vào hồi 06 giờ ngày 12/10 mực nước lũ trên sông Hoàng Long tại trạm Thủy văn Bến Đé đạt đỉnh 5,53m (vượt báo động III 1,53m và vượt lũ lịch sử năm 1985), đến 16h giờ ngày

STT	Loại hình thiên tai	Cấp độ rủi ro thiên tai lớn nhất	Dấu hiệu cảnh báo	Thời gian cảnh báo	Tốc độ diễn ra	Thời điểm đã xuất hiện	Địa điểm đã xuất hiện
							12/10/2017 mực nước lũ trên sông Đáy tại Ninh Bình đạt đỉnh 3,94m (vượt báo động III là 0,44m)
8	Sạt lở đất, sụt lún	Cấp 3	Mưa lớn với lượng mưa từ 100 mm đến 200 mm trong 1 ngày tại vùng có nguy cơ rất cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy	3 ngày đến 5 ngày	3 ngày đến 5 ngày	23h ngày 20/02/2019	Vào lúc 23h ngày 20/02/2019, tuyến đường phía Tây của nhà thờ thôn kênh Gà, xã Gia Thịnh, huyện Gia Viễn đã xảy ra sạt lở đường giao thông ven sông dài khoảng 50m, chiều rộng B = 3m, chiều sâu sạt lở H = 2,5m đã làm ảnh hưởng và có nguy cơ gây sạt lở nhà ở và công trình của 4 hộ dân, làm chia cắt giao thông đi lại của 100 hộ dân phía Tây nhà thờ thôn kênh Gà
9	Xâm nhập mặn	Cấp 3	Ranh giới độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào các cửa sông từ 25 km đến 50 km tính từ cửa sông thuộc vùng ven biển khu vực Bắc Bộ	3 ngày đến 5 ngày	3 ngày đến 5 ngày	Mùa kiệt, triều cường.	Hiện tượng xâm nhập mặn ở vùng bãi bồi ven biển Kim Sơn đã lấn sâu vào các cửa sông từ 20 - 25 km trên sông Đáy và 10 - 15 km trên sông Vạc. Hiện tượng xâm nhập mặn có dấu hiệu gia tăng, nhất là vào giai đoạn đổ ải vụ đông xuân.

Độ lớn của từng loại hình thiên tai đã xảy ra trong quá khứ và khả năng xảy ra do BĐKH xảy ra trên địa bàn tỉnh Ninh Bình được thống kê trong các bảng phần phụ lục và được thống kê theo bảng như sau:

Bảng 5.22:Đánh giá độ lớn của TT xảy ra trong những năm gần đây và khả năng xảy ra do BĐKH

Loại hình thiên tai (TT)	Độ lớn của thiên tai đã xảy ra trong quá khứ						Độ lớn thiên tai có thể xảy ra	
	Nhỏ	Trung bình	Lớn	Rất lớn	Tần suất lặp lại	Thời gian xuất hiện	Rất lớn	Thảm họa
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Bão, ATNĐ			+++		3-4 trận/năm	tháng 7 ÷ 11	++	
Lũ, ngập lụt			+++		1-2 trận lũ/năm	tháng 7 ÷ 11	++	
Hạn hán			+++		4 năm/1 lần	Tháng 1 ÷ 2	+	
Nắng nóng			+++		4 năm/1 lần	tháng 7 ÷ 8	+	
Xâm nhập mặn	+				4 năm/1 lần	Tháng 1 ÷ 2	+	
Mưa lớn		++			1-2 trận lũ/năm	tháng 7 ÷ 11	++	
Rét hại, sương muối			+++		4 năm/1 lần	Tháng 1 ÷ 2	+	
Sạt lở, sụt lún đất		++			4 - 5 năm/1 lần	tháng 7 ÷ 11	+	
Lốc, sét, mưa đá			+++		4 - 5 năm/1 lần	tháng 7 ÷ 11	+	

5.3.2. Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương

Đánh giá về tình trạng dễ bị tổn thương là quá trình thu thập, tổng hợp và phân tích thông tin về dân cư, cơ sở hạ tầng, hoạt động kinh tế văn hóa, xã hội đang ở trong điều kiện an toàn, dễ bị thiệt hại do từng loại thiên tai gây ra.

a. Phân tích nguyên nhân dẫn đến tình trạng dễ bị tổn thương.

Bão, lũ lụt, hạn hán, xâm nhập mặn nắng nóng, rét đậm, rét hại xảy ra thường xuyên và liên tục trong tỉnh. Các năm 2011, 2012, 2013, 2016, 2017 có 8 cơn bão đổ bộ trực tiếp vào tỉnh cấp độ rủi ro thiên tai từ cấp 3 đến cấp 5; mức độ tổn thương từ trung bình đến lớn. Năm 2017 do ảnh hưởng của hoàn lưu áp thấp nhiệt đới từ ngày 9-13/10 khu vực tỉnh có mưa rất to mực nước trên sông Hoàng Long vượt báo động III +1.53m gây ngập lụt nghiêm trọng cho các huyện Nho Quan, Gia Viễn, Yên Mô ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt cũng

như hoạt động sản xuất của người dân. Thiệt hại của bão, lũ lụt năm trước chưa khắc phục kịp, năm sau tiếp tục bị bão, lũ lụt cấp độ mạnh hơn tác động nên mức độ tổn thương do vậy càng lớn hơn. Ba đối tượng chính là con người, nền sản xuất và cơ sở hạ tầng bị thiệt hại nghiêm trọng.

Hiện tượng xâm nhập mặn xảy ra trên địa bàn huyện Kim Sơn đang có dấu hiệu gia tăng nhất là vào giai đoạn đở ải vụ đông xuân. Tình trạng hạn hán xảy ra ở khắp nơi trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn tưới dưỡng lúa vụ đông xuân đặc biệt ở các huyện miền núi Nho Quan, Gia Viễn, Tam Điệp gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất canh tác cho người nông dân.

Trong những năm gần đây nắng nóng, rét hại trên diện rộng xảy ra thành nhiều đợt trong năm gây ảnh hưởng lớn đến sức khỏe của người già và trẻ nhỏ. Nhiệt độ cao nhất xảy ra ở Cúc Phương đo được lên tới 41,5⁰C. Rét đậm rét hại xảy ra ở Tam Điệp 4,4⁰C.

Ngày 24/5/2015 trên địa bàn thành phố Tam Điệp có mưa nhỏ kèm theo giông, sấm sét. Tại khu vực đồng Cùng, tổ 10, phường Tân Bình, thành phố Tam Điệp sét đánh chết 04 người và làm bị thương 03 người.

Năm 2016 đã xảy ra các hiện tượng thời tiết thủy văn đặc biệt nguy hiểm như: rét đậm vào đầu năm, bão mạnh, mưa lớn vào đầu vụ mùa làm nhiều diện tích lúa bị ngập úng, không thuận lợi cho sự phát triển của cây lúa, thậm chí có một số diện tích phải cấy lại..., đã làm ảnh hưởng lớn tới sản xuất nông nghiệp cụ thể là:

Do ảnh hưởng của không khí lạnh rất mạnh từ ngày 23 - 28/1/2016 đã làm chết gần 10 tấn cá; 364,17ha mạ; 1.473 ha lúa và 109,4 ha ngô và rau màu bị ảnh hưởng.

Do ảnh hưởng của lũ tiểu mãn từ ngày 25-26/5/2016 đã làm ngập lụt hơn 500ha lúa sắp thu hoạch.

Tháng 7/2016 do chịu ảnh hưởng trực tiếp của cơn bão số 1, có mưa to đến rất to, trong đất liền có gió mạnh cấp 8 đến cấp 11, giạt cấp 10 đến cấp 13; vùng ven biển có gió mạnh cấp 8, giạt cấp 12 đã gây thiệt hại:

+ Nông nghiệp: 32.531ha lúa mới cấy bị ngập úng; 1.552ha hoa màu bị hư hại; 159,7ha cây ăn quả bị gãy đổ; 161ha rừng bị hư hại; 5ha cây công nghiệp bị đổ gãy; 5.340 con gia cầm bị chết và cuốn trôi; 311ha ao hồ bị ảnh hưởng

+ 11 ngôi nhà bị đổ, 7.659 nhà tốc mái; Nhiều đoạn kè, nhiều tuyến kênh mương nhiều tuyến đường bị hư hại; 1.100 cột thông tin liên lạc bị gãy đổ; 11,4km dây thông tin bị đứt; 46 phòng học và 03 cơ sở y tế bị tốc mái; 2.432 biển hiệu quảng cáo bị lật đổ, 39 nhà văn hóa bị tốc mái.

+ Các công trình khác: nhiều nhà kho phân xưởng của các khu, cụm công nghiệp, cửa hàng, công trình phục vụ sản xuất kinh doanh bị hư hỏng; 1.093 cột điện hạ thế bị đổ gãy, 68 cột điện trung và cao áp thế đổ gãy.

Thời kỳ giữa tháng 8 chịu ảnh hưởng của cơn bão số 3 đã có mưa to đến rất to, gây ra 1 trận lũ vừa trên sông Hoàng Long. Lũ lớn kết hợp với triều cường đã làm cho một số tuyến kè bị hư hỏng nghiêm trọng.

Tổng thiệt hại tài sản do thiên tai gây ra ước khoảng trên 600 tỷ đồng

Trong năm 2017 do ảnh hưởng của thời tiết cực đoan đã gây thiệt hại nghiêm trọng về người, tài sản và hoạt động sản xuất cho các địa phương trên địa bàn cụ thể như sau:

- + Người bị thương: 03 người (do lốc xoáy);
- + Nhà bị ngập, hư hại: 1.790 cái;
- + Gia súc bị chết (trâu, bò, bê, nghé, cừu, dê, lợn): 6.205 con;
- + Gia cầm bị chết: 87.123 con;
- + Lúa bị hư hại: 19.687 ha;
- + Hoa màu, rau màu các loại bị hư hại: 2.498 ha.
- + Nhiều diêm đê, kè, cống; công trình điện, giao thông, trường học, trạm y tế; các nhà máy trong cụm, khu công nghiệp.... bị thiệt hại nặng nề.

Ước tính tài sản thiệt hại về tài sản khoảng 1.152 tỷ đồng.

Trong năm 2018, thiên tai đã gây thiệt hại về tài sản và sản xuất cho các địa phương trên địa bàn tỉnh ước tính khoảng 197,15 tỷ đồng, cụ thể như sau:

*** Đối với bão số 3:**

- + Nhà bị ngập: 1.821 ngôi nhà;
- + Trường bị ngập: 02 trường;
- + Gia cầm bị cuốn trôi: 757 con;
- + Lúa bị hư hại: 6.860 ha;
- + Hoa màu, rau màu các loại bị hư hại: 152 ha; 4ha cây ăn quả; 173 ha cây giống; 8 tấn hạt giống bị thiệt hại .

+ Thiệt hại về Thủy lợi: 2.245 m kè trên đê từ cấp II đến cấp IV bị sạt lở; 8.061 m đê cấp IV, 645m kênh mương, 03 cống, 01 tràn, 03 trạm bơm bị hư hỏng ...

+ Thiệt hại về Giao thông: 02 km đường giao thông bị sạt lở tại huyện Nho Quan

(Ước tính thiệt hại về tài sản khoảng 132,15 tỷ đồng).

*** Đối với bão số 4:**

- Về nông nghiệp: Có 440 ha lúa mùa bị ảnh hưởng, trong đó: 93 ha diện tích lúa ngập trắng; 347 ha lúa ngập phát phờ.

- Về công trình thủy lợi: Do ảnh hưởng của bão số 3, số 4 và mưa, lũ lớn trên địa bàn nên Cụm đầu mối công trình điều tiết lũ tràn Lạc Khoái bị hư hỏng nặng, cụ thể:

+ Do thân tràn bằng đất hiện trạng tuyến tràn xuất hiện hiện tượng thấm, thấm lậu qua thân tràn, khi mực nước ngoài sông dâng cao, mái tràn hạ lưu xuất

hiện dòng thấm chảy thành vòi qua khe các tấm gia cố mái với tần suất ngày một lớn. Một số đoạn mái trần phía thượng, hạ lưu và dốc lên xuống hai vai trần đã bị lún sụt, nứt vỡ...

+ Kênh thoát lũ công Lạc khoái bồi lắng sạt trượt, giảm khả năng tiêu thoát.

+ Khu quản lý vận hành xuống cấp, sụt lún sân nền, tường rào ...

(Ước tính thiệt hại khoảng 65 tỷ đồng).

b. Xác định các yếu tố dễ bị tổn thương do thiên tai trên địa bàn tỉnh Ninh Bình:

- Con người: Các đối tượng dễ bị tổn thương (DBTT) như: trẻ em, người cao tuổi, phụ nữ đang mang thai hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi, người khuyết tật, người bị bệnh hiểm nghèo và người nghèo, các cư dân, hộ gia đình tại các khu nhà cũ, yếu, khu vực trũng thấp ven đê.

- Cơ sở hạ tầng:

+ Các công trình đê điều, thủy lợi, công trình giao thông, hệ thống điện

+ Các công trình nhà ở cũ, nhà tạm, nhà ở khu vực trũng, thấp....

Nhà ven sông chịu ảnh hưởng của ngập lụt: Thuộc các xã có các hộ dân sống ngoài đê: Lạng Phong, Thượng Hòa, Gia Thủy, Đức Long... thuộc huyện Nho Quan; Gia Tiến, Gia Phong Gia Thịnh, Gia Hưng, Gia Hóa thuộc huyện Gia Viễn....

- Hoạt động sản xuất:

+ Vùng dễ bị ngập lụt gồm các xã Đức Long, Gia Thủy, Thượng Hòa, Lạc Vân, Gia Tường... thuộc huyện Nho Quan; xã Ninh Sơn, Ninh Phong, Ninh Phúc, Ninh Nhất, Ninh Tiến... thuộc TP. Ninh Bình; Yên Sơn, Yên Bình, Đông Sơn thuộc TP. Tam Điệp; các xã ngoài đê thuộc huyện Gia Viễn....

+ Vùng sản xuất cây màu dễ bị hạn hán thuộc địa bàn các xã phường Ninh Nhất, Ninh Sơn, Ninh Phúc... thuộc TP. Ninh Bình; Nam Sơn, Quang Sơn, Đông Sơn, Bắc Sơn... thuộc TP. Tam Điệp....

c. Đánh giá tác động của thiên tai đến con người, dân sinh, và đến một số ngành kinh tế xã hội.

Trên cơ sở đặc điểm thiên tai xảy ra trong những năm gần đây trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, đánh giá thiệt hại do thiên tai xảy ra trong năm 2012, 2016, 2017, 2018 diễn hình như sau:

Bảng 5.23: Đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra

Đối tượng		Đơn vị	Trung bình thiệt hại hàng năm	Nguyên nhân
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Con người	Người chết/mất tích	Người		

Đối tượng		Đơn vị	Trung bình thiệt hại hàng năm	Nguyên nhân
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	Người bị thương	Người		
Nhà ở	Sập, cuốn trôi	Cái	40	Bão (cấp 10 - 12)
	Bị hư hỏng	Cái	150	Bão (cấp 10 - 12) +mưa lớn
Sinh kế	Mất thu nhập hoặc công cụ lao động	Triệu đồng	16.642	Bão (cấp 10 - 12) +mưa lớn trên diện rộng
Nông nghiệp	Cây lương thực	Ha	15.179	
	Hoa quả	Triệu đồng	31.426	
	Cây công nghiệp	Triệu đồng	423.990	
Lâm nghiệp	Rừng phòng hộ	Ha		
	Rừng đặc dụng	Ha		
	Rừng sản xuất	Ha	15	
Chăn nuôi	Gia cầm	Triệu đồng	5.764	
	Gia súc	Triệu đồng	6.425	
Thủy sản	Nuôi trồng	Triệu đồng	315.761	
	Đánh bắt	Triệu đồng	130	
Tiểu thủ công nghiệp	Khu công nghiệp sản xuất, lắp ghép	Triệu đồng	453	
	Khu công nghiệp khai khoáng	Triệu đồng		
Thương mại	Làng nghề	Triệu đồng		
	Buôn bán nhỏ	Triệu đồng		
Du lịch	Tại chỗ	Triệu đồng		
Môi trường	Đất, nước*	Ha	1.478	
	Sinh thái	Triệu đồng		
	Hồ chứa	Triệu đồng	810	
	Đê/kè	Triệu đồng	132.239	
	Trạm bơm	Triệu đồng	3.673	

Đối tượng		Đơn vị	Trung bình thiệt hại hàng năm	Nguyên nhân
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Thiên tai, thủy lợi	Kênh mương	Triệu đồng	24.162	
	Công	Triệu đồng	1.69	
Xây dựng	Trụ sở/cơ quan	Triệu đồng		
	Công trình công cộng	Triệu đồng		
Giao thông	Đường bộ	Triệu đồng	118.690	
	Đường sắt	Triệu đồng		
	Đường thủy	Triệu đồng		
	Hàng không	Triệu đồng		
Năng lượng/viên thông	Hồ thủy điện	Triệu đồng		
	Hệ thống điện	Triệu đồng		
	Hệ thống thông tin, viễn thông	Triệu đồng	44	
Môi trường/ nước sạch	Công trình cấp nước	Triệu đồng	90	
	Công trình tiêu thoát nước	Triệu đồng		
	Công trình xử lý môi trường	Triệu đồng	20	

*Ghi chú: *: Môi trường đất, nước bị ô nhiễm do thiên tai, ví dụ: diện tích đất bị nhiễm mặn sau thiên tai xâm nhập mặn, ...*

5.3.3. Đánh giá năng lực phòng chống thiên tai

5.3.3.1. Năng lực và nhận thức của cộng đồng trong PCTT

Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh thành lập ngày 12/3/2019 theo Luật Phòng chống thiên tai và được kiện toàn hàng năm, tham mưu UBND tỉnh quản lý hoạt động phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, chỉ huy, điều hành trên phạm vi toàn tỉnh. UBND các địa phương thành lập Ban Chỉ huy PCTT và TKCN được kiện toàn hàng năm để chỉ huy, điều hành công tác PCTT và TKCN trên địa bàn. Các sở, ban, ngành, đoàn thể thành lập Ban Chỉ huy PCTT và TKCN, triển khai công tác PCTT và TKCN ở cơ quan, đơn vị. Các lực lượng vũ trang tỉnh thường xuyên được củng cố, tập huấn, diễn tập rèn luyện kỹ năng trong công tác phòng, chống thiên tai. Hằng năm cán bộ, chiến sĩ tham gia các lớp tập huấn về phòng chống thiên tai. Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh hằng năm có kế

hoạch hiệp đồng các đơn vị chủ lực của Quân khu, Bộ Quốc phòng đóng trên địa bàn, tổ chức lực lượng, phương tiện, phân công khu vực khi ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai. Năng lực phòng chống thiên tai của các sở, ban, ngành, địa phương được nâng lên một bước thông qua các hoạt động đào tạo, tập huấn, diễn tập, truyền thông hàng năm, nhất là hoạt động của Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng. Cán bộ, người dân có các hoạt động tích cực trong công tác phòng chống thiên tai. Các phương án ứng phó thiên tai, kế hoạch phòng, chống thiên tai cấp xã được chú trọng rà soát, cập nhật. Công tác chuẩn bị phòng tránh thiên tai theo phương châm “4 tại chỗ” được triển khai thực hiện tại các cấp, các ngành. Người dân dự trữ trước lương thực, nhu yếu phẩm đủ dùng 7 ngày khi mưa lũ, bão. Mua sắm cho gia đình vật liệu phục vụ ứng phó thiên tai. Khi sửa chữa, xây dựng nhà thì xây dựng kiên cố để chống được bão; nền nhà được tôn cao để vượt mức lũ cao nhất đã từng xảy ra. Thầy, cô giáo chú trọng việc quản lý học sinh trong mùa mưa lũ; không cho các em ra khỏi trường khi không có phụ huynh đưa đón. Nhà trường chủ động cho học sinh nghỉ học khi bão, mưa lớn ảnh hưởng.

Bảng 5.24: Danh mục các văn bản hướng dẫn, thi hành pháp luật, cơ chế chính sách liên quan đến phòng chống thiên tai

STT	Tên văn bản	Số hiệu, ngày tháng ban hành	Cơ quan ban hành	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Nghị định Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống thiên tai	160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018	Chính phủ	Bộ Nông nghiệp & PTNT	Các Bộ, ban, ngành phối hợp
2	Quyết định về việc ban hành quy chế tổ chức, hoạt động của quỹ phòng chống thiên tai tỉnh Ninh Bình	32/QĐ-UBND ngày 10/01/2017	UBND	Sở Nông nghiệp & PTNT	Các Sở, ban, ngành phối hợp
3	Quyết định thành lập Ban chỉ huy PCTT & TKCN tỉnh Ninh Bình	333/QĐ-UBND ngày 12/3/2019	UBND	Sở Nông nghiệp & PTNT	Các Sở, ban, ngành phối hợp

5.3.3.2. Đánh giá năng lực cơ sở hạ tầng phòng chống thiên tai

a. Năng lực dự báo:

Trên địa bàn tỉnh Ninh Bình hiện có 03 Trạm Khí tượng (Ninh Bình, Nho Quan, Cúc Phương), 03 Trạm Thủy văn (Ninh Bình, Bến Đé, Như Tân) và 01 Điểm đo mưa Nhân dân tại Thành phố Tam Điệp thuộc mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia do Đài khí tượng thủy văn tỉnh Ninh Bình quản lý và có 26 điểm đo mưa, 19 điểm

đo kiểm soát độ mặn, 108 điểm đo mực nước do Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Ninh Bình quản lý. Số liệu quan trắc của các trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng và các điểm đo khí tượng thủy văn chủ yếu phục vụ công tác sản xuất nông nghiệp và dân sinh. Ngoài ra, trong công tác phòng chống thiên tai, mưa bão trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, sử dụng thông tin diễn biến tình hình mưa lũ của các trạm thủy văn do Đài KTTV tỉnh Ninh Bình cung cấp.

b. Lực lượng, phương tiện, trang thiết bị, vật tư

Bảng 5.25: Tổng hợp lực lượng, phương tiện, trang thiết bị, vật tư phòng chống thiên tai trên địa bàn

Nhân lực, phương tiện, trang thiết bị, vật tư	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú*
(1)	(2)	(3)	(4)
Con người			
Ban chỉ huy PCTT	Người	52	
Dân quân	Người	4.380	
Thanh niên/xung kích/tình nguyện	Người	7.300	
Quân đội	Người	4.080	
Công an	Người	2.501	
Y tế	Người	500	
Lực lượng khác	Người	4.690	
Phương tiện	Cái		
Xe tải, xe khách, xe con	Cái	598	
Xuồng cứu thương	Cái	30	
Xe chữa cháy	Cái	10	
Tàu TKCN các loại	Cái	11	
Xuồng máy các loại	Cái	65	
Trang thiết bị			
Phao áo cứu sinh các loại	Cái	21.531	
Nhà bạt	Cái	334	
Máy phát điện, máy xúc	Cái	42	
Các thiết bị khác	Cái	66	
Nhiên liệu			

Nhân lực, phương tiện, trang thiết bị, vật tư	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú*
(1)	(2)	(3)	(4)
Xăng	Lít	13.460	
Dầu diezen	Lít	917.937	
Dầu hỏa	Lít	1.700	
Vật tư			
Bao tải	Cái	621.963	
Rọ thép	Cái	3.218	
Đá học	M3	62.418	
Đá dăm	M3	2.772	
Đất, cát	M3	19.243	
Dây thép	Kg	15.135	
Vải lọc	M2	6.800	
Bạt chắn sóng	M2	70.602	
Lương thực			
Gạo	Tấn	685	
Mì tôm	Thùng	24.550	
Lương khô	Thùng	13.690	
Muối	Kg	6.500	
Nước uống đóng chai	Thùng	21.300	
Y tế			
Cơ số thuốc	Cơ số	232	

c. Năng lực và nhận thức của cán bộ làm công tác PCTT và người dân.

- Người dân hiểu rõ nhất về cộng đồng của họ, biết các thuận lợi, khó khăn, thách thức và nhu cầu của mình khi thiên tai xảy ra; biết cách huy động và gắn kết các thành viên trong cộng đồng với nhau. Điều cần thiết mà người dân mong muốn ở đây là được bổ sung kiến thức, được cập nhật thông tin và được nâng cao nhận thức và kiến thức của mình trong lĩnh vực PCTT để góp phần làm tăng khả năng chống chịu cho cộng đồng và cho chính gia đình của họ.

- Mọi người dân giúp phát huy hiệu quả phương châm “4 tại chỗ” trong PCTT. Với mỗi cộng đồng mạnh thì phương châm 4 tại chỗ càng phát huy hiệu

quả. Tuy vậy, phương châm này ở mỗi một giai đoạn, mỗi cấp, mỗi vùng, đòi hỏi có những đặc điểm khác nhau thì mới đáp ứng được yêu cầu.

- Chính quyền địa phương đã theo sát, nắm bắt nhu cầu của người dân để có chỉ đạo sâu sát, cụ thể hơn. Qua đó, người dân đã tích cực hơn trong việc hợp tác, thực hiện chỉ đạo, hướng dẫn của chính quyền (như chủ động các biện pháp phòng tránh ngay từ khi nhận được tin cảnh báo; sẵn sàng di dời đến nơi an toàn theo lệnh của chính quyền, không ở lại trên lòng bè khi bão đổ bộ ...).

d. Năng lực công trình PCTT tại địa phương:

Hệ thống công trình PCTT tại địa phương bao gồm: Hệ thống công trình Thủy lợi; hệ thống công trình cảnh báo, dự báo; hệ thống các công trình phục vụ di dời dân cư; rừng phòng hộ ven biển....

d1. Hệ thống công trình đê điều:

Hệ thống công trình đê điều bao gồm hệ thống đê, kè, cống, các công trình phụ trợ như tre chắn sóng, điểm canh đê, đường hành lang chân đê.

Tỉnh Ninh Bình có tổng số 424,509 km đê, trong đó:

- + Phân theo loại đê
 - Đê biển : 48,050 km
 - Đê sông, đê cửa sông: 376,459 km
- + Phân theo cấp đê
 - Đê cấp II: 71,204 km
 - Đê cấp III: 104,354 km
 - Đê cấp IV: 79,680 km
 - Đê cấp V: 169,271 km

Trong những năm qua được sự quan tâm đầu tư của Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và nguồn lực của tỉnh, hệ thống đê điều trên địa bàn tỉnh được đầu tư, tu bổ nâng cấp góp phần giảm dần các trọng điểm xung yếu. Tuy nhiên trước tình hình hiện nay việc biến đổi khí hậu đang diễn ra như El Nino và La Nina và đặc biệt là nước biển dâng làm cho thiên tai xảy ra bất thường thì công tác phòng, chống lụt, bão đòi hỏi ngày càng cao, để đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội. Đặc biệt năm 2017 lũ sông Hoàng Long tỉnh Ninh Bình đã đạt đỉnh lũ là 5,53m (vượt báo động III là 1,53m) cao nhất từ trước đến nay tạo ra mốc lũ lịch sử sông Hoàng Long tỉnh Ninh Bình, có nhiều hạng mục đê, kè, cống chưa đáp ứng được yêu cầu chống lũ, bão.

d2. Hệ thống công trình Thủy lợi:

Toàn tỉnh có 1.375 công trình tưới tiêu các loại, gồm: 05 âu đầu mối; 471 trạm bơm tưới, tiêu; 45 hồ đập; 854 cống tưới tiêu và công trình nội đồng. Hệ thống thủy lợi hiện bảo đảm phục vụ tưới cho 47.564 ha tương đương 69,2 % tổng diện tích cần tưới; và tiêu thoát cho 65.237 ha tương đương 84,7 % yêu cầu tiêu bằng công trình. Trong đó:

+ Nhà nước quản lý 370 công trình gồm: 05 âu đầu mỗi; 150 trạm bơm, 213 cống và 07 hồ đập, phục vụ tưới cho 38.807 ha; tiêu cho 61.742 ha.

+ Các HTX, địa phương quản lý khoảng 1.000 công trình, phục vụ tưới cho 8.757 ha; tiêu cho 4.495 ha.

- Cống và âu cấp thoát nước

Có 5 đầu mỗi và tạo nguồn chính: Âu Lê, Chanh, Vân, Mới và Cầu Hội;

Toàn tỉnh có 854 cống tưới, tiêu, điều tiết dòng chảy trong đó cống qua đê do Công ty quản lý là 213 cống (bao gồm cả cống của các trạm bơm tưới, tiêu lấy nước sông ngoài và sông Vạc); cống do các HTX quản lý có 36 công trình và khoảng 605 cống nội đồng. Ngoài ra còn hàng nghìn cống trong hệ thống nội đồng từ kênh cấp 2, 3 và các công trình phân phối nước trong các tuyến kênh mương.

Hệ thống các cống tưới, tiêu hiện có đảm nhận: tưới cho 19.079 ha; tiêu cho 24.308 ha. Hệ thống cống và âu đóng vai trò rất quan trọng đối với công tác tưới, tiêu của Ninh Bình. Nếu vận hành tốt hệ thống cống sẽ giảm được thời gian vận hành hệ thống bơm, thực tế hệ thống cống được vận hành tưới, tiêu trong cả năm; hệ thống bơm chỉ tập trung vào các thời kỳ cao điểm của yêu cầu tưới, tiêu.

- Trạm bơm tưới tiêu

Toàn tỉnh có 471 trạm bơm các loại, Công ty quản lý 150 trạm bơm, HTX quản lý 321 trạm bơm. Hệ thống các trạm bơm hiện có đảm nhận: tưới cho 21.930 ha; tiêu cho 40.929 ha.

- Hồ chứa nước

Toàn tỉnh có 45 hồ đập các loại, trong đó Công ty KTCTTL quản lý 7 hồ đập, doanh nghiệp quản lý 1 hồ và 37 hồ do HTX quản lý. Diện tích tưới thực tế 6.555 ha.

Bảng 5.26: Tổng hợp hiện trạng công trình thủy lợi nội vùng

TT	Vùng, khu thủy lợi	Số Công trình	Thiết kế (ha)		Thực tế (ha)	
			Tưới	Tiêu	Tưới	Tiêu
	Toàn tỉnh	1.370	82.970	89.058	47.564	65.237
1	TB tưới tiêu	471	43.071	56.738	21.930	40.929
a	Công ty Quản lý	150	30.195	51.306	15.344	36.797
b	HTX Quản lý	321	12.876	5.432	6.586	4.132
2	Cống tưới, tiêu	854	29.994	32.320	19.079	24.308
a	Công ty Quản lý	213	28.341	31.317	18.306	23.945
b	HTX Quản lý	641	1.653	1.003	773	363
3	Hồ đập	45	9.904	-	6.555	-
	Công ty Quản lý	7	6.810	-	5.157	-

TT	Vùng, khu thủy lợi	Số Công trình	Thiết kế (ha)		Thực tế (ha)	
			Tưới	Tiêu	Tưới	Tiêu
	HTX Quản lý	38	3.094	-	1.398	-

-) Hệ thống kênh trục dẫn nước

+ Các trục dẫn chính chủ yếu là các sông tự nhiên được nạo vét cải tạo để thực hiện 3 nhiệm vụ là: thoát lũ, dẫn nước tiêu và dẫn nước tưới. Cùng với quá trình phát triển hệ thống thủy lợi, đê điều và các khu dân cư đã gây biến động cả về lòng dẫn, bãi sông và các cửa thoát và lấy nước. Trong các khu thủy lợi nhất là khu vực đồng bằng và ven biển các tuyến kênh dẫn cấp I cũng có nhiệm vụ tưới tiêu kết hợp.

Tổng chiều dài kênh mương của toàn tỉnh khoảng 4,6 nghìn km các loại, trong đó:

+ Kênh cấp I và cấp II có tổng chiều trên 3 nghìn km, hiện tỷ lệ kiên cố và đã được đầu tư cải tạo khoảng 32,1 %

+ Kênh cấp III có tổng chiều dài gần 1,6 nghìn km, hiện nay mới chỉ kiên cố được khoảng 61,9 km, tương ứng 3,91 %.

Bảng 5.27: Tổng hợp hiện trạng hệ thống kênh tưới, tiêu

Huyện, Thành phố	Tổng		Trong đó:					
	Tổng chiều dài kênh, mương	Kiên cố	Kênh cấp I		Kênh cấp II		Kênh cấp III	
			Tổng chiều dài	Kênh đã kiên cố	Tổng chiều dài	Kênh đã kiên cố	Tổng chiều dài	Kênh đã kiên cố
Tổng (km):	4599,7	1030,4	1130,8	399,8	1887,6	568,7	1581,3	61,9
Nho Quan	704,7	328,7	236,8	118,9	315,2	208,2	152,7	0,0
Gia Viễn	654,9	166,3	153,6	81,3	286,0	69,7	215,3	14,8
Hoa Lư	420,7	112,6	141,6	58,8	134,5	52,4	144,6	3,0
Yên Mô	731,9	131,5	187,5	37,6	219,6	61,8	324,8	32,2
Yên Khánh	1175,4	149,1	196,6	52,7	404,8	89,9	574,0	7,6
Kim Sơn	657,6	92,3	110,9	16,7	447,2	75,0	99,5	0,6
TP Ninh Bình	73,1	19,1	41,3	18,4	31,9		0,0	0,0
TP Tam Điệp	181,4	30,9	62,5	15,4	48,4	11,7	70,4	3,7
Tỷ lệ được KC (%)	22,40		35,35		30,13		3,91	

+ Công trình điều tiết và phân phối nước trên kênh (công trình nội đồng) có số lượng rất lớn luôn bị tác động của quá trình sản xuất và con người. Công tác quản lý, vận hành các công trình trên kênh luôn là một tồn tại lớn, đòi hỏi phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa quản lý nhà nước với địa phương và cộng đồng dân cư nhằm phát huy năng lực thiết kế công trình thủy lợi phục vụ phát triển các ngành khác.

- Năng lực về nguồn lực tài chính:

Nguồn lực tài chính để phục vụ cho lĩnh vực PCTT và TKCN chủ yếu là được Trung ương hỗ trợ, nguồn ngân sách tỉnh, nguồn ngân sách dự phòng, nguồn hỗ trợ của các tổ chức trính trị xã hội, nguồn kinh phí nộp Quỹ PCTT theo quy định

5.3.3.2. Đánh giá năng lực phòng chống thiên tai

Đánh giá năng lực phòng chống thiên tai theo 3 mức độ: thấp, trung bình và cao. Nội dung đánh giá áp dụng cho năng lực của từng đối tượng trong nhóm đối tượng được đánh giá ứng phó với từng loại hình thiên tai khác nhau.

Phương pháp đánh giá theo phương pháp cho điểm trọng số dựa trên nhóm đối tượng đánh giá ứng phó với thiên tai, kết quả đánh giá như sau:

Bảng 5.28: Đánh giá ứng phó thiên tai theo nhóm đối tượng

Nhóm đối tượng đánh giá ứng phó với thiên tai	Yếu tố đánh giá				
		Được đào tạo, tập huấn kiến thức về phòng chống thiên tai, BDKH	Năng lực về dự báo, cảnh báo	Được tiếp cận với các dịch vụ truyền thông, viễn thông	Được hỗ trợ bởi các cấp chính quyền, tổ chức, lực lượng cứu hộ, cứu nạn trong quá trình ứng phó, khắc phục
An toàn con người, sinh kế, nhà ở	0,3	0,2	0,1	0,2	0,2
Nhóm đối tượng đánh giá ứng phó với thiên tai	Yếu tố đánh giá				
		Cơ chế, chính sách liên quan đến lồng ghép nội dung phòng chống thiên tai vào phát triển kinh tế, xã hội	Năng lực về dự báo, cảnh báo	Năng lực hệ thống công trình phòng chống thiên tai để phục vụ phát triển kinh tế xã hội	
Phát triển kinh tế xã hội	0,3	0,4	0,3		
Nhóm đối tượng đánh giá ứng phó	Yếu tố đánh giá				

với thiên tai					
	Tầm quan trọng của từng loại hình công trình đến công tác PCTT	Quy mô, vị trí, ...	Nguồn kinh phí để duy tu, bảo dưỡng các công trình PCTT	Lồng ghép nội dung PCTT	
Cơ sở hạ tầng	0,3	0,2	0,25	0,25	

Kết quả đánh giá năng lực phòng chống thiên tai cho các loại hình thiên tai như sau:

Bảng 5.29: Năng lực phòng chống thiên tai

Các loại hình thiên tai	Năng lực phòng chống thiên tai (PCTT)		
	Thấp	Trung bình	Cao
(1)	(2)	(3)	(4)
Bão, ATNĐ	x		
Lũ, ngập lụt	x		
Hạn hán		x	
Nắng nóng		x	
Xâm nhập mặn		x	
Mưa lớn	x		
Rét hại, sương muối		x	
Sạt lở, sụt lún đất	x		
Lốc, sét, mưa đá		x	

5.3.4. Đánh giá mức độ rủi ro thiên tai

Cấp độ rủi ro thiên tai càng lớn nếu tình trạng dễ bị tổn thương càng lớn trong trường hợp năng lực hạn chế và có thể giảm bớt được cấp độ rủi ro thiên tai ở những khu vực dễ bị tổn thương này bằng cách tăng cường năng lực. Do đó cấp độ rủi ro thiên tai tỉ lệ thuận với tình trạng dễ bị tổn thương và tỉ lệ nghịch với năng lực. Cấp độ rủi ro thiên tai được đánh giá ở 5 mức: nhỏ, trung bình, lớn, rất lớn và thảm họa. Tình trạng dễ bị tổn thương ở 3 cấp độ: thấp, trung bình và cao được gán bởi dấu “-” (dấu âm) tương ứng với 1 dấu âm, 2 dấu âm và 3 dấu âm. Trái lại năng lực cũng ở 3 cấp độ: thấp, trung bình và cao nhưng được gán bởi dấu dương (+), tương ứng với 1 dấu dương, 2 dấu dương và 3 dấu

dương. Kết quả đánh giá mức độ rủi ro thiên tai cho từng loại hình thiên tai xảy ra trên địa bàn tỉnh Ninh Bình như sau:

1. Cấp độ rủi ro thiên tai tác động đến con người và dân sinh

Bảng 5.30: Cấp độ rủi ro thiên tai tác động đến con người và dân sinh

Loại thiên tai	Mức độ tổn thương			Năng lực phòng chống thiên tai (PCTT)			Tác động đến	Cấp độ rủi ro thiên tai				
	Thấp	Trung bình	Cao	Thấp	Trung bình	Cao		Nhỏ	Trung bình	Lớn	Rất lớn	Thảm họa
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)		(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
Đối với bão, ATNĐ			X	X			Con người			X		
							Nhà ở				X	
							Sinh kế				X	
Đối với mưa lớn	X			X			Con người				X	
							Nhà ở				X	
							Sinh kế				X	
Đối với nắng nóng		X			X		Con người		X			
							Nhà ở	X				
							Sinh kế			X		
Đối với hạn hán		X			X		Con người	X				
							Nhà ở	X				
							Sinh kế		X			
Đối với rét đậm, rét hại		X			X		Con người		X			
							Nhà ở		X			
							Sinh kế		X			
Đối với lũ, ngập lụt	X			X		Con				X		

							người					
							Nhà ở				X	
							Sinh kế				X	
Đối với sạt lở đất, sụt lún đất	X			X			Con người		X			
							Nhà ở				X	
							Sinh kế		X			
Đối với xâm nhập mặn		X			X		Con người		X			
							Nhà ở	X				
							Sinh kế				X	

2. Cấp độ rủi ro thiên tai tác động đến một số ngành kinh tế xã hội chủ yếu

Bảng 5.31: Cấp độ rủi ro thiên tai tác động đến một số ngành kinh tế xã hội

Loại thiên tai	Mức độ tổn thương			Năng lực phòng chống thiên tai (PCTT)			Tác động đến	Cấp độ rủi ro thiên tai					
	Thấp	Trung bình	Cao	Thấp	Trung bình	Cao		Nhỏ	Trung bình	Lớn	Rất lớn	Thảm họa	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)		(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
Đối với bão, ATNĐ							Nông nghiệp					X	
			X	X			Chăn nuôi				X		
							Môi trường					X	
Đối với mưa lớn	X			X			Nông					X	

Loại thiên tai	Mức độ tổn thương			Năng lực phòng chống thiên tai (PCTT)			Tác động đến	Cấp độ rủi ro thiên tai				
	Thấp	Trung bình	Cao	Thấp	Trung bình	Cao		Nhỏ	Trung bình	Lớn	Rất lớn	Thảm họa
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)		(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
							nghiệp					
							Chăn nuôi				X	
							Môi trường				X	
Đối với nắng nóng		X			X		Nông nghiệp		X			
		X			X		Chăn nuôi		X			
		X			X		Môi trường	X				
Đối với hạn hán		X			X		Nông nghiệp			X		
		X			X		Chăn nuôi			X		
		X			X		Môi trường		X			
Đối với rét đậm, rét hại		X			X		Nông nghiệp		X			
		X			X		Chăn		X			

Loại thiên tai	Mức độ tổn thương			Năng lực phòng chống thiên tai (PCTT)			Tác động đến	Cấp độ rủi ro thiên tai					
	Thấp	Trung bình	Cao	Thấp	Trung bình	Cao		Nhỏ	Trung bình	Lớn	Rất lớn	Thảm họa	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)		(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
							nuôi						
							Môi trường		X				
Đối với lũ, ngập lụt	X			X			Nông nghiệp				X		
							Chăn nuôi				X		
							Môi trường				X		
Đối với sạt lở đất, sụt lún đất	X			X			Nông nghiệp		X				
							Chăn nuôi	X					
							Môi trường	X					
Đối với xâm nhập mặn		X			X		Nông nghiệp		X				
							Chăn nuôi	X					
							Môi			X			

3. Cấp độ rủi ro thiên tai tác động đến một số cơ sở hạ tầng thiết yếu

Bảng 5.32: Cấp độ rủi ro thiên tai tác động đến một số cơ sở hạ tầng thiết yếu

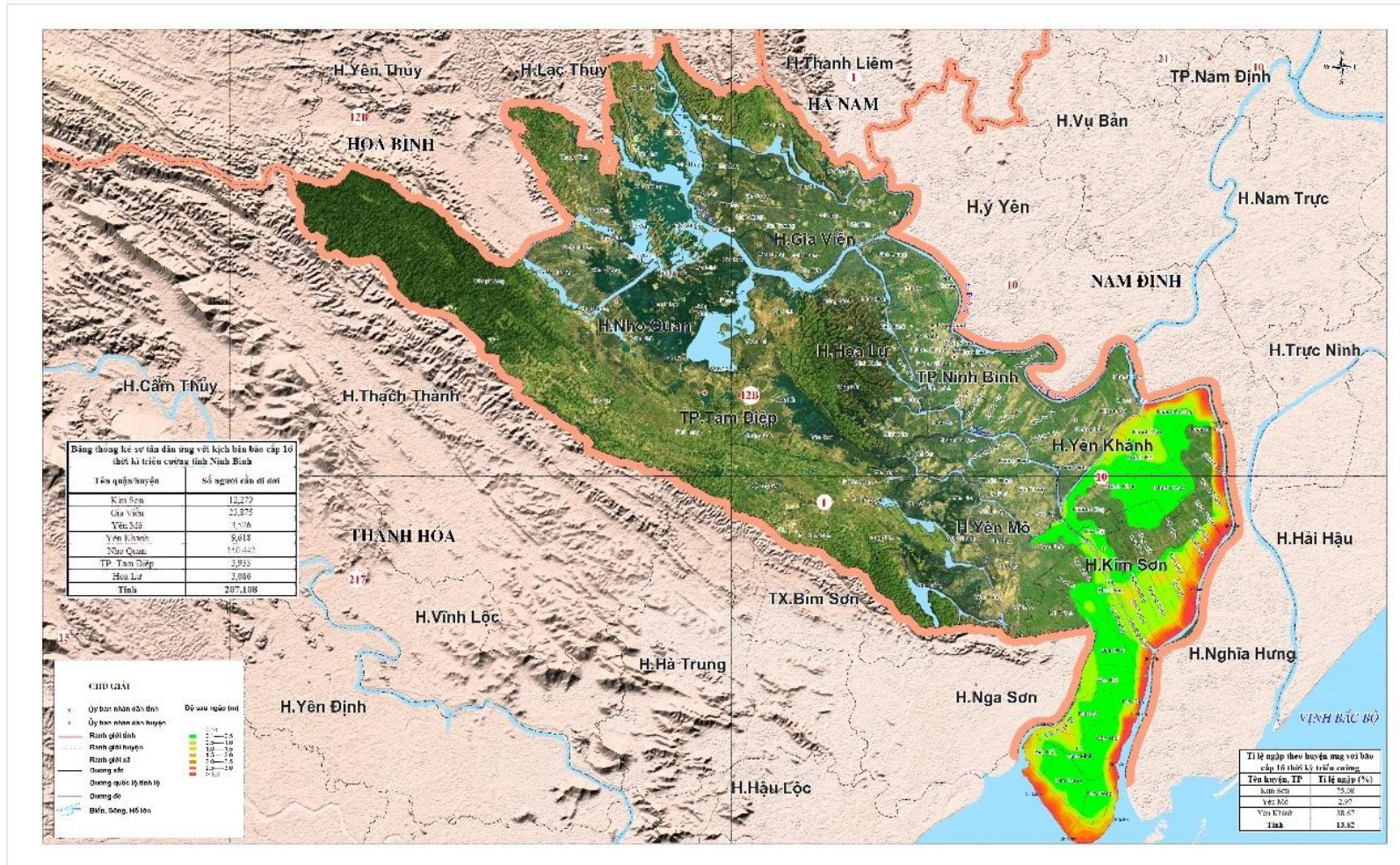
Loại thiên tai	Mức độ tổn thương			Năng lực phòng chống thiên tai (PCTT)			Tác động đến	Cấp độ rủi ro thiên tai				
	Thấp	Trung bình	Cao	Thấp	Trung bình	Cao		Nhỏ	Trung bình	Lớn	Rất lớn	Thảm họa
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)		(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
Đối với bão, ATNĐ			X	X			Thủy lợi				X	
							Giao thông			X		
							Xây dựng				X	
Đối với mưa lớn	X			X			Thủy lợi				X	
							Giao thông				X	
							Xây dựng				X	
Đối với nắng nóng		X			X		Thủy lợi		X			
							Giao thông		X			
							Xây dựng	X				
Đối với hạn hán		X			X		Thủy lợi			X		
							Giao thông			X		
							Xây dựng		X			
Đối với rét đậm, rét		X			X		Thủy lợi		X			

Loại thiên tai	Mức độ tổn thương			Năng lực phòng chống thiên tai (PCTT)			Tác động đến	Cấp độ rủi ro thiên tai				
	Thấp	Trung bình	Cao	Thấp	Trung bình	Cao		Nhỏ	Trung bình	Lớn	Rất lớn	Thảm họa
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)		(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
hại							Giao thông		X			
							Xây dựng		X			
Đối với lũ, ngập lụt	X			X			Thủy lợi				X	
							Giao thông				X	
							Xây dựng				X	
Đối với sạt lở đất, sụt lún đất	X			X			Thủy lợi		X			
							Giao thông	X				
							Xây dựng	X				
Đối với xâm nhập mặn		X			X		Thủy lợi		X			
							Giao thông	X				
							Xây dựng			X		

5.3.5. Xác định rủi ro thiên tai trên bản đồ

Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu đã xây dựng kịch bản và bản đồ ngập lụt của tỉnh ứng với các tình huống bão mạnh và siêu bão kết quả như sau:

BẢN ĐỒ NGẬP LỤT DO NƯỚC BIỂN DÂNG TRONG TÌNH HUỐNG BÃO MẠNH, SIÊU BÃO THEO KỊCH BẢN CẤP 16 ĐỔ BỘ VÀO THỜI KỲ TRIỀU CƯỜNG CHO TỈNH NINH BÌNH

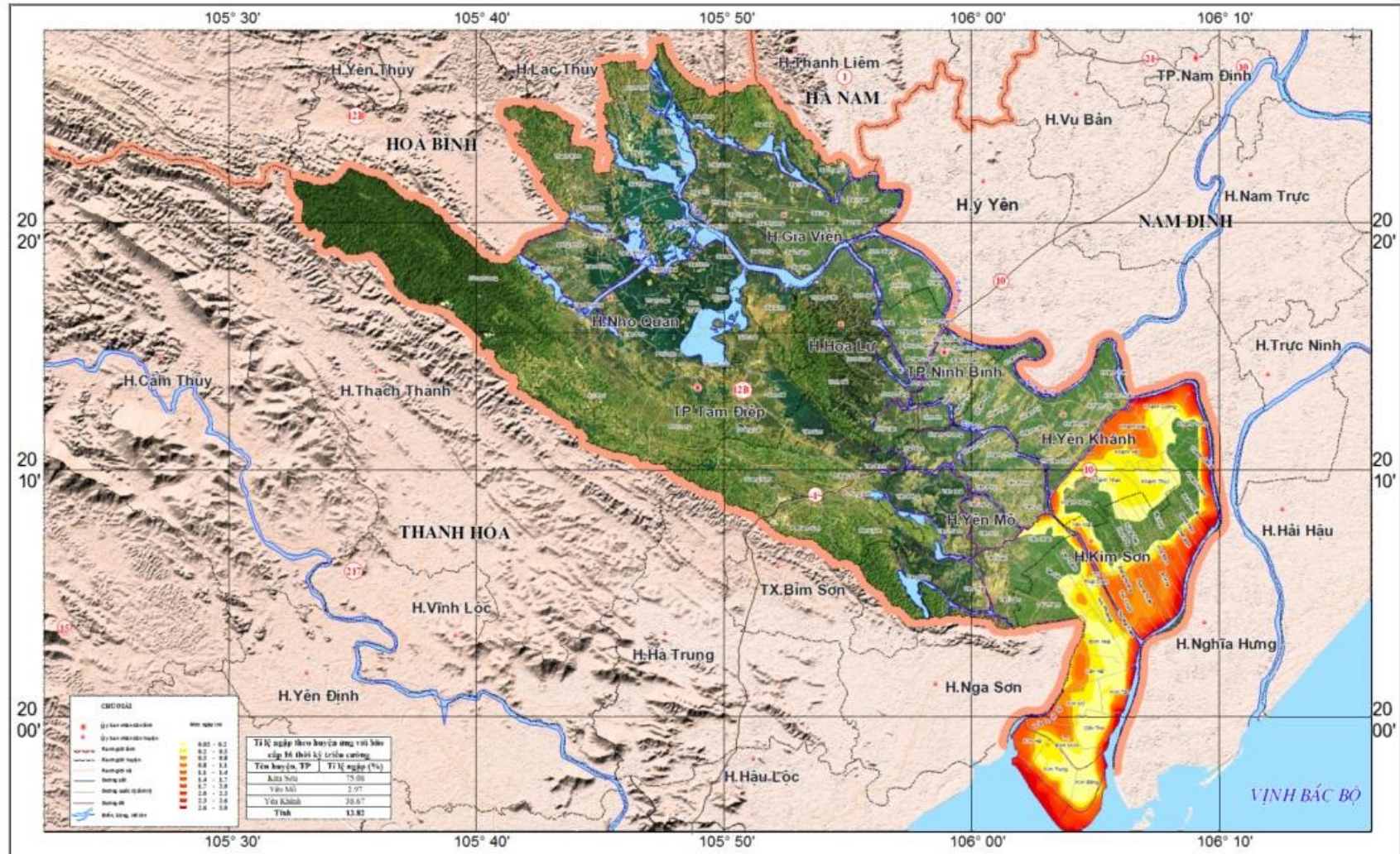


TỶ LỆ: 1: 71.000
0 1,42 2,84 km

VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG THUỶ VĂN VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1 cm trên bản đồ bằng 710 m trên thực địa

BẢN ĐỒ NGẬP LỤT DO NƯỚC BIỂN DÂNG TRONG TÌNH HUỐNG BÃO MẠNH, SIÊU BÃO THEO KỊCH BẢN CẤP 15 ĐÓNG VÀO THỜI KỲ TRIỀU CƯỜNG CHO TỈNH NINH BÌNH

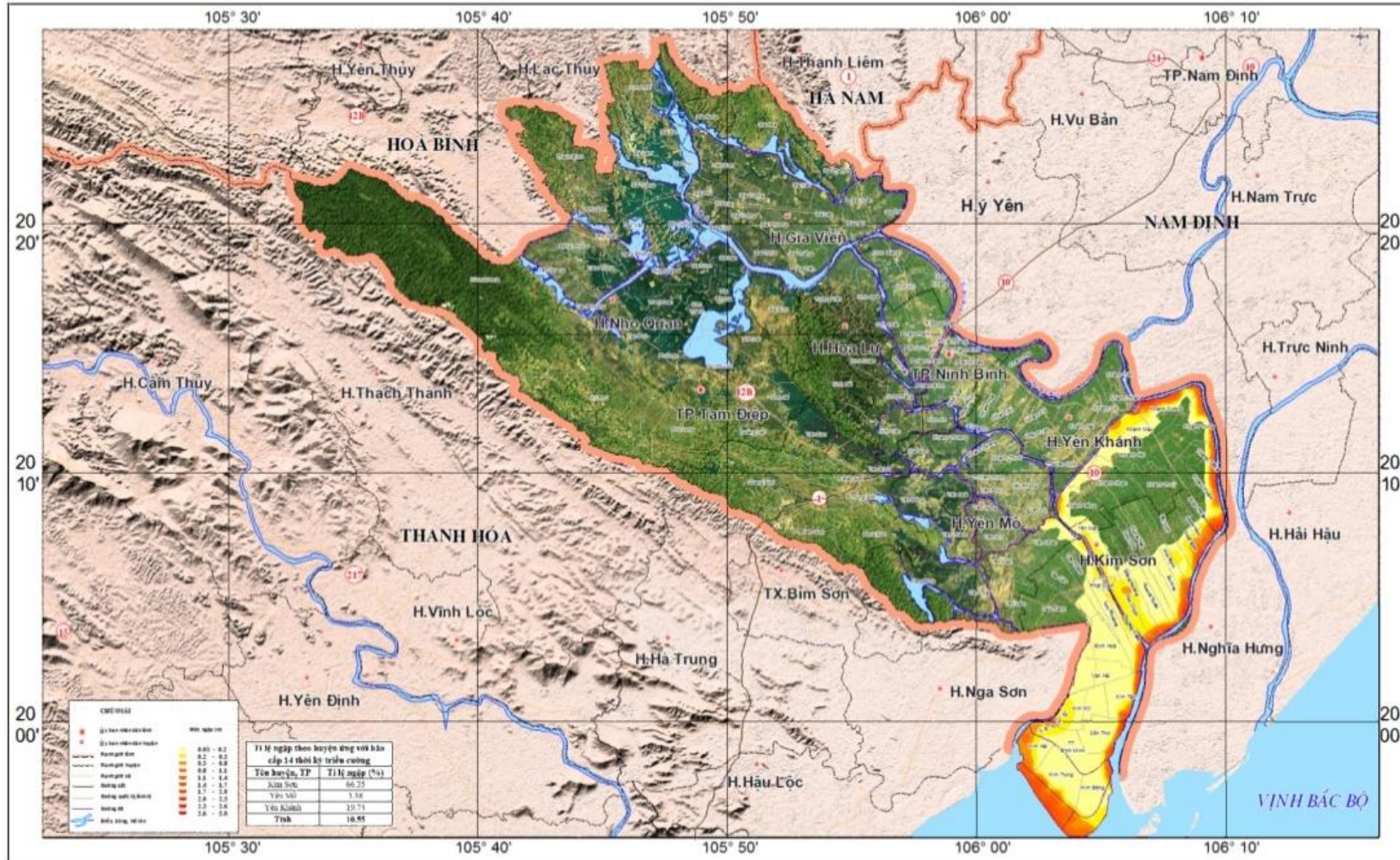


TỶ LỆ: 1: 100.000
0 20 40 km

VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG THUỶ VĂN VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1 cm trên bản đồ bằng 1000 mét trên thực địa

BẢN ĐỒ NGẬP LỤT DO NƯỚC BIỂN DÂNG TRONG TÌNH HUỐNG BÃO MẠNH, SIÊU BÃO THEO KỊCH BẢN CẤP 14 ĐỔ BỘ VÀO THỜI KỲ TRIỀU CƯỜNG CHO TỈNH NINH BÌNH

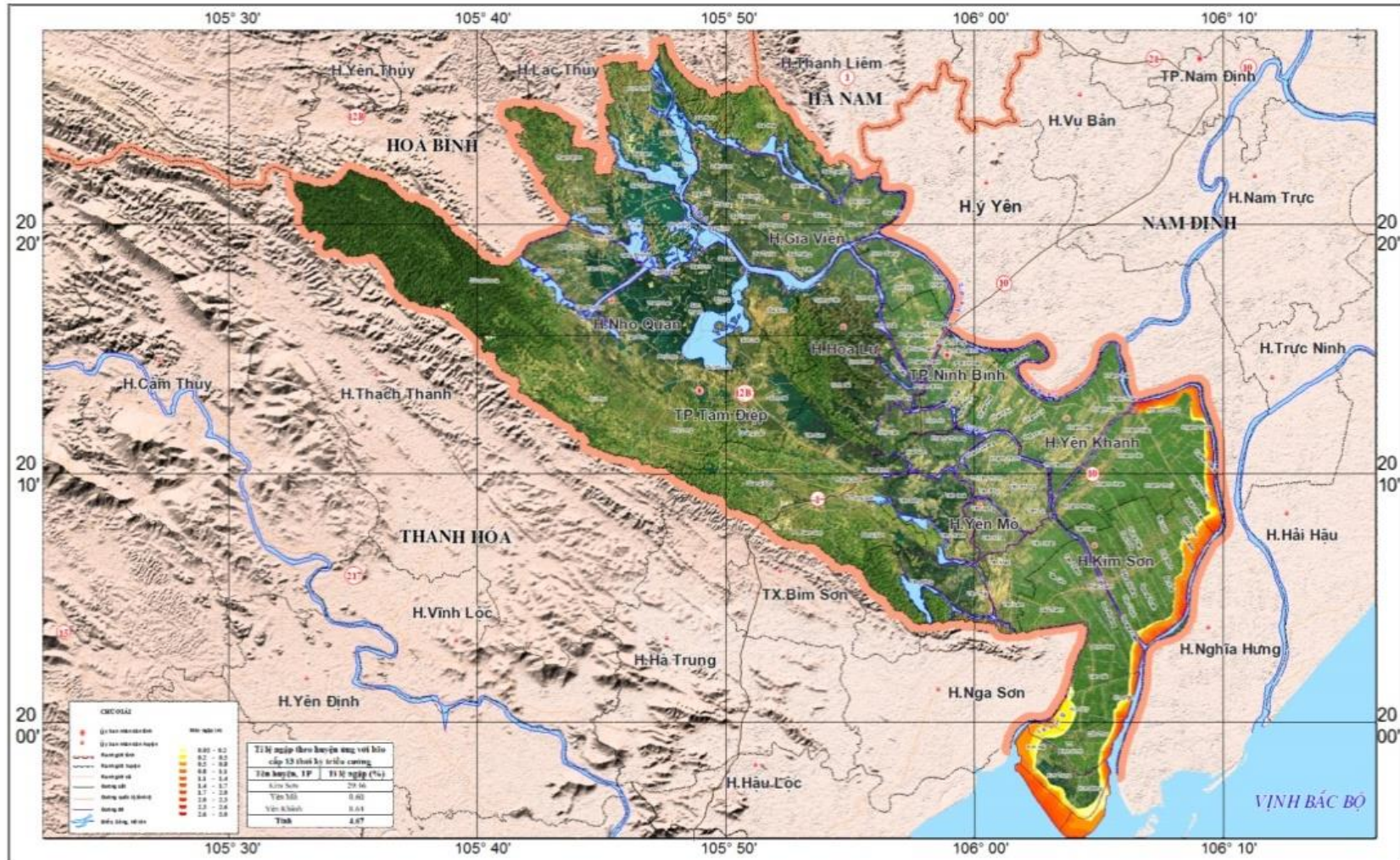


TỶ LỆ: 1: 100.000
0 20 40 km

VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1 cm trên bản đồ bằng 1000 mét trên thực địa

BẢN ĐỒ NGẬP LỤT DO NƯỚC BIỂN DÂNG TRONG TÌNH HUỐNG BÃO MẠNH, SIÊU BÃO THEO KỊCH BẢN CẤP 13 ĐỔ BỘ VÀO THỜI KỲ TRIỀU CƯỜNG CHO TỈNH NINH BÌNH



TỶ LỆ: 1: 100.000
 0 20 40 km

VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1 cm trên bản đồ bằng 1000 mét trên thực địa

Bảng 5.33: Bảng thống kê tình hình ngập

Tỉ lệ ngập theo xã của tỉnh Ninh Bình							
Tên Huyện	Tên xã	Diện tích xã	Tỉ lệ ngập (%)				
			Cấp 16	Cấp 15	Cấp 14	Cấp 13	Cấp 13TB
Kim Sơn	Ân Hòa	700.27	69.5	51.2	44.2	17.6	12.9
	Đồng Hương	698.01	70.8	68.7	68.7	21.1	6.2
	Định Hóa	681.55	79.8	71.8	67.7	0.1	0.1
	Bình Minh	1113.59	79.0	61.7	59.4	11.7	8.5
	Cồn Thoi	750.48	48.1	44.1	38.6	26.9	9.6
	Chát Bình	565.82	58.5	58.5	55.3	29.5	26.1
	Chính Tâm	322.64	43.8	43.8	42.2	21.8	18.5
	Hội Ninh	532.08	57.2	46.2	46.2	17.0	11.5
	Hùng Tiến	558.55	66.5	46.4	42.4	10.7	7.0
	Kim Đông	1165.56	77.0	73.8	73.8	61.0	55.0
	Kim Định	494.94	67.1	52.6	52.6	24.7	17.4
	Kim Chính	714.37	99.1	96.9	91.9	89.6	4.3
	Kim Hải	624.46	99.9	90.7	90.7	30.9	22.7
	Kim Mỹ	854.35	93.8	92.6	88.4	0.0	0.0
	Kim Tân	771.50	62.6	57.4	53.5	41.2	17.0
	Kim Trung	1560.71	88.0	65.3	63.1	49.7	45.6
	Lai Thành	1100.98	14.2	7.3	2.8	0.0	0.0
	Lưu Phương	889.24	90.9	77.6	75.3	48.5	2.5
	Như Hòa	499.74	56.7	53.7	50.6	9.1	4.8
	Phát Diệm	106.54	100.0	95.2	95.2	73.7	0.0
	Quang Thiện	862.14	57.1	56.6	50.0	10.2	5.5
Tân Thành	442.36	51.4	43.9	39.5	0.0	0.0	
Thượng Kiệt	446.80	83.7	82.5	82.5	78.4	17.7	
Văn Hải	698.01	87.0	84.4	81.6	0.4	0.0	

Tỉ lệ ngập theo xã của tỉnh Ninh Bình							
Tên Huyện	Tên xã	Diện tích xã	Tỉ lệ ngập (%)				
			Cấp 16	Cấp 15	Cấp 14	Cấp 13	Cấp 13TB
	Xuân Thiện	291.72	38.8	38.8	38.8	22.0	18.7
	Yên Lộc	688.49	48.5	41.3	22.2	0.0	0.0
	Yên Mật	151.10	97.9	97.9	90.9	83.2	0.0
Yên Khánh	Khánh Công	793.12	43.7	43.7	39.9	38.6	20.1
	Khánh Cường	879.61	95.8	70.6	58.8	40.9	0.0
	Khánh Hải	864.60	0.7	0.0	0.0	0.0	0.0
	Khánh Hồng	822.46	33.8	33.8	30.9	3.4	0.0
	Khánh Hội	656.88	100.0	65.4	44.4	0.1	0.0
	Khánh Lợi	668.98	6.7	0.0	0.0	0.0	0.0
	Khánh Mậu	798.40	100.0	78.5	49.6	4.1	0.0
	Khánh Nhạc	1099.42	77.5	26.0	23.9	0.0	0.0
	Khánh Thành	793.17	47.3	40.8	38.0	28.4	11.9
	Khánh Thiện	298.29	9.5	1.1	1.0	1.0	0.0
	Khánh Thủy	798.46	83.0	1.5	0.0	0.0	0.0
	Khánh Trung	1115.85	50.4	42.3	32.4	25.0	3.4
	Yên Ninh	782.28	17.0	4.2	4.2	0.3	0.0
Yên Mô	Yên Mạc	825.99	1.9	0.0	0.0	0.0	0.0
	Yên Nhân	1139.35	33.3	19.1	18.2	8.0	0.0
	Yên Từ	526.59	9.5	0.0	0.0	0.0	0.0

Chương VI

CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI

6.1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu.

6.1.1. Biện pháp chung

Căn cứ vào các loại hình thiên tai thường xảy ra trên địa bàn; mức độ ảnh hưởng của các loại hình thiên tai, thiệt hại của thiên tai đã gây ra cho con người, cơ sở hạ tầng, kinh tế - xã hội xây dựng các biện pháp chung để phòng ngừa, giảm thiểu thiên tai như sau:

- Về biện pháp an toàn về người:

- + củng cố hệ thống chỉ huy, chỉ đạo phòng chống thiên tai các cấp.
- + Hoàn thiện hệ thống pháp luật phòng chống thiên tai.
- + Tăng cường phương tiện, trang thiết bị phục vụ sơ tán, cứu hộ, cứu nạn.
- + Tăng cường công tác dự báo, cảnh báo.
- + Nâng cao năng lực, kiến thức.
- + Tham gia của các tổ chức, đoàn thể và toàn xã hội.
- + Tăng cường công tác thông tin, truyền thông.
- + Tăng cường công tác cứu hộ, cứu nạn.
- + Hệ thống đánh giá thiệt hại và nhu cầu nhằm tăng cường nguồn lực từ bên ngoài.
- + Chính sách hỗ trợ thiệt hại sau thiên tai.
- + Phát triển hệ thống bảo hiểm phòng chống thiên tai cho người dân.
- + Đảm bảo nguồn lực xây dựng, sửa chữa các công trình PCTT (biện pháp giảm thiểu) .

+ Đảm bảo nguồn lực về tài chính để thực hiện phòng ngừa, phục hồi tái thiết.

- Về biện pháp đảm bảo phát triển kinh tế - xã hội:

- + củng cố hệ thống chỉ huy, chỉ đạo phòng chống thiên tai các cấp.
- + Hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách phòng chống thiên tai.
- + Tăng cường phương tiện, trang thiết bị trong quá trình ứng phó thiên tai.
- + Tăng cường công tác dự báo, cảnh báo.
- + Nâng cao năng lực, kiến thức cho người dân, cho cán bộ.
- + Tham gia của các tổ chức, đoàn thể và toàn xã hội.
- + Tăng cường công tác thông tin, truyền thông.
- + Hệ thống đánh giá thiệt hại và nhu cầu nhằm tăng cường nguồn lực từ bên ngoài.
- + Chính sách hỗ trợ thiệt hại sau thiên tai đảm bảo phục hồi sản xuất, kinh doanh liên tục.

- + Phát triển hệ thống bảo hiểm phòng chống thiên tai cho các ngành.
- + Đảm bảo nguồn lực về tài chính để lồng ghép PCTT trong các ngành (giảm thiểu, phòng ngừa, phục hồi, tái thiết)
- + Đảm bảo nguồn lực xây dựng, sửa chữa các công trình PCTT (biện pháp giảm thiểu)
- + Ứng dụng khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế.
- Về biện pháp an toàn cơ sở hạ tầng:
 - + củng cố hệ thống chỉ huy, chỉ đạo phòng chống thiên tai các cấp.
 - + Hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách phòng chống thiên tai.
 - + Tăng cường phương tiện, trang thiết bị trong quá trình ứng phó sự cố công trình.
 - + Tăng cường công tác dự báo, cảnh báo.
 - + Nâng cao nhận thức, kiến thức cho người dân, cho cán bộ.
 - + Tham gia của các tổ chức, đoàn thể và toàn xã hội.
 - + Tăng cường công tác thông tin, truyền thông.
 - + Hệ thống đánh giá thiệt hại và nhu cầu nhằm tăng cường nguồn lực từ bên ngoài.
- + Phát triển hệ thống bảo hiểm phòng chống thiên tai cho các công trình.
- + Đảm bảo nguồn lực về tài chính để lồng ghép PCTT trong các ngành (giảm thiểu, phòng ngừa, phục hồi, tái thiết).
- + Đảm bảo nguồn lực xây dựng, sửa chữa các công trình PCTT (giảm thiểu).
- + Ứng dụng khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế.

6.1.1.1. Nhóm biện pháp phi công trình

a. Hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách.

Triển khai, thực hiện các Văn bản Pháp luật, cơ chế chính sách trong lĩnh vực PCTT và TKCN từ Trung ương; tỉnh xây dựng, hoàn thiện, thể chế nhằm thực hiện các chiến lược, luật, chương trình, đề án, kế hoạch, phương án, dự án về PCTT và TKCN đảm bảo nâng cao hiệu quả trong công tác PCTT và TKCN.

- Hàng năm rà soát và ban hành quyết định kiện toàn Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và TKCN tỉnh và phân công nhiệm vụ thành viên nhằm huy động tối đa nguồn lực của các cơ quan, tổ chức tham gia công tác phòng, chống giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai; đảm bảo về quyền lực, chủ động, tiện lợi, hiệu quả thể hiện trong danh sách các thành viên Ban chỉ huy; thể chế thành lập các tiểu Ban chỉ huy, quy định rõ trách nhiệm của các tiểu Ban. (cơ quan ra Quyết định: UBND tỉnh; cơ quan chủ trì: sở Nông nghiệp và PTNT; cơ quan phối hợp: các sở, ban, ngành, tổ chức, cá nhân có liên quan).

- Bảo đảm hoạt động hành chính của Văn phòng Quỹ Phòng chống thiên tai tỉnh nhằm xây dựng và thực hiện kế hoạch thu, chi của Quỹ trên địa bàn tỉnh.

- Rà soát chính sách hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng chống thiên tai (thực hiện theo chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở giai đoạn 2020 - 2025 của Chính phủ).

- Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh đảm bảo trách nhiệm cụ thể của cá nhân và đơn vị ngành phụ trách của các thành viên trong công tác PCTT và TKCN nhằm huy động tối đa nguồn lực của các cơ quan, tổ chức liên quan trong toàn xã hội; đảm bảo trách nhiệm của toàn xã hội, giảm thiểu thiệt hại về người và kinh tế - xã hội trên toàn tỉnh. (cơ quan ra Quyết định: UBND tỉnh; cơ quan chủ trì: sở Nông nghiệp và PTNT; cơ quan phối hợp: các sở, ban, ngành, tổ chức, cá nhân có liên quan).

- Xây dựng lực lượng xung kích phòng chống thiên tai tại cơ sở, trước mắt là tại cấp xã với lực lượng dân quân tự vệ làm nòng cốt. Rà soát, hoàn thiện, chủ động bố trí nguồn lực thực hiện kế hoạch phòng chống thiên tai; phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai cấp tỉnh, huyện, xã.

- Thực hiện tốt phương châm "4 tại chỗ" trong phòng, chống thiên tai, tổ chức diễn tập để rút kinh nghiệm cho phù hợp với thực tế của địa phương.

- Quản lý thu, chi Quỹ PCTT đảm bảo thực hiện theo đúng Nghị định 83/2019/NĐ-CP ngày 12/11/2019 nhằm thực hiện chi hỗ trợ cho các hoạt động PCTT bao gồm các hoạt động về phòng ngừa, ứng phó và cứu trợ, khắc phục hậu quả thiên tai. (cơ quan ra Quyết định: UBND tỉnh; cơ quan chủ trì: sở Nông nghiệp và PTNT; cơ quan phối hợp: sở Tài chính, các sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố).

- Chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp, khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai đảm bảo thực hiện theo Nghị định 02/2017/NĐ-CP về hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản hoặc một phần chi phí sản xuất ban đầu để khôi phục sản xuất nông nghiệp bị thiệt hại do thiên tai. (cơ quan ra Quyết định: Chính phủ; cơ quan chủ trì: sở Tài chính; cơ quan phối hợp: các sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố). Cần tiếp tục rà soát chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh.

b. Kiện toàn tổ chức, bộ máy và tăng cường năng lực quản lý thiên tai.

- Kiện toàn tổ chức, bộ máy chỉ huy phòng chống thiên tai và TKCN các cấp đảm bảo năng lực hoạt động có hiệu quả.

- Rà soát Quy chế tổ chức và hoạt động của Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các cấp nhằm tăng cường năng lực, hoạt động hiệu quả.

- Nâng cao năng lực đội ngũ làm công tác phòng, chống thiên tai cấp huyện, cấp xã bằng các lớp đào tạo, tập huấn; dự kiến 5 lớp đào tạo/năm.

- Rà soát, xây dựng lực lượng xung kích PCTT cấp xã với lực lượng dân quân tự vệ làm nòng cốt theo hướng dẫn của Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTT.

- Đầu tư trang thiết bị cho Văn phòng thường trực Ban chỉ huy PCTT và TKCN các cấp thực hiện nhiệm vụ với diễn biến ngày càng phức tạp của thiên tai: Văn phòng làm việc, trang thiết bị họp trực tuyến, trang thiết bị văn phòng.

- Tăng cường năng lực và trang thiết bị cho lực lượng PCTT và TKCN: lực lượng vũ trang tỉnh, các sở, ngành, UBND các địa phương. Mua sắm các trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác PCTT và TKCN.

- Hoàn chỉnh hệ thống thông tin liên lạc phòng chống thiên tai và TKCN. Trước mắt đảm bảo liên lạc thông suốt của Ban chỉ huy PCTT và TKCN các cấp.

- Rà soát cơ chế phối hợp giữa Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh với các Tổ chức chính trị, xã hội: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Chữ thập đỏ tỉnh cùng tham gia phòng chống thiên tai.

- Tổ chức diễn tập phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã. Cấp tỉnh, cấp huyện tổ chức diễn tập 5 năm 1 lần; cấp xã tổ chức diễn tập 2 năm 1 lần.

- Kêu gọi, quản lý thực hiện chương trình hỗ trợ, vận động của các tổ chức trong và ngoài nước. (cơ quan ra Quyết định: Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh; cơ quan chủ trì: Văn phòng thường trực Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh; cơ quan phối hợp: các Tổ chức chính trị, xã hội).

- Rà soát, kiện toàn cơ quan chỉ huy PCTT & TKCN cấp tỉnh; cơ quan tham mưu về PCTT các cấp đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu quả, đáp ứng yêu cầu công tác phòng chống thiên tai theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ và Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn theo nguyên tắc không tăng thêm đầu mối và biên chế.

c. Lập, rà soát và thực hiện các kế hoạch, quy hoạch

- Xây dựng Kế hoạch phòng chống thiên tai cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2021 - 2025 theo quy định của Luật Phòng, chống thiên tai.

- Rà soát, lồng ghép phòng chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội.

- Xây dựng Kế hoạch quản lý lũ tổng hợp lưu vực sông Hoàng Long trong điều kiện biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

- Xây dựng, cập nhật kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đánh giá khí hậu tỉnh Ninh Bình. Xây dựng kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu. Xây dựng chương trình giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; đề xuất kế hoạch kiểm kê phát thải khí nhà kính trên địa bàn tỉnh. Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến phát triển du lịch và các dịch vụ trên địa bàn tỉnh. Xây dựng "Bộ chỉ thị thương tổn môi trường vùng ven biển, đề xuất giải pháp BVMT phù hợp nhằm phát triển bền vững vùng ven biển tỉnh Ninh Bình". Tập huấn, tuyên truyền về biến đổi khí hậu.

Ngày 15/9/2020, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 131/NQ-CP về bổ sung các quy hoạch tại phụ lục danh mục các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 59 của Luật Quy hoạch ban hành kèm theo Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02/12/2019 của Chính phủ trong đó có Quy hoạch phòng, chống lũ chi tiết sông Hoàng Long đến năm 2025.

Trong năm 2021-2022 lập Kế hoạch quản lý lũ tổng hợp lưu vực sông Hoàng Long trong điều kiện biến đổi khí hậu, nước biển dâng nhằm chủ động chỉ huy, điều hành phòng chống mưa lớn, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất giảm thiệt hại về người và tài sản nhân dân, nhằm nâng cao năng lực của chính quyền/tổ chức và các cơ quan phòng chống thiên tai cấp tỉnh trong việc cập nhật các phương pháp đánh giá rủi ro lũ lụt, chuẩn bị Kế hoạch quản lý lũ lụt tổng hợp theo lưu vực sông và cập nhật Kế hoạch phòng chống thiên tai cấp tỉnh.

- Xây dựng kế hoạch tổng thể phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển đến năm 2030 và các giai đoạn 2021÷2025, 2026÷2030 làm cơ sở để lồng ghép vào kế hoạch phòng chống thiên tai và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Xây dựng phương án xóa bỏ khu phân chặm lũ sông Hoàng Long thuộc vùng 5 xã huyện Nho Quan (Xích Thổ, Gia Sơn, Gia Lâm, Gia Thủy, Phú Sơn và 1 phần xã Lạc Vân) và vùng ngoài đê của các huyện Nho Quan và huyện Gia Viễn; Khu chặm lũ Gia Tường-Đức Long phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội. Hiện nay, Mức đảm bảo phòng chống lũ tần suất 5% đối với các vùng được bảo vệ bởi các tuyến đê Đức Long - Gia Tường - Lạc Vân; Năm Căn. Mục nước thiết kế đối với các tuyến đê: Tả Hoàng Long, Đàm Cút, Hữu Hoàng Long, Trường Yên khi không thực hiện các giải pháp khác như đề xuất trong Nghị quyết số 33/NQ-HĐND thì chống được lũ tần suất lũ 2% dạng lũ tháng 9/1985, khi thực hiện các giải pháp như đề xuất trong Nghị quyết số 33/NQ-HĐND thì chống được lũ tần suất lũ 1% dạng lũ tháng 9/1985. Các tuyến đê Đức Long - Gia Tường - Lạc Vân mục nước thiết kế tại Bến Đé +5,4 m, tại Gián Khẩu là (+4.5m) tương đương chống lũ 5% dạng lũ tháng 9/1985. Tuy nhiên trận lũ 10/2017, tại trạm Thủy văn Bến Đé đạt đỉnh 5,53m (vượt báo động III 1,53m và vượt lũ lịch sử năm 1985). Như vậy, cũng tương tự như hệ thống sông Hồng, việc xóa các khu chặm lũ sông Hoàng Long cũng cần phải có điều kiện, thực chất là nâng tiêu chuẩn chống lũ cao hơn hiện tại.

- Rà soát quy hoạch bố trí dân cư các vùng có nguy cơ thiên tai giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030 nhằm xây dựng và thực hiện các dự án Tái định cư, ổn định đời sống và sản xuất nhân dân.

- Lập, rà soát, bổ sung bản đồ phân vùng rủi ro thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai. Xác định các vị trí rủi ro thiên tai để đưa ra các biện pháp ứng phó phù hợp. Cập nhật các bản đồ nguy cơ rủi ro do bão, lũ, sạt lở đất, hạn hán, ngập lụt, xâm nhập mặn,... Xác định các vùng có nguy cơ tổn thương cao, các đối tượng dễ bị tổn thương để có giải pháp phòng tránh phù hợp. (cơ quan ra Quyết định:

UBND tỉnh; cơ quan chủ trì: sở Tài nguyên và Môi trường, sở Nông nghiệp và PTNT; cơ quan phối hợp: các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn).

- Rà soát, cập nhật các phương án ứng phó thiên tai cấp tỉnh theo cấp độ rủi ro thiên tai: Cập nhật phương án ứng phó với bão; xây dựng và cập nhật phương án ứng phó lũ lụt; xây dựng và cập nhật phương án ứng phó hạn hán, phương án ứng phó với tình hình vận hành xả lũ của các hồ chứa phía thượng nguồn trong tình huống có bão mạnh, siêu bão, triều cường, nước biển dâng.

- Lập, rà soát, bổ sung Quy hoạch cơ sở hạ tầng một số ngành nằm trong khu vực ảnh hưởng của thiên tai nhằm giảm thiểu tác động của thiên tai đến các ngành trong việc đầu tư xây dựng mới cũng như quản lý vận hành. Đánh giá tác động của thiên tai để xác định vị trí, quy mô, ... công trình phù hợp và có giải pháp giảm thiểu tác động; Quy hoạch xây dựng, giao thông, thủy lợi, ... lồng ghép nội dung PCTT. (cơ quan ra Quyết định: UBND tỉnh; cơ quan chủ trì: sở Nông nghiệp và PTNT, Xây Dựng, Giao Thông, Công Thương, Thông tin và Truyền thông,...; cơ quan phối hợp: các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố).

- Quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch cơ sở hạ tầng khu vực ảnh hưởng của thiên tai dựa trên phân tích về rủi ro thiên tai.

- Lập, rà soát bản đồ phân vùng rủi ro thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai

- Rà soát, bổ sung quy hoạch phòng chống lũ, quy hoạch thủy lợi.

d. Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo cấp tỉnh

- Thực hiện xã hội hóa các dịch vụ khí tượng thủy văn, nâng cao chất lượng dự báo, cảnh báo phục vụ công tác điều hành, chỉ đạo PCTT. Đầu tư xây dựng một số trạm đo quan trắc, giám sát riêng biệt về lưu lượng, mực nước, mặn, mưa, sét, các trọng điểm sung yếu... Chia sẻ, cung cấp các thông tin dự báo với các đơn vị chuyên môn để phục vụ công tác điều hành quản lý. (cơ quan ra Quyết định: UBND tỉnh; cơ quan chủ trì: Đài khí tượng thủy văn tỉnh; cơ quan phối hợp: Đài khí tượng thủy văn khu vực). Xây dựng Kế hoạch phát triển mạng lưới quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng trên địa bàn tỉnh. Tăng cường năng lực quan trắc khí tượng thủy văn để thông tin kịp thời cảnh báo thiên tai trên địa bàn tỉnh.

- Lắp đặt, xây dựng hệ thống quan trắc chuyên dùng phục vụ phòng chống thiên tai: tự động quan trắc mưa, độ mặn, mực nước.

- Lắp đặt 54 thiết bị đo mưa, mực nước tại các hồ chứa nâng cấp, xây mới.

- Lắp đặt 54 thiết bị đo mực nước, 54 camera giám sát các hồ chứa do Công ty Khai thác công trình thủy lợi quản lý.

- Lắp đặt 15 thiết bị đo mưa, mực nước tại các vị trí giám sát theo quy hoạch phòng chống lũ sông Hoàng Long: công Liên Sơn, TB Gia Vân, TB Vân

Trịnh, Trần Lạc Khoái, TB, Âu Lê, kè Trường Yên, Âu Chanh, TB. Gia Tường, TB. Đức Long, công Tràn An, công Đồng Đình...

- Lắp đặt thiết bị cảnh báo các khu vực bị ngập sâu, trũng thấp; sạt lở đất

Các khu vực thường xuyên bị ngập sâu ngầm tràn đường giao thông; vùng trũng thấp ven sông, suối; khu vực cơ nguy cơ sạt lở đất được lắp đặt thiết bị cảnh báo, bảng cảnh báo.

- Tăng cường, cải tiến, chi tiết hóa các bản tin dự báo phục vụ phát triển KTXH và PCTT nhằm giảm chi phí đầu tư và khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra. Cung cấp các bản tin dự báo, cảnh báo phục vụ đa ngành; lồng ghép PCTT, điều kiện bất lợi về KTTV với phát triển KTXH. (cơ quan ra Quyết định: UBND tỉnh; cơ quan chủ trì: Đài khí tượng thủy văn tỉnh; cơ quan phối hợp: Đài khí tượng thủy văn khu vực).

e. Ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ mới trong xây dựng hệ thống giám sát, cảnh báo, báo cáo thống kê, đánh giá thiệt hại thiên tai

- Xây dựng hệ thống thông tin quản lý, giám sát vận hành hệ thống công trình phòng chống thiên tai lưu vực sông Hoàng Long. Hệ thống này nhằm thiết lập và tăng cường hệ thống quản lý và sử dụng dữ liệu và công cụ ra quyết định tích hợp trong phòng chống thiên tai.

- Đảm bảo thông tin liên lạc VTSN trạm khí tượng thủy văn Hưng Thi – Hòa Bình về Viễn thông hệ 1 – Ninh Bình phục vụ cho Trung tâm khí tượng thủy văn Ninh Bình chuyển kịp thời các số liệu khí tượng thủy văn tại trạm khí tượng thủy văn Hưng Thi cho Ban chỉ huy PCTT&TKCN.

- Đảm bảo thông tin liên lạc khi xảy ra bão, lũ lớn kéo dài gặp sự cố mất điện lưới, không thể thông tin liên lạc bằng hữu tuyến và các mạng viễn thông trang bị thiết bị di động vệ tinh Vinaphone S (Thiết bị XT-Line).

- Dẫn tập đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ công tác PCTT&TKCN tại Trung tâm OCTT Kim Đông – Kim Sơn.

- Vật tư, thiết bị phục vụ đảm bảo thông tin liên lạc. (Đài VTĐ sóng ngắn, Cột viba, Trạm BTS, xe cầu, Xe BTS lưu động.....).

- Xây dựng hệ thống quản lý, lưu trữ, xử lý, khai thác sử dụng số liệu khí tượng thủy văn phục vụ công tác phòng chống thiên tai.

- Xây dựng hệ thống thông tin phân tích rủi ro thiên tai hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng bền vững thích ứng biến đổi khí hậu.

- Ứng dụng IOT thiết lập hệ thống quan trắc diễn biến lòng dẫn, sạt lở, bồi lắng bờ sông, bờ biển. Thiết lập hệ thống giám sát sạt lở theo thời gian thực, kết hợp với giám sát lũ, ngập lụt, xâm nhập mặn,... trong đó kết hợp tối đa với hệ thống cơ sở hạ tầng hiện có (hệ thống thông tin, truyền thông; hệ thống tín hiệu giao thông ở ven sông, ven biển,...).

- củng cố, hiện đại hóa hệ thống dự báo lũ và cảnh báo sớm cho hệ thống đê sông Đáy, sông Hoàng Long, sông Vạc trên địa bàn tỉnh

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về mưa, lũ, lụt, sạt lở đất, hạn hán, xói lở bờ sông, bờ biển.

f. Nâng cao nhận thức, kiến thức PCTT cho cộng đồng

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng chống thiên tai Thông qua các chương trình đào tạo, tập huấn do Hội chữ thập đỏ tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND cấp huyện phối hợp tổ chức; lồng ghép các chương trình hội nghị, hội thảo các cấp.

- Tổ chức thông tin, tuyên truyền về thiên tai thông qua hệ thống thông tin đại chúng. Nâng cao nhận thức và kiến thức của cộng đồng về phòng tránh thiên tai bằng các chương trình: truyền thông để phát thanh trên Đài Phát thanh tỉnh, cấp huyện, cấp xã; phổ biến kiến thức PCTT trong nhà trường; tuyên truyền với hình thức báo chí, băng rôn, tờ rơi, chiếu phim, biểu diễn văn nghệ.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng. Nâng cao nhận thức và cung cấp kiến thức cho cán bộ và người dân về PCTT và TKCN nhằm phòng tránh, giảm thiểu rủi ro thiên tai có sự tham gia của cộng đồng. Bổ sung, cập nhật Kế hoạch thực hiện Đề án; Đào tạo, phê duyệt đội ngũ giảng viên cấp tỉnh; Đào tạo đội ngũ giảng viên cấp huyện; Thành lập nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp xã và tiến hành đánh giá, xây dựng kế hoạch PCTT cho cấp xã; Đưa nội dung PCTT lồng ghép vào chương trình của các cấp học; Tổ chức các hoạt động liên quan khác; Xây dựng các dự án có quy mô nhỏ ở cấp cộng đồng. (cơ quan ra Quyết định: UBND tỉnh; cơ quan chủ trì: sở Nông nghiệp và PTNT; cơ quan phối hợp: UBND các huyện, thành phố, các xã, phường, thị trấn, các cơ quan liên quan).

- Nâng cao năng lực PCTT của ngành GTVT trên địa bàn tỉnh.

g. Chương trình trồng và bảo vệ rừng

- Xây dựng kế hoạch, dự án trồng rừng ngập mặn, rừng phòng hộ ven biển; củng cố, chăm sóc, bảo vệ rừng đã trồng nhằm bảo vệ dân cư, chắn sóng, chắn sóng, giảm áp lực của bão đối với đất liền. Khảo sát, xây dựng kế hoạch, tiến hành trồng mới rừng tại các khu vực có khả năng trồng được. Quản lý khu vực đã được trồng rừng kết hợp bảo vệ sinh thái đảm bảo bền vững. (cơ quan ra Quyết định: UBND tỉnh; cơ quan chủ trì: sở Nông nghiệp và PTNT; cơ quan phối hợp: Các sở, ngành, đơn vị liên quan).

- Bảo vệ rừng, phòng tránh thiệt hại giảm diện tích, chất lượng rừng do thiên tai. Xây dựng phương án, chuẩn bị 4 tại chỗ về phòng chống cháy rừng; quản lý khai thác, bảo vệ rừng hợp lý. (cơ quan ra Quyết định: UBND tỉnh; cơ quan chủ trì: sở Nông nghiệp và PTNT; cơ quan phối hợp: Các sở, ngành, đơn vị liên quan,

6.1.1.2. Nhóm biện pháp công trình

a. Đầu tư, nâng cấp công trình thủy lợi

- Xây dựng, củng cố, nâng cấp hệ thống đê, kè, cống dưới đê, các công

trình phụ trợ cho đê nhằm đảm bảo phòng chống lũ trên các lưu vực sông chảy qua tỉnh và các tác động từ biển, thiên tai, phòng chống xói lở, xâm thực. Thực hiện chương trình nâng cấp đê sông, đê biển đã được phê duyệt. Nâng cao hiệu quả quản lý hệ thống đê an toàn. Xây dựng và triển khai phương án xử lý sự cố đê điều theo phương châm giờ đầu, 4 tại chỗ. (Cơ quan ra Quyết định: UBND tỉnh; cơ quan chủ trì: sở Nông nghiệp và PTNT; cơ quan phối hợp: Các sở, ngành, đơn vị liên quan, UBND các huyện, thành phố, các xã, phường, thị trấn).

- Cải tạo nâng cấp một số đê như sau:

+ Nâng cấp tuyến đê hữu sông Đáy đoạn từ Km33+600 đến Km38+00 và đoạn Km42+295 đến Km43+9500 huyện Yên Khánh

+ Cải tạo nâng cấp tuyến bờ hữu sông Tiên Hoàng đoạn từ chợ Khánh Thành đến đường ĐT 481D

+ Nâng cấp, mở rộng tuyến thoát lũ, kè chống sạt lở bờ tả, hữu sông Hoàng Long, trồng tre chắn sóng đoạn từ cầu Trường Yên đến cầu Gián Khẩu.

+ Xây dựng hệ thống công kiểm soát ngăn mặn và nâng cấp đê Dường Diễm kết hợp nâng cấp bờ sông thành đường cứu hộ, cứu nạn chống xâm nhập mặn và phục vụ phòng chống lụt bão liên huyện Yên Khánh - Kim Sơn.

+ Đoạn đê tả sông Mối từ công giếng Méo đến cầu Đầm, xã Khánh Mậu, huyện Yên Khánh.

+ Tuyến đê hữu sông Bên Đàng (đoạn từ km15+382 đến km 17+141).

+ Xử lý cấp bách đê hữu Trinh nữ, xã Yên Hòa, đoạn từ Nga Ba sông Ghềnh đến cầu Trinh Nữ.

+ Xử lý khẩn cấp bách kè hữu Vạc đoạn Km20+400 đến Km21+000 xã Thượng Kiện, huyện Kim Sơn.

+ Xây dựng đường cứu hộ, cứu nạn chống tràn thoát lũ từ trung tâm 6 xã tiểu khu I ra đê Hữu Đáy, huyện Kim Sơn

+ Đối ứng phần ngân sách cấp tỉnh để thực hiện dự án xây dựng tuyến đê biển Bình Minh 4, huyện Kim Sơn

Chi tiết xem thêm bảng Bảng 8.2 nội dung nguồn lực thực hiện.

- Cải tạo nâng cấp một số cống, trạm bơm, hồ đập như sau:

+ Đầu tư xây dựng trạm bơm Đồng Ân, xã Khánh Lợi, huyện Yên Khánh.

+ Xây dựng trạm bơm Nho Phong xã Đức Long huyện Nho Quan.

+ Nâng cấp trạm bơm Yên Phong, xã Yên Phong, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình

+ Xây mới cống Tân Hưng, xã Gia Hưng, huyện Gia Viễn.

+ Nâng cấp kênh công Cây Đa Xanh kết hợp làm đường cứu hộ phòng chống thiên tai hồ Đồng - Thái huyện Yên Mô.

+ Nâng cấp hệ thống tiêu trạm bơm cồn Muối xã Ninh Phúc, thành phố Ninh Bình.

- + Nâng cấp Trạm bơm Gia Vân và hệ thống kênh tiêu chính.
- + Đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp hệ thống tiêu Trạm bơm Gia Viễn và mở rộng hệ thống tưới, tiêu các xã phía Đông trạm bơm Gia Viễn, huyện Gia Viễn (Giai đoạn 1).

Chi tiết xem thêm bảng Bảng 8.2 nội dung nguồn lực thực hiện.

- Đầu tư nâng cấp, sửa chữa xây mới một số kè chống sạt lở bờ sông.
- + Kè đê Hữu Đáy đoạn K0+400 ÷ K7+800 thuộc địa phận xã Gia Thanh, Gia Xuân, Gia Trấn - huyện Gia Viễn.
- + Kè đê Hữu Đáy đoạn K23+580 ÷ K25+450 thuộc địa phận xã Khánh Phú - huyện Yên Khánh.
- + Kè đê hữu Đáy đoạn K28+400 - K29+760 thuộc địa phận xã Khánh Phú - huyện Yên Khánh.
- + Kè đê Tả Hoàng Long đoạn K4+900 - K6+000 thuộc địa phận xã Gia Phú - huyện Gia Viễn.
- + Kè đê Hữu sông Mới đoạn từ K0+00 ÷ K0+800 thuộc địa bàn xã Khánh Thiện - huyện Yên Khánh.
- + Kè đê Cầu Đẳng thuộc địa phận xã Yên Đồng, Yên Thành, Yên Thái - huyện Yên Mô.
- + Kè Khánh Hồng đoạn K15+200÷K15+400 đê Tả Vạc.
- + Kè Khánh Thiện đoạn K0+000÷K0+800 đê Hữu sông Mới.
- + Kè Khánh Mậu, Khánh Hội đê Tả sông Mới.
- + Kè Đồng Hương đoạn K70+300 ÷ K70+950 đê Hữu Đáy.
- + Kè Kính Chúc đoạn K4+900 - K6+000 đê Tả sông Hoàng Long.
- + Kè bờ bao sông, Bồi sông Na (Đoạn từ ông Hiến đến sau nhà thờ Liên Phương, đoạn từ vườn tre lên Bến tập kết vật liệu, đoạn từ ông Hiến đến cầu Liên Phương, đoạn từ trạm nước sạch lên giáp Gia Sơn)

Chi tiết xem thêm bảng Bảng 8.2 nội dung nguồn lực thực hiện.

b. Đầu tư, nâng cấp công trình xây dựng có xem xét đến PCTT

- Xây dựng, nâng cấp nhà ở PCTT cho các hộ nghèo nhằm đảm bảo các tiêu chuẩn PCTT như bão, lũ, lụt; theo tiêu chuẩn an toàn trước thiên tai của các công trình xây dựng; hướng dẫn mô hình, mẫu nhà trong các chương trình hỗ trợ xây dựng nhà khác do các tổ chức, cá nhân trong địa bàn thực hiện; hỗ trợ về tài chính, các chính sách khác cho người dân. (cơ quan ra Quyết định: UBND tỉnh; cơ quan chủ trì: sở Xây dựng; cơ quan phối hợp: Các sở, ngành, đơn vị liên quan, UBND các huyện, thành phố, các xã, phường, thị trấn các tổ chức chính trị, xã hội).

- Xây dựng chương trình, dự án tái định cư, sắp xếp lại nơi ở mới cho các hộ dân nhằm đảm bảo an toàn cho các khu dân cư sống trong vùng có nguy cơ rủi ro cao khi có thiên tai đến chỗ ở mới và thuận lợi trong sinh kế; Quy hoạch,

bố trí xây dựng các khu tái định cư, khu di dời dân cư; xây dựng, hỗ trợ về tài chính, cơ chế chính sách cho người dân; đảm bảo sinh kế bền vững cho người dân và các nhu cầu dịch vụ tối thiểu cho người dân. (cơ quan ra Quyết định: UBND tỉnh; cơ quan chủ trì: sở Nông nghiệp và PTNT, sở Xây dựng; cơ quan phối hợp: Các sở, ngành, đơn vị liên quan, UBND các huyện, thành phố, các xã, phường, thị trấn).

- Trụ sở, cơ quan, các công trình công cộng xây dựng đảm bảo an toàn trước thiên tai và kết hợp làm nơi tránh trú an toàn cho người dân; đảm bảo an toàn khi thực hiện công tác di dân khi có thiên tai xảy ra; bổ sung các tiêu chuẩn xây dựng an toàn trước thiên tai; kết hợp đa mục tiêu sử dụng có công năng tránh trú an toàn cho cộng đồng và các điều kiện sinh hoạt tối thiểu khi có thiên tai theo kịch bản, phương án đã dự tính xảy ra; có phương án để xử lý sự cố công trình khi có thiên tai gây ra. (cơ quan ra Quyết định: UBND tỉnh; cơ quan chủ trì: sở Xây dựng; cơ quan phối hợp: Các sở, ngành, đơn vị liên quan, UBND các huyện, thành phố, các xã, phường, thị trấn).

- Xây dựng, nâng cấp nhà ở phòng chống thiên tai. Xây dựng nhà tránh bão lũ, lụt cộng đồng.

- Nâng cấp bệnh viện, trung tâm y tế huyện, trạm y tế xã.

- Xây dựng các trường PTTH kết hợp làm nơi tránh trú bão, lũ.

- Hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng tiêu chuẩn quy định của các trạm y tế trên địa bàn 8 huyện, thị xã, thành phố.

Chi tiết xem thêm bảng Bảng 8.2 nội dung nguồn lực thực hiện.

c. Đầu tư, nâng cấp công trình giao thông kết hợp PCTT

- Xây dựng, nâng cấp các công trình giao thông kết hợp PCTT đảm bảo điều kiện đi lại an toàn và cứu hộ, cứu nạn khi có thiên tai xảy ra; nâng cao tần suất thiết kế chống lũ và các tiêu chuẩn khác của hệ thống đường giao thông đảm bảo an toàn trước thiên tai; nâng cao trình độ đường đủ để kết hợp với đường di tản, khoanh vùng ứng ngập cũng như cứu hộ, cứu nạn cho khu dân cư vùng thấp trũng có thể xảy ra ngập lụt. (cơ quan ra Quyết định: UBND tỉnh; cơ quan chủ trì: sở Giao thông vận tải; cơ quan phối hợp: Các sở, ngành, đơn vị liên quan, UBND các huyện, thành phố, các xã, phường, thị trấn).

- Hệ thống giao thông thủy nội địa lồng ghép PCTT đảm bảo an toàn và kết hợp PCTT; đảm bảo giao thông thủy kết hợp cứu hộ, cứu nạn, cứu trợ; công trình giao thông thủy không làm gia tăng rủi ro mà còn kết hợp chính trị, an toàn cho hệ thống đê điều. (cơ quan ra Quyết định: UBND tỉnh; cơ quan chủ trì: sở Giao thông vận tải; cơ quan phối hợp: Các sở, ngành, đơn vị liên quan, UBND các huyện, thành phố, các xã, phường, thị trấn).

Đầu tư, nâng cấp công trình giao thông kết hợp PCTT một số công trình như sau:

+ Xây dựng tuyến đường ĐT 477B đoạn thường xuyên bị ngập do lụt bão Km12+500-K17+200.

+ Xây dựng cầu vượt đập tràn K0+950 QL45.

+ Xây dựng cầu Kiến Trung K26+813 bị hư hỏng nặng để phục vụ phương án PCLB trên đường ĐT 481B.

+ Sửa chữa cầu Đen K14+200; 03 cống tại K9+700, K10+550 trên đường DDTD.

+ Đầu tư xây dựng, nâng cấp các tuyến đường ô tô đến trung tâm 9 xã miền núi (Xích Thổ, Sơn Hà, Phú Sơn, Lạc Vân, Đức Long, Quỳnh Lưu, Sơn Lai, Gia Lâm, yên Quang) huyện Nho Quan.

+ Xây dựng cấp bách đường giao thông kết hợp ứng cứu, chạy lũ thượng nguồn sông Lạng, xã Thạch Bình, huyện Nho Quan.

+ Xây dựng cầu vượt sông Bôi phục vụ ứng cứu di dân và phát triển kinh tế vùng phân lũ chậm lũ Nho Quan - Gia Viễn.

+ Cải tạo, nâng cấp tuyến đường trục xã kết hợp nạo vét, kiên cố tuyến kênh tiêu xã Ninh Giang.

+ Đường lánh nạn 03 xã vùng phân lũ chậm lũ Thượng Hòa -Thanh Lạc - Sơn Thành, huyện Nho Quan.

+ Đường cứu hộ, cứu nạn cho vùng lũ các xã Yên Phú, Yên Mỹ đến sông Bút, hồ Yên Thắng.

+ Xây dựng cầu Hội Thuận phục vụ cứu hộ cứu nạn ngoại đô Hội Thuận, huyện Kim Sơn.

+ Đảm bảo giao thông đường thủy và hạn chế sự cố tàu, thuyền neo đậu gây hư hỏng công trình cầu đường khi tránh trú bão.

Chi tiết xem thêm bảng Bảng 8.2 nội dung nguồn lực thực hiện.

d. Công trình hạ tầng cấp, thoát nước.

- Xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt có tính đến yếu tố PCTT như hạn hán, xâm nhập mặn; tính toán nhu cầu thực tế về lượng nước cần và khả năng của nguồn nước trong điều kiện bình thường để xây dựng phương án thiếu nước sạch khi hạn hán, xâm nhập mặn bằng các giải pháp trữ nước. (cơ quan ra Quyết định: UBND tỉnh; cơ quan chủ trì: sở Nông nghiệp và PTNT, sở Xây dựng; cơ quan phối hợp: Các sở, ngành, đơn vị liên quan).

- Quy hoạch, xây dựng chương trình chống ngập lụt cho thành phố, đô thị, khu tập trung dân cư, khu công nghiệp, kinh tế, chính trị nhằm nâng cao khả năng tiêu thoát nước chống ứng ngập; xây dựng hệ thống quan trắc, cảnh báo sớm chống ứng ngập cho khu vực; xây dựng hệ thống thoát nước trong nội đô kết hợp hệ thống sông tiêu, trạm bơm tiêu; bố trí không gian công cộng có năng lực trữ nước. (cơ quan ra Quyết định: UBND tỉnh; cơ quan chủ trì: sở Xây dựng; cơ quan phối hợp: Các sở, ngành, đơn vị liên quan).

Đầu tư công trình hạ tầng cấp, thoát nước như sau:

+ Nâng cấp, chỉnh trang các tuyến đường trục chính và hệ thống thoát nước chống ngập thành phố Tam Điệp.

+ Nâng cấp, cải tạo tuyến kênh thoát lũ từ ngã ba Chạ đến trạm bơm Kiến Phong.

+ Nạo vét tuyến giao thông thủy Bích Động - Hang Bụt; Thạch Bích - Thung Nắng.

+ Nâng cấp kênh tiêu Thường Xung, xã Kỳ Phú, vùng sản xuất nếp cau Thường Xung.

+ Đầu tư nâng cấp kênh tiêu thoát nước khu vực xã Gia Phong, Gia Minh.

+ Nạo vét cấp bách sông tiêu 5 xã phục vụ tưới tiêu liên huyện Yên Khánh - Kim Sơn, kết hợp nâng cấp bờ thành đường giao thông phòng chống thiên tai, huyện Yên Khánh.

+ Nạo vét cấp bách sông Đầm Vân, đoạn từ đường Bái Đính - Kim Sơn (xã Khánh Hải) đến cống Đầm Vân (xã Khánh Vân) kết hợp nâng cấp bờ sông thành đường cứu hộ, cứu nạn phục vụ phòng chống thiên tai, huyện Yên Khánh

Chi tiết xem thêm bảng Bảng 8. 2 nội dung nguồn lực thực hiện.

e. Công trình neo đậu tàu thuyền tránh trú bão

- Củng cố, nâng cấp, xây dựng các khu neo đậu tàu, thuyền tránh trú thiên tai; đảm bảo an toàn cho tàu, thuyền các loại tránh trú; lựa chọn vị trí quy hoạch, xây dựng kiên cố khu tránh trú; xác định số lượng, công suất tàu, thời gian di chuyển, sắp xếp, bố trí để có phương án quản lý hợp lý; lắp đặt hệ thống cảnh báo tại khu neo đậu để người dân biết, chủ động phòng tránh. (cơ quan ra Quyết định: UBND tỉnh; cơ quan chủ trì: sở Nông nghiệp và PTNT; cơ quan phối hợp: Các sở, ngành, đơn vị liên quan).

f. Công trình đo đạc, giám sát, cảnh báo sớm

Xây dựng, lắp đặt bổ sung các công trình đo đạc KTTV, giám sát và cảnh báo thiên tai hệ thống dùng riêng trên địa bàn tỉnh nhằm dự báo và cảnh báo sớm về thiên tai; bổ sung các trạm đo mưa, đo mực nước, cảnh báo sấm sét trên các lưu vực, khu vực trên địa bàn tỉnh; lắp đặt hệ thống giám sát, cảnh báo tại các vị trí công trình sung yếu, chịu tác động phổ biến từ thiên tai. (cơ quan ra Quyết định: UBND tỉnh; cơ quan chủ trì: sở Tài nguyên và môi trường, sở Nông nghiệp và PTNT; cơ quan phối hợp: Các sở, ngành, đơn vị liên quan).

6.1.2. Các biện pháp cụ thể.

6.1.2.1. Đối với Áp thấp nhiệt đới, bão

Biện pháp phi công trình:

- Xây dựng, cập nhật, bổ sung phương án ứng phó với bão mạnh, siêu bão; xây dựng bản đồ phân vùng ngập lụt do bão theo các kịch bản.

- Tăng cường khả năng dự báo sớm, thông tin liên lạc nhằm cung cấp thông tin sớm để người dân có thời gian chuẩn bị ứng phó, đặc biệt dự báo bão khi vào gần bờ, trên đất liền.

- Xây dựng phương án di dân theo các kịch bản bão, nâng cao công tác tuyên truyền.

Biện pháp công trình:

- Chuẩn bị, đầu tư, xây dựng nhà tránh trú cộng đồng, nhà an toàn chống gió lớn, gió giật.

- Rà soát, nâng cấp, bổ sung các khu neo đậu tàu, thuyền tránh trú bão.

- Củng cố, bảo vệ, đầu tư trồng rừng ngập mặn, rừng phòng hộ.

- Duy tu, nâng cấp, sửa chữa hệ thống đê sông, đê biển, đê vùng cửa sông đảm bảo năng lực PCTT.

- Xây dựng các nhà tránh trú cộng đồng an toàn.

6.1.2.2. Đối với lốc, sét, mưa đá

Biện pháp phi công trình:

- Tăng cường cảnh báo, dự báo để người dân được biết sớm để phòng tránh.

- Hướng dẫn người dân tăng cường nhận thức, kiến thức để phòng tránh, lựa chọn mô hình, vật liệu xây dựng nhà ở an toàn.

Biện pháp công trình:

- Xây dựng hệ thống quan trắc, cảnh báo.

- Rà soát, đầu tư xây dựng hệ thống thu sét tại các khu vực dân cư, khu vực thường xảy ra sét.

6.1.2.3. Đối với thiên tai do mưa lớn

Biện pháp phi công trình:

- Xây dựng, triển khai các Đề án sản xuất theo mùa, vụ; phương án phòng chống ứng ngập đã phê duyệt.

- Thường xuyên tuần tra, kiểm tra hệ thống công trình đê, kè, cống nhằm phát hiện những hư hỏng ngay từ giờ đầu để xử lý.

- Rà soát, kiểm tra năng lực của hệ thống công trình chống ứng trên địa bàn toàn tỉnh.

- Tăng cường khả năng dự báo sớm, thông tin liên lạc nhằm chủ động trong công tác phòng chống ứng ngập đảm bảo an toàn sản xuất và dân sinh.

Biện pháp công trình:

- Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống công trình thủy nông nội đồng như hệ thống sông trục chính, sông cấp I, cấp II; hệ thống cống dưới đê nhất là hệ thống các cống tiêu nước qua đê; hệ thống trạm bơm tiêu qua đê nhằm đảm bảo năng lực tiêu thoát nước chống ứng ngập của lưu vực.

- Cải tạo, nâng cấp hệ thống cống đập nội đồng nhằm đáp ứng yêu cầu tiêu thoát nước của công trình đầu mối.

- Rà soát quy hoạch, nâng cấp xây dựng các công trình tiêu cả tự chảy và động lực đáp ứng tiêu thoát nước do mưa lớn.

- Cứng hóa, xử lý công trình đê, kè, cống tại các vị trí, khu vực xung yếu có khả năng xảy ra mất an toàn khi có mưa lớn gây ra.

- Rà soát, xây dựng hệ thống công trình cảnh báo, theo dõi, giám sát nhằm phát hiện sớm các tình huống ngập úng, hư hỏng công trình có thể xảy ra.

6.1.2.4. Đối với thiên tai do nắng nóng hạn hán

Biện pháp phi công trình:

- Tăng cường công tác dự báo dài hạn để xây dựng phương án phòng tránh, có biện pháp an toàn cho người và gia súc; chuyển đổi cơ cấu cây trồng. Xây dựng phương án cấp nước, trữ nước nhằm phục vụ sản xuất và dân sinh.

- Nâng cao năng lực công tác thông tin, truyền thông đến các cộng đồng để nhân dân biết và chuẩn bị các biện pháp phòng tránh.

Biện pháp công trình:

- Xây dựng các công trình trữ nước, hoặc phương án khai thác nguồn nước như biện pháp lấy nước sớm, nạo vét hệ thống sông trực, kênh mương để giữ nước.

- Đầu tư, xây dựng hệ thống tưới tự động, tưới tiết kiệm nước.

6.1.2.5. Đối với thiên tai do rét hại, sương muối, sương mù

Biện pháp phi công trình:

- Tăng cường công tác dự báo dài hạn để xây dựng phương pháp phòng tránh, có biện pháp an toàn cho người, gia súc, gia cầm, nuôi trồng thủy sản; chuyển đổi cơ cấu cây trồng.

- Nâng cao năng lực công tác thông tin, truyền thông đến các cộng đồng để nhân dân biết và chuẩn bị các biện pháp phòng tránh.

Biện pháp công trình:

- Rà soát, xây dựng hệ thống công trình chỉ dẫn, cảnh báo cả đường sông và đường bộ nhằm cảnh báo và chỉ dẫn cho các phương tiện giao thông.

- Quy hoạch, xây dựng hệ thống chuồng trại, ao nuôi nhằm đảm bảo an toàn sản xuất trước thiên tai.

6.1.2.6. Đối với thiên tai do lũ, ngập lụt

Biện pháp phi công trình:

- Xây dựng bản đồ ngập lụt do lũ theo các kịch bản; sử dụng bản đồ ngập lụt hạ du được bàn giao từ các Bộ liên quan nhằm xác định các khu vực rủi ro, mức độ rủi ro để có các biện pháp phòng tránh.

- Tăng cường cảnh báo các khu vực nguy hiểm: Cùng với các thông tin được cập nhật thường xuyên trên các phương tiện truyền thông từ Trung ương theo quy định (Theo Quyết định 44/2014/QĐ-TTg về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai), sử dụng hệ thống truyền tin trên địa bàn để thông tin chi tiết hơn đến người dân.

- Triển khai các phương án phòng chống lũ, ngập lụt đã xây dựng tại địa phương theo các kịch bản lũ.

- Đối với khu vực dân cư tập trung tăng cường khả năng tiêu thoát của hệ thống thoát nước bằng cách nâng tần suất tính toán mưa tiêu thiết kế; tính toán năng lực tiêu của hệ thống tiêu hiện tại khi mở rộng quy hoạch hay giảm diện tích hồ điều hòa, san lấp các khu vực ngập nước, ...

Biện pháp công trình:

- Xây dựng, củng cố, nâng cấp hệ thống đê, kè, công dưới đê đảm bảo phòng chống lũ trên các triền sông và tác động từ biển, phòng chống xói lở, xâm thực. Thực hiện chương trình nâng cấp đê sông, đê biển đã được phê duyệt. Tiến hành quản lý hệ thống đê an toàn. Phương án xử lý sự cố đê điều theo phương châm giờ đầu, 4 tại chỗ.

- Đầu tư, nâng cấp hệ thống trạm bơm, kênh, công nhằm phòng tránh, giảm thiểu thiệt hại do lũ lụt gây ra.

- Rà soát, đầu tư nâng cấp hệ thống cảnh báo nhằm thông báo cho nhân dân phòng tránh, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra.

- Nâng cao cốt nền xây dựng: dựa vào trận lũ lịch sử đã xảy ra trong khu vực để tính toán chiều cao của cốt nền xây dựng.

- Nạo vét lòng dẫn các sông tăng khả năng thoát lũ: sông Hoàng Long, sông Đáy, sông Vạc, Bến Đang...

6.1.2.7. Đối với thiên tai do xâm nhập mặn, nước dâng

Biện pháp phi công trình:

- Tăng cường công tác dự báo dài hạn để xây dựng phương án phòng tránh, có biện pháp an toàn cho người và gia súc; chuyển đổi cơ cấu cây trồng.

- Nâng cao năng lực công tác thông tin, truyền thông đến các cộng đồng để nhân dân biết và chuẩn bị các biện pháp phòng tránh.

Biện pháp công trình:

- Củng cố, nâng cấp hệ thống đê bao, đê bồi, bờ bao nhằm đảm bảo an toàn sản xuất và dân sinh.

- Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống công trình thủy lợi nhằm giữ ngọt, ngăn mặn, thủy triều, nước dâng do thiên tai.

- Rà soát, đầu tư nâng cấp hệ thống cảnh báo do nước dâng và xâm nhập mặn trên các cửa sông, cửa biển.

6.1.2.8. Đối với thiên tai do gió mạnh trên biển

Biện pháp phi công trình:

- Tăng cường công tác cảnh báo, dự báo, thông tin, truyền thông đến các cộng đồng để nhân dân biết và chuẩn bị các biện pháp phòng tránh.

- Xây dựng và triển khai công tác Tìm kiếm cứu nạn theo phương án đã được phê duyệt.

Biện pháp công trình:

- Đầu tư xây dựng các công trình bến cảng để phục vụ công tác Cứu hộ, cứu nạn; củng cố hệ thống các khu neo đậu tàu thuyền.

- Bổ sung mua sắm các trang thiết bị, dụng cụ, phương tiện nhằm đáp ứng các yêu cầu về Tìm kiếm cứu nạn; khắc phục các hậu quả của thiên tai đã xây dựng phương án, kế hoạch đề ra.

6.1.2.9. Đối với thiên tai do sạt lở đất, lũ quét.***Biện pháp phi công trình***

- Sử dụng các kết quả bản đồ đánh giá rủi ro để xác định các vị trí có nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở đất.

- Tăng cường công tác dự báo mưa: bổ sung các trạm đo mưa, tăng độ chính xác của bản tin dự báo mưa; sử dụng các công nghệ tiên tiến cảnh báo sớm.

- Công tác thông tin, truyền, cảnh báo sớm đến người dân; tổ chức cắm các biển hiệu cảnh báo khu vực nguy hiểm.

- Tiến hành quy hoạch sử dụng đất để phục vụ công tác di dời, trồng rừng, phát triển nông nghiệp, sắp xếp bố trí dân cư an toàn gắn với sinh kế bền vững.

- Tăng cường nâng cao nhận thức, kiến thức cho người dân để phòng tránh, giảm thiểu.

Biện pháp công trình

- Đối với các khu có mật độ dân cư cao, các công trình lịch sử, hạ tầng cơ sở quan trọng có thể được bảo vệ bằng hệ thống tường bao kết hợp các rãnh thoát nước.

- Lắp đặt các hệ thống cảnh báo, đo đạc, ống thu nước ngầm tại các khu vực có nguy cơ cao về lũ quét, sạt lở đất.

6.1.3. Trách nhiệm của các sở, ngành trong biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu.**6.1.3.1. Sở nông nghiệp và PTNT:*****a. Lĩnh vực Trồng chọt***

- Cây lương thực và rau, quả:

+ Xây dựng quy hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng.

+ Nghiên cứu, ứng dụng các loại cây chống chịu với thiên tai.

+ Xây dựng các biện pháp kỹ thuật như: quy hoạch nhà kính, nhà lưới... phát triển nông nghiệp xanh, sạch.

- Cây công nghiệp:

+ Lựa chọn các loại cây phù hợp với đặc thù thiên tai từng vùng miền.

+ Triển khai xây dựng các biện pháp tưới tiết kiệm nước.

b. Lĩnh vực Lâm nghiệp

- Quy hoạch, xây dựng rừng ngập mặn, rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường nguồn lực 4 tại chỗ trong xử lý cháy rừng; xây dựng phương án phòng chống cháy rừng do thiên tai.

- Xây dựng cơ chế chính sách phát triển và bảo vệ rừng.

- Lập bản đồ rủi ro do nắng nóng, hạn hán nhằm phòng chống cháy rừng.

c. Lĩnh vực Chăn nuôi

- Quy hoạch, thực hiện quy hoạch cho các vùng chăn nuôi tập trung và phân tán.

- Xây dựng cơ chế chính sách, quy chuẩn về chuồng trại trong chăn nuôi.

- Xây dựng các biện pháp đảm bảo an toàn trong chăn nuôi trước thiên tai.

d. Lĩnh vực Thủy sản

- Xây dựng, củng cố, lắp đặt hệ thống theo dõi, giám sát, và thông tin quản lý tàu cá.

- Tổ chức thành các tổ đội hỗ trợ trên biển.

- Kiểm tra, giám sát các điều kiện an toàn PCTT khi khai thác, nuôi trồng thủy hải sản.

- Quy hoạch, phát triển khu nuôi trồng tập trung đảm bảo an toàn trước thiên tai.

- Xây dựng Đề án sản xuất nhằm giảm thiểu thiệt hại do thiên tai như: Sản xuất theo mùa vụ, thu hoạch sớm trước thời gian có nguy cơ thiên tai cao...

e. Lĩnh vực Làng nghề

- Tổ chức thành các hợp tác xã để chia sẻ thông tin về thiên tai.

- Xây dựng biện pháp đảm bảo an toàn các sản phẩm khi có thiên tai.

- Phát triển hệ thống cung cấp nguyên liệu và thu mua sản phẩm đảm bảo kinh doanh liên tục.

f. Lĩnh vực Phòng, chống thiên tai và thủy lợi

- Phòng chống thiên tai:

- + Thành lập và kiện toàn Ban chỉ huy PCTT và TKCN các cấp; Phân công, giao nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Ban chỉ huy; Thành lập và kiện toàn các tiểu ban; Trưng dụng và phân công cán bộ kỹ thuật tăng cường cho các huyện, thành phố, các cụm PCTT trong địa bàn tỉnh...

- + Kiểm tra hệ thống công trình PCTT trước và sau lũ bão; rà soát, xây dựng trọng điểm xung yếu; xây dựng phương án hộ đê toàn tuyến; chuẩn bị nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị đảm bảo phục vụ công tác PCTT.

- + Cập nhật, bổ sung chỉnh sửa các Kế hoạch, Phương án về lĩnh vực PCTT và TKCN hàng năm của các cấp.

- + Tổ chức thường trực PCTT và TKCN 24/24 h từ ngày 05/05 đến hết 31/11 hàng năm tại Văn phòng thường trực PCTT và TKCN các cấp; tập huấn

kỹ năng PCTT và TKCN cho cán bộ làm công tác PCTT; nâng cao năng lực, nhận thức cộng đồng về PCTT và TKCN.

+ Xây dựng các Kế hoạch đầu tư xây dựng nâng cấp hệ thống công trình PCTT và TKCN trên địa bàn tỉnh.

+ Xây dựng phương án hỗ trợ đặc biệt cho các vùng dân cư, ở các vùng thường xảy ra lũ lụt để người dân có nơi trú ẩn an toàn vào mùa lũ, di dời dân ra khỏi các vùng bị sạt lở ven sông, ven biển đe dọa tới an toàn của người dân.

- Đề điều:

+ Xây dựng các phương án xử lý sự cố công trình do thiên tai gây ra ứng với các cấp báo động khác nhau.

+ Quản lý nhà nước về các công trình đề điều, PCTT; xây dựng biện pháp xử lý giờ đầu theo phương châm 4 tại chỗ; quy trình vận hành hệ thống công trình PCTT nhất là quy trình vận hành cống dưới đê, trạm bơm tiêu qua đê.

+ Xây dựng hệ thống kiểm tra, đo đạc, giám sát an toàn hệ thống đề điều.

+ Phân cấp quản lý đê, quản lý đê kiểu mẫu dựa vào cộng đồng; áp dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến xử lý các sự cố công trình do thiên tai gây ra kết hợp kiến thức địa phương, vật liệu địa phương, chi phí thấp.

+ Trồng cây chắn sóng, chống xói lở bờ sông, bờ biển.

- Thủy lợi nội đồng:

+ Đảm bảo vận hành an toàn công trình trạm bơm theo quy trình khi có thiên tai.

+ Tiến hành kiểm tra công trình trước lũ bão, sau lũ bão nhất là hệ thống sông trực dẫn, bể hút, bể xả, máy bơm, hệ thống điện đảm bảo điều kiện an toàn công trình trong PCTT.

+ Xây dựng Đề án sản xuất theo mùa, vụ, lên các phương án xử lý an toàn khi có sự cố công trình.

+ Xây dựng Phương án phòng chống úng ngập, hạn hán, xâm nhập mặn hàng năm.

+ Xây dựng Kế hoạch đầu tư, cải tạo, nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi nhằm nâng cao hiệu quả phục vụ, PCTT.

+ Quản lý vận hành theo quy trình; thường xuyên kiểm tra xói lở, phát hiện kịp thời các tình huống sự cố rò rỉ, mạch đùn sủi, ... để xử lý kịp thời hệ thống cống dưới đê; biện pháp hàn khâu khi cống không đảm bảo an toàn vận hành.

6.1.3.2. Sở Công Thương:

- Hướng dẫn các doanh nghiệp trong Cụm công nghiệp tuân thủ các tiêu chuẩn xây dựng nhà xưởng, công trình hạ tầng cơ sở đảm bảo chống bão, lũ, ngập lụt.

- Đảm bảo an toàn phòng chống cháy nổ khi thiên tai xảy ra.

- Xây dựng phương án phòng, chống thiên tai, lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn, đặc biệt với các tình huống bão mạnh và siêu bão phù hợp với tình hình thực tế và điều kiện cụ thể của cơ quan, đơn vị.

- Lập kế hoạch dự trữ, phương án cung cấp hàng hoá thiết yếu lương thực, thực phẩm và nước uống đảm bảo cung ứng đủ, kịp thời cho nhân dân, tại các vùng bị thiên tai. Kiểm tra hệ thống kho tàng, nhà xưởng, các công trình... để sửa chữa, gia cố đảm bảo an toàn nhằm giảm đến mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản khi thiên tai xảy ra.

- Tăng cường công tác quản lý thị trường trong khi có thiên tai, phối hợp với các ngành chức năng thường xuyên kiểm tra, kiểm soát thị trường đồng thời xử lý ngăn chặn kịp thời những hành vi đầu cơ, lợi dụng thiên tai để tăng giá làm mất ổn định thị trường.

- Tổ chức kiểm tra, diễn tập ứng phó với các tình huống thiên tai, thảm họa xảy ra; có phương án ứng phó với sự cố cháy nổ giàn khoan, đường ống dẫn khí. Phối hợp với chính quyền địa phương trong công tác phòng chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn.

- Huy động nguồn lực để phục hồi, có phương án xử lý sự cố công trình khi thiên tai gây ra.

6.1.3.3. Sở Giáo dục và Đào tạo:

- Tổ chức xây dựng Kế hoạch phòng chống thiên tai của ngành mình hàng năm và theo Kế hoạch.

- Thực hiện công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan quản lý thuộc ngành Giáo dục và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục về công tác phòng chống, giảm nhẹ thiên tai.

- Các cơ sở giáo dục thuộc khu vực chịu nhiều ảnh hưởng bởi thiên tai xây dựng được kế hoạch hành động về công tác phòng chống, giảm nhẹ thiên tai của đơn vị mình.

- Ban chỉ đạo về công tác phòng chống, giảm nhẹ thiên tai các cấp được trang bị kiến thức và kỹ năng về công tác phòng chống, giảm nhẹ thiên tai, cùng hệ thống thông tin liên lạc phù hợp hiệu quả.

- Thực hiện việc lồng ghép, tích hợp những kiến thức cơ bản về công tác phòng chống, giảm nhẹ thiên tai vào các chương trình giáo dục, hoạt động ngoại khóa trong nhà trường theo quy định của Bộ GD&ĐT; xây dựng kế hoạch dạy bơi và kỹ năng phòng tránh thiên tai cho học sinh.

- Thực hiện việc rà soát cơ sở vật chất tại các cơ sở giáo dục có phương án tu bổ sửa chữa để đảm bảo an toàn trước thiên tai.

6.1.3.4. Sở Lao động thương binh xã hội:

- Thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội, trực tiếp theo dõi công tác liên quan đến công tác trợ giúp xã hội đột xuất khi thiên tai; cùng sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố nắm chắc các đối tượng để có biện

pháp tổ chức cứu trợ kịp thời, hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện thành phố xét duyệt, thẩm định và quyết định hỗ trợ cho các đối tượng đảm bảo đúng chính sách trợ giúp xã hội theo quy định đặc biệt cho các đối tượng dễ bị tổn thương.

- Đưa chương trình đào tạo nội dung PCTT vào các trường dạy nghề.

6.1.3.5. Sở Văn hóa, Thể thao:

- Thực hiện công tác huấn luyện nghiệp vụ bơi lội phục vụ cho công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn và thực hiện việc kiểm tra công trình khi có yêu cầu của Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

- Thực hiện việc đầu tư mua sắm phương tiện khí tài trang bị cho đội lặn; Hàng năm tổ chức huấn luyện nghiệp vụ cho đội lặn có khí tài của tỉnh, phục vụ cho công tác phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và kiểm tra công trình khi có yêu cầu của Ban chỉ huy PCTT&TKCN.

- Thực hiện việc biên kịch các vở diễn, hoạt cảnh, các chương trình văn nghệ, tổ chức biểu diễn tuyên truyền cho công tác phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn của tỉnh.

- Có trách nhiệm thông báo, khuyến cáo, yêu cầu các doanh nghiệp quảng cáo thực hiện chằng chống, gia cố các pa nô, biển quảng cáo đúng quy định nhằm đảm bảo an toàn khi có thiên tai, lốc xoáy, giông gió và triển khai các biện pháp tuyên truyền nội dung về phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai.

- Tổ chức xây dựng Kế hoạch phòng chống thiên tai của ngành mình hàng năm và theo Kế hoạch.

6.1.3.6. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Thực hiện công tác phòng, chống, ứng phó và khắc phục hậu quả liên quan đến môi trường do thiên tai do lũ, bão, động đất, sóng thần gây ra; quản lý, khai thác tài nguyên khoáng sản không làm gia tăng hay trầm trọng hơn các sự cố do thiên tai (sạt lở bờ biển, sông, sử dụng nước...) và quy hoạch sử dụng đất liên quan đến các dự án, chương trình phòng, chống lụt, bão, thiên tai.

- Phát triển hệ thống qua trắc, đo đạc, giám sát khí tượng, thủy văn, hải văn phục vụ công tác dự báo, cảnh báo.

- Thực hiện chiến lược, kế hoạch quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

- Tham gia xây dựng phương án phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, kiểm tra việc thực hiện các quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai.

- Tham mưu phương án và chỉ đạo các địa phương thực hiện phương án xử lý môi trường sau lũ, bão, thiên tai. Thực hiện nhiệm vụ do Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh phân công; tổ chức tập huấn phổ biến kiến thức, tuyên truyền sâu rộng đến nhân dân các tình huống và biện pháp ứng phó khi xảy ra động đất.

- Tổ chức, xây dựng Kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu cho toàn tỉnh, xây dựng Kế hoạch phòng chống thiên tai của ngành mình hàng năm và theo Kế

hoạch. Huy động nguồn lực để phục hồi, có phương án xử lý sự cố môi trường khi công trình không hoạt động.

6.1.3.7. Sở Xây dựng:

- Thực hiện công tác chỉ đạo, kiểm tra công tác xây dựng để đảm bảo an toàn trong công tác ứng phó với thiên tai, lũ, bão. Xây dựng kế hoạch xây dựng các công trình đã xuống cấp nhằm đảm bảo an toàn cho nhân dân; cập nhật, bổ sung Kế hoạch ứng cứu sự cố sập đổ các công trình xây dựng, nhà cao tầng đã phê duyệt.

- Chuẩn bị vật tư, phương tiện, thiết bị để phục vụ cho công tác phòng chống thiên tai, lũ, bão.

- Phổ biến, hướng dẫn các đơn vị, tổ chức, người dân thực hiện đúng tiêu chuẩn thiết kế, xây dựng các công trình, nhà ở, pa nô, biển quảng cáo nhằm có khả năng chịu được bão, lũ, lốc xoáy, giông gió có cường độ cao.

- Tổ chức xây dựng Kế hoạch phòng chống thiên tai của ngành mình hàng năm và theo Kế hoạch.

6.1.3.8. Sở Giao thông vận tải:

- Tổ chức xây dựng Kế hoạch phòng chống thiên tai của ngành mình hàng năm và theo Kế hoạch chung của tỉnh.

- Phối hợp với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh, Sở Y tế, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan xây dựng, tổ chức thực hiện phương án tìm kiếm cứu nạn hàng không trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật”, đồng thời giao nhiệm vụ này cho Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh chủ trì để phù hợp với Kế hoạch số 37/BCH ngày 22/4/2019 của Ban Chỉ huy PCTT&TKCN về việc phối hợp ứng phó tai nạn hàng không dân dụng và khoản 1 Điều 8 Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21/3/2017 của Chính phủ quy định tổ chức, hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn (Cơ quan quân sự các cấp chủ trì tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp về công tác ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn theo sự chỉ đạo của Bộ Quốc phòng).

- Phối hợp với Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh trong việc xây dựng phương án và phối hợp với các ngành liên quan trong việc ứng phó với các tình huống tai nạn tàu thuyền, trên biển, bờ biển, trên sông.” Đồng thời giao nhiệm vụ này cho Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh chủ trì để phù hợp với Kế hoạch số 36/KH-BCH ngày 22/4/2019 của Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh.

- Có phương án xây dựng kế hoạch xây dựng, tu bổ công trình giao thông, thuộc phạm vi của ngành lồng ghép với công tác phòng chống thiên tai.

- Phòng chống sạt lở 2 bên đường và xói lở ta luy âm; sử dụng các vật liệu làm đường phù hợp với các điều kiện thiên tai của địa phương. Hệ thống cầu trên đường, cống qua đường, cao trình đường đảm bảo không làm gia tăng ngập úng trong khu vực.

- Xây dựng kế hoạch và phương án đảm bảo giao thông thông suốt, liên tục trên địa bàn tỉnh. Có kế hoạch chủ động chuẩn bị phương tiện vận tải thủy, bộ để đáp ứng đầy đủ, kịp thời khi có yêu cầu; giúp nhân dân di tản khi có lụt, bão xảy ra ở các địa bàn.

- Kiểm tra công tác neo đậu của các bến đò ngang trong tỉnh và hướng dẫn các chủ phương tiện tiến hành neo đậu tàu thuyền vào đúng vị trí đã xác định và đúng kỹ thuật để đảm bảo an toàn. Vận tải thủy không làm gia tăng xói lở hệ thống đê điều; chịu trách nhiệm xây dựng và khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực giao thông vận tải.

6.1.3.9. Sở Thông tin và truyền thông:

- Tổ chức xây dựng Kế hoạch phòng chống thiên tai của ngành mình hàng năm và theo Kế hoạch chung.

- Tổ chức triển khai các phương án bảo đảm thông tin liên lạc thông suốt phục vụ chỉ huy, chỉ đạo công tác phòng, chống lụt bão trong mọi tình huống; chỉ đạo các cơ quan báo chí, đài phát thanh và truyền hình của tỉnh phối hợp với Ban chỉ huy PCTT& TKCN tỉnh và các cơ quan thông tin đại chúng Trung ương thông báo thường xuyên về tình hình Thiên tai, lụt, bão.

- Xây dựng, triển khai phương án bảo đảm thông tin liên lạc phục vụ công tác PCTT&TKCN, bám sát tình hình thực tế, có tính đến yếu tố bất thường của thời tiết trong xây dựng phương án. Xử lý ứng cứu kịp thời công tác thông tin trong công tác PCTT&TKCN.

- Thực hiện thường xuyên công tác thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng chống thiên tai để nâng cao nhận thức, ý thức người dân về phòng chống và giảm nhẹ thiên tai.

- Chủ động phối hợp làm tốt công tác tuyên truyền phổ biến văn bản pháp luật về PCTT&TKCN.

- Chỉ đạo, đôn đốc và kiểm tra các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông trên địa bàn lập kế hoạch và triển khai các phương án PCTT&TKCN, chuẩn bị sẵn sàng các thiết bị thông tin liên lạc phù hợp với điều kiện, đặc điểm của từng địa phương, đặc biệt tại các khu vực trọng điểm thiên tai, các công trình quan trọng liên quan đến công tác phòng chống thiên tai.

6.1.3.10. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh:

- Tổ chức xây dựng Kế hoạch phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn của lực lượng vũ trang tỉnh gồm: Bộ đội thường trực, Dân quân tự vệ, Dự bị động viên.

- Cập nhật, bổ sung Kế hoạch ứng phó với sự cố tràn dầu theo Kế hoạch đã phê duyệt.

- Xây dựng phương án, bố trí lực lượng, phương tiện sẵn sàng tham gia ứng cứu và xử lý các tình huống cứu hộ, cứu nạn, khắc phục hậu quả và sơ tán, di dời dân khỏi những nơi nguy hiểm, làm tốt công tác vận động, tuyên truyền

để người dân hiểu, chấp hành sơ tán di dời khi có thiên tai. Đây là lực lượng chủ lực trong công tác PCTT và TKCN.

- Nâng cao năng lực của cán bộ trong công tác PCTT và TKCN; tổ chức diễn tập, tập huấn kiến thức về thiên tai.

6.1.3.11. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng

- Thực hiện việc tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn, chịu trách nhiệm điều hành xử lý công tác tìm kiếm cứu nạn của tỉnh và tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn theo chỉ đạo của cấp trên. Chuẩn bị lực lượng, phương tiện sẵn sàng tác chiến và làm đầu mối phối hợp các đơn vị liên quan thực hiện công tác tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ khi cần thiết. Chịu trách nhiệm bảo vệ an ninh vùng biển, phối hợp cùng lực lượng công an, chính quyền địa phương (huyện, xã) hỗ trợ, giúp đỡ bảo vệ vùng ven biển sơ tán ra khỏi vùng nguy hiểm.

- Thực hiện việc kêu gọi tàu thuyền vào nơi trú ẩn theo quy định bố trí sắp xếp, hướng dẫn và kiểm tra việc neo đậu tàu thuyền tránh trú bão, lũ nhằm đảm bảo an toàn cho người và tài sản trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

6.1.3.12. Công an tỉnh:

- Tổ chức xây dựng Kế hoạch phòng chống thiên tai của ngành mình hàng năm và theo Kế hoạch chung.

- Thường xuyên cập nhật, bổ sung Kế hoạch ứng phó với sự cố sự cố cháy lớn nhà cao tầng, khu đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư theo Kế hoạch đã phê duyệt.

- Thực hiện công tác an ninh trật tự xã hội, bảo vệ các cơ quan, công trình quan trọng. Thực hiện việc huy động lực lượng Công an tham gia sơ tán dân, di dân, cứu hộ cứu nạn và khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra.

- Phối hợp với Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, UBND các cấp trong việc kêu gọi tàu thuyền vào nơi trú ẩn theo quy định, bố trí sắp xếp, hướng dẫn và kiểm tra việc neo đậu tàu thuyền tránh trú bão, lũ nhằm đảm bảo an toàn cho người và tài sản trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự an toàn xã hội, ngăn ngừa, trấn áp các đối tượng xấu lợi dụng khi xảy ra thiên tai để trộm cắp, cướp giật. Đồng thời, phối hợp cùng, các ngành, địa phương tham gia cứu hộ, cứu nạn, khắc phục hậu quả và sơ tán, di dời dân ra khỏi những nơi nguy hiểm; thực hiện công tác vận động, tuyên truyền để người dân hiểu, chấp hành sơ tán, di dời khi có thiên tai.

6.1.3.13. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Xây dựng kế hoạch, cân đối nguồn lực phục vụ cho công tác phòng chống thiên tai và TKCN, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản, sửa chữa các công trình phòng, chống lụt bão và kế hoạch đầu tư phục hồi sau thiên tai.

- Hướng dẫn các sở ngành và địa phương nội dung lồng ghép PCTT trong các quy hoạch kế hoạch phát triển ngành, kinh tế xã hội.

- Tổ chức xây dựng Kế hoạch phòng chống thiên tai của ngành mình hàng năm và theo Kế hoạch chung.

- Chủ trì xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội một cách bền vững cho toàn tỉnh, trong đó lồng ghép với ứng phó thiên tai.

- Bố trí nguồn lực trong đầu tư trung hạn để thực hiện các nội dung của Kế hoạch PCTT; kiểm tra, giám sát các quy hoạch chuyên ngành, quy hoạch vùng đảm bảo PCTT.

6.1.3.14. Sở Tài chính:

- Hằng năm phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu cho UBND tỉnh bố trí nguồn kinh phí chi thường xuyên để đảm bảo công tác Phòng chống thiên tai, khắc phục hậu quả, hỗ trợ khó khăn cho vùng bị ảnh hưởng thiên tai theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

6.1.3.15. Sở Y Tế:

- Thực hiện, xây dựng kế hoạch của ngành đối với công tác phòng chống thiên tai và TKCN trên địa bàn tỉnh.

- Chuẩn bị đủ cơ số thuốc, phương tiện, vật tư, trang thiết bị cần thiết, lực lượng y tế đáp ứng nhu cầu cứu thương, phòng ngừa bệnh dịch và khắc phục hậu quả về sức khỏe, môi trường sau thiên tai, đảm bảo điều kiện sinh hoạt cho nhân dân. Phối hợp chặt chẽ với lực lượng vũ trang làm tốt công tác kết hợp quân, dân y trong phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai.

- Chỉ đạo các đơn vị y tế trong ngành triển khai thực hiện các công tác tuyên truyền, huấn luyện, đào tạo, giám sát, đánh giá ... các hoạt động về chuẩn bị, đáp ứng và khắc phục hậu quả thiên tai.

- Tăng cường củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở, tăng cường nguồn lực cho hệ thống cấp cứu cơ động, giảm thiểu hậu quả do thiên tai gây ra. Tổ chức cấp cứu, vận chuyển cấp cứu để đưa người bị nạn vào các cơ sở cấp cứu nhanh nhất, an toàn nhất.

6.1.3.16. Sở Khoa học và công nghệ:

- Thực hiện công tác nghiên cứu ứng dụng các khoa học công nghệ vào công tác phòng chống lụt bão, giảm nhẹ thiên tai, nhằm đưa những ứng dụng khoa học công nghệ áp dụng có hiệu quả vào phục vụ công tác phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai.

- Cập nhật, bổ sung Kế hoạch ứng phó với sự cố rò rỉ phóng xạ, bức xạ hạt nhân và tán phát hóa chất độc hại theo Kế hoạch đã phê duyệt.

6.1.3.17. Chủ tịch uỷ ban nhân dân các huyện, thành phố:

- Chỉ đạo việc xây dựng Kế hoạch phòng chống thiên tai của địa phương mình theo quy định của Luật phòng chống thiên tai.

- Chịu trách nhiệm toàn diện đối với công tác phòng, chống lụt, bão, giảm nhẹ thiên tai của huyện, thành phố.

- Tổ chức chỉ đạo phổ biến, tuyên truyền Luật Phòng chống thiên tai; Luật Đê điều; xây dựng, phê duyệt, kiểm tra, đôn đốc và tổ chức thực hiện kế hoạch bảo vệ an toàn đê điều; phòng, chống giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra thuộc phạm vi địa phương quản lý.

- Chỉ đạo tổ chức triển khai kiểm tra việc thực hiện các phương án, kế hoạch phòng, chống thiên tai của địa phương; tổ chức việc chuẩn bị nhân lực, vật tư, phương tiện và tổ chức diễn tập theo phương án được duyệt.

- Chỉ đạo kiểm tra, đôn đốc việc dự trữ lương thực, nhu yếu phẩm, hóa chất xử lý nước, thuốc chữa bệnh, phòng dịch, phương tiện, vật tư và trang thiết bị theo phương châm “bốn tại chỗ” để chủ động ứng phó khi thiên tai xảy ra.

- Xây dựng kế hoạch tu bổ, nâng cấp và quản lý, bảo vệ công trình phòng, chống lụt, bão trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý.

- Chịu trách nhiệm chỉ đạo trực tiếp trong việc tuyên truyền và tổ chức di dời người dân sống và sản xuất ở ngoài đê vào tránh trú bão an toàn ở trong đê và người dân ở nơi không an toàn vào nơi tránh trú an toàn trước khi xảy ra thiên tai.

- Tổ chức thường trực, chỉ huy công tác ứng phó thiên tai; tổng hợp, thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra; triển khai xử lý kịp thời các văn bản, công điện chỉ đạo của Ban Chỉ huy Phòng, chống Thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh.

- Chịu trách nhiệm huy động nhân lực, vật tư, phương tiện tại địa phương theo phương châm “bốn tại chỗ” và chịu trách nhiệm chỉ đạo xử lý, ứng cứu các sự cố do lũ, bão, thiên tai xảy ra tại địa phương;

- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện biện pháp bảo vệ sản xuất khi xảy ra thiên tai để giảm nhẹ thiệt hại, nhanh chóng phục hồi sản xuất; nhanh chóng tổ chức khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra; sớm ổn định đời sống và sản xuất của nhân dân trên địa bàn huyện, thành phố.

- Tổ chức kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về phòng, chống thiên tai, Luật Đê điều theo thẩm quyền.

6.1.3.18. Công ty Điện lực:

- Xây dựng kế hoạch tu bổ nâng cấp các công trình điện và chuẩn bị vật tư, thiết bị, phương tiện nhằm đảm bảo an toàn và đáp ứng tốt cho công tác ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai, lũ, bão.

- Lập kế hoạch ứng phó và khắc phục hậu quả do thiên tai thiên tai. Đảm bảo nguồn điện phục vụ cho việc ứng cứu khắc phục sự cố do bão, lũ, thiên tai gây ra.

6.1.3.19. Đài Khí tượng thủy văn:

- Thực hiện nhiệm vụ trong công tác dự tính, dự báo, kịp thời về diễn biến khí tượng thủy văn, phục vụ phòng, chống lụt bão trên địa bàn tỉnh, thường

xuyên cung cấp thông tin dự báo khí tượng thủy văn giúp Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh để chỉ đạo điều hành kịp thời.

6.1.3.20. Các sở, ngành, tổ chức chính trị, xã hội khác:

Các sở, ngành, cơ quan đơn vị trực thuộc tỉnh: Theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm chỉ đạo làm tốt công tác phòng, tránh, ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trong phạm vi của đơn vị mình quản lý; đồng thời, có phương án, kế hoạch chuẩn bị lực lượng, vật tư, phương tiện cần thiết để phối hợp tham gia công tác phòng chống, giảm nhẹ thiên tai và tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh.

6.2. Biện pháp ứng phó.

6.2.1. Trách nhiệm của Ban chỉ huy PCTT và TKCN các cấp

6.2.1.1. Ban chỉ huy PCTT và TKCN cấp xã

Có trách nhiệm ứng phó với tất cả các cấp độ rủi ro thiên tai của các loại hình thiên tai; có trách nhiệm báo cáo và đề nghị cấp huyện hỗ trợ khi vượt quá khả năng chỉ huy và huy động nguồn lực tại địa phương.

Căn cứ vào nội dung hướng dẫn ở các phần trước về cấp độ và loại hình thiên tai thường gặp và thông tin cảnh báo về thiên tai của cấp trên để quyết định biện pháp ứng phó phù hợp.

6.2.1.2. Ban chỉ huy PCTT và TKCN cấp huyện, thành phố

Có trách nhiệm ứng phó với cấp độ rủi ro thiên tai cấp độ 1 xảy ra tại 2 xã trở lên và với tất cả các cấp độ rủi ro thiên tai vượt quá cấp độ 1; báo cáo và đề nghị cấp tỉnh hỗ trợ khi vượt quá năng lực chỉ huy và huy động nguồn lực tại địa phương.

Căn cứ vào các loại hình thiên tai thường gặp, cấp độ rủi ro thiên tai đã hướng dẫn ở các phần trước và thông tin cảnh báo về thiên tai của cấp trên để quyết định các biện pháp ứng phó phù hợp.

6.2.1.3. Ban chỉ huy PCTT và TKCN cấp tỉnh

Hỗ trợ cấp dưới ứng phó với cấp độ rủi ro thiên tai cấp độ 1 nếu có đề nghị; triển khai ứng phó với tất cả các cấp độ rủi ro thiên tai vượt quá cấp độ 1; báo cáo và đề nghị cấp Trung ương hỗ trợ khi vượt quá năng lực chỉ huy và huy động nguồn lực tại địa phương.

6.2.2. Nhiệm vụ của các sở, ngành

- Các sở, ban ngành, đoàn thể căn cứ vào trách nhiệm đã nêu ở phần trước; Quyết định phân công nhiệm vụ của Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh; Quyết định phân bổ nhân lực, vật tư, phương tiện, nhu yếu phẩm của Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh; Công văn, Công điện của Ban chỉ huy triển khai thực hiện các biện pháp ứng phó theo cấp độ rủi ro thiên tai.

- Chuẩn bị các nguồn lực và có kế hoạch rà soát từ đầu mùa thiên tai đảm bảo nguồn lực được huy động trong quá trình ứng phó thiên tai đã được cấp có thẩm quyền giao.

- Các thành viên Ban chỉ huy các cấp căn cứ vào nhiệm vụ được giao, được phân công phụ trách các địa bàn chủ động kiểm tra, đôn đốc, đánh giá tình hình chuẩn bị phòng ngừa, ứng phó của các địa bàn phụ trách; đồng thời cùng với Lãnh đạo Ban chỉ huy xuống các địa phương để chỉ đạo trực tiếp công tác ứng phó, cứu trợ cũng như đánh giá thiệt hại do thiên tai để tổng hợp báo cáo về Văn phòng Ban chỉ huy.

- Văn phòng thường trực Ban chỉ huy các cấp tổ chức thường trực PCTT và TKCN 24/24 giờ; thu thập các thông tin, phân tích, đánh giá và tham mưu kịp thời xử lý các tình huống trong quá trình chuẩn bị phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả. Công tác điều phối, công tác hậu cần, tổng hợp báo cáo các hoạt động của cả hệ thống và các địa phương để giảm thiểu tối đa thiệt hại về người và kinh tế xã hội.

6.2.3. Xác định nguồn lực của địa phương, sở ngành

- Nguồn lực ứng phó thiên tai của tỉnh đã được xác định thông qua số liệu đánh giá năng lực trong phần đánh giá rủi ro thiên tai như: hệ thống công trình PCTT; hệ thống cơ sở hạ tầng vật chất các ngành; nhân lực chỉ huy điều hành; nguồn nhân lực triển khai ứng phó; vật tư trang thiết bị của Trung ương; vật tư trang thiết bị của tỉnh; vật tư trang thiết bị của cơ sở, huy động trong nhân dân; phương tiện, máy móc...

- Căn cứ vào Phương án Ứng phó với bão mạnh và siêu bão của tỉnh đã được phê duyệt; Phương án bảo vệ trọng điểm xung yếu, Phương án hộ đê toàn tuyến hàng năm để xác định và chuẩn bị nguồn lực ứng phó thiên tai của tỉnh.

6.2.4. Nhiệm vụ ứng phó với từng cấp độ rủi ro thiên tai

6.2.4.1. Xác định các loại hình thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai xảy ra

- Xác định, thống kê các loại hình thiên tai, cấp độ rủi ro thiên tai có thể xảy ra và ảnh hưởng trên địa bàn.

- Xác định các đối tượng, phạm vi chịu tác động của các loại hình thiên tai làm cơ sở để xây dựng phương án ứng phó.

Bảng 6.1: Bảng thống kê các loại hình thiên tai

Loại hình thiên tai	Cấp độ rủi ro	Đối tượng bị ảnh hưởng	Phương án ứng phó
Bão, ATNĐ	3- 5	- Tàu thuyền và ngư dân hoạt động trên biển; - Tàu thuyền và ngư dân ven bờ; - Cơ sở sản xuất, nuôi trồng thủy hải sản; - Nhà cửa, cơ sở hạ tầng, công	- Phương án chỉ đạo chỉ huy; - Ứng phó trên biển; - Ứng phó trên đất liền (sơ tán dân, bảo vệ các công trình); - Phương án nhân lực, phương tiện; - Phương án đảm bảo an ninh

Loại hình thiên tai	Cấp độ rủi ro	Đối tượng bị ảnh hưởng	Phương án ứng phó
		trình phòng chống thiên tai và các công trình khác.	trật tự, an toàn giao thông, thông tin liên lạc, hậu cần; - Phương án khắc phục hậu quả.
Mưa lớn, lũ	1-3	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà cửa, cơ sở hạ tầng khu vực ngập lụt tại các vùng trũng thấp, nội thị, ven sông; - Dân cư vùng ven sông; cơ sở nuôi trồng thủy sản trên sông; phương tiện vận tải thủy; - Các công trình phòng chống thiên tai: Đê, kè, hồ chứa nước; - Hoạt động xả lũ hồ chứa. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phương án chỉ đạo chỉ huy; - Phương án đảm bảo an toàn cho người, các công trình đê, kè, cống; - Phương án đảm bảo an toàn hồ chứa và vận hành xả lũ khi hồ đầy nước do mưa lớn; - Phương án đảm bảo an toàn giao thông, thông tin liên lạc, hậu cần; - Phương án khắc phục hậu quả.
Lũ, Ngập lụt	1-5	<ul style="list-style-type: none"> Nhà cửa, cơ sở hạ tầng khu vực ngập lụt: - Dân cư vùng lũ, ngập lụt; - Các công trình phòng chống thiên tai: Đê, kè, hồ chứa nước; - Hoạt động xả lũ hồ chứa; - Hoạt động giao thông. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phương án chỉ đạo chỉ huy; - Phương án đảm bảo an toàn cho người, các công trình đê, kè, cống; - Phương án đảm bảo an toàn hồ chứa và vận hành xả lũ khi có lũ, ngập lụt; - Phương án đảm bảo an toàn giao thông, thông tin liên lạc, hậu cần; - Phương án khắc phục hậu quả.
Nắng nóng	1-3	<ul style="list-style-type: none"> - Người dân; - Vật nuôi, cây trồng; - Hoạt động sản xuất, nước sinh hoạt. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phương án chỉ đạo chỉ huy; - Phương án đảm bảo an toàn cho người, gia súc và các hoạt động sản xuất.
Hạn hán, xâm nhập mặn	1-4	<ul style="list-style-type: none"> - Người dân; - Vật nuôi, cây trồng; - Hoạt động sản xuất, nước sinh hoạt. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phương án chỉ đạo chỉ huy; - Phương án đảm bảo an toàn cho người, gia súc và các hoạt động sản xuất; - Phương án phòng chống hạn hán và xâm nhập mặn.
Lốc, sét, mưa đá	1-2	<ul style="list-style-type: none"> - Người dân; - Nhà cửa, cơ sở hạ tầng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phương án chỉ đạo chỉ huy; - Phương án đảm bảo an toàn cho người, gia súc và các hoạt động sản xuất.
Rét hại, sương muối, sương mù	1-3	<ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động sản xuất; - Người, vật nuôi, cây trồng; - Hoạt động giao thông. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phương án chỉ đạo chỉ huy; - Phương án đảm bảo an toàn cho người, gia súc và các hoạt động sản xuất, giao thông.
Lũ quét, sạt lở đất	1-3	<ul style="list-style-type: none"> - Con người; - Nhà cửa, cơ sở hạ tầng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phương án đảm bảo an toàn cho người, cơ sở hạ tầng, hoạt

Loại hình thiên tai	Cấp độ rủi ro	Đối tượng bị ảnh hưởng	Phương án ứng phó
			động sản xuất; - Phương án khắc phục hậu quả.
Động đất và sóng thần	1-5	- Con người; - Các công trình xây dựng, công trình phòng chống thiên tai, công trình quốc phòng, an ninh.	- Phương án chỉ đạo chỉ huy; - Phương án đảm bảo an toàn cho người, công trình; - Phương án cứu hộ cứu nạn, phòng cháy chữa cháy; - Phương án khắc phục hậu quả.
Nước biển dâng	1-5	- Con người; - Cơ sở hạ tầng.	- Phương án chỉ đạo chỉ huy; - Phương án sơ tán dân.

6.2.4.2. Phương án ứng phó đối với từng loại thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai

a. Đối với bão và ATNĐ

Bước 1: Xác định từng thời điểm ứng phó với bão, ATNĐ

- Tin bão (ATNĐ) gần biển Đông;
- Tin bão (ATNĐ) trên biển Đông;
- Tin bão (ATNĐ) gần bờ;
- Tin bão khẩn cấp;
- Tin bão, ATNĐ trên đất liền;
- Tin cuối cùng về bão (ATNĐ).

Bảng 6.2: Xác định các đối tượng bị ảnh hưởng ứng với từng thời điểm

Cấp độ rủi ro	Vị trí hoạt động của bão (ATNĐ)	Đối tượng bị ảnh hưởng
Chưa có cấp độ rủi ro	Tin bão (ATNĐ) gần biển Đông	Tàu thuyền hoạt động trên biển.
3	Tin bão (ATNĐ) trên biển Đông (cấp 9 đến cấp 15)	- Tàu thuyền hoạt động trên biển; - Phương tiện nuôi trồng thủy hải sản ven bờ; - Khu vực bị ảnh hưởng gián tiếp: Các huyện đảo, ven biển.
4	Tin bão (ATNĐ) gần bờ (từ cấp 10 đến cấp 15)	- Tàu thuyền và ngư dân hoạt động trên biển và vùng ven bờ; - Tàu thuyền neo đậu tại bến; - Cơ sở nuôi trồng thủy hải sản ven bờ; - Cơ sở hạ tầng, công trình phòng chống thiên tai và các công trình quan trọng quốc gia,... - Dân sống ở các khu vực ven biển; - Các hoạt động sản xuất nông nghiệp,...
4	Tin bão khẩn cấp (bão mạnh cấp 10-15)	- Tàu thuyền và ngư dân hoạt động trên biển, ven bờ, khu neo đậu trú tránh;

Cấp độ rủi ro	Vị trí hoạt động của bão (ATNĐ)	Đối tượng bị ảnh hưởng
		<ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở nuôi trồng thủy sản; - Nhà cửa, cơ sở hạ tầng, công trình phòng chống thiên tai,... - Các hoạt động giao thông, thông tin liên lạc, điện, ... - Dân cư sống ở khu vực nhà tạm, nhà yếu, nhà bán kiên cố phải di dời đến nơi an toàn.
4-5	<p>Tin bão (ATNĐ) trên đất liền (bão đi sâu vào đất liền...)</p> <p>Siêu bão từ cấp 16 trở lên hoạt động trên vùng biển ven bờ, trên đất liền tỉnh</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tàu thuyền và ngư dân hoạt động trên biển, ven bờ, khu neo đậu trú tránh; - Cơ sở nuôi trồng thủy sản; - Nhà cửa, cơ sở hạ tầng, công trình phòng chống thiên tai,.... - Các hoạt động giao thông, thông tin liên lạc, điện, ... - Dân cư sống ở khu vực nhà tạm, nhà yếu, nhà bán kiên cố phải di dời đến nơi an toàn; - Phương án ứng phó với hoàn lưu bão (mưa, lũ,...).

*** Khi có tin bão (ATNĐ) gần Biển Đông**

Nội dung tập trung vào công tác chỉ đạo, chỉ huy:

- Chỉ đạo công tác trực ban, theo dõi chặt chẽ diễn biến của bão (ATNĐ) và các thông tin, chỉ đạo từ Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng chống thiên tai để kịp thời triển khai khi có yêu cầu;

- Chỉ đạo công tác phòng, tránh ứng phó với bão (ATNĐ):

+ Ban hành các văn bản chỉ đạo (công điện, thông báo,...);

+ Thông tin, truyền thông tới các huyện/xã và cộng đồng để theo dõi, nắm bắt thông tin.

- Chỉ đạo công tác đảm bảo an toàn tàu thuyền:

+ Thông tin tới các tàu thuyền, phương tiện trên biển biết về thông tin và hướng di chuyển của bão (ATNĐ);

+ Quản lý tàu thuyền của địa phương: Thống kê, kiểm đếm số lượng tàu thuyền hoạt động trên biển, ven bờ và neo đậu.

*** Khi có tin bão (ATNĐ) trên biển Đông (Rủi ro thiên tai cấp 3)**

Thực hiện theo phương châm 4 tại chỗ:

Thứ nhất: Chỉ huy tại chỗ

- Chỉ đạo công tác phòng, tránh: Tiếp tục chỉ đạo bằng các công điện, thông báo, văn bản chỉ đạo các huyện và các cơ quan có liên quan tổ chức phòng, tránh ứng phó với bão (ATNĐ);

- Chỉ đạo công tác đảm bảo an toàn tàu thuyền:

+ Kiểm đếm, thống kê phương tiện, tàu thuyền (hoạt động trên vùng biển

bị ảnh hưởng, hoạt động ven bờ và neo đậu tại bên);

+ Hướng dẫn tàu thuyền thoát ra khỏi vùng nguy hiểm;

+ Trường hợp có tàu thuyền đang hoạt động hoặc di chuyển trú tránh vào các đảo hoặc lãnh thổ nước bạn để trú tránh bão thì phải chỉ đạo sở chuyên ngành đề nghị Cục Lãnh sự can thiệp;

+ Xác định thời điểm thích hợp để cấm biển nhằm đảm bảo an toàn về người, phương tiện của các tàu thuyền.

- Chỉ đạo công tác đảm bảo an toàn nhà cửa, cơ sở hạ tầng và các biện pháp bảo vệ sản xuất:

+ Hướng dẫn, kiểm tra việc chằng chống nhà cửa, phát dọn cây cối, thu hoạch mùa màng, thu dọn lồng bè trước khi bão đổ bộ vào đất liền;

+ Rà soát, xác định các khu vực bị ảnh hưởng; xác định các hộ cần phải sơ tán nếu bão độ bão (số hộ/số nhân khẩu), đặc biệt là dân các vùng ven biển, vùng trũng thấp, và chú trọng đến các đối tượng dễ bị tổn thương, người già, trẻ em, người khuyết tật,....

- Phân công nhiệm vụ cho các cơ quan, sở ngành theo chức năng nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý; xác định rõ vai trò chỉ huy thích hợp theo từng tình huống;

- Trực ban 24/24h để theo dõi, nắm bắt thông tin, truyền tải thông tin và xử lý các tình huống khi xảy ra sự cố.

Thứ hai: Lực lượng, phương tiện tại chỗ

- Huy động nguồn nhân lực ứng phó:

+ Xác định đối tượng, số lượng cụ thể của từng lực lượng để có kế hoạch huy động, sử dụng (đội thanh niên xung kích, dân quân tự vệ, tổ dân quân tự quản, công an, quân đội,...);

+ Xác định các loại phương tiện, vật tư của các huyện/xã, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đóng trên địa bàn để có thể huy động, trưng dụng trong trường hợp cần thiết (danh sách, số lượng, vị trí,...).

- Xác định các nội dung công việc cần phải huy động lực lượng, phương tiện thực hiện:

+ Giúp dân sơ tán lồng bè, cơ sở nuôi trồng thủy sản;

+ Hỗ trợ sơ tán dân ở khu vực ven biển có khả năng bị ảnh hưởng;

+ Giúp dân thu hoạch mùa vụ trước khi bão đổ bộ;

+ Giúp dân chằng chống nhà cửa;

+ Tuần tra, túc trực tại các khu vực trũng thấp, các công trình phòng chống thiên tai.

- Sẵn sàng lực lượng cứu hộ, cứu nạn khi có các tình huống xảy ra.

Thứ ba: Vật tư, hậu cần tại chỗ

- Các loại vật tư để đối phó với bão:

- + Vật tư dùng để xử lý sự cố các công trình, đặc biệt là các hệ thống đê biển;
- + Vật tư dùng để giúp dân chằng chống nhà cửa (bao tải, gạch, cát, dây điện...).

- Tiếp tục tuần tra, túc trực tại các điểm xung yếu trên địa bàn; Trong trường hợp phát sinh tình huống khẩn cấp thì tích cực đối phó, hỗ trợ nhân dân đối phó.

- Bổ sung, dự trữ lương thực, nhu yếu phẩm từ những người dân.

*** Khi có tin bão (ATNĐ) gần bờ (Rủi ro thiên tai cấp 4)**

Thực hiện theo phương châm 4 tại chỗ:

Thứ nhất: Chỉ đạo, chỉ huy tại chỗ

- Chỉ đạo công tác phòng, tránh: Tiếp tục chỉ đạo bằng các công điện, lệnh sơ tán, cưỡng chế và văn bản khác để chỉ đạo các huyện, xã và các cơ quan có liên quan tổ chức phòng, tránh ứng phó với bão (ATNĐ);

- Chỉ đạo đối với hoạt động tàu thuyền:

+ Hướng dẫn tàu thuyền thoát ra khỏi vùng nguy hiểm;

+ Cấm biển;

+ Đảm bảo an toàn cho tàu thuyền ở khu neo đậu;

+ Sơ tán dân trên lồng bè, cơ sở nuôi trồng thủy hải sản;

+ Di chuyển người và lồng bè, cơ sở nuôi trồng thủy hải sản vào khu vực an toàn;

- Chỉ đạo đối với hoạt động đảm bảo an toàn về người, tài sản, bảo vệ sản xuất:

+ Thu hoạch mùa vụ; tranh thủ tiêu nước đê ở những vùng trũng, thấp có nguy cơ bị ngập úng để đề phòng mưa lũ sau bão;

+ Chằng chống nhà cửa;

+ Sơ tán dân ở những khu vực nhà tạm, nhà bán kiên cố hoặc dân sống ở các huyện ven sông, ven biển bị ảnh hưởng trực tiếp của bão đến nơi an toàn;

- Chỉ đạo đối với hoạt động bảo vệ công trình, cơ sở hạ tầng:

+ Tuần tra canh gác đối với hệ thống đê điều, hồ đập;

+ Bố trí lực lượng tại các công trình trọng điểm, kho tàng bến bãi;

+ Bố trí lực lượng tại các bến đò, ngầm tràn, khu vực trũng thấp, khu vực bị ảnh hưởng trực tiếp của bão (ATNĐ);

- Chỉ đạo công tác sơ tán dân:

+ Ra lệnh sơ tán dân, yêu cầu nhân dân các vùng bị ảnh hưởng đi sơ tán (số hộ dân/số nhân khẩu của các huyện/xã cần sơ tán, địa điểm sơ tán);

+ Cưỡng chế đối với các trường hợp không thực hiện sơ tán;

- Chỉ đạo cho học sinh nghỉ học, dừng các hoạt động sản xuất để tránh thiệt hại đáng tiếc;

- Chỉ đạo công tác đảm bảo an ninh trật tự, an toàn nơi sơ tán;

- Chỉ đạo công tác đảm bảo hậu cần tại nơi sơ tán;

- Điều phối các lực lượng vũ trang, dân quân tự vệ, xung kích,... trên các địa bàn để tránh chồng chéo.

Thứ hai: Lực lượng tại chỗ

Huy động lực lượng tại chỗ để thực hiện các công việc:

- Đảm bảo an toàn về tàu thuyền, cơ sở nuôi trồng thủy sản:
 + Neo đậu tàu thuyền tại bến;
 + Di chuyển lồng bè, cơ sở nuôi trồng thủy sản vào nơi an toàn;
 + Rà soát, kiểm tra và có biện pháp cưỡng chế đối với các cơ sở để người dân tại các lồng bè, cơ sở nuôi trồng thủy sản.

- Đảm bảo an toàn về người, tài sản và sản xuất:

+ Hỗ trợ dân thu hoạch vụ mùa;

+ Hỗ trợ dân chằng chống nhà cửa, các công trình;

+ Hỗ trợ dân thu dọn đồ đạc và sơ tán đến nơi an toàn.

- Đảm bảo an toàn các công trình, cơ sở hạ tầng:

+ Tổ chức tuần tra, canh gác và kiểm tra các công trình phòng chống thiên tai, các công trình, cơ sở hạ tầng khác;

+ Bố trí lực lượng chuyên ngành trực tại các vị trí trọng điểm, xung yếu.

- Lực lượng chuyên ngành: điện lực, y tế, môi trường, công thương theo chức năng nhiệm vụ của mình túc trực tại các địa bàn bị ảnh hưởng; kịp thời xử lý hoặc báo cáo để xử lý các sự cố xảy ra;

- Lực lượng công an: đảm bảo an ninh trật tự tại nơi sơ tán; đảm bảo an toàn giao thông, thông suốt khi bão (ATNĐ) đổ bộ;

- Lực lượng điện lực: đảm bảo an toàn điện lưới; khắc phục nhanh các sự cố về điện để phục vụ quá trình chỉ đạo điều hành cũng như triển khai các kế hoạch khác;

- Lực lượng thông tin: Đảm bảo an toàn các công trình viễn thông, thông tin liên lạc; đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ công tác chỉ đạo điều hành;

- Tổ chức lực lượng cứu hộ cứu nạn sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ.

Thứ ba: Phương tiện, vật tư tại chỗ

- Huy động các phương tiện để hỗ trợ dân trong quá trình sơ tán;

- Đảm bảo hậu cần từ nguồn dự trữ của chính quyền và nhân dân tại nơi sơ tán;

- Tiếp tục bổ sung, dự trữ lương thực, nhu yếu phẩm từ những người dân;

- Đảm bảo vật tư dự trữ để xử lý khẩn cấp tại các sự cố về đê điều, hồ đập và các sự cố khác.

*** Tin bão khẩn cấp và bão trên đất liền (Rủi ro thiên tai cấp 4)**

Thứ nhất: Chỉ đạo, chỉ huy tại chỗ

- Tiếp tục thực hiện các nội dung như đối với bão gần bờ;

- Ban chỉ đạo; Ban chỉ huy tiền phương xuống hiện trường chỉ đạo, chỉ huy tại nơi bão (ATNĐ) đổ bộ;

- Chỉ đạo công tác đảm bảo an toàn tàu thuyền:

+ Nắm số lượng tàu thuyền ở trên biển chưa vào nơi trú tránh, tàu thuyền đã vào trú tránh;

+ Sắp xếp, neo đậu tàu thuyền tại bến;

+ Xử lý các tình huống, sự cố trên biển, tại nơi neo đậu.

- Chỉ đạo công tác sơ tán dân:

+ Ban hành lệnh sơ tán dân; nghỉ học; nghỉ làm,...

+ Thực hiện các biện pháp cưỡng chế khi không thực hiện lệnh;

+ Hỗ trợ quá trình sơ tán;

+ Đảm bảo lương thực, nhu yếu phẩm tại nơi sơ tán.

Thứ hai: Lực lượng, phương tiện tại chỗ

- Huy động lực lượng, phương tiện để:

+ Giúp dân sơ tán đến các công trình kiên cố (trụ sở cơ quan, trường học, trạm y tế,...) trước khi bão đổ bộ vào đất liền theo nhiệm vụ của từng đơn vị/từng vùng.

- Đảm bảo an toàn công trình, cơ sở hạ tầng:

+ Chằng, chống nhà cửa, bảo vệ các công trình trên cảng biển, các khu công nghiệp, các công trình viễn thông,...

+ Kiểm soát chặt chẽ an toàn hồ chứa nước, công trình xây dựng đang thi công, các tuyến đê sông, đê biển,...

+ Ứng trực tại các công trình trọng điểm, có xung yếu, sự cố để sẵn sàng ứng phó.

- Thực hiện nhiệm vụ cứu hộ - cứu nạn, sơ cứu - cấp cứu khi có yêu cầu;

- Đảm bảo an ninh trật tự khu vực bị ảnh hưởng:

+ Quản lý chặt chẽ các loại đối tượng;

+ Bố trí lực lượng canh gác tại các khu vực sơ tán dân đến;

+ Bố trí lực lượng bảo vệ tài sản, cơ sở hạ tầng,...

- Đảm bảo giao thông:

+ Khắc phục, xử lý ách tắc giao thông khi bão đổ bộ và mưa lũ;

+ Cắm biển báo hiệu tại khu vực bị ảnh hưởng; bố trí cán bộ điều khiển giao thông; phân luồng giao thông để các phương tiện được lưu thông dễ dàng;

+ Xử lý, khắc phục những tuyến đường bị ách tắc do sạt lở, cây cối gãy đổ hoặc bị các sự cố khác do bão gây ra;

+ Phân công cụ thể cho các sở, ngành và các đơn vị chuyên ngành giao thông để xử lý các công việc theo nhiệm vụ.

- Đảm bảo thông tin liên lạc:

+ Duy trì thông tin liên lạc tại các trọng điểm xung yếu bằng hệ thống điện thoại cố định, vô tuyến cố định hiện có;

+ Xử lý kịp thời các sự cố về viễn thông (nếu hệ thống điện thoại cố định bị sự cố thì dùng máy điện thoại di động của các mạng Vinaphone, Mobifone, Viettel,.. Nếu cả mạng cố định và mạng di động đều không liên lạc được thì dùng các máy thông tin vô tuyến lưu động...);

+ Tăng cường giám sát mạng lưới, khi xảy ra sự cố, chỉ đạo ứng cứu, xử lý kịp thời, theo thứ tự ưu tiên;

- Đảm bảo cấp điện:

+ Kiểm tra tình hình điện năng tại các địa bàn để xử lý kịp thời tình huống sự cố về hệ thống lưới điện do bão gây ra;

+ Cấp điện khi bị sự cố, đặc biệt ưu tiên đối với các vị trí đang chỉ đạo ứng phó;

+ Xử lý các sự cố về điện;

+ Phân công trách nhiệm cho các đơn vị/doanh nghiệp để thực hiện nhiệm vụ.

- Đảm bảo vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ phòng chống bão:

+ Thống kê vật tư, phương tiện, trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn của các đơn vị và địa phương; Phân và giao nhiệm vụ cho các đơn vị/địa phương để sẵn sàng nhận nhiệm vụ khi có lệnh điều động;

+ Phân giao nhiệm vụ cho các đơn vị, địa phương bị ảnh hưởng để chuẩn bị các lượng thực như gạo, mì tôm, nước uống và các nhu yếu phẩm khác,... phục vụ công tác hậu cần ứng phó với bão;

+ Chỉ đạo các doanh nghiệp trong lĩnh vực thương mại xây dựng và triển khai dự trữ hàng hóa thiết yếu; chủ yếu là mì gói, lương khô, nước uống đóng chai, lương thực xăng dầu... sẵn sàng cung cấp cho các vùng chịu ảnh hưởng của bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lũ và sự điều động của cấp trên;

+ Chuẩn bị các nhu yếu phẩm về cơ sở thuốc, hóa chất, dụng cụ y tế để sẵn sàng cung ứng khi có lệnh điều động. Phân giao nhiệm vụ cho các đơn vị trên các địa bàn sẵn sàng cung cấp khi có yêu cầu.

- Tổ chức phương án đảm bảo hậu cần từ nguồn dự trữ của chính quyền và nhân dân tại nơi sơ tán.

*** Siêu bão (cấp độ rủi ro thiên tai cấp 5)**

Thực hiện theo phương án ứng phó với bão mạnh, siêu bão số 15/PA-UBND ngày 27/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình.

b. Phương án ứng phó lũ, ngập lụt

Bảng 6.3: Xác định các giai đoạn ứng phó

Cấp độ rủi ro	Mức nước lũ	Khu vực/đối tượng bị ảnh hưởng
1-2	Mức nước lũ trên lưu vực sông ở mức BĐ2 đến trên BĐ3 +1m	- Vùng trũng thấp, dọc ven sông; - Hệ thống đê, kè, công trình hồ chứa nước; - Người dân sống ven sông, bãi sông, khu vực trũng thấp, khu vực hạ lưu hồ chứa.
3	Mức nước lũ trên lưu vực sông ở trên BĐ3 đến lũ lịch sử hoặc lũ thiết kế	- Dọc ven sông, khu vực nội đồng; - Hệ thống đê, kè, công trình hồ chứa nước; - Người dân sống ở ven sông, nội đồng, khu vực trũng thấp, khu vực hạ lưu hồ chứa, ... - Tài sản, cơ sở hạ tầng khu vực ngập lũ, lụt .
4-5	Mức nước lũ thiết kế, lũ lịch sử và trên mức lũ lịch sử, lũ thiết kế	- Hệ thống đê, kè, công trình hồ chứa nước; - Nhà cửa, cơ sở hạ tầng, nhà ở, các công trình quan trọng khác; - Dân cư, tài sản, hoạt động sinh hoạt, sản xuất của người dân; - Toàn tỉnh.

Bước 2: Xác định các nội dung ứng phó theo các giai đoạn

* Khi có lũ ở mức báo động 2, 3 (rủi ro thiên tai cấp 1,2)

Nội dung phương án ứng phó thực hiện theo phương châm 4 tại chỗ:

Thứ nhất: Chỉ đạo, chỉ huy tại chỗ

- Chỉ đạo công tác trực ban, nắm bắt thông tin, theo dõi sát diễn biến mưa lũ;
- Chỉ đạo thông qua các văn bản hành chính (công điện, thông báo về ứng phó với lũ, ngập lụt);

- Chỉ đạo việc phân công nhiệm vụ cho các đơn vị nắm chắc địa bàn, căn cứ vào bản tin dự báo, cảnh báo và tình hình diễn biến cụ thể của lũ, ngập lụt để triển khai các công việc ứng phó;

- Chỉ đạo nội dung về tuần tra canh gác đê, phát hiện kịp thời các sự cố về công trình đê, kè để có biện pháp xử lý kịp thời; tổ chức thực hiện xử lý giờ đầu đối với hệ thống đê điều theo phương châm 4 tại chỗ;

- Chỉ đạo, chỉ huy các lực lượng ứng phó tại các khu vực trũng thấp, ngập sâu để chủ động kiểm soát người, phương tiện đi qua các khu vực nguy hiểm;

- Chỉ đạo đảm bảo an toàn cho dân ở vùng trũng thấp, vùng bãi sông ngoài đê, vùng có nguy cơ bị sạt lở.

Thứ hai: Lực lượng, phương tiện tại chỗ

- Xác định lực lượng, phương tiện của các đơn vị đề huy động, trưng dụng

khi cần thiết (thành phần lực lượng/số lượng bao nhiêu/phương tiện gì/vị trí tập kết của phương tiện);

- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các lực lượng, các sở ngành và địa phương;

- Bố trí lực lượng chốt chặn, chủ động cấm người và phương tiện tham gia giao thông qua các khu vực nguy hiểm như: các tuyến đường, cầu, ngầm, tràn bị ngập sâu hoặc mất an toàn do bão, mưa, lũ gây ra; các khu vực có nguy cơ sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy lớn...

- Theo dõi chặt chẽ tình hình mưa, lũ, ngập lụt để thông báo cho dân vùng bị ảnh hưởng chủ động các biện pháp phòng tránh. Tùy vào tình hình cụ thể để tổ chức, hướng dẫn sơ tán dân, tài sản đến nơi an toàn; chuẩn bị các phương án về an ninh trật tự, thông tin liên lạc, phân luồng giao thông, vật tư nhu yếu phẩm khi có yêu cầu;

- Tổ chức đảm bảo an toàn sản xuất: thu hoạch lúa, hoa màu đã đến vụ.

Thứ ba: Hậu cần tại chỗ

- Sẵn sàng vật tư để ứng phó khi có sự cố xảy ra đối với các công trình phòng chống thiên tai, đê điều;

- Sẵn sàng lương thực, thuốc chữa bệnh, nước uống và nhu yếu phẩm khác tại khu vực bị chia cắt, khu vực ngập lụt nghiêm trọng;

- Chủ động dừng các hoạt động trên sông khi thấy không an toàn;

- Kiểm tra các thiết bị điện; di dời các tài sản, lương thực ra khỏi nơi có nguy cơ bị ngập;

*** Khi có lũ ở mức trên BĐ3 đến lũ lịch sử hoặc lũ thiết kế (rủi ro thiên tai cấp 3)**

Thực hiện các nội dung như trường hợp lũ ở mức báo động 2 và 3; đồng thời bổ sung thêm các nội dung:

Thứ nhất: Công tác chỉ đạo

- Tiếp tục công tác trực ban, theo dõi sát diễn biến mưa lũ và tình hình đê điều;

- Chỉ đạo công tác đảm bảo an toàn các công trình phòng chống thiên tai:

+ Cử cán bộ trực tiếp kiểm tra việc tuần tra, canh gác đê theo cấp báo động;

+ Sẵn sàng các phương án để hộ đê, ứng phó với lũ;

- Chỉ đạo các huyện, xã tiến hành sơ tán dân ở các vùng bị lũ, ngập lụt;

+ Số hộ dân khu vực vùng trũng thấp, sạt lở phải sơ tán;

+ Số hộ dân sống trong khu vực đê bồi;

- Chỉ đạo công tác đảm bảo an toàn sản xuất;

- Chỉ đạo công tác đảm bảo an toàn giao thông, thông tin liên lạc,...

Thứ hai: Lực lượng, phương tiện và vật tư tại chỗ

- Huy động toàn bộ lực lượng tuần tra canh gác đê; tổ chức thực hiện

phương án hộ đê; phương án đảm bảo an toàn hồ chứa; thực hiện tích nước xả lũ hợp lý nhằm hạn chế ngập lụt vùng hạ du;

- Huy động lực lượng để tổ chức sơ tán dân vùng bị ngập lụt nặng (nêu cụ thể các xã bị ngập nặng cần phải sơ tán);

- Huy động lực lượng hỗ trợ dân thu hoạch lúa, hoa màu; di chuyển các lồng bè nuôi trồng thủy sản đến nơi an toàn;

- Chủ động tổ chức cắm biển báo, bố trí lực lượng ứng trực chốt, chặn, cấm người, phương tiện qua lại ở những đoạn đường bị ngập và những nơi có dòng chảy xiết; cấm người dân vớt củi trên sông, cầu, cống, ngầm tràn;

- Chuẩn bị và tổ chức thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự tại nơi sơ tán đến, đảm bảo an ninh khu vực dân đi sơ tán; phương án đảm bảo thông tin liên lạc được thông suốt phục vụ quá trình chỉ đạo điều hành; đảm bảo phương án cấp điện, vật tư, nhu yếu phẩm và các vật dụng khác để thực hiện;

- Tổ chức lực lượng, phương tiện sẵn sàng cứu hộ, cứu nạn;

- Huy động khẩn cấp và tuân thủ quyết định chỉ đạo, huy động khẩn cấp về nhân lực, vật tư, phương tiện trang thiết bị, nhu yếu phẩm để kịp thời ứng phó với các tình huống về đê điều, hồ đập và các sự cố khác;

- Huy động lực lượng trông giữ trẻ tập trung; kiểm soát thường xuyên trẻ em để không đi ra các khu vực nguy hiểm.

*** Khi có lũ trên mức lũ lịch sử (Rủi ro thiên tai cấp 4)**

Phương án ứng phó ngoài các nội dung nêu tại mục trên, cần bổ sung các nội dung sau:

- Về công tác đảm bảo an toàn các công trình phòng chống thiên tai: Tổ chức thực hiện phương án hộ đê, đảm bảo an toàn đê điều theo phương châm 4 tại chỗ; phương án đảm bảo an toàn hồ chứa,...; sẵn sàng lực lượng, phương tiện để xử lý, ứng cứu các sự cố về công trình;

- Về sơ tán dân: Ra lệnh sơ tán dân khu vực bị ngập lụt, khu vực lân cận bị ảnh hưởng; tập trung triển khai biện pháp bảo đảm an toàn cho người, đặc biệt đối tượng dễ bị tổn thương trong tình huống thiên tai khẩn cấp;

- Về đảm bảo hoạt động sản xuất: huy động lực lượng hỗ trợ dân thu hoạch lúa, hoa màu; các diện tích nuôi trồng thủy, hải sản, bảo vệ bờ bao các ao, hồ...

- Tổ chức thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự tại nơi sơ tán đến, đảm bảo an ninh khu vực dân đi sơ tán; phương án đảm bảo thông tin liên lạc được thông suốt phục vụ quá trình chỉ đạo điều hành; đảm bảo phương án cấp điện, vật tư, nhu yếu phẩm và các vật dụng khác để thực hiện;

- Tổ chức lực lượng, phương tiện sẵn sàng cứu hộ, cứu nạn;

- Huy động khẩn cấp và tuân thủ quyết định chỉ đạo, huy động khẩn cấp về nhân lực, vật tư, phương tiện trang thiết bị, nhu yếu phẩm để kịp thời ứng phó với thiên tai.

c. Phương án ứng phó với mưa lớn

Bước 1: Xác định từng giai đoạn ứng phó

Xác định cụ thể cường độ, thời gian xuất hiện và các khu vực, đối tượng bị ảnh hưởng:

Bảng 6.4: Cường độ, thời gian xuất hiện và các khu vực, đối tượng bị ảnh hưởng bởi mưa

Cấp độ rủi ro	Cường độ mưa và thời gian xuất hiện	Khu vực/đối tượng bị ảnh hưởng
1-2	Mưa từ 100-500mm từ 1-4 ngày	<ul style="list-style-type: none"> - Khu vực vùng trũng thấp, vùng đô thị ngập úng; - Khu vực dễ bị xảy ra lũ quét, sạt lở đất; - Dân cư, tài sản khu vực trũng thấp, vùng bị ngập úng; - Các công trình phòng chống thiên tai (đê, kè, hồ chứa nước, công trình giao thông) bị sự cố; - Hoạt động sản xuất, sinh hoạt của người dân bị ảnh hưởng.
2-3	Mưa từ 200-500 và trên 500mm từ 2-4 ngày trở lên	<ul style="list-style-type: none"> - Khu vực vùng trũng thấp, vùng đô thị ngập úng; - Khu vực dễ bị xảy ra lũ quét, sạt lở đất; - Dân cư, tài sản khu vực trũng thấp, vùng bị ngập úng; - Các công trình phòng chống thiên tai (đê, kè, hồ chứa nước, công trình giao thông) bị sự cố; - Hoạt động sản xuất, sinh hoạt của người dân bị ảnh hưởng.

Bước 2: Xác định nội dung ứng phó theo từng thời điểm

*** Khi xuất hiện mưa từ 100-500mm từ 1-4 ngày (rủi ro thiên tai cấp 1 và 2)**

Thực hiện theo phương châm 4 tại chỗ:

Thứ nhất: Chỉ đạo, chỉ huy tại chỗ

- Ra thông báo, công điện, văn bản chỉ đạo các địa phương, đơn vị tổ chức phòng, tránh, ứng phó với mưa lớn;
- Phân công kiểm tra, đôn đốc tại các huyện, xã và tại hiện trường (ở từng xã); hướng dẫn các huyện ven biển phải chủ động đề phòng lũ xảy ra, sẵn sàng phương án phòng, chống lũ do mưa, bão có thể gây ra;
- Chỉ đạo triển khai phương án tiêu thoát nước, ngập úng tại các vùng trũng thấp;
- Chỉ đạo triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn đối với dân cư sống ở các vùng trũng thấp, ven sông, vùng bị ngập lụt khi mưa lớn;
- Chỉ đạo đảm bảo an toàn các công trình đê điều, phòng chống thiên tai, các công trình cơ sở hạ tầng khác có khả năng bị ảnh hưởng khi mưa lớn;

- Chỉ đạo công tác đảm bảo an toàn hồ chứa thủy lợi, thủy điện trong trường hợp mưa lớn làm lũ về hồ dâng cao phải xả.

Thứ hai: Lực lượng, phương tiện tại chỗ

- Xác định lực lượng ứng phó bao gồm những đơn vị nào; số lượng bao nhiêu; đóng quân tại đâu để có kế hoạch điều động ứng cứu cho phù hợp;

- Xác định các phương tiện của các đơn vị, địa phương để có thể huy động, trưng dụng khi có yêu cầu;

- Bố trí, huy động lực lượng tại chỗ để thực hiện công tác tuần tra, canh gác, đặc biệt là các vị trí xung yếu hoặc các công trình có sự cố; bố trí lực lượng canh gác tại các ngầm tràn, khu vực trũng thấp;

- Chủ động dừng hoạt động giao thông trên sông, cầu, ngầm tràn khi thấy mưa lũ làm ngập sâu hoặc có dòng chảy xiết;

- Sẵn sàng phương án đảm bảo tiêu thoát lũ, ngập úng tại các vùng trũng thấp; phương án phòng chống lũ đảm bảo an toàn cho hạ du, đặc biệt là hệ thống đê điều, các khu tập trung dân cư ở bãi sông, khu vực thấp trũng, vùng có nguy cơ cao xảy ra sạt lở đất, lũ quét để sẵn sàng triển khai ứng phó;

- Sẵn sàng phương án sơ tán dân: Xác định số hộ/nhân khẩu tại các huyện, xã cần sơ tán; tổ chức chỉ huy sơ tán; huy động lực lượng sơ tán.

Thứ ba: Hậu cần tại chỗ

- Sẵn sàng vật tư để ứng phó khi có sự cố xảy ra;

- Sẵn sàng lương thực, thuốc chữa bệnh, nước uống và nhu yếu phẩm khác tại khu vực bị chia cắt, khu vực ngập lụt nghiêm trọng và địa điểm sơ tán.

*** Khi xuất hiện mưa từ 200-500mm từ 2-4 ngày và mưa 500mm trên 4 ngày (rủi ro thiên tai cấp độ 2-3)**

Triển khai thực hiện phương án như đối với cấp độ rủi ro cấp 2, trong đó chú trọng các nhiệm vụ:

- Tổ chức tuần tra canh gác, đặc biệt là các vị trí xung yếu hoặc các công trình có sự cố; rà soát, kiểm tra và xử lý sự cố các công trình phòng chống thiên tai như các công trình đê điều, hồ đập, kè, cống,...Bố trí lực lượng chốt chặn, chủ động cấm người và phương tiện tham gia giao thông qua các khu vực nguy hiểm như: các tuyến đường, cầu, ngầm, tràn bị ngập sâu hoặc mất an toàn do mưa lớn gây ra; các khu vực có nguy cơ sạt lở đất do mưa lớn hoặc dòng chảy lớn...

- Tổ chức cho các cháu học sinh nghỉ học;

- Tổ chức sơ tán người ra khỏi các khu vực nguy hiểm, nơi không bảo đảm an toàn; tập trung triển khai biện pháp bảo đảm an toàn cho người, đặc biệt đối tượng dễ bị tổn thương trong tình huống thiên tai khẩn cấp; đảm bảo hậu cần từ nguồn dự trữ của chính quyền và nhân dân tại nơi sơ tán;

- Chỉ đạo các công ty khai thác công trình thủy lợi ứng trực tại các khu vực ngập úng, chuẩn bị sẵn sàng các phương án tiêu úng nhất là khu vực đô thị;

- Chủ động thực hiện biện pháp bảo vệ sản xuất như: đẩy nhanh thu hoạch các diện tích sản xuất nông nghiệp đã chín vụ, các diện tích nuôi trồng thủy, hải sản, bảo vệ bờ bao các ao, hồ...

- Rà soát, kiểm tra bảo đảm các hệ thống thông tin liên lạc đáp ứng yêu cầu thông tin cảnh báo, chỉ đạo, chỉ huy phòng chống thiên tai;

- Bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài sản của nhà nước và nhân dân tại khu vực xảy ra thiên tai;

- Thực hiện hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu chữa người bị thương, hỗ trợ lương thực, thuốc chữa bệnh, nước uống và nhu yếu phẩm khác tại khu vực bị chia cắt, khu vực ngập lụt nghiêm trọng và địa điểm sơ tán.

d. Phương án ứng phó với lũ quét, sạt lở đất

*** Khi xảy ra lũ quét, sạt lở đất ở khu vực nằm trong vùng dự báo, cảnh báo**

Phương án ứng phó gồm các nội dung:

Thứ nhất: Chỉ đạo, chỉ huy tại chỗ

- Chỉ đạo công tác trực ban, theo dõi sát diễn biến mưa, lũ; bố trí lãnh đạo chủ chốt thường trực khi thấy xuất hiện có mưa lớn, dài ngày để xử lý các tình huống đề phòng xảy ra lũ quét, sạt lở đất;

- Chỉ đạo công tác sơ tán dân;

- Chỉ huy các lực lượng tham gia ứng phó tại hiện trường;

- Chỉ đạo công tác cung cấp lương thực, nhu yếu phẩm khu vực dễ bị chia cắt.

Thứ hai: Lực lượng, phương tiện và hậu cần tại chỗ

Huy động lực lượng, phương tiện để thực hiện các nhiệm vụ:

- Theo dõi sát diễn biến thời tiết, tin cảnh báo của cơ quan Khí tượng, thủy văn, công điện chỉ đạo của Ban Chỉ đạo PCTT &TKCN trung ương và của địa phương. Khi thấy có dấu hiệu về khả năng xảy ra lũ quét, sạt lở đất trong địa bàn được phân công phải chủ động tập kết đến địa điểm đã chuẩn bị sẵn và luôn sẵn sàng thực thi nhiệm vụ khi có lệnh của cấp trên;

- Chính quyền địa phương (Trưởng thôn, Trưởng bản) lập danh sách đầy đủ các hộ/nhân khẩu đối với từng vị trí; xác định các địa điểm sơ tán với các yêu cầu tối thiểu về chỗ ở, đèn dầu, chất đốt, nước sạch; dịch vụ y tế, vệ sinh môi trường;

- Hỗ trợ, di dời dân đến nơi an toàn trước khi xảy ra lũ quét hoặc sạt lở đất. Chú ý ưu tiên sơ tán trước các đối tượng dễ bị tổn thương: người già, phụ nữ, trẻ em, người tàn tật, v.v...

- Triển khai nhanh các điều kiện tối thiểu theo phương án đã chuẩn bị trước để đảm bảo cuộc sống cho nhân dân tại nơi sơ tán (nhu yếu phẩm, lương thực, nước uống; bố trí nhà tạm tại nơi an toàn);

- Xử lý các điểm ách tắc giao thông do sạt lở gây ra;

- Dự trữ lương thực, thực phẩm; phương tiện vận chuyển để hỗ trợ cho

dân sơ tán kịp thời; Cung cấp lương thực, thực phẩm đối với vùng bị chia cắt;

- Thực hiện cứu hộ, cứu nạn đối với người, công trình và cơ sở hạ tầng khu vực bị thiệt hại;

- Triển khai lực lượng đảm bảo an ninh trật tự khu vực bị thiệt hại.

*** Khi xảy ra lũ quét, sạt lở đất đột xuất ở những điểm ngoài vùng cảnh báo**

Nội dung phương án ứng phó gồm các nội dung:

Thứ nhất: Công tác chỉ đạo, chỉ huy tại chỗ

- Chỉ đạo công tác sơ tán dân;

- Chỉ huy các lực lượng tham gia ứng phó tại hiện trường.

Thứ hai: Lực lượng, phương tiện và hậu cần tại chỗ

- Huy động lực lượng, phương tiện để cứu chữa kịp thời những người bị thương; người bị thương nặng phải được chuyển nhanh lên tuyến trên để cứu chữa; khẩn trương tìm kiếm những người còn mất tích;

- Huy động lực lượng để sơ tán, di chuyển những người còn sống sót tới nơi an toàn; dựng lều bạt; cứu trợ khẩn cấp các điều kiện thiết yếu cho đồng bào; động viên, thăm hỏi, chia sẻ đau thương mất mát, hỗ trợ kịp thời về vật chất và tinh thần cho những người bị mất người thân, tài sản;

- Huy động lực lượng phối hợp với cộng đồng thôn, bản và thân nhân người bị nạn thực hiện việc chôn cất người bị chết theo phong tục của địa phương và thực hiện kịp thời hỗ trợ mai táng phí;

- Thống kê, đánh giá mức độ thiệt hại thực tế, đối chiếu chính sách, quy định hiện hành để trình Trưởng ban chỉ đạo Trung ương PCTT hoặc Chính phủ xét, quyết định mức cứu trợ khẩn cấp cho các gia đình bị thiệt hại do thiên tai gây ra;

- Tổ chức khắc phục hậu quả do lũ quét, sạt lở đất gây ra, gồm:

+ Hệ thống thông tin liên lạc phải được ưu tiên hàng đầu để chính quyền ở cấp cơ sở báo cáo được tình hình thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn và những yêu cầu cần được cứu hộ, cứu nạn, cứu trợ khẩn cấp;

+ Hệ thống giao thông, cầu cống và đường dân sinh đảm bảo cho công tác cứu hộ, cứu nạn, công tác cứu trợ khẩn cấp có thể tiếp cận sớm nhất với đồng bào vùng bị thiên tai;

+ Dọn dẹp vệ sinh môi trường, đặc biệt là môi trường để phòng tránh dịch bệnh phát sinh. Khi phát hiện có dấu hiệu của dịch bệnh phải tập trung lực lượng, phương tiện khoanh vùng, bao vây, dập tắt dịch trong thời gian ngắn nhất, hạn chế lây lan ra cộng đồng.

- Thực hiện cứu hộ, cứu nạn đối với người, công trình và cơ sở hạ tầng khu vực bị thiệt hại;

- Triển khai lực lượng đảm bảo an ninh trật tự khu vực bị thiệt hại.

e. Phương án ứng phó với hạn hán, xâm nhập mặn

Bước 1: Xác định từng giai đoạn ứng phó

Cấp độ rủi ro	Thời gian thiếu hụt lượng mưa trên 50% trong khu vực và độ mặn xâm nhập	Khu vực/đối tượng bị ảnh hưởng
1	Thời gian thiếu hụt lượng mưa từ 2 đến 6 tháng và độ mặn ăn sâu vào cửa sông từ 25-50m	- Vật nuôi, cây trồng; - Hoạt động sản xuất; - Nước sinh hoạt/nhu cầu thực tế.
2	Từ 3-6 tháng, thiếu hụt nguồn nước từ 50-70% và khoảng cách xâm nhập từ cửa sông trên 50m	- Vật nuôi, cây trồng; - Hoạt động sản xuất; - Nước sinh hoạt/nhu cầu thực tế.
3-4	Trên 3-6 tháng, lượng nước thiếu hụt trên 50%	- Con người, vật nuôi, cây trồng; - Hoạt động sản xuất; - Nước sinh hoạt/nhu cầu thực tế.

Bước 2: Xác định các nội dung ứng phó theo từng giai đoạn*** Đối với rủi ro thiên tai cấp 1-2**

Phương án ứng phó thực hiện theo phương châm 4 tại chỗ, cụ thể:

Thứ nhất: Chỉ đạo, chỉ huy tại chỗ

- Chỉ đạo thông qua các văn bản hành chính (Công điện, chỉ thị về phòng chống hạn hán, xâm nhập mặn);

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chuyên ngành tăng cường phối hợp với các công trình khai thác thủy lợi để xác định khả năng cung cấp nước tưới, xây dựng phương án bố trí cơ cấu sản xuất nông nghiệp phù hợp với khả năng cân đối nguồn nước;

- Chỉ đạo thực hiện các biện pháp về công trình, phi công trình liên quan đến nguồn nước, cung cấp nước phục vụ sản xuất, sinh hoạt;

- Chỉ đạo công tác vận hành hợp lý hồ chứa nước, công trình cấp nước; quản lý chặt chẽ nguồn nước, áp dụng các biện pháp tưới tiết kiệm, ưu tiên đảm bảo cấp đủ nước sinh hoạt cho người và gia súc; sử dụng nước tiết kiệm, chống thất thoát nước.

Thứ hai: Lực lượng, phương tiện, vật tư tại chỗ

- Huy động và hỗ trợ nhân dân sử dụng các máy bơm của hộ gia đình bơm nước từ các khe suối, ao, hồ để phục vụ chống hạn; đào giếng các ao hồ nhỏ để cấp nước tưới; khoan giếng để cấp nước sinh hoạt cho nhân dân vùng khô hạn; ưu tiên cung cấp điện và vật tư, nhiên liệu cần thiết cho các trạm bơm;

- Huy động lực lượng, phương tiện, vật tư để tiến hành nạo vét hệ thống kênh, mương, hệ thống các trục kênh tưới tiêu kết hợp đảm bảo thông thoáng;

- Tính toán lắp đặt thêm hệ thống các trạm bơm đã chiến tại những vị trí thuận lợi về nguồn nước để nâng cao năng lực cấp nước cho hệ thống;

- Linh hoạt điều phối, hòa mạng lưới cấp nước toàn tỉnh để hỗ trợ cho nhau (trạm bơm cấp nước bổ sung vùng diện tích tưới do hồ chứa phục vụ thiếu hụt nguồn nước và ngược lại);

- Điều chỉnh cơ cấu cây trồng, vật nuôi, mùa vụ phù hợp với dự báo, cảnh báo và tình hình diễn biến hạn hán và xâm nhập mặn.

*** Đối với rủi ro thiên tai cấp 3-4**

Thực hiện các phương án theo cấp độ 1-2 và bổ sung một số nhiệm vụ quan trọng khác, gồm:

Thứ nhất: Chỉ đạo, chỉ huy tại chỗ

- Chỉ đạo công tác huy động vật tư, nhân lực để phục vụ chống hạn;
- Phân công các sở ngành theo chức năng, nhiệm vụ để kiểm tra, hướng dẫn nhân dân có các biện pháp tích nước;
- Phát động phong trào chống hạn trong nhân dân; tiến hành động viên, khen thưởng kịp thời đối với các đơn vị, tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác phòng chống hạn hán.

Thứ hai: Lực lượng, phương tiện, vật tư tại chỗ

- Huy động lực lượng, phương tiện, vật tư để phục vụ chống hạn. Triển khai các biện pháp tích trữ nước;

- Hỗ trợ dân chuyển đổi cây trồng có nhu cầu sử dụng nước ít nhưng hiệu quả kinh tế cao;

- Triển khai các biện pháp vận hành hồ chứa theo đúng quy trình vận hành trong mùa kiệt. Khi xảy ra hạn hán cần thực hiện các biện pháp ưu tiên cấp nước sinh hoạt, cấp nước cho gia súc và cây công nghiệp dài ngày có giá trị kinh tế cao;

- Chuẩn bị các máy bơm dã chiến, bơm thuyền để bơm sử dụng dung tích chết của hồ;

- Sửa chữa gấp những công trình bị hư hỏng nặng không đảm bảo dẫn nước, nạo vét hồ chứa, kênh mương từ nguồn kinh phí sửa chữa thường xuyên của đơn vị, đảm bảo không để rò rỉ, thất thoát nguồn nước;

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch điều tiết nước, kế hoạch chống hạn cụ thể của đơn vị;

- Xây dựng các mô hình với các loại cây, con đã được thử nghiệm có khả năng chịu khô hạn, tiêu thụ ít nước. Ưu tiên cấp nước cho sinh hoạt và các ngành kinh tế hiệu quả và giá trị cao.

f. Phương án ứng phó với lốc, sét, mưa đá

Thiên tai do lốc, sét, mưa đá là loại hình thiên tai bất thường, diễn biến khó lường và mức độ ảnh hưởng có thể rất lớn, đe dọa tính mạng và gây thiệt hại về tài sản của người dân trên địa bàn tỉnh.

Cấp độ rủi ro	Cường độ	Khu vực/đối tượng bị ảnh hưởng	Nội dung ứng phó
1	Cường độ trung bình	- Trên biển: Tàu thuyền và người (đối với những tỉnh có biển); - Đất liền: con người, hoa màu, nhà cửa bán kiên cố.	- Ứng phó đối với ngư dân và tàu thuyền trên biển (đối với những tỉnh có biển); - Ứng phó trên đất liền.
2	Cường độ mạnh, lớn, phạm vi ảnh hưởng rộng	- Trên biển: Tàu thuyền và người (đối với những tỉnh có biển); - Đất liền: con người, hoa màu, nhà cửa, cơ sở hạ tầng.	- Ứng phó đối với hoạt động sản xuất; - Ứng phó đối với con người, vật nuôi, cây trồng.

* Đối với rủi ro cấp độ 1

Nội dung phương án ứng phó theo phương châm 4 tại chỗ gồm:

Thứ nhất: Chỉ đạo, chỉ huy tại chỗ

- Chủ động cập nhật các bản tin cảnh báo sớm và ban hành các Công điện, thông báo về chỉ đạo ứng phó với thiên tai lốc, sét, mưa đá tới các cấp, các ngành để chủ động phòng tránh;

- Căn cứ vào dự báo, cảnh báo, tính chất và diễn biến thực tế của từng loại thiên tai, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh chủ động chỉ đạo Ban chỉ huy PCTT và TKCN các huyện, thành phố triển khai biện pháp ứng phó phù hợp với từng tình huống cụ thể; UBND các cấp huyện, thành phố chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn sử dụng hệ thống truyền thanh của địa phương để truyền các bản tin dự báo, cảnh báo dông, lốc, sét,... và hướng dẫn kiến thức, kỹ năng phòng chống dông, lốc, sét, mưa đá đến với người dân trên địa bàn.

Thứ hai: Lực lượng, phương tiện và vật tư tại chỗ

- Đối với huyện có biển: Yêu cầu các chủ tàu thuyền khi ra biển phải có phao cứu sinh và toàn bộ thủy thủ, thuyền viên phải mặc áo phao khi đang ở trên biển; nhanh chóng đi vào bờ hoặc di chuyển tìm nơi tránh, trú an toàn khi có gió mạnh; tổ chức hợp lý đội hình khai thác trên biển theo tổ, trong đó đảm bảo cự ly, khoảng cách hợp lý giữa các tàu thuyền để hỗ trợ nhau khi gặp nạn.

- Đảm bảo an toàn cho người:

+ Khuyến cáo người dân không ở trong những căn nhà tạm, yếu; tìm nơi trú ẩn an toàn khi có lốc và mưa đá (không di chuyển đến dưới các cây lớn, nhà tạm);

+ Khuyến cáo việc sử dụng điện thoại, điện gia dụng khi có sấm sét (rút phích cắm, ăng ten tivi và những đồ điện tử đang sử dụng). Trường hợp trực trực lưới điện chung thì tốt nhất nên ngắt cầu dao hoặc rút hết phích cắm của các đồ điện trong gia đình ra khỏi ổ điện;

+ Không nên ra ngoài lúc trời có mưa dông kèm theo sấm sét và không được lại gần nơi có dây điện rơi xuống;

+ Nếu ở ngoài trời khi mưa giông có nguy cơ bị sét đánh phải tìm chỗ trú ẩn an toàn, không đứng trên đồi cao hay những khoảng đất trống, rộng rãi như cánh đồng, sân chơi... không núp dưới cây cao ngoài đồng trống; không khuân vác vật dụng bằng kim loại như cuốc, xẻng, búa, liềm...;

+ Nếu đang làm ngoài đồng, nên chạy đến nơi nào gần nhất để giữ mình được khô ráo. Nếu không kịp đến nơi an toàn, thì nên núp nơi thấp nhất, thu mình và chụm hai chân lại;

+ Nếu đang đi ngoài đường mà gặp mưa đá, phải dừng lại tìm chỗ ẩn, đội mũ bảo hiểm để tránh đá rơi vào đầu, chờ đá trên đường tan hết mới tiếp tục đi để tránh trơn ngã.

- Đảm bảo an toàn cho nhà cửa, công trình và tài sản:

+ Khuyến cáo người dân, đơn vị, doanh nghiệp,.. lắp đặt hệ thống cột thu lôi, cột chống sét thích hợp cho từng công trình;

+ Xây dựng các công trình, nhà ở kiên cố, thường xuyên chằng chống nhà cửa để tăng độ vững chắc nhằm đề phòng lốc xoáy, gió giật, mưa đá. Ở các cửa biển, ven biển, nơi trồng trái, nếu nhà ở lợp bằng lá, tôn tráng kẽm, fibro xi măng, ngói có thể dẫn lên mái nhà các loại thanh nẹp bằng gỗ, sắt, dây kẽm cỡ lớn hoặc các bao chứa cát để hạn chế tốc mái khi có lốc xoáy, gió giật;

- Khắc phục hậu quả do lốc, sét, mưa đá: huy động lực lượng, phương tiện, vật chất trang bị để nhanh chóng giải quyết hậu quả, tập trung một số công việc như: Thu dọn cành cây đổ; sửa chữa, khắc phục nhà sập, nhà tốc mái...; khắc phục các sự cố tàu thuyền bị đánh chìm, trôi dạt, hư hỏng và tổ chức tìm kiếm người, tàu thuyền bị mất liên lạc; cứu trợ các cá nhân, gia đình khó khăn; thống kê và đánh giá thiệt hại.

*** Đối với rủi ro cấp độ 2**

Thực hiện phương án ứng phó như ở cấp độ 1 và bổ sung nội dung:

Thứ nhất: Công tác chỉ đạo, chỉ huy

- Chỉ đạo trực tiếp tại hiện trường;

- Chỉ huy lực lượng hỗ trợ dân ứng phó và khắc phục hậu quả do lốc, sét và mưa đá gây ra.

Thứ hai: Lực lượng, phương tiện và vật tư tại chỗ

- Ngành điện chủ động cắt điện cục bộ tại nơi xảy ra sự cố ngay khi phát hiện tình trạng mất an toàn trong vận hành lưới điện do bị ảnh hưởng của dông gió, lốc xoáy, mưa đá, sét. Sau khi khắc phục, sửa chữa và đảm bảo chắc chắn an toàn của hệ thống điện thì phải khôi phục lại ngay việc cung cấp điện cho khu vực để nhân dân ổn định sinh hoạt và sản xuất;

- Huy động lực lượng, phương tiện để hỗ trợ các gia đình sửa chữa gia cố công trình, nhà ở dân cư bị hư hỏng, thu dọn cây xanh bị ngã đổ và xử lý vệ sinh môi trường theo quy định;

- Huy động lực lượng, phương tiện y tế để kịp thời cứu trợ các cá nhân, hộ

gia đình bị thiệt hại sau thiên tai;

- Huy động lực lượng, phương tiện để thu dọn cây xanh, xử lý môi trường sau thiên tai.

g. Phương án ứng phó với nắng nóng

Tình trạng nắng nóng được xác định theo các cấp độ và vùng ảnh hưởng

Cấp độ rủi ro	Nhiệt độ	Khu vực/đối tượng bị ảnh hưởng
1	Nhiệt độ cao từ 39 ⁰ C-40 ⁰ C kéo dài từ 3-10 ngày	Con người, vật nuôi; Hoạt động sản xuất.
2	Nhiệt độ cao trên 40 ⁰ C kéo dài từ 5-10 ngày	Con người, vật nuôi; Hoạt động sản xuất.
3	Nhiệt độ cao trên 40 ⁰ C kéo trên 10 ngày	Con người, vật nuôi; Hoạt động sản xuất.

*** Đối với rủi ro thiên tai cấp độ 1,2**

Thứ nhất: Chỉ đạo, chỉ huy

- Cập nhật các bản tin cảnh báo sớm và ban hành các văn bản để chỉ đạo ứng phó với nắng nóng tới các cấp, các ngành và các huyện, xã bị ảnh hưởng để chủ động phòng tránh;

- Căn cứ vào dự báo, cảnh báo, tính chất và diễn biến thực tế để chỉ đạo triển khai biện pháp ứng phó phù hợp với từng tình huống cụ thể;

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường; chỉ đạo các bệnh viện, các trung tâm y tế đảm bảo tốt nhất việc khám chữa bệnh, sơ cứu, cấp cứu người bệnh trong những ngày nắng nóng.

Thứ hai: Lực lượng, vật tư, phương tiện tại chỗ

- Sử dụng hệ thống truyền thanh của địa phương để truyền tải các bản tin dự báo, cảnh báo về nắng nóng và hướng dẫn kiến thức, kỹ năng ứng phó với nắng nóng;

- Triển khai các biện pháp bảo vệ sức khỏe, phòng bệnh, đặc biệt là cho trẻ em và người già;

- Khuyến cáo người dân hạn chế ra đường trong những ngày nắng nóng, khi ra đường phải có biện pháp bảo vệ, che tránh;

- Phân luồng giao thông, tổ chức kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm quy định, đảm bảo cho người dân tham gia giao thông thông suốt, nhất là trong những giờ cao điểm nắng nóng;

- Thực hiện các biện pháp tiết kiệm nguồn nước; xây dựng kế hoạch sản xuất hợp lý, bố trí diện tích và cơ cấu, thời vụ gieo trồng phù hợp với năng lực

nguồn nước hiện có, phòng chống sâu bệnh, dịch bệnh, đặc biệt cần chú ý đến tình huống cháy rừng trong thời gian xảy ra nắng nóng;

- Tăng cường công tác nạo vét, gia cố, duy tu sửa chữa hệ thống kênh tưới để đảm bảo đủ cung cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, sinh hoạt. Chuẩn bị phương tiện, trang thiết bị hỗ trợ cấp nước phòng, chống hạn khi cần thiết;

- Tổ chức vận hành các công trình thủy lợi, các công lấy nước, trạm bơm nước tưới đảm bảo điều kiện các công trình thủy lợi vận hành tốt, cung cấp đủ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, phòng, chống cháy rừng, hạn chế ô nhiễm nguồn nước;

- Rà soát cây trồng trên các tuyến phố, thực hiện trồng mới thay thế cây có dấu hiệu chết, khô héo;

- Khuyến khích các tổ chức kinh tế, xã hội, người dân lắp đặt hệ thống thu năng lượng mặt trời; nhằm giảm thiểu tối đa ảnh hưởng của nắng nóng đồng thời cung cấp năng lượng sạch, phục vụ cho nhu cầu sản xuất, sinh hoạt.

*** Đối với rủi ro thiên tai cấp độ 3**

Tiếp tục triển khai các phương án như đối với rủi ro thiên tai cấp độ 1, 2 và thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

Thứ nhất: Chỉ đạo, chỉ huy

- Chỉ đạo Sở Y tế triển khai công tác phòng chống dịch bệnh mùa hè, không để bùng phát dịch bệnh; bổ sung thêm phòng khám, giường bệnh để khám chữa bệnh, sơ cứu, cấp cứu người bệnh trong những ngày nắng nóng;

- Kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm;

- Chỉ đạo công tác phòng, chống đuối nước, đặc biệt là tai nạn đuối nước trẻ em trong dịp hè.

- Giao cho Sở Thông tin và Truyền thông, Đài phát thanh và Truyền hình Ninh Bình thông tuyên truyền cho người dân biết cách phòng tránh như:

- + Chủ động các biện pháp phòng chống nắng nóng cho người (đặc biệt là các đối tượng dễ bị tổn thương) và gia súc, gia cầm; hạn chế ra ngoài cũng như chăn thả gia súc, gia cầm ngoài trời trong thời gian nắng nóng cao điểm từ 10 giờ đến 16 giờ hàng ngày.

- + Đảm bảo chuẩn bị đủ nguồn thức ăn, nước uống hợp vệ sinh.

Thứ hai: Lực lượng, phương tiện và vật tư tại chỗ

- Rà soát, đảm bảo điều kiện sinh hoạt và sức khỏe cho người già, trẻ nhỏ tại các trung tâm bảo trợ xã hội;

- Triển khai đồng bộ công tác phòng, chống đuối nước, đặc biệt là tai nạn đuối nước trẻ em trong dịp hè;

- Xử lý kịp thời các sự cố về điện; bố trí kế hoạch cắt điện hợp lý. Không

cắt điện trong lúc cao điểm thời tiết nắng nóng tại các khu vực trọng điểm và thời điểm nắng nóng nhất;

- Bổ sung các trạm bơm tăng áp đảm bảo cung cấp đủ nước sạch cho người dân, hạn chế mức thấp nhất tình trạng mất nước sạch cục bộ tại các khu dân cư. Trường hợp bị mất nước, thiếu nước phải bố trí cấp nước lưu động;

- Xây dựng các biện pháp phòng cháy chữa cháy; chuẩn bị sẵn sàng về thiết bị, phương tiện, nhân lực duy trì lệnh trực 24/24 giờ sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ khi xảy ra cháy nổ.

h. Phương án ứng phó với nước biển dâng

Bước 1: Xác định từng thời điểm ứng phó nước biển dâng

Khi có bão (ATNĐ) xảy ra gây ra hiện tượng nước dâng do bão (ATNĐ), cấp độ rủi ro thiên tai được xác định dựa vào mực nước biển dâng và vùng ảnh hưởng của tỉnh, cụ thể:

Cấp độ rủi ro	Vị trí hoạt động của bão (ATNĐ)	Đối tượng bị ảnh hưởng
1-2	Nước biển dâng từ 2-4m	- Cơ sở nuôi trồng thủy hải sản ven bờ; - Dân cư ở các huyện đảo; - Các công trình, cơ sở hạ tầng, giàn khoan,...
3-4	Nước biển dâng từ 4-8m	- Tàu thuyền hoạt động ven bờ; - Cơ sở nuôi trồng thủy hải sản ven bờ; - Dân cư ở vùng ven biển, ven sông; - Các công trình, cơ sở hạ tầng (nhà cửa, công trình đê điều, pect,...)
5	Nước biển dâng trên 8m	- Dân sống ven sông ven biển, đất liền khu vực trũng thấp, ... - Cơ sở hạ tầng; - Các hoạt động sản xuất, kinh tế, xã hội trên toàn tỉnh.

Bước 2: Xác định phương án ứng phó theo các thời điểm

*** Nước biển dâng từ 2-4m (rủi ro thiên tai cấp 1 và 2)**

Thực hiện theo phương châm 4 tại chỗ:

Thứ nhất: Chỉ đạo, chỉ huy tại chỗ

- Ra thông báo, công điện, văn bản chỉ đạo các địa phương, đơn vị tổ chức phòng, tránh, ứng phó với nước biển dâng;

- Chỉ đạo các huyện, xã sẵn sàng phương án đảm bảo an toàn tàu thuyền trên biển và khu vực ven bờ: Hướng dẫn, neo đậu tàu thuyền; di chuyển lồng bè,

người trên các lồng bè vào nơi an toàn,...

- Chỉ đạo các huyện xã lên phương án sơ tán dân: Xác định số hộ/nhân khẩu tại các huyện xã cần sơ tán; tổ chức chỉ huy sơ tán; huy động lực lượng sơ tán; đảm bảo hậu cần nơi sơ tán,...

- Chỉ đạo các huyện xã lên phương án đảm bảo an toàn cho nhà cửa, các công trình và cơ sở hạ tầng giao thông, thủy lợi, phòng chống thiên tai và các công trình quốc phòng an ninh;

- Phân công kiểm tra, đôn đốc tại các huyện, xã và tại hiện trường (ở từng xã); hướng dẫn huyện ven biển phải chủ động đề phòng lũ xảy ra, sẵn sàng phương án phòng, chống lũ do mưa, bão có thể gây ra.

Thứ hai: Lực lượng, phương tiện tại chỗ

- Phương án huy động nguồn nhân lực ứng phó: Xác định lực lượng ứng phó bao gồm những đơn vị nào; số lượng bao nhiêu; đóng quân tại đâu để có kế hoạch điều động ứng cứu cho phù hợp;

- Xác định số lượng, phương tiện cần huy động, trưng dụng khi có yêu cầu;

- Lên phương án đảm bảo an toàn tàu thuyền:

- + Xác định được số lượng cụ thể các tàu, thuyền của địa phương đang hoạt động trên biển;

- + Xác định việc chằng chống, neo đậu tại bến hoặc di chuyển đến nơi an toàn;

- + Xác định lực lượng hỗ trợ dân để di chuyển lồng bè, sơ tán người tại các khu vực nuôi trồng thủy sản,...

- Lên phương án sơ tán dân:

- + Xác định số hộ/nhân khẩu sơ tán (cụ thể từng thôn, xóm...);

- + Xác định các địa điểm sơ tán;

- + Xác định lực lượng hỗ trợ sơ tán dân;

- + Xác định lực lượng, phương tiện hỗ trợ nhân dân sơ tán đến các công trình kiên cố (trụ sở cơ quan, trường học, trạm y tế,...) trước khi bị ngập lụt và ảnh hưởng của nước dâng.

- Phương án đảm bảo an toàn nhà cửa, cơ sở hạ tầng:

- + Xác định các công trình, nhà cửa và các khu vực cần phải bảo vệ;

- + Xác định các biện pháp để bảo vệ công trình: đê, kè, hồ chứa,...

- + Xác định lực lượng hỗ trợ dân bảo vệ các công trình trên cảng biển, các khu công nghiệp, các công trình viễn thông,...

- + Xác định nội dung kiểm soát an toàn đối với các công trình để có phương án bảo vệ, xử lý sự cố;

- + Xác định lực lượng tham gia ứng trực sẵn sàng triển khai cứu trợ, cứu hộ - cứu nạn, sơ cứu - cấp cứu,...

- Theo dõi, báo cáo kịp thời các tình huống phức tạp cần sự trợ giúp từ cấp trên để xử lý, ứng phó.

Thứ ba: Hậu cần, vật tư, nhu yếu phẩm tại chỗ

- Lên phương án hậu cần, vật tư, nhu yếu phẩm tại các khu vực sơ tán: mỳ tôm, nước uống, thuốc men,...

- Xác định nội dung đảm bảo hậu cần từ nguồn dự trữ của chính quyền và nhân dân tại nơi sơ tán;

- Xác định các vật tư cần thiết để xử lý ngay giờ đầu các sự cố khi có yêu cầu.

*** Nước biển dâng từ 4-8m (rủi ro thiên tai cấp 3 và 4)**

Thực hiện theo phương án như đối với cấp độ rủi ro 1 và 2 và bổ sung thêm một số nhiệm vụ cấp bách khác, gồm:

Thứ nhất: Chỉ đạo, chỉ huy:

- Nêu phương án chỉ đạo, chỉ huy khi có nước biển dâng (triển khai thành lập Ban chỉ đạo, Ban chỉ huy tiền phương; bố trí lực lượng xuống hiện trường chỉ đạo, chỉ huy tại chỗ,...);

- Ra lệnh sơ tán dân; chỉ đạo cưỡng chế đối với các hộ dân không thực hiện sơ tán;

- Nêu các công tác chỉ huy tại hiện trường (nếu có).

Thứ hai: Lực lượng, phương tiện tại chỗ:

- Huy động lực lượng, phương tiện hỗ trợ nhân dân sơ tán đến các công trình kiên cố (trụ sở cơ quan, trường học, trạm y tế,...) theo kế hoạch đã phân công;

- Triển khai lực lượng, phương tiện để thực hiện nội dung đảm bảo an ninh trật tự khu vực bị ảnh hưởng: Xác định nhiệm vụ cho đơn vị, nội dung thực hiện; huy động lực lượng, phương tiện thực hiện;

- Triển khai lực lượng, phương tiện để thực hiện nội dung đảm bảo giao thông, thông tin liên lạc: Xác định những nội dung, nhiệm vụ cần thực hiện; phân giao nhiệm vụ cho các đơn vị thực hiện;

Thứ ba: Hậu cần, vật tư tại chỗ

- Tổ chức phương án đảm bảo hậu cần từ nguồn dự trữ của chính quyền và nhân dân tại nơi sơ tán;

- Triển khai nội dung bảo đảm cấp điện: Xác định những nội dung, nhiệm vụ cần thực hiện; phân giao nhiệm vụ cho các đơn vị thực hiện nội dung này;

- Triển khai nội dung đảm bảo vật tư, nhu yếu phẩm phục vụ phòng chống thiên tai: Xác định những nội dung, nhiệm vụ cần thực hiện; phân giao nhiệm vụ cho các đơn vị thực hiện nội dung này.

(Nội dung các phương án về an ninh trật tự, giao thông, thông tin liên lạc, hậu cần, ... được thực hiện như hướng dẫn đối với bão, ATNĐ).

*** Nước biển dâng trên 8m (rủi ro thiên tai cấp 5)**

Thực hiện theo phương án ứng phó với cấp độ 3-4 và triển khai một số nhiệm vụ sau:

Thứ nhất: Công tác chỉ đạo, chỉ huy

- Lập Ban chỉ huy tiền phương tại các vùng trọng điểm có sự chỉ đạo của Chính phủ, Ban chỉ đạo Trung ương về Phòng chống thiên tai và Ủy ban ứng phó sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn;

- Thực hiện sự chỉ đạo, chỉ huy theo cấp trên.

Thứ hai: Lực lượng, phương tiện tại chỗ

- Huy động lực lượng, phương tiện sơ tán toàn bộ dân khu vực ven biển, khu vực lân cận bị ảnh hưởng bởi nước dâng đến nơi an toàn;

- Huy động lực lượng, phương tiện để ứng cứu kịp thời các tình huống cứu hộ cứu nạn, sự cố công trình;

- Tiếp tục triển khai nội dung đảm bảo an toàn giao thông, thông tin liên lạc, an ninh trật tự tại các khu vực bị ảnh hưởng và khu vực được huy động để dân đến sơ tán.

Thứ ba: Hậu cần tại chỗ

- Bố trí nhu yếu phẩm, thuốc men và các vật dụng thiết yếu khác tại các khu vực sơ tán;

- Huy động vật tư, dữ trữ để xử lý các sự cố khi có yêu cầu.

i. Phương án ứng phó với động đất, sóng thần

*** Động đất xảy ra với cấp độ VI trở xuống với chấn tâm trong khu vực tỉnh, không có cảnh báo sóng thần (rủi ro thiên tai cấp độ 1)**

Nội dung phương án ứng phó theo phương châm 4 tại chỗ:

Thứ nhất: Công tác chỉ đạo, chỉ huy

- Chỉ đạo công tác trực ban 24/24 giờ để nhận và truyền tin cảnh báo từ Viện Vật lý địa cầu;

- Chỉ đạo các sở, ngành nhất là lực lượng công an, quân đội chuẩn bị lực lượng, phương tiện và trang thiết bị để sẵn sàng ứng phó khi xảy ra sự cố về công trình, cơ sở hạ tầng.

Thứ hai: Lực lượng, phương tiện và vật tư tại chỗ

- Sẵn sàng các lực lượng, đặc biệt là lực lượng quân đội, công an để ứng phó khi xảy ra các sự cố;

- Sẵn sàng các phương tiện, vật tư để di chuyển và xử lý các sự cố.

*** Động đất cấp VII trở lên với chấn tâm trong khu vực tỉnh hoặc ảnh hưởng do chấn tâm ở khu vực lân cận và không có cảnh báo sóng thần (rủi ro thiên tai cấp độ 3-4)**

Ứng phó theo phương châm 4 tại chỗ gồm:

Thứ nhất: Chỉ đạo, chỉ huy

- Chỉ đạo công tác ứng phó bằng các văn bản (công điện, chỉ thị,..);

- Chỉ đạo các sở ngành triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn hồ chứa nước khi có sự cố do động đất gây ra; thường xuyên thông tin về an toàn hồ

chứa đến các địa phương liên quan để phối hợp ứng phó, thực hiện sơ tán dân nhằm đảm bảo an toàn tính mạng cho người dân ở các vùng hạ du hồ chứa;

- Chỉ đạo công tác sơ tán dân;
- Chỉ huy lực lượng ứng phó tại hiện trường.

Thứ hai: Lực lượng, phương tiện và vật tư tại chỗ

- Huy động lực lượng, phương tiện, kinh phí, vật tư, tại chỗ sẵn sàng hỗ trợ vận chuyển người dân sơ tán, hỗ trợ lương thực, nước uống, nhu yếu phẩm,... tại nơi sơ tán;

- Tổ chức lực lượng, phương tiện, vật tư để chi viện, tìm kiếm cứu nạn khi có động đất: thực hiện công tác tìm kiếm cứu nạn đối với người bị nạn trong tình huống nhà sập, cây lớn, trụ điện ngã đổ... do động đất gây ra, huy động lực lượng, phương tiện tiến hành cứu người kẹt trong các đống đổ nát;

- Tăng cường lực lượng các y, bác sĩ của các bệnh viện thực hiện công tác cứu chữa người bị thương. Có thể lập phương án bệnh viện dã chiến khi có nhiều người bị thương; hỗ trợ dịch vụ y tế, phòng, chống dịch bệnh cho khu vực bị ảnh hưởng;

- Kiểm tra, giám sát công tác vệ sinh an toàn thực phẩm và cung cấp nước sạch tại các vùng trọng điểm. Căn cứ vào tình hình sức khỏe, bệnh tật tại cộng đồng dân cư ở những vùng xảy ra động đất để hỗ trợ tăng cường cơ sở thuốc, hoá chất phục vụ công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân và xử lý vệ sinh môi trường, phòng ngừa dịch bệnh;

- Triển khai phương án phòng cháy, chữa cháy; dò tìm, xử lý và vô hiệu hóa các vật liệu cháy nổ có thể còn sót lại, ứng phó với các tình huống hơi độc, hơi ngạt;

- Huy động máy móc, thiết bị của các đơn vị, doanh nghiệp đang thực hiện xây dựng trên địa bàn tỉnh để phối hợp với tìm kiếm cứu nạn trong các tình huống sập nhà do động đất gây ra;

- Triển khai phương án đảm bảo an ninh trật tự tại khu vực dân di dời để bảo vệ tài sản người dân; điều phối giao thông, đảm bảo an ninh trật tự, tránh trường hợp kẻ xấu lợi dụng tình hình; đảm bảo an toàn giao thông, phong tỏa các cầu vượt, hầm chui cho đến khi có kết luận về độ an toàn sau động đất.

*** Động đất với cường độ lớn (>9 độ Richter) xảy ra ở khu vực rãnh nước sâu Manila – Philippin, dự báo có thể tạo ra sóng thần cao 5m ở khu vực vùng biển của tỉnh. Thời gian sóng thần đi từ vùng rãnh nước sâu Manila tới vùng bờ biển Việt Nam sau khoảng 2 giờ (rủi ro thiên tai cấp độ 5)**

- Ra lệnh sơ tán dân toàn bộ khu vực ven biển và khu vực lân cận;
- Huy động lực lượng toàn tỉnh để tổ chức sơ tán dân; ứng cứu tìm kiếm cứu nạn;
- Các nội dung khác thực hiện như đối với tình huống 2.

k. Phương án ứng phó với rét hại, sương muối

*** Đối với rủi ro thiên tai cấp độ 1:**

- Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy PCTT tỉnh chủ động cập nhật các bản tin cảnh báo sớm và tham mưu, ban hành các công điện, văn bản chỉ đạo ứng phó với rét hại, sương muối tới các ngành, các cấp để chủ động phòng tránh;

- Chỉ đạo các huyện, thành phố căn cứ tình hình thực tế khẩn trương triển khai Phương án, Kế hoạch phòng, chống, ứng phó với rét hại, sương muối đối với vật nuôi, cây trồng và hoạt động sản xuất,...

*** Đối với rủi ro thiên tai cấp độ 2**

Triển khai các hoạt động giống như đối với cấp độ rủi ro thiên tai cấp độ 1, tập trung vào các nhiệm vụ:

- Triển khai đồng bộ các biện pháp chống rét cho người, đặc biệt lưu ý đối tượng dễ bị tổn thương như người già, trẻ em, người khuyết tật;

- Tổ chức che chắn, làm chuồng cho gia súc, gia cầm; bảo đảm nguồn thức ăn cho gia súc;

- Triển khai biện pháp bảo vệ cây trồng phù hợp, nghiên cứu đề xuất, áp dụng giống cây trồng, vật nuôi thích nghi với điều kiện thời tiết khắc nghiệt; Chuẩn bị phương tiện, trang thiết bị hỗ trợ che chắn, bảo vệ cây trồng và vật nuôi khi cần thiết;

- Sẵn sàng triển khai phương án khắc phục và phục hồi sản xuất sau thiên tai (chuẩn bị đủ cơ sở về giống cây trồng, vật nuôi);

- Xây dựng kế hoạch dự trữ lương thực, nhu yếu phẩm, thức ăn chăn nuôi; thực hiện các biện pháp tiết kiệm điện, chất đốt để đề phòng hiện tượng rét hại kéo dài;

- Bố trí lực lượng, phương tiện để xử lý, khắc phục thiên tai: khẩn trương hỗ trợ vật tư, giống cây trồng, vật nuôi cho các hộ dân bị thiệt hại; ổn định sản xuất; hỗ trợ gạo cứu đói cho các hộ bị mất mùa do thiên tai,...

6.2.5. Công tác sơ tán dân về nơi an toàn

Căn cứ vào dự báo, cảnh báo của Đài khí tượng Thủy văn tỉnh, Công điện của Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh chỉ đạo ứng phó với mưa lớn, lũ lụt, bão, áp thấp nhiệt đới, UBND các cấp, các sở, ban, ngành, đơn vị triển khai thực hiện:

- Kịp thời huy động lực lượng, phương tiện tại chỗ sơ tán người dân vùng ven biển, cửa sông, vùng ngập lũ, vùng sạt lở đến nơi trú, tránh an toàn.

- Tổ chức cung cấp lương thực, nhu yếu phẩm, nước sạch cho người dân nơi sơ tán và vùng ảnh hưởng.

- Huy động đội ngũ y sĩ, bác sĩ tại chỗ, phương tiện, thuốc men để sơ cấp cứu, chăm sóc sức khỏe cho người dân nơi sơ tán và vùng ảnh hưởng.

- Tổ chức các đoàn, đội tình nguyện cứu trợ dân sinh, vệ sinh môi trường và phòng chống dịch bệnh nơi sơ tán.

6.2.6. Thiết lập hệ thống thông tin liên lạc khẩn cấp

Các phương tiện thông tin, truyền thông tăng cường đưa tin về thiên tai cho chính quyền các cấp và nhân dân biết để chủ động phòng tránh, ứng phó.

Ưu tiên xử lý sự cố thông tin và duy trì thông tin liên lạc bằng tất cả các hệ thống tại UBND các cấp, Văn phòng thường trực Ban chỉ huy PCTT và TKCN các cấp, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy bộ đội Biên phòng, Công an tỉnh, các sở, ban, ngành liên quan; duy trì 24/24 h nguồn điện ưu tiên và máy phát điện dự phòng của từng cơ quan, đơn vị. Nếu các mạng Vinaphone, Mobifone, Viettel không liên lạc được thì dùng các máy thông tin di động vô tuyến sóng ngắn Codan; hoặc sử dụng mạng thông tin chuyên dùng nmarsat để phục vụ. Phối hợp sử dụng hệ thống thông tin nội bộ của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy bộ đội Biên phòng, Công an tỉnh phục vụ chỉ huy ứng phó.

6.2.7. Triển khai công tác bảo đảm y tế:

Thành lập và bố trí các đội y tế lưu động tại các địa phương để chăm sóc sức khỏe nhân dân.

- Các Bệnh viện Đa khoa, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật, Trung tâm y tế huyện phải bảo đảm cơ sở vật chất, phương tiện, trang thiết bị y tế, thuốc, hóa chất phục vụ khám chữa bệnh, cấp cứu, điều trị bệnh nhân trong và sau bão, lũ.

- Các đội cấp cứu lưu động phải có y sĩ, bác sĩ, thuốc, hóa chất trang thiết bị và phương tiện cần thiết để sơ cấp cứu ban đầu bệnh nhân nơi sơ tán.

- Trung tâm y tế cấp huyện phối hợp với các đơn vị liên quan sơ cấp cứu người bệnh, chăm sóc sức khỏe người dân, phòng chống dịch bệnh bùng phát.

- Trạm y tế xã phối hợp các đội y tế lưu động kiểm tra sức khỏe, sơ cấp cứu người dân, phòng chống dịch bệnh trên địa bàn.

6.2.8. Tổ chức ứng cứu trên biển

Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh phối hợp Sở Nông nghiệp và PTNT và UBND Kim Sơn thực hiện:

- Kiểm đếm tàu thuyền ở các ngư trường.

- Tổ chức bắn pháo hoa Báo, ATNĐ; thông báo cho ngư dân biết về hướng di chuyển của Báo, ATNĐ để chủ động phòng tránh.

- Thực hiện việc kêu gọi tàu thuyền vào nơi tránh trú an toàn, bố trí sắp xếp, hướng dẫn và kiểm tra neo đậu tàu thuyền đảm bảo an toàn cho người và tài sản trên địa bàn tỉnh do BĐBP quản lý.

- Thực hiện việc tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn của tỉnh và tìm kiếm cứu hộ cứu nạn theo chỉ đạo của cấp trên. Chuẩn bị lực lượng phương tiện sẵn sàng và làm đầu mối phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện công tác tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn khi cần thiết. Chịu trách nhiệm bảo vệ an ninh vùng biển, cửa khẩu cảng, vùng nước cảng; phối hợp với lực lượng công an, quân sự, chính quyền địa phương (huyện, xã) hỗ trợ, giúp nhân dân vùng ven biển của tỉnh sơ tán ra khỏi vùng nguy hiểm.

6.2.9. Bảo đảm thoát nước đô thị

Tổ chức thực hiện thoát nước, chống ngập úng thành phố, thị xã bao gồm:

- Nạo vét các tuyến cống, hố ga bảo đảm dòng chảy được thông suốt.
- Thu dọn cây cối, vật thải ở các tuyến mương để thông thoáng dòng chảy.
- Bố trí lực lượng, phương tiện, vật tư ở các tuyến mương, hầm tụy nen, cống thoát nước để xử lý ngay sự cố.

- Lắp dựng biển báo, thanh chắn, đèn tín hiệu, bố trí người trực canh ở các vị trí ngập nước, sự cố bảo đảm an toàn cho người, phương tiện giao thông.

6.2.10. Cung cấp nước sạch cho dân cư

- Thực hiện phương án bảo vệ an toàn cho công trình cấp nước, các giếng khoan khai thác nước dưới đất, đường dẫn cấp nước đến khu dân cư.

- Kiểm tra, bảo vệ an toàn các tuyến ống dẫn nước và thiết bị đến tận nhà dân, bảo đảm cấp nước an toàn, liên tục. Đối với vùng ngập lũ, sạt lở đường ống cấp nước bị sự cố, tổ chức lực lượng khắc phục ngay để cấp nước liên tục.

- Tổ chức vận hành nhà máy cấp nước theo quy trình, bảo đảm an toàn, tiết kiệm khi xảy ra mưa lũ, bão.

- Khử trùng các giếng vùng ngập lụt.

6.2.11. Triển khai phương án ứng phó với thiên tai

Triển khai Phương án ứng phó bão mạnh, siêu bão; Phương án ứng phó với lũ lụt; phương án ứng phó hạn hán và xâm nhập mặn.

a) Các công tác ứng phó bão, lũ lụt:

- Sơ tán người ra khỏi vùng ngập lụt, ảnh hưởng bão, nơi không bảo đảm an toàn; đặc biệt đối với đối tượng dễ bị tổn thương;

- Di chuyển tàu thuyền, phương tiện, vật nuôi thủy sản trên biển, trên sông ra khỏi khu vực nguy hiểm; hướng dẫn tàu thuyền neo đậu tại các bến, kiểm đếm, sắp xếp bảo đảm an toàn, không cho ngư dân ở lại trên tàu khi bão đổ bộ;

- Chằng chống nhà cửa, công sở, bệnh viện, trường học, kho tàng, công trình và cơ sở kinh tế, an ninh, quốc phòng;

- Thực hiện các biện pháp bảo vệ sản xuất: thu hoạch lúa xanh nhà hơn già đồng, hoa màu, vật nuôi thủy sản; chằng chống chuồng trại, bảo vệ thực phẩm cho gia súc, gia cầm; bảo vệ giống lúa, giống cây trồng, công cụ sản xuất;

- Kiểm tra, phát hiện và xử lý sự cố công trình đê điều, đập dâng, hồ đập, cống, tràn, kênh mương; công trình trọng điểm về kinh tế - xã hội; công trình an ninh, quốc phòng bảo đảm an toàn.

- Cắm người, phương tiện đi lại khi gió bão (lưu ý cắm biển), ngập lũ, sạt lở đất. Tổ chức trạm bảo vệ, chốt kiểm soát ngăn chặn giao thông và hướng dẫn trú, tránh an toàn.

- Bảo đảm thông tin liên lạc đáp ứng yêu cầu chỉ đạo, chỉ huy phòng, chống thiên tai của UBND, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các cấp, các ngành trong mọi tình huống.

- Tìm kiếm cứu nạn, sơ cấp cứu người bị nạn trên sông, trên biển và đưa đến bệnh viện gần nhất. Các đội cấp cứu lưu động để thực hiện nhiệm vụ bảo đảm tính mạng cho người bị thương.

- Hỗ trợ lương thực, thuốc chữa bệnh, nước uống và nhu yếu phẩm tại nơi bị chia cắt, ngập lụt sâu và nơi sơ tán;

- Bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội khu vực xảy ra mưa lớn, bão, lũ;

b) Các công tác ứng phó hạn hán và xâm nhập mặn:

- Tăng cường công tác dự báo về khô hạn, công tác truyền thông trên mọi phương tiện về tình hình khô hạn để nhân dân được biết, chủ động tham gia phòng chống khô hạn.

- Điều chỉnh cơ cấu cây trồng, vật nuôi, mùa vụ phù hợp với dự báo, cảnh báo và diễn biến của hạn hán và xâm nhập mặn;

- Sử dụng các giống lúa mới, hoa màu ngắn ngày, chịu khô hạn, có năng suất. Trồng cây trồng cạn trên đất trồng lúa kém hiệu quả nơi thiếu nước tưới.

- Củng cố các tổ, đội thủy nông để quản lý, điều tiết nước tưới nội đồng.

- Theo dõi chặt chẽ tình hình khô hạn, sử dụng nguồn cấp bù thủy lợi phí, ngân sách dự phòng của địa phương để thực hiện các giải pháp phòng chống hạn hán, xâm nhập mặn.

- Vận hành hợp lý các hồ chứa nước trong tỉnh, công trình cấp nước, ưu tiên cấp nước cho sinh hoạt; sử dụng nước tiết kiệm, tưới nước tự động, chống thất thoát nước.

- Ưu tiên cung cấp điện và nhiên liệu cho các trạm bơm chống khô hạn;

- Quan trắc độ mặn, vận hành hệ thống cống ngăn mặn đê sông phù hợp với tình hình khô hạn, không để xâm nhập mặn vào nội đồng.

- Lập các bể trữ nước, đào sâu giếng nước âm bọng, đào ao, khoan giếng nước ngầm để tăng nguồn nước.

6.2.12. Huy động nguồn lực cho công tác ứng phó thiên tai:

Chủ tịch UBND các cấp quyết định huy động nguồn lực trên địa bàn để ứng phó thiên tai. Nguồn lực ứng phó thuộc các tổ chức, cơ quan, đơn vị các cấp trực tiếp quản lý bao gồm: nhân lực; vật tư, vật liệu, trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ; nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất; hệ thống liên lạc; nước sạch, thuốc khử trùng nước; lương thực chống đói và nguồn kinh phí dự phòng. Trường hợp thiên tai xảy ra nghiêm trọng, Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTT và UBQG Ứng phó sự cố, thiên tai và TKCN huy động nguồn lực của Trung ương hoặc của UBND tỉnh khác để hỗ trợ ứng phó.

6.3. Tổ chức khắc phục hậu quả, tái thiết

6.3.1. Triển khai công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, hỗ trợ lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, nhu yếu phẩm; khắc phục thiệt hại bước đầu.

- Lực lượng cứu hộ, cứu nạn, y tế tổ chức cấp cứu kịp thời cho người gặp nguy hiểm về tính mạng, sức khỏe, tìm kiếm người, phương tiện bị mất tích, ưu tiên các đối tượng dễ bị tổn thương là người già, người tàn tật, trẻ em, phụ nữ.

- Các đơn vị y tế phối hợp với lực lượng quân y và các lực lượng khác lập các trạm cấp cứu lưu động hoặc trung dụng các trụ sở cơ quan, trường học... tại các khu vực xảy ra thiên tai để tiếp nhận và sơ, cấp cứu người bị nạn.

- Tiến hành xác định những đối tượng cần được hỗ trợ để có biện pháp cứu trợ, hỗ trợ kịp thời.

- Huy động lực lượng, vật tư, trang thiết bị, thuốc chữa bệnh để tham gia vào công tác cấp cứu người bị nạn.

- Xây dựng các lán trại tạm thời cho người bị mất nhà cửa, tiến hành cấp phát lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm cho người bị nạn.

- Sau bão lũ, UBND các địa phương tổ chức thăm hỏi, động viên và hỗ trợ đối với các gia đình có người chết, người bị thương do thiên tai; phân phát gạo cứu trợ, nhu yếu phẩm, hàng hóa cho nhân dân bị thiệt hại, không để người dân bị đói, bị rét.

- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh chủ trì phối hợp UBND cấp huyện, tìm kiếm người bị nạn trên đất liền, sơ cấp cứu và đưa về cơ sở y tế điều trị; cùng lực lượng xung kích, dân quân tự vệ địa phương giúp nhân dân sửa chữa nhà cửa, làm nhà ở tạm, ổn định đời sống nhân dân.

- Bộ Chỉ huy bộ đội Biên phòng tỉnh chủ trì phối hợp UBND các huyện ven biển tìm kiếm ngư dân bị mất tích, hỗ trợ cứu nạn tàu thuyền bị chìm; hỗ trợ ổn định cuộc sống ngư dân.

- Sở Y tế triển khai sơ cấp cứu, chữa bệnh cho nhân dân bị nạn; cung cấp thuốc chữa bệnh, thuốc tiêu độc, khử trùng làm sạch nguồn nước, vệ sinh môi trường không để dịch bệnh bùng phát.

- Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn khắc phục sa bồi thủy phá, tu sửa kênh mương, hàn khẩu đê điều, khôi phục trạm bơm để phục vụ sản xuất; khử trùng chuồng trại không để phát sinh dịch bệnh trong gia súc, gia cầm.

- Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp, hướng dẫn khắc phục đoạn đường bị sạt lở, các cầu cống bị hư hỏng, bảo đảm giao thông, cấm biển cảnh báo tại các đoạn đường sạt lở nguy hiểm để người dân chủ động phòng tránh.

- Công ty Điện lực tổ chức khắc phục sự cố đường dây tải điện, trạm biến thế; vận hành an toàn hệ thống điện phục vụ đời sống và sản xuất nhân dân.

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp chính quyền địa phương rà soát hộ gia đình có nhà sập, hư hỏng nặng để hỗ trợ xây cất lại; rà soát hộ thiếu đói để cấp phát lương thực cứu trợ.

- Sở Công Thương huy động các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh xuất các mặt hàng thiết yếu: mì tôm, bánh phở, dầu ăn, nước uống đóng chai cấp phát cho nhân dân, không để dân bị đói, bị rét.

- Sở Tài chính cân đối nguồn dự phòng ngân sách, các nguồn tài chính hợp pháp khác đề xuất nguồn chi hỗ trợ hộ gia đình có người chết, bị thương, nhà ở bị sập, hư hỏng nặng; kinh phí khắc phục đê điều, khôi phục nước sạch, bảo đảm giao thông bước 1 sớm ổn định đời sống và phục vụ sản xuất.

- Quỹ Phòng chống thiên tai tỉnh chi cứu trợ khẩn cấp về lương thực, nước uống, thuốc chữa bệnh và các nhu cầu cấp thiết cho người dân bị thiệt hại; hỗ trợ sửa trường học, nhà sơ tán phòng tránh thiên tai, xử lý vệ sinh môi trường; hỗ trợ tu sửa khẩn cấp đê, kè, cống và công trình phòng chống thiên tai.

- Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Chữ thập đỏ tỉnh, Tỉnh đoàn, Hội Phụ nữ tỉnh phối hợp với UBND các cấp tổ chức tiếp nhận, cấp phát hàng, tiền cứu trợ cho người dân bị thiệt hại đặc biệt ưu tiên hộ gia đình chính sách, hộ nghèo, người tàn tật, cao tuổi, phụ nữ, trẻ em sớm ổn định cuộc sống.

6.3.2. Thống kê, đánh giá thiệt hại, nhu cầu hỗ trợ

UBND các cấp, các sở, ban, ngành, đơn vị thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn và các lĩnh vực phụ trách. Các cấp, các ngành chức năng tổ chức kiểm tra, thống kê, đánh giá mức độ thiệt hại do thiên tai, xác định nhu cầu cần hỗ trợ để đề xuất phương án khắc phục hậu quả kịp thời.

- Địa phương kiến nghị hỗ trợ lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh ... để kịp thời ổn định đời sống người dân, khôi phục sản xuất.

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kiểm tra, thống kê thiệt hại về người, nhà ở của nhân dân. Nắm rõ số người chết, người mất tích, người bị thương; số nhà sập đổ, nhà bị hư hỏng nặng. Trên cơ sở đánh giá thiệt hại về người và nhà ở, đề xuất UBND tỉnh cứu trợ khẩn cấp cho gia đình bị thiệt hại, chú ý ưu tiên gia đình chính sách và hộ nghèo.

- Sở Giao thông vận tải đánh giá thiệt hại đối với các tuyến đường được giao quản lý, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT & TKCN tỉnh và đề xuất hỗ trợ khắc phục.

- Sở Xây dựng đánh giá thiệt hại các trụ sở cơ quan, công trình xây dựng theo lĩnh vực quản lý; tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh và đề xuất hỗ trợ khắc phục.

- Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp tình hình thiệt hại về nông lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản. Thống kê diện tích lúa, hoa màu bị hư hỏng; diện tích cây công nghiệp, rừng bị gãy đổ; diện tích đất canh tác bị xâm thực, nhiễm mặn, xói lở; gia súc, gia cầm bị chết; lúa giống bị hư hỏng. Đánh giá thiệt hại đê kè, kênh mương, hồ chứa nước, đập dâng, trạm bơm; diện tích nuôi trồng thủy hải

sản, tàu thuyền bị thiệt hại. Lập báo cáo tổng hợp thiệt hại sau thiên tai phạm vi toàn tỉnh và đề xuất Trung ương hỗ trợ khẩn cấp.

- Ngành y tế, môi trường tổ chức vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh tại các khu vực bị ảnh hưởng bởi thiên tai.

- Tổ chức huy động lực lượng kiểm tra, rà soát, đánh giá hư hỏng hệ thống công trình PCTT, cơ sở hạ tầng vật chất, công trình công cộng đề xuất giải pháp sửa chữa, nâng cấp, khôi phục.

- Các sở, ngành, đơn vị theo lĩnh vực quản lý đánh giá, thống kê thiệt hại, báo cáo UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh và đề xuất hỗ trợ.

- Các chủ doanh nghiệp kiểm tra, đánh giá thiệt hại của doanh nghiệp báo cáo chính quyền địa phương.

- Cục Thống kê đánh giá, thống kê thiệt hại về các lĩnh vực, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh. Chậm nhất 5 ngày sau khi kết thúc đợt thiên tai, các sở, ngành, đơn vị và UBND cấp huyện phải báo cáo thiệt hại và đề xuất hỗ trợ về UBND tỉnh, Thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh để tổng hợp.

6.3.3. Lập kế hoạch tái thiết sau thiên tai

a) Tái thiết khẩn cấp: Tổng hợp đánh giá thiệt hại từ các sở, ngành, địa phương lựa chọn được danh mục khắc phục khẩn cấp sau thiên tai. Trên cơ sở kinh phí khắc phục hậu quả thiên tai được phân bổ; các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai đầu tư sửa chữa, nâng cấp cơ sở hạ tầng theo thứ tự ưu tiên. Các danh mục lựa chọn thường là hồ chứa, đập dâng, đê, kè, kênh mương, cống, tràn; cầu, đường giao thông; công trình cấp nước sạch. Thời gian khắc phục khẩn cấp từ 3 đến 8 tháng trước mùa mưa lũ, bão tiếp theo.

b) Tái thiết trung hạn: Để đáp ứng yêu cầu lồng ghép nội dung phòng chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội, các sở, ngành, đơn vị, UBND các cấp lập kế hoạch trung hạn khôi phục, phát triển sản xuất; nâng cấp công trình, cơ sở hạ tầng kết hợp mục tiêu phòng chống thiên tai, trình cấp thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện. Nội dung chính kế hoạch trung hạn gồm:

- Sở Nông nghiệp và PTNT lập kế hoạch sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước bảo đảm an toàn hồ chứa và nguồn nước cho vùng hạ lưu; nâng cấp, tu bổ hệ thống đê điều bảo vệ an toàn dân cư, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội; kiên cố hóa kênh mương, nâng cấp trạm bơm nhằm tưới tiêu chủ động và tiết kiệm nước; xây dựng nhà phòng tránh bão, lũ kết hợp sinh hoạt cộng đồng ở những vùng thường ngập lũ, bão; tái định cư và di dời người dân ra khỏi vùng nguy hiểm của thiên tai; khơi thông dòng chảy bảo đảm thoát lũ cho vùng ngập úng; cải tạo, nâng cấp các khu neo đậu tàu thuyền, đáp ứng yêu cầu trú, tránh bão an toàn; nâng cao nhận thức của cán bộ, người dân về PCTT, ứng phó với BĐKH.

- Sở Xây dựng quản lý quy hoạch khu dân cư, phát triển đô thị phải bảo đảm an toàn phòng chống thiên tai. Lập kế hoạch xây dựng nhà ở an toàn, hỗ trợ

hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng tránh lũ, bão theo chính sách của Chính phủ; nâng cấp công trình cấp, thoát nước đô thị bảo đảm nhu cầu cấp, thoát nước. Tổ chức thực hiện “Hướng dẫn nhà an toàn theo các cấp bão” của ngành để nhân dân chủ động phòng, tránh bão.

- Sở Giao thông Vận tải lập kế hoạch nâng cấp hệ thống đường tỉnh; kế hoạch xây dựng mới hệ thống cầu, cống trên đường tỉnh bảo đảm kết nối giao thông và tiêu thoát lũ; nâng cấp, mở rộng các công trình giao thông bảo đảm nhu cầu phát triển giao thông kết hợp phòng chống thiên tai.

- Sở Thông tin và Truyền thông lập kế hoạch nâng cấp hệ thống, trang thiết bị bưu chính, viễn thông bảo đảm thông tin liên lạc. Trang bị, bảo dưỡng mạng thông tin chuyên dùng để phục vụ thông tin chỉ đạo, điều hành phòng, chống thiên tai. Có kế hoạch phối hợp sử dụng hệ thống thông tin nội bộ của lực lượng vũ trang trong tỉnh.

- Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì xây dựng kế hoạch quản lý môi trường: đất đai, nước mặt, nước ngầm. Có kế hoạch đào tạo, tập huấn về quản lý đất đai, nguồn nước cho cán bộ các huyện, thị xã, thành phố. Có kế hoạch phát triển hệ thống quan trắc khí tượng thủy văn; sử dụng đất cho công trình phòng chống thiên tai. Thực hiện quản lý về khoảng cách an toàn, phòng chống sạt lở, bảo vệ môi trường trong khai thác cát, đất, đá làm vật liệu xây dựng.

- Sở Giáo dục và Đào tạo có kế hoạch nâng cấp, kiên cố hóa trường học. Ưu tiên nâng cấp trường học mầm non, tiểu học và phổ thông đối với vùng trũng, ven biển, hải đảo, vùng sâu, vùng xa. Tăng cường tập huấn, rèn luyện chống đuối nước cho học sinh các cấp.

- Sở Công thương chỉ đạo các Công ty Điện lực và các đơn vị vận hành lưới điện trên địa bàn tỉnh cũng như các nhà máy thủy điện có kế hoạch nâng cấp hệ thống điện, thiết bị bảo đảm cung cấp điện an toàn; có kế hoạch bảo trì hạng mục công trình đầu mối, các thiết bị bảo đảm vận hành an toàn công trình. Đồng thời, có văn bản hướng dẫn cho các doanh nghiệp có kế hoạch sửa chữa, nâng cấp nhà xưởng, kho tàng bảo đảm an toàn cho người và hàng hóa nhằm giảm bớt chi phí kinh doanh và thiệt hại do thiên tai gây ra.

- Sở Y tế có kế hoạch bảo trì bệnh viện, trung tâm kiểm soát bệnh tật, trung tâm y tế, trạm y tế bảo đảm khám và điều trị bệnh. Có kế hoạch dự trữ vật tư thiết bị y tế, thuốc phòng bệnh, xử lý môi trường ô nhiễm trong phòng chống thiên tai.

- Đài khí tượng Thủy văn có kế hoạch sửa chữa, nâng cấp, mở rộng mạng lưới khí tượng thủy văn; sử dụng thiết bị, công nghệ mới đáp ứng yêu cầu dự báo, cảnh báo chính xác diễn biến thiên tai phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

- Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ chỉ huy bộ đội Biên phòng, Công an tỉnh lập kế hoạch sửa chữa, nâng cấp cơ sở huấn luyện, kho tàng, mua sắm trang thiết bị, phương tiện phục vụ an ninh quốc phòng kết hợp phòng tránh thiên tai và

TKCN. Có kế hoạch đào tạo, tập huấn, diễn tập cho cán bộ, chiến sĩ nhằm tăng cường khả năng tự vệ và ứng cứu trong thiên tai.

Các sở, ban, ngành, đơn vị, UBND các cấp lập kế hoạch trung hạn tái thiết sau thiên tai (giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025) gửi về UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh để rà soát, điều chỉnh Kế hoạch Phòng chống thiên tai tỉnh giai đoạn 2021- 2025 phù hợp với thực tiễn.

- UBND các cấp lập kế hoạch sửa chữa, nâng cấp công trình phòng chống thiên tai trên địa bàn: đê điều, thủy lợi, giao thông, trạm y tế, trường học kết hợp nơi trú tránh bão, lũ. Ưu tiên đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng các xã ven sông, ven biển thường xuyên bị thiên tai. Phối hợp với các sở, ngành, đơn vị triển khai các nhiệm vụ, chương trình, dự án trọng tâm trên địa bàn.

6.4. Biện pháp phòng chống thiên tai liên vùng

Hệ thống phòng chống thiên tai liên vùng được hiểu có liên quan từ 2 tỉnh trở lên bao gồm cả các cơ chế chính sách, tổ chức quản lý điều hành, trang thiết bị, phương tiện, vật tư và các công trình phòng chống thiên tai có tính liên vùng. Các nguồn lực liên vùng thường do các Bộ, cơ quan Trung ương quản lý.

Ninh Bình có mạng lưới sông ngòi dày đặc, sông ngòi phân bố tương đối đều, các sông lớn và vừa thường tập trung ở phía Đông và Nam. Tỉnh Ninh Bình có hai hệ thống sông lớn là sông Hoàng Long và sông Đáy.

Lưu vực sông Hoàng Long thuộc địa giới của 2 tỉnh Hòa Bình và Ninh Bình. Trong đó phần diện tích thuộc tỉnh Hòa Bình khoảng 1000 km² (chiếm 66% diện tích toàn lưu vực), phần còn lại khoảng 515 km² thuộc địa phận tỉnh Ninh Bình.

Sông Đáy nguyên là một phân lưu lớn đầu tiên ở hữu ngạn sông Hồng, bắt đầu từ cửa Hát Môn chảy theo hướng Đông Bắc - Tây Nam hợp biển Đông tại Cửa Đáy. Nhưng đến năm 1937, sau khi xây dựng xong đập Đáy, nước sông Hồng không thường xuyên vào sông Đáy qua cửa đập Đáy trừ những năm phân lũ, vì vậy phần đầu nguồn sông (từ km 0 đến Ba Thá dài 71km) sông Đáy coi như đoạn sông chết. Hiện tượng bồi lắng và nhân dân lấn đất canh tác cản trở việc thoát lũ mùa mưa. Lượng nước để nuôi sông Đáy chủ yếu là do các sông nhánh, quan trọng nhất là sông Tích, sông Bôi, sông Đào Nam Định, sông Nhuệ. Sông Đáy có chế độ dòng chảy phức tạp, bị ảnh hưởng bởi tổ hợp lũ lớn 3 sông Đáy, sông Hoàng Long nhập tại Gián Khẩu và sông Hồng phân lũ qua sông Đào Nam Định nhập tại Độc Bộ. Việc tiêu nước trên sông Đáy dùng động lực là chính, chỉ có một số khu vực miền núi, trung du và giáp biển là có thể tự chảy vì lợi dụng được độ dốc và thủy triều. Đây là trục sông tự nhiên có tác dụng lớn đến lũ sông Hoàng Long.

Vì vậy trong công tác phòng chống thiên tai cần phối hợp với các tỉnh Hòa Bình, Nam Định để phòng chống thiên tai trên lưu vực sông Hoàng Long, sông Đáy. Lưu vực sông Hoàng Long, sông Đáy trong tổng thể hệ thống sông Hồng – Thái Bình nên chịu ảnh hưởng vận hành điều tiết của hồ chứa thượng nguồn.

Chương VII

LỒNG GHÉP NỘI DUNG PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI

7.1. Nội dung lồng ghép

7.1.1. Lồng ghép nội dung phòng chống thiên tai vào Quy hoạch tỉnh Ninh Bình thời kỳ 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Để chủ động trong công tác PCTT cũng như góp phần phát triển kinh tế xã hội bền vững, lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của ngành, của tỉnh.

Việc lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội theo hướng dẫn tại Thông tư số 05/2016/TTBKHĐT ngày 06/6/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Kế hoạch phòng, chống thiên tai được xây dựng theo chu kỳ kế hoạch 05 năm tương ứng với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cấp huyện, cấp tỉnh. Tuy nhiên, hiện nay tỉnh đang lập Quy hoạch tỉnh Ninh Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Theo đó kế hoạch phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2021-2025 cấp tỉnh, cấp huyện sẽ được xây dựng, vì vậy trong nội dung kế hoạch phát triển kinh tế xã hội cần có lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội cũng như phân bổ nguồn lực đầu tư.

Một trong những nguyên tắc lồng ghép là ưu tiên các công trình đa mục tiêu, kết hợp giải pháp công trình và phi công trình, hướng tới phát triển bền vững và đối tượng dễ bị tổn thương trong lồng ghép nội dung PCTT. Danh mục các nội dung đề xuất trong bảng 8.1 cần phải được tích hợp vào Quy hoạch tỉnh Ninh Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

7.1.2. Lồng ghép trong các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động của thiên tai đến con người và sinh kế.

- Nâng cao tiêu chuẩn an toàn các công trình cơ sở hạ tầng:

+ Căn cứ các Tiêu chuẩn TCVN 9902:2016 Công trình thủy lợi - Yêu cầu thiết kế đê sông, TCVN 9901: 2014 Công trình thủy lợi - Yêu cầu thiết kế đê biển; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiến hành thẩm định, hướng dẫn các huyện, thành phố thiết kế các công trình đê điều đảm bảo tiêu chuẩn phục vụ công tác phòng, chống thiên tai.

+ Xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố sập đổ công trình, nhà cao tầng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, Sở Xây dựng tiếp tục Nghiên cứu, phổ biến, hướng dẫn thực hiện các quy chuẩn, tiêu chuẩn thiết kế xây dựng các công trình, nhà ở, chung cư nhằm có khả năng chịu được động đất, gió; bão, lốc xoáy có cường độ cao, đặc biệt là các đối tượng nhà yếu, dễ bị tổn thương do thiên tai như bão, lốc xoáy, gió giật mạnh...

+ Sở Công thương, Sở Thông tin và truyền thông chỉ đạo các đơn vị chức năng Công ty điện lực, Đài phát thanh và truyền hình triển khai các biện pháp

đảm bảo an toàn đường điện, mạng lưới viễn thông để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành ứng phó thiên tai.

+ Sở Giao thông phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiến hành rà soát, tu bổ, sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường giao thông kết hợp cứu hộ cứu nạn.

+ Đối với các khu công nghiệp cần nâng cao tiêu chuẩn nhà xưởng có khả năng chống chịu với các hiện tượng cực đoan của thời tiết đặc biệt ảnh hưởng của bão, dông, lốc... Xây dựng phương án phòng, chống thiên tai đảm bảo an toàn cho con người, nhà xưởng, máy móc, thiết bị của các đơn vị sản xuất kinh doanh tại các Khu Công nghiệp, duy trì hệ thống sản xuất, kinh doanh liên tục khi xảy ra thiên tai; Lòng ghép Chương trình nâng cao kiến thức, nhận thức về thiên tai trong cộng đồng doanh nghiệp.

- Di dời người dân ra khỏi vùng nguy cơ nguy hiểm của thiên tai:

Thực hiện theo Quyết định số 1776/2012/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ về Chương trình bố trí dân cư các vùng thiên tai, từng bước di dời các hộ dân sinh sống ngoài đê chính thường xuyên bị ảnh hưởng của thiên tai, không đảm bảo an toàn đến nơi an toàn.

- Nâng cao nhận thức và kiến thức của cán bộ, người dân về an toàn phòng chống thiên tai, ứng phó với BĐKH:

+ Tiếp tục triển khai Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng”: Nâng cao năng lực về quản lý, triển khai thực hiện các hoạt động quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng cho cán bộ chính quyền các cấp, ưu tiên đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho các đội ngũ giảng viên, tập huấn viên các cấp liên quan trực tiếp trong công tác phòng, chống thiên tai.

+ Tăng cường truyền thông giáo dục và nâng cao năng lực cho cộng đồng về quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng: Cung cấp sổ tay hướng dẫn triển khai các hoạt động cơ bản của cộng đồng về chuẩn bị, ứng phó và phục hồi ứng với từng giai đoạn trước, trong và sau thiên tai phù hợp với từng cộng đồng. Chuyển giao toàn bộ số tài liệu tuyên truyền về công tác phòng, chống lụt bão; động đất, sóng thần gồm các tờ rơi và Poster do Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng chống thiên tai cấp cho Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão 8 huyện, thành phố trong tỉnh, Công an, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ đội biên phòng tỉnh để tuyên truyền tới người dân vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai.

+ Hằng năm tổ chức các đợt tập huấn trên địa bàn tỉnh Ninh Bình kết hợp công tác tập huấn kỹ thuật và công tác tập huấn công tác quản lý đê điều, phổ biến các quy định của pháp luật trong lĩnh vực đê điều, phòng, chống thiên tai, đặc biệt chú trọng đến nội dung liên quan trực tiếp đến công tác quản lý, bảo vệ đê điều tại các địa phương, cũng như trách nhiệm quản lý của các cấp chính quyền địa phương.

+ Xây dựng nông thôn mới đáp ứng Tiêu chí 3.2 “Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ” trong việc đánh giá địa phương đạt chuẩn nông thôn mới.

- Nâng cấp các công trình phòng chống thiên tai:

+ Rà soát các dự án đã triển khai theo Chương trình nâng cấp đê sông tại Quyết định số 2068/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ; Dự án theo Chương trình nâng cấp đê biển tại các Quyết định số 58/2006/QĐ-TTg và số 667/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ; Quy hoạch phòng chống lũ và quy hoạch đê điều hệ thống sông Đáy tại Quyết định 1821/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ và các Chương trình, dự án khác (chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu; dự án trái phiếu Chính phủ; dự án ODA; dự án khắc phục hậu quả thiên tai bão, lũ...) để tiếp tục đầu tư, nâng cấp, hoàn thiện hệ thống đê của tỉnh trong giai đoạn 2021-2025 tầm nhìn 2030.

+ Lòng ghép nâng cao hiệu quả tưới, tiêu phục vụ nông nghiệp. Triển khai nhiều cơ chế chính sách hỗ trợ thực hiện chương trình kiên cố hóa kênh mương cùng với chính sách phát triển thủy lợi nội đồng để góp phần xây dựng nông thôn mới. Chất lượng xây dựng công trình mang lại hiệu quả cao về tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp. Kiên cố hóa kênh mương vừa đảm bảo việc dẫn nước tưới thuận lợi, tiết kiệm nước, giảm thời gian tưới, mở rộng diện tích tưới, giảm chi phí tu bổ kênh mương, có điều kiện mở rộng đường giao thông, tăng thêm vẻ đẹp cảnh quan nông thôn. Rà soát Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Ninh Bình đến năm 2020 theo quyết định số 1111/QĐ-UBND, tiếp tục xây dựng đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Ninh Bình đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035, trong đó định hướng áp dụng các giải pháp khoa học, công nghệ để tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn như cây hoa màu, cây ăn quả, thích ứng trong điều kiện biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

+ Quy hoạch xây dựng khu cảng cá kết hợp neo đậu tàu thuyền phòng chống thiên tai.

+ Quy hoạch phát triển vùng chậm lũ theo hướng dần xóa bỏ khu chậm lũ sông Hoàng Long phù hợp trong điều kiện tình hình mới, thích ứng với BĐKH đảm bảo mục tiêu phát triển kinh tế xã hội.

7.1.3. Lòng ghép trong các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động của thiên tai đến các ngành kinh tế.

+ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiên cứu, tham mưu chuyển đổi cơ cấu cây trồng (nghiên cứu các loại cây trồng có khả năng chống chịu với mặn, ngập lụt,...), vật nuôi, phát triển nông nghiệp xanh, sạch gắn với khả năng chống chịu thiên tai; tiếp tục triển khai lắp đặt hệ thống theo dõi giám sát nghề cá, dự án vừa đảm bảo thông tin cảnh báo kịp thời phòng chống thiên tai vừa hỗ trợ các tổ đội đánh bắt hiệu quả hay quy hoạch các cảng cá có chức năng tránh trú an toàn cho tàu thuyền; phổ biến, hướng dẫn thực hiện Nghị định 02/2017/NĐ-CP

ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh.

+ Sở Xây dựng tham mưu nâng cấp các công trình cấp, tiêu thoát nước cho khu vực đô thị, công nghiệp, kinh tế, chính trị quan trọng có lồng ghép và tính đến phòng chống thiên tai; kết hợp các công trình công cộng phòng chống thiên tai.

+ Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo các đơn vị có liên quan nâng cao chất lượng các bản tin dự báo vừa phục vụ phát triển KTXH, an ninh quốc phòng và PCTT; phát triển hệ thống đo đạc giám sát thời tiết của một số ngành dùng riêng được chia sẻ với cơ quan KTTV phục vụ công tác PCTT; Quản lý, khai thác tài nguyên không làm trầm trọng hơn tác động của thiên tai (khai thác cát, sử dụng nước, ...).

+ Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình, Báo Ninh Bình chỉ đạo hệ thống Đài Truyền thanh Truyền hình huyện, thành phố, Đài Truyền thanh xã, phường, thị trấn thường xuyên tuyên truyền các quy định của pháp luật trong lĩnh vực đê điều, phòng, chống thiên tai trên sóng đài truyền thanh của địa phương đến mọi người dân đặc biệt là nhân dân các xã duyên giang, duyên hải. Đầu tư, tăng cường trang thiết bị thông tin, truyền thông đảm bảo phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành phòng, chống thiên tai khi xảy ra thiên tai.

+ Sở Giáo dục và đào tạo nâng cấp các trường học đảm bảo an toàn PCTT và kết hợp làm nơi tránh trú an toàn; Lồng ghép nội dung PCTT vào chương trình đào tạo các cấp học; chương trình dạy bơi cho học sinh; khắc phục kịp thời những thiệt hại về cơ sở vật chất phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập sau thiên tai.

+ Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh, Công an tỉnh đầu tư mua sắm trang thiết bị, phương tiện đảm bảo an ninh, quốc phòng gắn với nhiệm vụ cứu hộ cứu nạn.

+ Sở Kế hoạch và đầu tư cân đối ngân sách thực hiện các dự án lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai và quy hoạch, kế hoạch của tỉnh, đặc biệt là kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 của tỉnh.

+ Sở Tài chính hướng dẫn chính sách bảo hiểm trong thiên tai; ưu tiên cấp kinh phí thực hiện các dự án có lồng ghép nội dung phòng chống thiên tai.

+ Sở Lao động Thương binh và Xã hội tham mưu cơ chế, chính sách hỗ trợ các đối tượng dễ bị tổn thương, thiệt hại do thiên tai theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ về quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

+ Sở Y tế chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn các bệnh viện, Trung tâm Y tế cấp huyện và các địa phương tiến hành các biện pháp đảm bảo an toàn cho các cơ sở y tế, khám chữa bệnh và an toàn cho người bệnh khi xảy ra thiên tai, chuẩn bị nhân lực, phương tiện, cơ sở thuốc phòng, chống thiên tai đủ dùng để thực hiện nhiệm vụ sơ, cấp cứu, điều trị nạn nhân, xử lý nguồn nước uống cho người, gia súc, gia

cầm, đảm bảo vệ sinh môi trường không để dịch bệnh bùng phát trong và sau khi lũ, bão, thiên tai xảy ra.

7.1.4. Lồng ghép trong các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động của thiên tai đến đến cơ sở hạ tầng.

+ Sở Nông nghiệp và PTNT: xây dựng nâng cấp an toàn các công trình đảm bảo phòng chống thiên tai; Xây dựng bản đồ ngập lụt xác định phạm vi ngập lụt, diện tích ngập, Xây dựng hệ thống kiểm tra, đo đạc, giám sát an toàn công trình; áp dụng khoa học công nghệ trong phòng ngừa, giảm thiểu tác động của thiên tai đến đến cơ sở hạ tầng.

+ Sở Xây dựng: Đảm bảo an toàn công trình xây dựng và kết hợp phòng chống thiên tai; tái định cư, sắp xếp lại nơi ở mới cho những vùng có nguy cơ thiên tai, Nâng cấp công trình cấp, thoát nước cho khu vực đô thị, công nghiệp, kinh tế, chính trị quan trọng.

+ Sở Giao thông: Xây dựng, nâng cấp các công trình giao thông kết hợp phòng chống thiên tai, lồng ghép công trình giao thông kết hợp cứu hộ, cứu nạn khi có thiên tai xảy ra.

+ Sở Thông tin và truyền thông: Đầu tư, tăng cường trang thiết bị thông tin, truyền thông phát triển KT-XH lồng ghép PCTT giảm thiểu tác động của thiên tai đến cơ sở hạ tầng.

7.2. Cách thức lồng ghép

a. Lồng ghép nội dung PCTT trong lĩnh vực Tài nguyên nước:

- Lập quy hoạch có liên quan đến phát triển bền vững tài nguyên nước trên cơ sở gắn kết với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Xây dựng và hoàn thiện cơ chế quản lý tổng hợp tài nguyên nước trên quy mô lưu vực, đặc biệt trên lưu vực sông Hoàng Long, sông Đáy.

- Nâng cao nhận thức cộng đồng về tác động của BĐKH, sử dụng an toàn hợp lý nước mặt và nước ngầm.

- Thực hiện sử dụng nguồn nước tiết kiệm và hợp lý.

- Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng đến tiềm năng phát triển kinh tế - xã hội của vùng ven sông và ven biển.

- Bổ sung giải pháp quan trắc đánh giá chất lượng và trữ lượng tài nguyên nước mặt để kiểm soát chặt chẽ việc khai thác, sử dụng nước mặt hạn chế việc gia tăng xâm nhập mặn.

- Lồng ghép các hoạt động ứng phó với BĐKH, phòng chống thiên tai trong lĩnh vực tài nguyên nước vào các chương trình được thực hiện tại địa phương: Chương trình phát triển nông thôn; xóa đói, giảm nghèo; Chương trình nước sạch nông thôn và vệ sinh môi trường; Chương trình phòng chống thiên tai; Chương trình bảo vệ và phát triển rừng ngập mặn; Chương trình phát triển và bảo vệ các vùng phân chặm lũ.

b. Lồng ghép nội dung PCTT trong lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT

- Lồng ghép các hoạt động phòng chống thiên tai với ứng phó biến đổi khí hậu vào các chương trình được thực hiện tại địa phương:

+ Nâng cao nhận thức cộng đồng và các bên liên quan trong bảo vệ môi trường biển, ven biển.

+ Phát triển sinh kế theo hướng bền vững; hướng tới mô hình phát triển kinh doanh cộng đồng. Tăng cường phát triển kinh tế xã hội vùng phân chậm lữ, tiến tới xóa bỏ khu chậm lữ sông Hoàng Long phục vụ mục tiêu phát triển KTXH.

+ Đề xuất nhu cầu khai thác sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển của tỉnh để đưa vào Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển Quốc gia. Lập báo cáo hiện trạng môi trường biển ven biển tỉnh Ninh Bình; dự báo thiên tai, sự cố trên biển, ven biển, ô nhiễm môi trường biển do sự cố tràn dầu, hoạt động vận tải biển hàng hải.

+ Gắn nội dung PCTT với các quy hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng, khai thác sử dụng đất.

- Nghiên cứu và ứng dụng các biện pháp tác nghiệp đồng ruộng dài hạn, bao gồm:

+ Thay đổi cơ cấu cây trồng trên đồng ruộng thích hợp với biến đổi khí hậu. Thay đổi thời vụ và lịch gieo trồng thích hợp để phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu

+ Lai tạo giống mới thích nghi với điều kiện BĐKH, các giống có khả năng chịu hạn, chịu mặn, úng ngập, sâu bệnh...

+ Hiện đại hóa kỹ thuật và biện pháp canh tác trên đồng ruộng và chăn nuôi. Cải thiện và nâng cao năng lực quản lý việc sử dụng đất để bảo tồn đất.

- Áp dụng công nghệ canh tác phù hợp với hoàn cảnh BĐKH. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý và quy hoạch liên quan đến BĐKH:

+ Quy hoạch lại sử dụng đất, hệ thống cơ cấu cây trồng, vật nuôi từng vùng cho phù hợp với BĐKH. Bố trí cây trồng hợp lý, nhất là ở những nơi dễ bị tổn thương do BĐKH. Trên cơ sở quy hoạch, vùng đất cao sẽ chuyển sang trồng cây chịu hạn để giảm áp lực về nước tưới, vùng thường xuyên xảy ra úng ngập chuyển sang trồng các loại cây có khả năng chịu úng.

+ Tăng cường công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư.

+ Phát triển công tác nghiên cứu khoa học kỹ thuật nông nghiệp. Xây dựng và thực hiện cơ chế và chính sách thích ứng với BĐKH.

- Nâng cao khả năng giảm thiểu tác động của BĐKH đến khả năng cung cấp nước cho trồng trọt, trong đó tập trung nâng cao quản lý, điều phối việc sử dụng tài nguyên nước một cách khoa học và hiệu quả; Thực hiện các biện pháp tưới hiệu quả và tiết kiệm như tưới phun, tưới nhỏ giọt.

+ Đánh giá hiệu quả, nâng cao hiệu quả khai thác sử dụng của các công trình thủy lợi.

- Thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn.

- Rà soát, chỉnh sửa quy hoạch, kế hoạch nuôi trồng thủy sản tại các vùng sinh thái khác nhau, có tính đến tác động của biến đổi khí hậu và yêu cầu phòng chống thiên tai.

- Đánh giá hiện trạng và xác định khả năng ứng phó với BĐKH của các hệ thống công trình thủy lợi ở các vùng miền;

- Kiện toàn hệ thống chỉ đạo, chỉ huy hộ đê, phòng chống lụt bão và giảm nhẹ thiên tai; bổ sung các quy định, quy chế phối hợp ứng phó trong các tình huống khẩn cấp và thiên tai từ trung ương đến địa phương. Tăng cường trang bị cơ sở vật chất và tính chuyên nghiệp cho lực lượng ứng cứu khi thiên tai xảy ra; tăng cường năng lực trong công tác tham mưu, chỉ đạo, điều hành và hệ thống hỗ trợ ra quyết định về cảnh báo sớm thiên tai;

- Nâng cao năng lực và trình độ KHCN về quy hoạch, thiết kế, xây dựng công trình thủy lợi. Xây dựng các giải pháp tưới tiêu, quy trình quản lý, vận hành, điều tiết hệ thống công trình thủy lợi, nhằm né tránh các tác động bất lợi, hạn chế thiệt hại, rủi ro do BĐKH gây ra.

- Rà soát quy hoạch, nâng cấp và xây dựng mới hệ thống đê sông, đê biển, đê vùng cửa sông đảm bảo chống được nước biển dâng theo kịch bản đã được xác lập cho từng giai đoạn;

- Xây dựng phương án hỗ trợ đặc biệt cho các vùng dân cư, ở các vùng thường xảy ra lũ lụt để người dân có nơi trú ẩn an toàn vào mùa lũ, di dời dân ra khỏi các vùng bị sạt lở ven sông, ven biển đe dọa tới an toàn của người dân;

- Xây dựng chương trình nâng cấp các hệ thống thủy lợi, đê điều, phòng chống lụt bão, bảo đảm sử dụng nước tiết kiệm;

- Lồng ghép các vấn đề BĐKH vào quá trình xây dựng các biện pháp bảo đảm an ninh nước cho các hệ thống thủy lợi, an toàn hệ thống đê biển; Tu bổ, cải tạo, chống tổn thất nước trên hệ thống kênh mương, vận hành hệ thống hợp lý để tăng diện tích tưới, tiết kiệm năng lượng bơm nước.

- Thực hiện đề án hiện đại hoá hệ thống Thủy lợi tỉnh Ninh Bình theo quy hoạch thủy lợi đã được phê duyệt, lồng ghép vào quy hoạch tỉnh;

c. Lồng ghép nội dung PCTT trong lĩnh vực năng lượng, giao thông vận tải và cơ sở hạ tầng

- Lồng ghép vấn đề BĐKH vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển năng lượng, giao thông vận tải của tỉnh.

- Đánh giá tác động của BĐKH đến công tác thi công thiết kế, quy hoạch hệ thống giao thông hiện tại và trong tương lai.

- Kiên cố hoá các công trình giao thông vận tải, hệ thống cột truyền tải điện ở vùng có nguy cơ thường xuyên bị ngập lụt, gia cố mái ta-luy các công trình đường bộ.

- Ưu tiên sử dụng các loại vật liệu có khả năng chống chịu tốt với những tác động của BĐKH (như bê tông xi măng).

- Quy hoạch lại khu dân cư, nâng cấp và hệ thống thoát nước có tính đến ảnh hưởng của thiên tai tại các vùng nhạy cảm như vùng ven sông, ven biển, những khu vực đất thấp, vùng thường xuyên bị ngập lụt do lũ và mưa lớn.

- Xây dựng và hoàn chỉnh Quy hoạch phát triển giao thông vận tải trong đó chú trọng lồng ghép nội dung phòng chống thiên tai vào các kế hoạch, dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông;

- Chương trình tiết kiệm năng lượng; sử dụng năng lượng mới và năng lượng tái tạo;

e. Lồng ghép nội dung PCTT trong thực hiện Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.

- Đảm bảo 100% cán bộ chính quyền địa phương các cấp trực tiếp làm công tác Quản lý thiên tai được tập huấn, nâng cao năng lực và trình độ về Quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng.

- Hoàn thiện bộ máy phòng chống và quản lý thiên tai của cơ quan chuyên trách các cấp.

- Trang bị công cụ hỗ trợ công tác phòng, chống thiên tai cho các cơ quan chính quyền các cấp.

- Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới trụ sở cơ quan chuyên trách về phòng, chống lụt bão và giảm nhẹ thiên tai cấp tỉnh, huyện, thành phố.

Chương VIII

XÁC ĐỊNH NGUỒN LỰC VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

8.1. Dự kiến nguồn lực thực hiện

a) Vốn bổ sung có mục tiêu của ngân sách Trung ương cho tỉnh; vốn đầu tư trong cân đối ngân sách của tỉnh, huyện;

b) Vốn từ nguồn trái phiếu Chính phủ;

c) Vốn hỗ trợ chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

d) Vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước (các khoản vốn của Ngân hàng phát triển Việt Nam và Ngân hàng chính sách xã hội);

e) Nguồn dự trữ tài chính;

f) Nguồn kinh phí từ Quỹ phòng chống thiên tai tỉnh;

g) Nguồn kinh phí của các sở, ngành, đơn vị, địa phương mua sắm vật tư, vật liệu, phương tiện, trang thiết bị theo phương châm “4 tại chỗ”.

h) Nguồn chi thường xuyên cho công tác lập quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch và xây dựng kế hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội tỉnh, cấp huyện.

h) Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

- Nguồn kinh phí các tổ chức, cá nhân đóng góp do Ủy ban Mặt trận Tổ

quốc Việt Nam tinh huy động, hỗ trợ gia đình có người chết, bị thương để mai táng, điều trị; nhà sập, nhà bị hư hỏng nặng để xây cất lại; cứu trợ lương thực, nhu yếu phẩm thiết yếu, hỗ trợ sinh kế nhằm sớm ổn định cuộc sống người dân.

- Vốn đầu tư từ khối tư nhân và khuyến khích người dân đầu tư nâng cấp nhà ở bảo đảm an toàn với thiên tai: Theo chính sách trong hỗ trợ đầu tư, vay vốn của chương trình, dự án.

8.2. Tiến độ thực hiện

Các nhiệm vụ, chương trình, dự án được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên và trình bày tại chương VI. Các sở, ban, ngành, đơn vị, UBND các cấp được giao chủ trì tổ chức thực hiện lập dự toán chi tiết và tiến độ triển khai từng nhiệm vụ, chương trình, dự án theo quy định của pháp luật.

Giải pháp PCTT được thống kê và ưu tiên phân bổ vốn (phân kỳ đầu tư) thực hiện trong năm 2021 và các năm tiếp theo như sau:

Bảng 8. 1: Tổng hợp giải pháp và dự kiến nguồn lực thực hiện

Hoạt động	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)		
	Tổng số	Trung ương	Địa phương
A. BIỆN PHÁP PHI CÔNG TRÌNH	771.148	353.860	417.288
I. Kiện toàn bộ máy, tổ chức, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật, cơ chế chính sách	22.300	6.000	16.300
II. Tăng cường năng lực cho hệ thống phòng chống thiên tai	583.078	337.860	245.218
III. Lập, rà soát và thực hiện các kế hoạch, quy hoạch, phương án	72.920	-	72.920
IV. Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo cấp tỉnh	25.250	-	25.250
V. Ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ mới trong xây dựng hệ thống giám sát, cảnh báo, báo cáo thống kê, đánh giá thiệt hại thiên tai	49.600	-	49.600
VI. Nâng cao nhận thức, kiến thức PCTT cho cộng đồng	18.000	10.000	8.000
B. BIỆN PHÁP CÔNG TRÌNH	8.284.888	4.133.949	4.150.939
I. Đầu tư, nâng cấp công trình thủy lợi	3.277.113	1.416.722	1.860.391

Hoạt động	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)		
	Tổng số	Trung ương	Địa phương
II. Cải tạo nâng cấp một số cống, trạm bơm, hồ đập	1.853.068	718.500	1.134.568
III. Đầu tư nâng cấp, sửa chữa xây mới một số kè chống sạt lở bờ sông	674.950	674.950	-
IV. Đầu tư, nâng cấp công trình xây dựng có xem xét đến PCTT	250.040	14.850	235.190
V. Đầu tư, nâng cấp công trình giao thông kết hợp PCTT	1.390.542	780.007	610.535
VI. Công trình hạ tầng cấp, thoát nước.	819.175	519.920	299.255
VII. Công trình neo đậu tàu thuyền tránh trú bão	10.000	9.000	1.000
VIII. Công trình đo đạc, giám sát, cảnh báo sớm	10.000	-	10.000
TỔNG CỘNG	9.056.036	4.487.809	4.568.227

Bảng 8. 2: Giải pháp PCTT được thống kê và ưu tiên phân bổ vốn

STT	Hoạt động	Mục tiêu	Nội dung mong đợi	Cơ quan Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)		
								Tổng số	Trung ương	Địa phương
A	BIỆN PHÁP PHI CÔNG TRÌNH							771.148	353.860	417.288
I	Kiến toàn bộ máy, tổ chức, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật, cơ chế chính sách							22.300	6.000	16.300
1	Quyết định thành lập, Kiện toàn Ban chỉ huy PCTT&TKCN cấp tỉnh, huyện, xã	Thành lập một tổ chức quản lý nhà nước cao nhất tại địa phương chỉ đạo điều hành công tác PCTT và TKCN	- Danh sách thành viên Ban Ban chỉ huy PCTT&TKCN - Giao nhiệm vụ cho Ban Ban chỉ huy PCTT&TKCN	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp & PTNT	Các Sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố	Tháng 4 hàng năm			
2	Ban hành Quy chế làm việc của Ban chỉ huy PCTT&TKCN cấp tỉnh, huyện, thành phố; phân công nhiệm vụ cụ thể của các thành viên, gắn với trách nhiệm người đứng đầu các cấp.	Giao trách nhiệm của cá nhân và đơn vị ngành phụ trách trong công tác PCTT	Huy động tối đa nguồn lực của các cơ quan, tổ chức liên quan trong toàn xã hội - Trách nhiệm của toàn xã hội - Giảm thiểu thiệt hại về người và KTXH trên toàn tỉnh	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp & PTNT	Các Sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố	Tháng 4 hàng năm			
3	Bảo đảm hoạt động hành chính của Văn phòng Quỹ PCTT	Thực hiện Nghị định 94/2014/NĐ-CP quy định về thành lập và quản lý quỹ PCTT	Đề chi hỗ trợ các hoạt động PCTT bao gồm các hỗ trợ về phòng ngừa, ứng phó và cứu trợ, khắc phục hậu quả thiên tai	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp & PTNT	Sở Tài chính, các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, Thành phố	2021-2025	2.000		2.000
4	Chính sách hỗ trợ phục hồi sau thiên tai	Rà soát chính sách hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở PCTT	Các hộ nghèo được hỗ trợ tiền mặt và vay vốn từ ngân hàng Chính sách xã hội để xây dựng nhà ở chống bão, lũ Các tỉnh chủ động bố trí kinh phí thực hiện	UBND tỉnh	Sở Xây dựng	Các Sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố	2021-2025	9.500	5.500	4.000
5	Chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai	Thực hiện Nghị định 02/2017/NĐ- CP	Hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản hoặc một phần chi phí sản xuất ban đầu để khôi phục sản xuất nông nghiệp bị thiệt hại do	Chính phủ	Sở Tài chính	Các Sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thành	2021-2025	800	500	300

STT	Hoạt động	Mục tiêu	Nội dung mong đợi	Cơ quan Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)		
								Tổng số	Trung ương	Địa phương
			ảnh hưởng của các loại hình thiên tai			phố				
6	Chính sách hỗ trợ di dời, sắp xếp bố trí lại dân cư	Thực hiện Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 về phê duyệt chương trình Bố trí dân cư các vùng thiên tai	Thực hiện rà soát và bố trí kinh phí của tỉnh với sự hỗ trợ của TƯ để thực hiện.	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp & PTNT	Các Sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố	2021-2025			
7	Chính sách bảo hiểm ứng phó với rủi ro thiên tai	Chương trình thí điểm (2011-2013) bảo hiểm nông nghiệp theo Quyết định số 315/QĐ-TTg	Đánh giá chương trình thực hiện tại địa phương để triển khai tiếp theo nhằm chia sẻ các rủi ro, chủ động PCTT	UBND tỉnh	Sở Tài chính	Các Sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố	2021-2025			
8	Xây dựng trụ sở làm việc Chi cục Thủy Lợi kiêm văn phòng thường trực Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai – tìm kiếm cứu nạn tỉnh. Mua sắm trang thiết bị, công cụ hỗ trợ phục vụ kết nối trực tuyến với cơ quan phòng chống thiên tai trung ương.	Thực hiện nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng chống thiên tai	Trụ sở làm việc Chi cục Thủy Lợi kiêm văn phòng thường trực Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai – tìm kiếm cứu nạn tỉnh với đầy đủ trang thiết bị phục vụ kết nối trực tuyến	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp & PTNT	Sở Tài chính, Sở Kế hoạch & Đầu tư		10.000		10.000
9	Xây dựng lực lượng xung kích phòng chống thiên tai tại cơ sở, trước mắt là tại cấp xã với lực lượng dân quân tự vệ làm nòng cốt.	Thực hiện nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng chống thiên tai	Lực lượng xung kích phòng chống thiên tai tại cấp xã, nòng cốt là dân quân tự vệ xã	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp & PTNT	UBND các huyện, thành phố				
10	Rà soát, hoàn thiện, chủ động bố trí nguồn lực thực hiện kế hoạch phòng chống thiên tai; phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi	Thực hiện nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về	Thực hiện hiệu quả kế hoạch phòng chống thiên tai; phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai cấp tỉnh, huyện, xã	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp & PTNT	UBND các huyện, thành phố	Hàng năm			

STT	Hoạt động	Mục tiêu	Nội dung mong đợi	Cơ quan Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)		
								Tổng số	Trung ương	Địa phương
	ro thiên tai cấp tỉnh, huyện, xã.	công tác phòng chống thiên tai								
11	Tiến hành thu, quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả Quỹ phòng, chống thiên tai của tỉnh.	Thực hiện nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng chống thiên tai	Quỹ phòng, chống thiên tai của tỉnh	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp & PTNT	Sở Tài chính, các Sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan	Hàng năm			
12	Thực hiện tốt phương châm "4 tại chỗ" trong phòng, chống thiên tai, tổ chức diễn tập để rút kinh nghiệm cho phù hợp với thực tế của địa phương	Thực hiện nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng chống thiên tai	Tổ chức diễn tập tại các huyện, thành phố	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp & PTNT	UBND các huyện, thành phố, Công an tỉnh, Bộ CHQS tỉnh	Hàng năm			
13	Điều chỉnh quy hoạch, chuyển đổi giống cây trồng, vật nuôi, ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất nông nghiệp phù hợp với đặc điểm khí hậu, thổ nhưỡng của tỉnh, thích ứng với thiên tai.	Thực hiện nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng chống thiên tai	Nâng cao chất lượng và giá trị giống cây trồng, vật nuôi của tỉnh	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp & PTNT	UBND các huyện, thành phố	Hàng năm			
14	Rà soát, lồng ghép phòng chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội.	Thực hiện nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng chống thiên tai	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của tỉnh có lồng ghép nội dung phòng chống thiên tai	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp & PTNT	UBND các huyện, thành phố	Hàng năm			
15	Rà soát, kiện toàn cơ quan chỉ huy PCTT & TKCN cấp tỉnh; cơ quan tham mưu về PCTT các cấp đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu quả, đáp ứng yêu cầu công	Thực hiện nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng	Bộ máy Văn phòng thường trực Ban chỉ huy PCTT&TKCN cấp tỉnh, cấp huyện; bộ phận thường trực Ban chỉ huy PCTT&TKCN cấp xã	UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Nông nghiệp & PTNT, UBND các huyện, thành phố				

STT	Hoạt động	Mục tiêu	Nội dung mong đợi	Cơ quan Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)		
								Tổng số	Trung ương	Địa phương
	tác phòng chống thiên tai theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ và Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn theo nguyên tắc không tăng thêm đầu mối và biên chế.	chống thiên tai								
II	Tăng cường năng lực cho hệ thống phòng chống thiên tai							583.078	337.860	245.218
1	Triển khai thực hiện Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng của tỉnh	Thực hiện nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng chống thiên tai	Nâng cao nhận thức cộng đồng và tổ chức có hiệu quả mô hình quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng cho các cấp, các ngành trong tỉnh.	UBND tỉnh	Sở NN & PTNT, Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Tài chính, UBND các huyện, thành phố	2021-2025	17.000	17.000	
2	Tăng cường nguồn lực cán bộ chuyên trách làm công tác PCTT	Đáp ứng yêu cầu về số lượng và chất lượng của đội ngũ cán bộ	- Thành lập một cơ quan chuyên trách PCTT cấp tỉnh và cán bộ chuyên trách ở cấp dưới - Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho cán bộ làm công tác PCTT	UBND	Sở Nông nghiệp & PTNT	Sở Nội vụ				
3	Kiện toàn tổ chức, bộ máy chỉ huy PCTT và TKCN các cấp				Ban chỉ huy PCTT và TKCN các cấp	Các cơ quan, đơn vị c các thành viên tham gia Ban chỉ huy	2021-2025			
4	Rà soát Quy chế tổ chức và hoạt động của Văn phòng TT Ban chỉ huy PCTT và TKCN các cấp				Cơ quan TT PCTT và TKCN các cấp	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2021-2025			
5	Nâng cao năng lực đội ngũ làm công tác phòng, chống thiên tai cấp huyện, cấp xã				Sở Nông nghiệp & PTNT	Sở Tài chính, UBND cấp huyện	2021-2025	500		500

STT	Hoạt động	Mục tiêu	Nội dung mong đợi	Cơ quan Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)		
								Tổng số	Trung ương	Địa phương
6	Xây dựng lực lượng xung kích phòng chống thiên tai tại cơ sở, trước mắt là tại cấp xã với lực lượng dân quân tự vệ làm nông cốt.				Ban CH PCTT và TKCN cấp xã	Ban chỉ huy quân sự xã, các tổ chức cấp xã	2021-2025	1.600		1.600
7	Đầu tư trang thiết bị chuyên dùng cho Văn phòng TT Ban chỉ huy PCTT và TKCN các cấp	Có điều kiện tốt hơn để tham mưu cho Ban chỉ huy thực hiện nhiệm vụ với diễn biến ngày càng phức tạp của thiên tai	Bao gồm: Trụ sở làm việc, trang thiết bị họp trực tuyến, trang thiết bị văn phòng, phương tiện (ô tô), vật tư, trang thiết bị (đảm bảo nguồn lực 4 tại chỗ)	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp & PTNT	Sở Tài chính, Sở KHĐT; Phòng Tài chính; kế toán cấp xã.	2021-2025	9.800	6.860	2.940
8	Tăng cường năng lực và trang thiết bị cho lực lượng PCTT và TKCN	Đảm bảo tính chuyên nghiệp đáp ứng hoạt động cứu hộ, cứu nạn	- Nâng cao năng lực của lực lượng nông cốt và sự phối hợp với các tổ chức liên quan - Mua sắm các trang thiết bị, phương tiện để thực hiện nhiệm vụ	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTN	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh	2021-2025	250.000	200.000	50.000
9	Hoàn chỉnh hệ thống thông tin liên lạc phòng chống thiên tai và TKCN	Đảm bảo thông suốt trong quá trình ứng phó thiên tai của Ban chỉ huy các cấp	Hoàn chỉnh hệ thống thông tin liên lạc tại Văn phòng Ban chỉ huy các cấp. Đảm bảo thông tin trên các phương tiện truyền thông, internet được liên tục	UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở ngành liên quan và UBND cấp huyện	2021-2025	60.000	50.000	10.000
10	Cơ chế phối hợp giữa Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh với các Tổ chức chính trị, xã hội.	Xây dựng một xã hội PCTT bao gồm cả các tổ chức: UB Mặt trận, Thanh niên, Phụ nữ, Chữ thập đỏ, ... tham gia PCTT	Thực hiện Đề án 1002 Tham gia trong quá trình ứng phó thiên tai. Kêu gọi, quản lý, thực hiện chương trình hỗ trợ, vận động của các tổ chức trong và ngoài nước	Ban Chỉ huy PCTT&TKCN các cấp	Văn phòng thường trực Ban chỉ huy	Mặt trận TQVN tỉnh, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Chữ thập đỏ tỉnh				
11	Tổ chức diễn tập phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn				Ban Chỉ huy PCTT&TK		Theo kế hoạch	3.000		3.000

STT	Hoạt động	Mục tiêu	Nội dung mong đợi	Cơ quan Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)		
								Tổng số	Trung ương	Địa phương
					CN cấp tỉnh					
					Ban Chỉ huy PCTT&TK CN cấp huyện		Theo kế hoạch	2.000		2.000
					Ban Chỉ huy PCTT&TK CN cấp xã		Theo kế hoạch	1.000		1.000
12	Ứng phó sự cố thiên tai	Thực hiện nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng chống thiên tai	ô tô 29 chỗ	UBND tỉnh	Bộ Chỉ huy BĐBP tỉnh		Theo kế hoạch	2.000	2.000	
13	Cứu hộ, cứu nạn	Thực hiện nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng chống thiên tai	Xuồng 1.000 cv	UBND tỉnh	Bộ Chỉ huy BĐBP tỉnh		Theo kế hoạch	3.000	3.000	
14	Quản lý chặt chẽ việc triển khai các dự án đầu tư, cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ trên địa bàn tỉnh, thực hiện đầy đủ và đảm bảo chất lượng công tác thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án BVMT.	Thực hiện nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng chống thiên tai	Quyết định và báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt	UBND tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở ban ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố	Hàng năm	1.000		1.000
15	Tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân	Thực hiện nghị quyết số 76/NQ-	Nâng cao ý thức về BVMT cho nhân dân	UBND tỉnh	Sở Tài nguyên và	UBND các huyện năm	Hàng năm	1.000	1.000	

STT	Hoạt động	Mục tiêu	Nội dung mong đợi	Cơ quan Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)		
								Tổng số	Trung ương	Địa phương
	trong công tác bảo vệ môi trường tại các xã vùng phân lũ, chậm lũ.	CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng chống thiên tai			Môi trường	trong vùng phân lũ, chậm lũ				
16	Hỗ trợ các xã xử lý môi trường sau lũ lụt.	Thực hiện nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng chống thiên tai	Hóa chất xử lý môi trường	UBND tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND các huyện bị ảnh hưởng	Hàng năm	50.000	50.000	
17	Xây dựng hệ thống quan trắc giám sát chất lượng môi trường không khí thành phố Ninh Bình và Tam Điệp	Thực hiện nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng chống thiên tai	Hệ thống qua trắc tự động	UBND tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố	2022	80.000		80.000
18	Lắp đặt hệ thống quan trắc nước tự động tại sông Đáy, sông Vân, sông Hoàng Long.	Thực hiện nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng chống thiên tai	Hệ thống qua trắc tự động	UBND tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố	2025	80.000		80.000
19	Quan trắc và phân tích môi trường định kỳ các điểm nhạy cảm trên địa bàn tỉnh.	Thực hiện nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng chống thiên tai	Báo cáo quan trắc, phân tích môi trường tỉnh hàng năm	UBND tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố	Hàng năm	600		600
20	Nâng cao năng lực phòng chống thiên tai tại địa phương để từng bước kết nối trực tuyến với cơ quan	Thực hiện nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của	phòng họp trực tuyến tại từng cấp	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp & PTNT	UBND các huyện, thành phố	2021	8.000	8.000	

STT	Hoạt động	Mục tiêu	Nội dung mong đợi	Cơ quan Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)		
								Tổng số	Trung ương	Địa phương
	phòng, chống thiên tai trung ương và các cấp ở địa phương phục vụ công tác chỉ đạo điều hành.	Chính phủ về công tác phòng chống thiên tai								
21	Xây dựng, đào tạo đội ngũ cán bộ làm công tác phòng chống thiên tai từ cấp huyện, đến cấp phường, xã	Thực hiện nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng chống thiên tai	Chỉ đạo điều hành PCTT&TKCN	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp & PTNT	UBND các huyện, thành phố	2021	200		200
22	Xây dựng, điều chỉnh, bổ sung các kế hoạch, phương án hiệp đồng PCTT & TKCN hàng năm, ứng phó bão mạnh, siêu bão, xây dựng kế hoạch ứng phó với sự cố cháy nổ, cứu sập hóa chất độc xạ bảo vệ các sự kiện lớn của đất nước trên địa bàn tỉnh; sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm trong công tác PCTT&TKCN hàng năm.	Thực hiện nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng chống thiên tai	Chỉ đạo, điều hành PCTT-TKCN	UBND tỉnh	Bộ CHQS tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Hàng năm	250		250
23	Tổ chức tập huấn, hướng dẫn, huấn luyện cho cán bộ, chiến sỹ LLVT tỉnh và nhân dân biết và sử dụng thành thạo các trang bị tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn, sơ cấp cứu người bị nạn.	Thực hiện nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng chống thiên tai	Nâng cao khả năng PCTT&TKCN	UBND tỉnh	Phòng Tham mưu-Bộ CHQS	Các cơ quan, đơn vị	Hàng năm	500		500
24	Đầu tư, bổ sung, mua sắm các trang bị cứu hộ, cứu nạn bảo đảm ông tác CHCN khi có bão, lũ và tình huống thiên tai xảy ra.	Thực hiện nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng	Nâng cao khả năng CHCN	UBND tỉnh	Bộ CHQS tỉnh	Các cơ quan, đơn vị	Hàng năm	1.000		1.000

STT	Hoạt động	Mục tiêu	Nội dung mong đợi	Cơ quan Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)		
								Tổng số	Trung ương	Địa phương
		chống thiên tai								
25	Diễn tập PCTT&TKCN cho các huyện, thành phố và các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh	Thực hiện nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng chống thiên tai	Kinh nghiệm để thực hiện nhiệm vụ	UBND tỉnh	Bộ CHQS tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Hàng năm	1.500		1.500
26	Bảo đảm vật chất hậu cần cho bộ đội tham gia làm nhiệm vụ PCTT & TKCN theo quy định của Bộ, Quân khu.	Thực hiện nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng chống thiên tai	Nâng cao khả năng CHCN	UBND tỉnh	Phòng Hậu cần-Bộ CHQS tỉnh	Các cơ quan, đơn vị	Hàng năm	1.000		1.000
27	Bảo đảm tốt hệ số kỹ thuật đối với các phương tiện sẵn sàng cơ động làm nhiệm vụ PCTT & TKCN.	Thực hiện nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng chống thiên tai	Nâng cao khả năng CHCN	UBND tỉnh	Phòng Kỹ thuật-Bộ CHQS tỉnh	Các cơ quan, đơn vị	Hàng năm	1.500		1.500
28	Huy động lực lượng, phương tiện ứng phó khắc phục sự cố thiên tai	Thực hiện nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng chống thiên tai	Giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra	UBND tỉnh	Bộ CHQS tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Hàng năm	1.500		1.500
29	Phối hợp các đơn vị chức năng kiểm tra, xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật về đê điều, phòng chống thiên tai, môi trường, tài nguyên nước, tập trung xử lý ngăn chặn tình trạng khai thác cát, sỏi và lập bến	Thực hiện nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng chống thiên tai	Mở đọt cao điểm xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực khai thác cát, sỏi; Xây dựng, triển khai thực hiện kế hoạch phòng ngừa, đấu tranh với các hành vi vi phạm trong bảo vệ đê điều	UBND tỉnh	Công an tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Hàng năm	1.500		1.500

STT	Hoạt động	Mục tiêu	Nội dung mong đợi	Cơ quan Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)		
								Tổng số	Trung ương	Địa phương
	bãi tập kết trái phép, lấn chiếm lòng sông, bến, bãi									
30	Phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện công tác cứu chữa người bị nạn và ngăn chặn dịch bệnh sau khi thiên tai xảy ra	Thực hiện nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng chống thiên tai	Huy động lực lượng CBCS Công an tỉnh phối hợp với các đơn vị, cơ quan, đoàn thể trên địa bàn tổ chức cứu chữa người bị nạn, dọn dẹp vệ sinh, phun thuốc phòng ngừa dịch bệnh	UBND tỉnh	Công an tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Hàng năm	150		150
31	Triển khai thực hiện Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ về công tác cứu nạn cứu hộ và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan	Thực hiện nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng chống thiên tai	Tập huấn triển khai Nghị định, các văn bản quy phạm pháp luật liên quan và công tác tổ chức chỉ huy PCTT&TKCN cho người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đại diện các đội PCCC cơ sở, dân phòng và các lực lượng liên quan.	UBND tỉnh	Công an tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Hàng năm	450		450
32	Triển khai phương án cứu nạn cứu hộ khi xảy ra các tình huống thiên tai	Thực hiện nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng chống thiên tai	Thực hiện phương án PCTT&TKCN của Giám đốc Công an tỉnh, phương án xử lý các tai nạn sự cố quy định tại Nghị định số 83 của Chính phủ, thực hiện phương án di dân.	UBND tỉnh	Công an tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Hàng năm	1.500		1.500
33	Đảm bảo trật tự an toàn giao thông, phòng chống ùn tắc trên các tuyến quốc lộ; tuần tra kiểm soát chặt chẽ các tuyến sông, phà, đò ngang trước, trong và sau khi xảy ra thiên tai	Thực hiện nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng chống thiên tai	Triển khai phương án đảm bảo TTATGT trên các tuyến đường quốc lộ Tăng cường tuần tra kiểm soát trên các tuyến sông phát hiện xử lý các trường hợp khai thác cát, sỏi trái phép; kiểm tra các bến đò ngang, đò dọc trấn chỉnh nhắc nhở những vi phạm liên quan đến đảm bảo an toàn đường thủy.	UBND tỉnh	Công an tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Hàng năm	500		500

STT	Hoạt động	Mục tiêu	Nội dung mong đợi	Cơ quan Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)		
								Tổng số	Trung ương	Địa phương
34	Công tác hậu cần, vật tư, trang thiết bị, phương tiện hạng mục cần đầu tư nâng cấp, sửa chữa mua mới phục vụ tập luyện, diễn tập và triển khai khi có tình huống thiên tai	Thực hiện nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng chống thiên tai			Công an tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Hàng năm	1.028		1.028
III	Lập, rà soát và thực hiện các kế hoạch, quy hoạch, phương án							72.920	-	72.920
1	Kế hoạch phòng chống thiên tai cấp tỉnh giai đoạn 2021 – 2025 và cập nhật hàng năm				Sở Nông nghiệp & PTNT	Các sở, ngành liên quan và UBND cấp huyện	tháng 8 hàng năm	500		500
2	Kế hoạch phòng chống thiên tai cấp huyện giai đoạn 2021 – 2025 và cập nhật hàng năm				Phòng NN và PTNT/KT	Các phòng, ban liên quan và UBND cấp xã	tháng 8 hàng năm	2.420		2.420
	Kế hoạch phòng chống thiên tai cấp xã giai đoạn 2021 – 2025 và cập nhật hàng năm				Nhóm kỹ thuật cấp xã	Thành viên Ban chỉ huy cấp xã, trưởng thôn	tháng 8 hàng năm	11.130		11.130
3	Phương án ứng phó với từng cấp độ rủi ro thiên tai	Thực hiện tốt công tác chỉ đạo, chỉ huy giữa các cấp, phối hợp toàn bộ hệ thống chính trị và xã hội tham gia PCTT	Đưa ra các phương án ứng phó với từng cấp độ rủi ro của từng loại hình thiên tai. Có phương án huy động nguồn lực của các ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân,...		Sở Nông nghiệp & PTNT	Các sở, ngành liên quan và UBND cấp huyện	tháng 8 hàng năm	1.000		1.000
4	Kế hoạch Ứng phó với biến đổi khí hậu	Giảm thiểu tác động của BĐKH	Đưa ra các biện pháp ứng phó và giảm thiểu BĐKH. Xác định các nguồn lực và trách nhiệm thực hiện của các đơn vị liên quan. Nâng	UBND	Sở TN & MT	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021-2022	2.500		2.500

STT	Hoạt động	Mục tiêu	Nội dung mong đợi	Cơ quan Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)		
								Tổng số	Trung ương	Địa phương
			cao nhận thức của cộng đồng .							
5	Lập, rà soát bản đồ phân vùng rủi ro thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai	Xác định các vị trí rủi ro để đưa ra các biện pháp ứng phó phù hợp	Bản đồ nguy cơ rủi ro do bão, lũ, lũ quét, sạt lở đất, hạn hán, xâm nhập mặn,... Xác định các vùng có nguy cơ tổn thương cao, các đối tượng dễ bị tổn thương để có giải pháp.	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp & PTNT	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021-2022	5.000		5.000
6	Xây dựng kế hoạch quản lý lũ tổng hợp lưu vực sông Hoàng Long trong điều kiện biến đổi khí hậu, nước biển dâng	Quản lý lũ tổng hợp lưu vực sông hướng tiếp cận công nghệ 4.0	Chủ động chỉ huy, điều hành phòng chống mưa lớn, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất giảm thiệt hại về người và tài sản nhân dân, nâng cao năng lực của chính quyền/tổ chức và các cơ quan phòng chống thiên tai cấp tỉnh	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp & PTNT, các huyện; Ban CH cấp xã	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021-2022	10.000		10.000
7	Rà soát, bổ sung quy hoạch phòng chống lũ, quy hoạch thủy lợi	Phòng chống nguy cơ lũ, lụt, chống hạn.	- Đề xuất các biện pháp phi công trình và công trình áp dụng trong vùng ngập lũ, vùng ảnh hưởng của lũ, hạn hán	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTN	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021-2022	5.000		5.000
8	Xây dựng phương án xóa bỏ khu phân chặm lũ sông Hoàng Long thuộc vùng 5 xã huyện Nho Quan (Xích Thổ, Gia Sơn, Gia Lâm, Gia Thủy, Phú Sơn và 1 phần xã Lạc Vân) và vùng ngoài đê của các huyện Nho Quan và huyện Gia Viễn	Phục vụ phát triển kinh tế xã hội vùng chặm lũ	Nâng tiêu chuẩn chống lũ sông Hoàng Long	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp & PTNT	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021-2022	10.000		10.000
9	- Rà soát quy hoạch bố trí dân cư các vùng có nguy cơ thiên tai giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến	Phục vụ phát triển kinh tế xã hội vùng thường xuyên chịu ảnh	Ổn định đời sống nhân dân, phát triển kinh tế xã hội	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp & PTNT	Các sở, ngành liên quan và UBND các	2022-2024	10.000		10.000

STT	Hoạt động	Mục tiêu	Nội dung mong đợi	Cơ quan Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)		
								Tổng số	Trung ương	Địa phương
	năm 2030 nhằm xây dựng và thực hiện các dự án tái định cư, ổn định đời sống và sản xuất nhân dân	hường của thiên tai				huyện, xã				
10	Lập, rà soát, bổ sung Quy hoạch cơ sở hạ tầng một số ngành nằm trong khu vực ảnh hưởng của thiên tai nhằm giảm thiểu tác động của thiên tai đến các ngành trong việc đầu tư xây dựng mới cũng như quản lý vận hành	Giảm thiểu tác động của thiên tai đến các ngành trong việc đầu tư xây dựng mới cũng như quản lý vận hành	Đánh giá tác động của thiên tai để xác định vị trí, quy mô, ... công trình phù hợp và có giải pháp giảm thiểu tác động; Quy hoạch xây dựng, giao thông, thủy lợi, ... lồng ghép nội dung PCTT. (cơ quan ra Quyết định: UBND tỉnh; cơ quan chủ trì: sở Nông nghiệp và PTNT, Xây Dựng, Giao Thông, Công Thương, Thông tin và Truyền thông,...; cơ quan phối hợp: các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố).	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp & PTNT	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2022-2024	10.000		10.000
11	Quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch cơ sở hạ tầng khu vực ảnh hưởng của thiên tai dựa trên phân tích về rủi ro thiên tai	Quản lý chặt chẽ việc sử dụng đất gắn với PCTT	Xác định quy hoạch sử dụng đất của các ngành và tác động của thiên tai trong quá trình sử dụng, phát triển. Có các biện pháp phòng chống phù hợp cho các ngành.	UBND tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở ngành liên quan, UBND các huyện	2022-2024	1.000		1.000
12	Xây dựng, cập nhật kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Thực hiện nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng chống thiên tai	Quyết định ban hành cập nhật Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Ninh Bình; Các báo cáo, chuyên đề và bản đồ; Danh mục các nhiệm vụ, dự án ưu tiên ứng phó với BĐKH giai đoạn 2021-2030; Danh mục các chiến lược, chương trình, quy hoạch, kế	UBND tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Tổng cục Khí tượng thủy văn; Cục Biến đổi khí hậu; các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,	2022-2024	1.000		1.000

STT	Hoạt động	Mục tiêu	Nội dung mong đợi	Cơ quan Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)		
								Tổng số	Trung ương	Địa phương
			hoạch phát triển có lồng ghép nội dung về BĐKH trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.			Xây dựng, Giao thông vận tải, Du lịch, Y tế, Công thương; UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị khác có liên quan				
13	Đánh giá khí hậu tỉnh Ninh Bình.	Thực hiện nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng chống thiên tai	Quyết định ban hành kèm theo Báo cáo tổng hợp và các báo cáo chuyên đề và bản đồ khí hậu tỉnh Ninh Bình.	UBND tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Tổng cục Khí tượng thủy văn; Cục Biến đổi khí hậu; Đài Khí tượng thủy văn tỉnh Ninh Bình; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị khác có liên quan.	2022-2024	400		400
1	Xây dựng kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu.	Thực hiện nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng chống thiên tai	Quyết định ban hành Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.	UBND tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị, tổ chức,	2022-2024	200		200

STT	Hoạt động	Mục tiêu	Nội dung mong đợi	Cơ quan Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)		
								Tổng số	Trung ương	Địa phương
						doanh nghiệp có liên quan.				
15	Xây dựng chương trình giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; đề xuất kế hoạch kiểm kê phát thải khí nhà kính trên địa bàn tỉnh.	Thực hiện nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng chống thiên tai	Chương trình hành động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của UBND tỉnh	UBND tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, xã có liên quan	2021-2022	540		540
16	Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến phát triển du lịch và các dịch vụ trên địa bàn tỉnh.	Thực hiện nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng chống thiên tai	Báo cáo khoa học Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến phát triển du lịch và các dịch vụ trên địa bàn tỉnh.	UBND tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan	2021-2022	760		760
17	Xây dựng "Bộ chỉ thị thương tổn môi trường vùng ven biển, đề xuất giải pháp BVMT phù hợp nhằm phát triển bền vững vùng ven biển tỉnh Ninh Bình".	Thực hiện nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng chống thiên tai	Hệ thống bản đồ đánh giá mức độ thương tổn môi trường khu vực ven biển; Các giải pháp phù hợp, thích ứng với các tai biến môi trường khu vực ven biển	UBND tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND huyện Kim Sơn; Các Sở, ban, ngành liên quan	2021-2022	1.050		1.050
18	Xây dựng quy định về hành lang an toàn khu vực ven biển.		Báo cáo tổng hợp và bản đồ hành lang an toàn khu vực ven biển	UBND tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	BCH Phòng chống thiên tai và TKCN tỉnh; Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, các sở ngành liên quan, UBND huyện Kim Sơn.	2021-2022	350		350
19	Tập huấn, tuyên truyền về	Thực hiện nghị	Nâng cao nhận thức cho cán	UBND	Sở Tài	Các Sở, ban,	Hàng năm	70		70

STT	Hoạt động	Mục tiêu	Nội dung mong đợi	Cơ quan Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)		
								Tổng số	Trung ương	Địa phương
	biến đổi khí hậu .	quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng chống thiên tai	bộ công chức, viên chức, lao động và nhân dân về tiếp thu kiến thức, kỹ năng đề chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai	tỉnh	nguyên và Môi trường	ngành và các địa phương				
IV	Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo cấp tỉnh							25.250	-	25.250
1	Thực hiện xã hội hóa các dịch vụ khí tượng thủy văn trong tỉnh	Nâng cao chất lượng dự báo, cảnh báo phục vụ công tác điều hành, chỉ đạo PCTT	Lắp đặt bổ sung các trạm đo KTTV tại các khu vực có nhu cầu để chia sẻ thông tin dữ liệu. Đầu tư một số trạm đo, quan trắc, giám sát riêng biệt: mặn, sạt lở đất, sét, ... Chia sẻ, cung cấp các thông tin dự báo với các đơn vị chuyên môn để phục vụ công tác điều hành quản lý đặc biệt điều hành hồ chứa, liên hồ chứa, phòng tránh lũ quét, sạt lở đất.	UBND tỉnh	Đài KTTV tỉnh	Đài KTTV Khu vực				
2	Nâng cấp công nghệ và hệ thống phân tích rủi ro thiên tai hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng bền vững thích ứng BĐKH	Nâng cao chất lượng dự báo, cảnh báo phục vụ công tác điều hành, chỉ đạo PCTT		UBND tỉnh	Ban Quản lý dự án NNPTNT tỉnh	Sở NN và PTNT. Các cơ quan và UBND cấp huyện	2021-2025	15.000		15.000
3	Lắp đặt, xây dựng hệ thống quan trắc chuyên dùng phục vụ phòng chống thiên tai: tự động quan trắc mưa, độ mặn, mực nước	Nâng cao chất lượng dự báo, cảnh báo phục vụ công tác điều hành, chỉ đạo PCTT		UBND tỉnh	Ban Quản lý dự án NNPTNT tỉnh	Sở NN và PTNT. Các cơ quan và UBND cấp huyện	2021-2025	10.000		10.000
4	Xây dựng Kế hoạch phát triển mạng lưới quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng trên địa bàn tỉnh.	Thực hiện nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của	Quyết định ban hành Kế hoạch Phát triển mạng lưới KTTV chuyên dùng của UBND tỉnh	UBND tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, xã có	2021-2025	250		250

STT	Hoạt động	Mục tiêu	Nội dung mong đợi	Cơ quan Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)		
								Tổng số	Trung ương	Địa phương
		Chính phủ về công tác phòng chống thiên tai				liên quan				
5	Tăng cường năng lực quan trắc khí tượng thủy văn để thông tin kịp thời cảnh báo thiên tai trên địa bàn tỉnh.	Thực hiện nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng chống thiên tai	Cơ chế và các công cụ phục vụ công tác dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai trên địa bàn tỉnh	UBND tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Đài Khí tượng thủy văn tỉnh và các Sở, ban, ngành, địa phương có liên quan				
V	Ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ mới trong xây dựng hệ thống giám sát, cảnh báo, báo cáo thống kê, đánh giá thiệt hại thiên tai							49.600	-	49.600
1	- Xây dựng hệ thống thông tin quản lý, giám sát vận hành hệ thống công trình phòng chống thiên tai lưu vực sông Hoàng Long. Hệ thống này nhằm thiết lập và tăng cường hệ thống quản lý và sử dụng dữ liệu và công cụ ra quyết định tích hợp trong phòng chống thiên tai.			UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp & PTNT	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2023-2025	9.000		9.000
2	- Xây dựng hệ thống quản lý, lưu trữ, xử lý, khai thác sử dụng số liệu khí tượng thủy văn phục vụ công tác phòng chống thiên tai.			UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp & PTNT	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2023-2025	3.000		3.000
3	- Xây dựng hệ thống thông tin phân tích rủi ro thiên tai hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng bền vững thích ứng biến đổi khí hậu.			UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp & PTNT	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2023-2025	9.000		9.000

STT	Hoạt động	Mục tiêu	Nội dung mong đợi	Cơ quan Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)		
								Tổng số	Trung ương	Địa phương
4	- Ứng dụng IoT thiết lập hệ thống quan trắc diễn biến lòng dẫn, sạt lở, bồi lắng bờ sông, bờ biên. Thiết lập hệ thống giám sát sạt lở theo thời gian thực, kết hợp với giám sát lũ, ngập lụt, xâm nhập mặn,... trong đó kết hợp tối đa với hệ thống cơ sở hạ tầng hiện có (hệ thống thông tin, truyền thông; hệ thống tín hiệu giao thông ở ven sông, ven biển,...).			UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp & PTNT	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2023-2025	12.000		12.000
5	Củng cố, hiện đại hóa hệ thống dự báo lũ và cảnh báo sớm cho hệ thống đê sông Đáy, sông Hoàng Long, sông Vạc trên địa bàn tỉnh							5.000		5.000
6	- Xây dựng cơ sở dữ liệu về mưa, lũ, lụt, sạt lở đất, hạn hán, xói lở bờ sông, bờ biển.			UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp & PTNT	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021-2022	3.000		3.000
7	Đảm bảo thông tin liên lạc VTSN trạm khí tượng thủy văn Hưng Thi – Hòa Bình về Viễn thông hệ 1 – Ninh Bình phục vụ cho Trung tâm khí tượng thủy văn Ninh Bình chuyển kịp thời các số liệu khí tượng thủy văn tại trạm khí tượng thủy văn Hưng Thi cho Ban chỉ huy PCTT&TKCN	Thực hiện nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng chống thiên tai	Chỉ đạo điều hành PCTT&TKCN	UBND tỉnh	Viễn thông Ninh Bình	- Viettel Ninh Bình; Chi nhánh Mobifone NB, Bưu điện tỉnh.	Hàng năm	500		500
8	Đảm bảo thông tin liên lạc	Thực hiện nghị	Chỉ đạo điều hành	UBND	Viễn thông	- Viettel	Hàng năm	1.000		1.000

STT	Hoạt động	Mục tiêu	Nội dung mong đợi	Cơ quan Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)		
								Tổng số	Trung ương	Địa phương
	khi xảy ra bão, lũ lớn kéo dài gây sự cố mất điện lưới, không thể thông tin liên lạc bằng hữu tuyến và các mạng viễn thông trang bị thiết bị di động vệ tinh Vinaphone S (Thiết bị XT - Line)	quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng chống thiên tai	PCTT&TKCN	tỉnh	Ninh Bình	Ninh Bình; Chi nhánh Mobifone NB, Bưu điện tỉnh.				
9	Diễn tập đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ công tác PCTT&TKCN tại Trung tâm OCTT Kim Đông – Kim Sơn.	Thực hiện nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng chống thiên tai	Kinh nghiệm để thực hiện nhiệm vụ	UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Doanh nghiệp bưu chính viễn thông	Hàng năm	250		250
10	Vật tư, thiết bị phục vụ đảm bảo thông tin liên lạc. (Đài VTĐ sóng ngắn, Cột viba, Trạm BTS, xe cầu, Xe BTS lưu động.....)	Thực hiện nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng chống thiên tai	Chỉ đạo điều hành PCTT&TKCN	UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các doanh nghiệp bưu chính viễn thông	Hàng năm	1.250		1.250
11	Xây dựng cơ sở dữ liệu và khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.	Thực hiện nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng chống thiên tai	Bộ dữ liệu về khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu phục vụ công tác quản lý nhà nước về khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu	UBND tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, xã có liên quan		5.600		5.600
VI	Nâng cao nhận thức, kiến thức PCTT cho cộng đồng							18.000	10.000	8.000
1	Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng chống thiên tai Thông qua các chương trình đào tạo, tập huấn do Hội chữ thập đỏ tỉnh, Sở Nông nghiệp và			UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp & PTNT	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021-2025	4.000		4.000

STT	Hoạt động	Mục tiêu	Nội dung mong đợi	Cơ quan Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)		
								Tổng số	Trung ương	Địa phương
	PTNT, UBND cấp huyện phối hợp tổ chức; lồng ghép các chương trình hội nghị, hội thảo các cấp									
2	Tổ chức thông tin, tuyên truyền về thiên tai thông qua hệ thống thông tin đại chúng Nâng cao nhận thức và kiến thức của cộng đồng về phòng tránh thiên tai bằng các chương trình: truyền thông để phát thanh trên Đài Phát thanh tỉnh, cấp huyện, cấp xã; phổ biến kiến thức PCTT trong nhà trường; tuyên truyền với hình thức báo chí, băng rôn, tờ rơi, chiếu phim, biểu diễn văn nghệ			UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp & PTNT	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021-2025	4.000		4.000
3	Nâng cao năng lực PCTT của các ngành GTVT	Thực hiện nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng chống thiên tai	Ô tô bán tải (03 chiếc); Thuyền máy (02 chiếc); Đào tạo, tập huấn cán bộ; trang bị trang thiết bị: máy tính, máy in, fax, máy ảnh...; Phương tiện, nhân lực, vật tư để thực hiện 4 tại chỗ	UBND tỉnh	Sở Giao thông vận tải	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	Hàng năm	10.000	10.000	
B	BIỆN PHÁP CÔNG TRÌNH							8.284.888	4.133.949	4.150.939
I	Đầu tư, nâng cấp công trình thủy lợi							3.277.113	1.416.722	1.860.391
1	Nâng cấp tuyến đê hữu sông Đáy đoạn từ Km33+600 đến Km38+00 và đoạn Km42+295 đến Km43+9500 huyện Yên Khánh			708/UB-VP3 05/10/2018	Ban quản lý dự án Đầu tư XD công trình NN&PTN T tỉnh	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021-2025	57.675	42.140	15.535
2	Xử lý đột xuất, sạt lở bờ			1143/QĐ	UBND	Các sở,	2021-2025	2.952	-	2.952

STT	Hoạt động	Mục tiêu	Nội dung mong đợi	Cơ quan Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)		
								Tổng số	Trung ương	Địa phương
	sông kết hợp giao thông Kênh Gà xã Gia Thịnh, huyện Gia Viễn			-UB 16/9/2020	huyện Gia Viễn	ngành liên quan và UBND các huyện, xã				
3	Xử lý cấp bách sạt lở đê bao Hoàng Long và tuyến đường tránh lũ xã Đức Long, huyện Nho Quan			60/NQ-HĐ 23/7/2020	UBND huyện Nho Quan	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2022	16.000	4.000	12.000
4	Cải tạo, nâng cấp cấp bách tuyến đường cứu hộ, cứu nạn đê hữu sông Đáy đoạn từ tỉnh lộ 481C đến đường liên xã Khánh Cường, Khánh Trung phục vụ phòng, chống lụt, bão			42/NQ-HĐ 23/7/2020	UBND huyện Yên Khánh	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2022	5.500	2.500	3.000
5	Hạng mục thi công đoạn qua Trường chuyên tỉnh Ninh Bình (thuộc dự án đầu tư xử lý cấp bách hệ thống chống ngập úng thành phố Ninh Bình và huyện Hoa Lư			598/QĐ-UB 11/6/2010; 39/TB-UB 23/8/2019; 429/BC-UB 18/9/2019	UBND TP Ninh Bình	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2022	44.729	-	44.729
6	Xây dựng hệ thống giao thông, đường bao hào nước vùng bảo vệ đặc biệt cố đô Hoa Lư			1539/QĐ-UB 17/12/2009	Sở VH và TT	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2022	125.000	-	125.000
7	Cải tạo nâng cấp tuyến bờ hữu sông Tiên Hoàng đoạn từ chợ Khánh Thành đến đường ĐT 481D			252/QĐ-UB 15/2/2019	Ban quản lý dự án Đầu tư XD công trình	Các sở, ngành liên quan và UBND các	2022	9.000	4.200	4.800

STT	Hoạt động	Mục tiêu	Nội dung mong đợi	Cơ quan Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)		
								Tổng số	Trung ương	Địa phương
					NN&PTN T tỉnh	huyện, xã				
8	Nạo vét tuyến giao thông thủy Bích Động - Hang Bụt; Thạch Bích - Thung Nắng			1680/QĐ-UB 01/8/2005	Sở Du lịch	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2022	2.755	-	2.755
9	Nạo vét, tu bổ khẩn cấp tuyến kênh trục chính Tiên Hoàng tiêu cho huyện Yên Khánh và Kim sơn			1505/QĐ-UB 9/12/2009; 442/QĐ-UB 30/3/2016	Ban quản lý dự án Đầu tư XD công trình NN&PTN T tỉnh	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2022	16.002	-	16.002
10	Nâng cấp, mở rộng tuyến thoát lũ, kè chống sạt lở bờ tả, hữu sông Hoàng Long, trồng tre chắn sóng đoạn từ cầu Trường Yên đến cầu Gián			1377/QĐ-UB 30/10/2018	Ban quản lý dự án Đầu tư XD công trình NN&PTN T tỉnh	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2022	3.010	-	3.010
11	Xây dựng hệ thống công kiểm soát ngăn mặn và nâng cấp đê Dương Diềm kết hợp nâng cấp bờ sông thành đường cứu hộ, cứu nạn chống xâm nhập mặn và phục vụ phòng chống lụt bão liên huyện Yên Khánh - Kim Sơn			1386/QĐ-UB 30/10/2018; 1330/QĐ-UB 30/10/2020	Ban quản lý dự án Đầu tư XD công trình NN&PTN T tỉnh	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2022	3.000	-	3.000
12	Xử lý cấp bách tuyến đê bao ngăn lũ, công Mắt Bạc, xã Đức Long, huyện Nho Quan			61/NQ-HĐ 23/7/2020	UBND huyện Nho Quan	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2022	9.980	4.480	5.500
13	Xử lý cấp bách đê hữu			73/NQ-	UBND	Các sở,	2022	9.934	2.934	7.000

STT	Hoạt động	Mục tiêu	Nội dung mong đợi	Cơ quan Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)		
								Tổng số	Trung ương	Địa phương
	Trình nữ, đoạn từ cống Hóc đến cầu Hóc xã Yên Thành, huyện Yên Mô			HĐ 23/7/2020	huyện Yên Mô	ngành liên quan và UBND các huyện, xã				
14	Xử lý cấp bách đê hữu Điện Biên, đoạn từ cầu Yên Thổ đến xóm Trại, xã Khánh Dương, huyện Yên Mô			77/NQ-HĐ 23/7/2020	UBND huyện Yên Mô	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2022	9.900	900	9.000
15	Xử lý đột xuất, cấp bách sạt lở đê 94, xã Văn Phú, huyện Nho Quan			62/NQ-HĐ 23/7/2020	UBND huyện Nho Quan	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021	6.600	2.600	4.000
16	Sông Cà Mau đoạn từ cống Mai An đến cống C10 (giai đoạn 2)			53/NQ-HĐ 23/7/2020; 1408/QĐ-UB 20/11/2020	UBND huyện Kim Sơn	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021	10.000	5.100	4.900
17	Đoạn đê tả sông Mới từ cống giếng Méo đến cầu Đầm, xã Khánh Mậu, huyện Yên Khánh			50/NQ-HĐ 23/7/2020; 1364/QĐ-UB 05/11/2020	UBND huyện Yên Khánh	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021	7.041	4.480	2.561
18	Tuyến đê hữu sông Bền Đàng (đoạn từ km15+382 đến km 17+141)			57/NQ-HĐ 23/7/2020	UBND thành phố Tam Điệp	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021	3.800	800	3.000
19	Xử lý cấp bách sạt lở tuyến			40/NQ-	UBND	Các sở,	2021	16.654	5.000	11.654

STT	Hoạt động	Mục tiêu	Nội dung mong đợi	Cơ quan Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)		
								Tổng số	Trung ương	Địa phương
	kênh trục tiêu úng Nguyễn Văn Bé			HĐ 23/7/2020	huyện Nho Quan	ngành liên quan và UBND các huyện, xã				
20	Kiên cố hóa kênh mương chống hạn, ứng phó thiên tai, xã Sơn Hà, huyện Nho Quan			41/NQ-HĐ 23/7/2020	UBND huyện Nho Quan	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021	4.500	2.250	2.250
21	Xử lý cấp bách chống sạt lở đê bao, bờ bao trên địa bàn xã Gia Thủy, huyện Nho Quan (giai đoạn 1)			36/NQ-HĐ 23/7/2020	UBND huyện Nho Quan	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021	18.000	2.000	16.000
22	Xử lý cấp bách chống sạt tuyến kênh thoát lũ từ thị trấn Nho Quan đến xã Văn Phong, Lạng Phong, huyện Nho Quan			39/NQ-HĐ 23/7/2020	UBND huyện Nho Quan	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021	5.500	1.500	4.000
23	Nạo vét, nâng cấp hồ Đồng Liềm, xã Quỳnh Lưu, huyện Nho Quan			38/NQ-HĐ 23/7/2020	UBND huyện Nho Quan	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021	23.500	5.000	18.500
24	Xử lý cấp bách nạo vét, xây kè tuyến kênh tiêu thoát lũ nội bộ và sông Đam Khê, xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư			37/NQ-HĐ 23/7/2020; 1441/QĐ-UB 03/12/2020	UBND huyện Hoa Lư	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021	27.000	6.000	21.000
25	Xây dựng kênh tưới tiêu kết hợp đường vùng nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp xã Gia Lạc (giai			40a/QĐ-HĐ 31/10/2019	UBND Xã Gia Lạc	Các sở, ngành liên quan và UBND các	2021	11.995	5.000	6.995

STT	Hoạt động	Mục tiêu	Nội dung mong đợi	Cơ quan Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)		
								Tổng số	Trung ương	Địa phương
	đoạn 1) huyện Gia Viễn					huyện, xã				
26	Nâng cấp hệ thống kênh tiêu trạm bơm Gia Minh, xã Gia Minh, huyện Gia Viễn (giai đoạn 1)			35/NQ-HĐ 23/7/2020; 1484/QĐ-UB 03/12/2020	UBND huyện Gia Viễn	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021	12.930	4.930	8.000
27	Xử lý cấp bách đê hữu Trinh nữ, xã Yên Hòa, đoạn từ Nga Ba sông Ghènh đến cầu Trinh Nữ			46/NQ-HĐ 23/7/2020	UBND huyện Yên Mô	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021	6.460	1.592	4.868
28	Nâng cấp tuyến kênh Liên Trì - Khai Khẩn, xã Yên Hòa, huyện Yên Mô			47/NQ-HĐ 23/7/2020; 1530/QĐ-UB 08/12/2020	UBND huyện Yên Mô	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021	4.850	-	4.850
29	Nâng cấp xóm Tám trên đê Hữu sông Bùi, xã Yên Mỹ, huyện Yên Mô			48/NQ-HĐ 23/7/2020; 1506/QĐ-UB 08/12/2020	UBND huyện Yên Mô	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021	2.500	500	2.000
30	Nâng cấp đê tả Trinh Nữ, xã Yên Hưng - Yên Mỹ, huyện Yên Mô			49/NQ-HĐ 23/7/2020; 1485/QĐ-UB 08/12/2020	UBND huyện Yên Mô	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021	21.760	6.000	15.760

STT	Hoạt động	Mục tiêu	Nội dung mong đợi	Cơ quan Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)		
								Tổng số	Trung ương	Địa phương
				20						
31	Xử lý đột xuất sạt lở đê sông Mới đoạn K7+380-K7+680 và đoạn K7+767-K7+900, thị trấn Yên Ninh			51/NQ-HĐ 23/7/2020; 1448/QĐ-UB 08/12/2020	UBND huyện Yên Khánh	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021	1.500	500	1.000
32	Xử lý khẩn cấp bách kê hữu Vạc đoạn Km20+400 đến Km21+000 xã Thượng Kiệm, huyện Kim Sơn			52/NQ-HĐ 23/7/2020	Ban quản lý dự án Đầu tư XD công trình NN&PTN T tỉnh	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021	11.500	-	11.500
33	Xử lý đột xuất, cấp bách cống Đồng Cỏi tại Km20+591 trên đê sông Vạc, xã Thượng Kiệm, huyện Kim Sơn			54/NQ-HĐ 23/7/2020	Ban quản lý dự án Đầu tư XD công trình NN&PTN T tỉnh	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021	2.500	-	2.500
34	Xử lý cấp bách hệ thống kích dẫn trạm bơm Cồn Thoi tiêu úng cho các xã Cồn Thoi, Kim Tân, Kim Mỹ, huyện Kim Sơn			55/NQ-HĐ 23/7/2020	UBND huyện Kim Sơn	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021	2.000	-	2.000
35	Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị nhằm giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu cho 04 tỉnh ven biển Bắc Trung Bộ - Tiểu dự án cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị Phát Diệm, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình			858/QĐ-UB 14/7/2020	Ban QLDA ĐTXD CT DD và CN	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2024	879.819	743.893	135.926
36	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh ĐT 477B và cầu			784/QĐ-UB	Ban QLDA	Các sở, ngành liên	2021-2025	134.000	-	134.000

STT	Hoạt động	Mục tiêu	Nội dung mong đợi	Cơ quan Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)		
								Tổng số	Trung ương	Địa phương
	Trường Yên			24/7/2009	ĐTXD CT Giao thông	quan và UBND các huyện, xã				
37	Xây dựng đường cứu hộ, cứu nạn chống tràn thoát lũ từ trung tâm 6 xã tiểu khu I ra đê Hữu Đáy, huyện Kim Sơn			551/QĐ-UB 02/6/2010	UBND huyện Kim Sơn	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021-2025	479.069	-	479.069
38	Đối ứng phần ngân sách cấp tỉnh để thực hiện dự án xây dựng tuyến đê biển Bình Minh 4, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình			181/UB-VP4 29/3/2017; 593/QĐ-BNN-PCTT 12/02/2018	Sở Nông nghiệp và PTNN	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021-2025	98.000	40.000	58.000
39	Xây dựng âu Kim Đài phục vụ ngăn mặn, giữ nước ngọt và ứng phó với tác động nước biển dâng cho 6 huyện, thành phố khu vực Nam Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình			2092/QĐ-TTg 26/11/2015; 514/QĐ-UB 31/3/2017	Ban quản lý dự án Đầu tư XD công trình NN&PTN T tỉnh	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021-2025	187.142	162.529	24.613
40	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thực hiện tại tỉnh Ninh Bình (Vốn WB)			1236/QĐ-BTNMT 30/5/2016; 1781/QĐ-UB 28/12/2018	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021-2025	71.260	57.015	14.245
41	Nâng cấp đê Hữu sông Đáy đoạn từ cống Địch Lộng đến cầu Gián Khâu (K0+000 đến K8+000),			920/QĐ-UB 19/11/2012	Ban quản lý dự án Đầu tư XD công trình	Các sở, ngành liên quan và UBND các	2021-2025	104.995	-	104.995

STT	Hoạt động	Mục tiêu	Nội dung mong đợi	Cơ quan Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)		
								Tổng số	Trung ương	Địa phương
	huyện Gia Viễn				NN&PTN T tỉnh	huyện, xã				
42	Xây dựng các công trình nắn tuyến đê hữu Đáy và mở rộng cửa thoát lũ khu vực ngã ba Độc Bộ			760/QĐ-UB 10/8/2010	Ban quản lý dự án Đầu tư XD công trình NN&PTN T tỉnh	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021-2025	64.483	1.379	63.104
43	Nâng cấp tuyến đê Năm Căn (đoạn từ cầu Nho Quan đến cầu Sui) kết hợp giao thông và phòng chống thiên tai, bảo vệ khu dân cư 5 xã thị trấn Nho Quan, huyện Nho Quan			84/TTr-UB 14/4/2020	Ban quản lý dự án Đầu tư XD công trình NN&PTN T tỉnh	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021-2025	150.000	97.500	52.500
44	Nâng cấp tuyến đê hữu sông Hoàng Long, đê Đức Long - Gia Tường - Lạc Vân			105/QĐ-UB 24/02/2014	Ban quản lý dự án Đầu tư XD công trình NN&PTN T tỉnh	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021-2025	183.980	-	183.980
45	Tuyến đê bao gạt lũ phía tây sông Chanh (giai đoạn 2)			426/QĐ-UB 7/5/2010	UBND huyện Hoa Lư	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021-2025	73.180	-	73.180
46	Cơ sở hạ tầng vùng sản xuất giống lúa chất lượng cao xã Khánh Trung, Khánh Cường huyện yên Khánh			689/QĐ-UB 27/9/2011	UBND huyện Yên Khánh	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021-2025	85.158	-	85.158
47	Nâng cấp tuyến đê cầu Đàng, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình			464/TTr-UB 19/8/2020	UBND huyện Yên Mô	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021-2025	50.000	-	50.000

STT	Hoạt động	Mục tiêu	Nội dung mong đợi	Cơ quan Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)		
								Tổng số	Trung ương	Địa phương
48	Duy tu đê điều	Thực hiện nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng chống thiên tai	Các công trình phục vụ công tác phòng, chống thiên tai	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp & PTNT	UBND các huyện, thành phố	Hàng năm	200.000	200.000	
II	Cải tạo nâng cấp một số cống, trạm bơm, hồ đập			UBND tỉnh		Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã		1.853.068	718.500	1.134.568
1	Đầu tư xây dựng trạm bơm Đồng Ân, xã Khánh Lợi, huyện Yên Khánh			730/QĐ-UB 06/6/2016	Ban quản lý dự án Đầu tư XD công trình NN&PTNT tỉnh	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2022	8.768	-	8.768
2	Xây dựng trạm bơm Nho Phong xã Đức Long huyện Nho Quan			3570/QĐ-UB 30/8/2019	UBND huyện Nho Quan	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021-2023	23.000	-	23.000
3	Xây dựng trạm bơm Kiến Phong xã Gia Tường, huyện Nho Quan			3571/QĐ-UB 30/8/2019	UBND huyện Nho Quan	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021-2023	23.000	-	23.000
4	Nâng cấp trạm bơm Yên Phong, xã Yên Phong, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình			45/NQ-HĐ 23/7/2020	Ban quản lý dự án Đầu tư XD công trình NN&PTNT tỉnh	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021-2023	9.000	-	9.000
5	Xây mới cống Tân Hưng, xã Gia Hưng			218/UB-TCKH	Ban quản lý dự án	Các sở, ngành liên	2021-2023	40.000	-	40.000

STT	Hoạt động	Mục tiêu	Nội dung mong đợi	Cơ quan Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)		
								Tổng số	Trung ương	Địa phương
				4/3/2020	Đầu tư XD công trình NN&PTN T tỉnh	quan và UBND các huyện, xã				
6	Nâng cấp kênh cống Cây Đa Xanh kết hợp làm đường cứu hộ phòng chống thiên tai hồ Đồng - Thái huyện Yên Mô			483/TTr-UB 28/8/2020	Ban quản lý dự án Đầu tư XD công trình NN&PTN T tỉnh	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021-2023	30.000	-	30.000
7	Xây mới cống Cam Giá				Ban quản lý dự án Đầu tư XD công trình NN&PTN T tỉnh	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021-2023	35.000	-	35.000
8	Xây mới cống Hồi Thuận				Ban quản lý dự án Đầu tư XD công trình NN&PTN T tỉnh	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021-2023	35.000	-	35.000
9	Nâng cấp cống Lóng, Gò Ruồi, Đầm Mắm, Rộc Sấn				Ban quản lý dự án Đầu tư XD công trình NN&PTN T tỉnh	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021-2023	6.200	-	6.200
10	Xây mới trạm bơm Gia Viễn				Ban quản lý dự án Đầu tư XD công trình NN&PTN T tỉnh	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021-2023	37.200	-	37.200
11	Xây dựng trạm bơm Gia Thanh và hệ thống kênh				Ban quản lý dự án	Các sở, ngành liên	2021-2023	37.200	-	37.200

STT	Hoạt động	Mục tiêu	Nội dung mong đợi	Cơ quan Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)		
								Tổng số	Trung ương	Địa phương
	tiêu độc lập tiêu nước cho khu công nghiệp Gián Khâu				Đầu tư XD công trình NN&PTN T tỉnh	quan và UBND các huyện, xã				
12	Nâng cấp cống Vũ Thờ đê tả sông Cầu Hội xã Lân Lâm, huyện Yên Mô				Ban quản lý dự án Đầu tư XD công trình NN&PTN T tỉnh	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021-2023	4.340	-	4.340
13	Xây dựng cầu và trạm bơm Vạn Lê sông Bến Đàng xã Ninh Vân.				Ban quản lý dự án Đầu tư XD công trình NN&PTN T tỉnh	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021-2023	24.800	-	24.800
14	Sửa chữa nâng cấp trạm bơm Thiêu xã Gia Tân, Gia Thắng				Ban quản lý dự án Đầu tư XD công trình NN&PTN T tỉnh	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021-2023	6.200	-	6.200
15	Xây dựng trạm bơm cống Chanh, xã Khánh An huyện Yên Khánh			68/BC-UB 20/02/20 20	Ban quản lý dự án Đầu tư XD công trình NN&PTN T tỉnh	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021-2023	25.000	4.500	20.500
16	Nâng cấp hệ thống tiêu trạm bơm cùn Muối xã Ninh Phúc, thành phố Ninh Bình			243/UB-VP4 09/4/202 0 26/TTr-UB 21/02/20 20	Ban quản lý dự án Đầu tư XD công trình NN&PTN T tỉnh	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021-2023	20.000	6.000	14.000

STT	Hoạt động	Mục tiêu	Nội dung mong đợi	Cơ quan Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)		
								Tổng số	Trung ương	Địa phương
17	Nâng cấp Trạm bơm Gia Vân và hệ thống kênh tiêu chính			166/TTr-UB 09/6/2020	Ban quản lý dự án Đầu tư XD công trình NN&PTN T tỉnh	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021-2023	45.000	-	45.000
18	Đầu tư xây dựng trạm bơm Cánh Diều phục vụ sản xuất nông nghiệp và thoát nước đô thị cho TP Ninh Bình và huyện Yên Khánh			150/UB-VP2 23/10/2019	Ban quản lý dự án Đầu tư XD công trình NN&PTN T tỉnh	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021-2025	200.000	199.000	1.000
19	Đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp hệ thống tiêu Trạm bơm Gia Viễn và mở rộng hệ thống tưới, tiêu các xã phía Đông trạm bơm Gia Viễn, huyện Gia Viễn (Giai đoạn I)			719/QĐ-UB 16/9/2014	UBND huyện Gia Viễn	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã		176.060	-	176.060
20	Đầu tư TB Quy Hậu				Ban quản lý dự án Đầu tư XD công trình NN&PTN T tỉnh	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021-2025	80.000	-	80.000
21	Đầu tư TB Chính Tâm				Ban quản lý dự án Đầu tư XD công trình NN&PTN T tỉnh	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021-2025	144.000	-	144.000
22	Đầu tư TB Bạch Cừ				Ban quản lý dự án Đầu tư XD công trình NN&PTN T tỉnh	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021-2025	108.000	-	108.000

STT	Hoạt động	Mục tiêu	Nội dung mong đợi	Cơ quan Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)		
								Tổng số	Trung ương	Địa phương
23	Đầu tư TB Cánh Diều				Ban quản lý dự án Đầu tư XD công trình NN&PTN T tỉnh	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021-2025	21.300	-	21.300
24	Đầu tư TB Nam Thành Phố				Ban quản lý dự án Đầu tư XD công trình NN&PTN T tỉnh	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021-2025	40.000	-	40.000
25	Đầu tư TB Cống Kem				Ban quản lý dự án Đầu tư XD công trình NN&PTN T tỉnh	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021-2025	80.000	-	80.000
26	Đầu tư, nâng cấp trạm bơm Liễu Tường, xã Khánh Cường, huyện Yên Khánh			71/UB-VP3 4/3/2020 616/KH-KTN 19/3/2020	Ban quản lý dự án Đầu tư XD công trình NN&PTN T tỉnh	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021-2023	40.000	-	40.000
27	Đầu tư TB Cống Gõ				Ban quản lý dự án Đầu tư XD công trình NN&PTN T tỉnh	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021-2023	25.000	-	25.000
28	Trạm bơm tiêu úng 6 xã vùng đê Năm Căn, huyện Nho Quan				Ban quản lý dự án Đầu tư XD công trình NN&PTN T tỉnh	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021-2023	90.000	70.000	20.000

STT	Hoạt động	Mục tiêu	Nội dung mong đợi	Cơ quan Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)		
								Tổng số	Trung ương	Địa phương
29	Nâng cấp các hồ, đập:				Ban quản lý dự án Đầu tư XD công trình NN&PTN T tỉnh	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021-2023	50.000	50.000	
30	Yên Quang 1,2,3,4				Ban quản lý dự án Đầu tư XD công trình NN&PTN T tỉnh	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021-2023	132.000	132.000	
31	H.Yên Thắng 1,2,3				Ban quản lý dự án Đầu tư XD công trình NN&PTN T tỉnh	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021-2023	60.000	60.000	
32	H. Đá Lãi				Ban quản lý dự án Đầu tư XD công trình NN&PTN T tỉnh	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021-2023	50.000	50.000	
33	H. Đồng Liêm				Ban quản lý dự án Đầu tư XD công trình NN&PTN T tỉnh	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021-2023	15.000	15.000	
34	H. Thạch La				Ban quản lý dự án Đầu tư XD công trình NN&PTN T tỉnh	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021-2023	12.000	12.000	

STT	Hoạt động	Mục tiêu	Nội dung mong đợi	Cơ quan Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)		
								Tổng số	Trung ương	Địa phương
35	H. Vườn Điều				Ban quản lý dự án Đầu tư XD công trình NN&PTN T tỉnh	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021-2023	42.000	42.000	
36	H. Bãi Lóng				Ban quản lý dự án Đầu tư XD công trình NN&PTN T tỉnh	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021-2023	28.000	28.000	
37	H. Đầm Mỏ				Ban quản lý dự án Đầu tư XD công trình NN&PTN T tỉnh	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021-2023	25.000	25.000	
38	H. Núi Vá				Ban quản lý dự án Đầu tư XD công trình NN&PTN T tỉnh	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021-2023	25.000	25.000	
III	Đầu tư nâng cấp, sửa chữa xây mới một số kè chống sạt lở bờ sông							674.950	674.950	-
1	Kè đê Hữu Đáy đoạn K0+400 ÷ K7+800	Tờ trình số 03/TTr-UBND ngày 14/1/2021 của UBND tỉnh Ninh Bình			Ban quản lý dự án Đầu tư XD công trình NN&PTN T tỉnh	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021-2023	110.000	110.000	
2	Kè đê Hữu Đáy đoạn K23+580 ÷ K25+450	Tờ trình số 03/TTr-UBND ngày 14/1/2021			Ban quản lý dự án Đầu tư XD	Các sở, ngành liên quan và	2021-2023	20.000	20.000	

STT	Hoạt động	Mục tiêu	Nội dung mong đợi	Cơ quan Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)		
								Tổng số	Trung ương	Địa phương
		của UBND tỉnh Ninh Bình, thực hiện Đề án phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển đến năm 2030 theo Quyết định số 957/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ			công trình NN&PTN T tỉnh	UBND các huyện, xã				
3	Kè đê hữu Đáy đoạn K28+400 - K29+760	Tờ trình số 03/TTr-UBND ngày 14/1/2021 của UBND tỉnh Ninh Bình			Ban quản lý dự án Đầu tư XD công trình NN&PTN T tỉnh	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021-2023	30.000	30.000	
4	Kè đê Hữu Đáy đoạn K32+050÷K34+900	Tờ trình số 03/TTr-UBND ngày 14/1/2021 của UBND tỉnh Ninh Bình, thực hiện Đề án phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển đến năm 2030 theo Quyết định số 957/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.			Ban quản lý dự án Đầu tư XD công trình NN&PTN T tỉnh	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021-2023	50.000	50.000	
5	Kè đê Hữu Đáy đoạn K36+200÷K39+000	Tờ trình số 03/TTr-UBND ngày 14/1/2021 của UBND tỉnh Ninh Bình			Ban quản lý dự án Đầu tư XD công trình NN&PTN T tỉnh	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021-2023	50.000	50.000	
6	Kè đê Hữu Đáy đoạn K44+700÷K45+200	Tờ trình số 03/TTr-UBND			Ban quản lý dự án	Các sở, ngành liên	2021-2023	10.000	10.000	

STT	Hoạt động	Mục tiêu	Nội dung mong đợi	Cơ quan ra Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)		
								Tổng số	Trung ương	Địa phương
		ngày 14/1/2021 của UBND tỉnh Ninh Bình			Đầu tư XD công trình NN&PTN T tỉnh	quan và UBND các huyện, xã				
7	Kè Khánh Cường K47+000÷K49+000 đê Hữu Đáy	Tờ trình số 03/TTr-UBND ngày 14/1/2021 của UBND tỉnh Ninh Bình, thực hiện Đề án phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển đến năm 2030 theo Quyết định số 957/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ			Ban quản lý dự án Đầu tư XD công trình NN&PTN T tỉnh	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021-2023	40.000	40.000	
8	Kè Khánh Công K56+750÷K57+150 đê Hữu Đáy	Tờ trình số 03/TTr-UBND ngày 14/1/2021 của UBND tỉnh Ninh Bình, thực hiện Đề án phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển đến năm 2030 theo Quyết định số 957/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ			Ban quản lý dự án Đầu tư XD công trình NN&PTN T tỉnh	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021-2023	10.000	10.000	
9	Kè đê Tả Hoàng Long đoạn K4+900 - K6+000	Tờ trình số 03/TTr-UBND ngày 14/1/2021 của UBND tỉnh Ninh Bình,			Ban quản lý dự án Đầu tư XD công trình NN&PTN T tỉnh	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021-2023	20.000	20.000	

STT	Hoạt động	Mục tiêu	Nội dung mong đợi	Cơ quan ra Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)		
								Tổng số	Trung ương	Địa phương
10	Kè Khánh Hồng đê Tả Vạc đoạn K14+600÷K14+883 và K16+100÷K16+200	Thực hiện Đề án phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển đến năm 2030 theo Quyết định số 957/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ					2021-2025	3.830	3.830	
11	Kè thị trấn Yên Ninh đê Hữu sông Mới đoạn K5+390÷K5+510	Thực hiện Đề án phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển đến năm 2030 theo Quyết định số 957/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ					2021-2025	1.200	1.200	
12	Kè Khánh Hồng đoạn K15+200÷K15+400 đê Tả Vạc	Thực hiện Đề án phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển đến năm 2030 theo Quyết định số 957/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ					2021-2025	2.000	2.000	
13	Kè Khánh Thiện đoạn K0+000÷K0+800 đê Hữu sông Mới	Thực hiện Đề án phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển đến năm 2030 theo Quyết định số 957/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ					2021-2025	8.000	8.000	
14	Kè Khánh Mậu, Khánh Hội đê Tả sông Mới	Thực hiện Đề án phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển đến năm					2021-2025	35.000	35.000	

STT	Hoạt động	Mục tiêu	Nội dung mong đợi	Cơ quan Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)		
								Tổng số	Trung ương	Địa phương
		2030 theo Quyết định số 957/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ								
15	Kè Tả Vạc đoạn K17+400 ÷ K22+000	Thực hiện Đề án phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển đến năm 2030 theo Quyết định số 957/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ					2021-2025	93.150	93.150	
16	Kè Đồng Hướng đoạn K70+300 ÷ K70+950 đê Hữu Đáy	Thực hiện Đề án phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển đến năm 2030 theo Quyết định số 957/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ					2021-2025	8.770	8.770	
17	Kè đê Cầu Đàng	Thực hiện Đề án phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển đến năm 2030 theo Quyết định số 957/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ					2021-2025	50.000	50.000	
18	Kè Kính Chúc đoạn K4+900 - K6+000 đê Tả sông Hoàng Long	Thực hiện Đề án phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển đến năm 2030 theo Quyết định số 957/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ					2021-2025	15.000	15.000	

STT	Hoạt động	Mục tiêu	Nội dung mong đợi	Cơ quan ra Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)		
								Tổng số	Trung ương	Địa phương
19	Kè đê Hữu Đáy đoạn K0+300 - K2+419, và K3+500 - K5+400 và K6+069 - K7+800	Thực hiện Đề án phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển đến năm 2030 theo Quyết định số 957/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ					2021-2025	110.000	110.000	
20	Kè bờ bao sông Bôi, sông Na đoạn thuộc địa phận xã Gia Sơn	Thực hiện Đề án phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển đến năm 2030 theo Quyết định số 957/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ					2021-2025	1.500	1.500	
21	Kè bờ bao sông, Bôi sông Na (Đoạn từ ông Hiến đến sau nhà thờ Liên Phương, đoạn từ vườn tre lên Bến tập kết vật liệu, đoạn từ ông Hiến đến cầu Liên Phương, đoạn từ trạm nước sạch lên giáp Gia Sơn)	Thực hiện Đề án phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển đến năm 2030 theo Quyết định số 957/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ					2021-2025	2.500	2.500	
22	Kè sông Lạng, thôn Quảng Mão	Thực hiện Đề án phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển đến năm 2030 theo Quyết định số 957/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ					2021-2025	1.500	1.500	
23	Kè bờ bao sông Bôi, sông Na (Đoạn Âu bơm máy dầu, đoạn thôn Minh Hồng, đoạn bãi màu khu vực gốc	Thực hiện Đề án phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển đến năm					2021-2025	2.500	2.500	

STT	Hoạt động	Mục tiêu	Nội dung mong đợi	Cơ quan Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)		
								Tổng số	Trung ương	Địa phương
	<i>sung thôn Minh Long, đoạn từ màu phía bắc trạm bơm thôn Lạc Long, đoạn bãi màu thôn Trung chính, đoạn bãi màu thôn Quyết Thắng)</i>	2030 theo Quyết định số 957/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ								
IV	Đầu tư, nâng cấp công trình xây dựng có xem xét đến PCTT							250.040	14.850	235.190
1	Xây dựng, nâng cấp nhà ở phòng chống thiên tai			UBND tỉnh	Sở Xây dựng	Các sở Tài chính, Lao động TBXH, UBND cấp huyện	2021-2025	16.000	-	16.000
2	Xây dựng, nâng cấp nhà ở phòng chống thiên tai. Xây dựng nhà tránh bão lũ, lụt cộng đồng			UBND tỉnh	Sở Xây dựng	Các sở Tài chính, Lao động TBXH, UBND cấp huyện	2021-2025	12.000	-	12.000
3	Xây dựng Chương trình, dự án tái định cư, sắp xếp lại nơi ở mới cho các hộ dân nhằm đảm bảo an toàn cho các khu dân cư sống trong vùng có nguy cơ rủi ro cao khi có thiên tai đến chỗ ở mới và thuận lợi trong sinh kế			UBND tỉnh	Sở Xây dựng	Các sở Tài chính, Lao động TBXH, UBND cấp huyện	2021-2025	8.000	-	8.000
4	Mở rộng, nâng cấp bờ vùng Bắc Rịa đảm bảo phòng chống lụt bão cho 3 xã hữu sông Hoàng Long, huyện Gia Viễn và một số xã huyện Nho Quan			UBND tỉnh	Sở Xây dựng	Các sở Tài chính, Lao động TBXH, UBND cấp huyện	2021-2025	20.000	4.000	16.000
5	Trụ sở, cơ quan, các công trình công cộng xây dựng			UBND tỉnh	Sở Xây dựng	Các sở Tài chính, Lao	2021-2025	12.000	-	12.000

STT	Hoạt động	Mục tiêu	Nội dung mong đợi	Cơ quan ra Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)		
								Tổng số	Trung ương	Địa phương
	đảm bảo an toàn trước thiên tai và kết hợp làm nơi tránh trú an toàn cho người dân					động TBXH, UBND cấp huyện				
6	Nâng cấp bệnh viện, trung tâm y tế huyện, trạm y tế xã.			UBND tỉnh	Sở Xây dựng	Các sở Tài chính, Lao động TBXH, UBND cấp huyện	2021-2025	8.000	-	8.000
7	- Xây dựng các trường PTTH kết hợp làm nơi tránh trú bão, lũ			UBND tỉnh	Sở Xây dựng	Các sở Tài chính, Lao động TBXH, UBND cấp huyện	2021-2025	8.000	-	8.000
8	Xây dựng nhà lớp học 03 tầng 10 phòng học trường trung học phổ thông Tạ Uyên			83/NQ-HĐ 28/9/2020;	Sở Xây dựng	Các sở Tài chính, Lao động TBXH, UBND cấp huyện	2021-2023	13.330	-	13.330
9	Cải tạo sửa chữa trường THPT Nho Quan C			1542/QĐ-UB 09/12/2020	Sở Xây dựng	Các sở Tài chính, Lao động TBXH, UBND cấp huyện	2021-2023	25.000	-	25.000
10	Xử lý đột xuất xây dựng kè, đập nắp kênh thoát nước thải khu công nghiệp qua khu dân cư đoạn ngòi Chanh chống ô nhiễm môi trường và kết hợp làm đường giao thông, cải thiện đời sống nhân dân khu công nghiệp Khánh Phú (giai đoạn I)			93/NQ-HĐ 28/9/2020	Sở Xây dựng	Các sở Tài chính, Lao động TBXH, UBND cấp huyện	2021-2022	29.500	8.850	20.650
11	Xử lý khẩn cấp, khắc phục nguy cơ sạt, lở đá đe dọa đến tính mạng con người			251/TTr-UB 13/11/20	Sở Xây dựng	Các sở Tài chính, Lao động TBXH,	2021-2022	45.000	-	45.000

STT	Hoạt động	Mục tiêu	Nội dung mong đợi	Cơ quan Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)		
								Tổng số	Trung ương	Địa phương
	tại khu vực núi Vườn Già, xã Trường Yên, huyện Hoa Lư			20		UBND cấp huyện				
12	- Hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng tiêu chuẩn quy định của các trạm y tế trên địa bàn 8 huyện, thành phố.			UBND tỉnh	Sở Xây dựng	Các sở Tài chính, Lao động TBXH, UBND cấp huyện	2021-2025	10.000	2.000	8.000
13	Cải tạo hoàn thiện hệ thống giao thông thủy lợi nội đồng phục vụ chương trình xây dựng nông thôn mới xã Ninh Giang, huyện Hoa Lư			258/QĐ-UB 23/3/2015	Sở Xây dựng	Các sở Tài chính, Lao động TBXH, UBND cấp huyện	2021-2025	43.210	-	43.210
V	Đầu tư, nâng cấp công trình giao thông kết hợp PCTT							1.390.542	780.007	610.535
1	Xây dựng tuyến đường ĐT 477B đoạn thường xuyên bị ngập do lụt bão Km12+500-K17+200	Thực hiện nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng chống thiên tai	Đảm bảo giao thông an toàn, thông suốt	UBND tỉnh	Sở Giao thông vận tải	Các sở, địa phương	2021-2025	25.000	25.000	
2	Xây dựng cầu vượt đập tràn K0+950 QL45	Thực hiện nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng chống thiên tai	Đảm bảo giao thông an toàn, thông suốt	UBND tỉnh	Sở Giao thông vận tải	Các sở, địa phương	2021-2025	15.000	15.000	
3	Xây dựng cầu Kiến Trung K26+813 bị hư hỏng nặng để phục vụ phương án PCLB trên đường ĐT 481B	Thực hiện nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng	Đảm bảo giao thông an toàn, thông suốt	UBND tỉnh	Sở Giao thông vận tải	Các sở, địa phương	2021-2025	25.000	25.000	

STT	Hoạt động	Mục tiêu	Nội dung mong đợi	Cơ quan Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)		
								Tổng số	Trung ương	Địa phương
		chống thiên tai								
4	Sửa chữa cầu Đen K14+200; 03 cống tại K9+700, K10+550 trên đường DDT D	Thực hiện nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng chống thiên tai	Đảm bảo giao thông an toàn, thông suốt	UBND tỉnh	Sở Giao thông vận tải	Các sở, địa phương	2021-2025	10.000	10.000	
5	Đầu tư xây dựng, nâng cấp các tuyến đường ô tô đến trung tâm 9 xã miền núi (Xích Thố, Sơn Hà, Phú Sơn, Lạc Vân, Đức Long, Quỳnh Lưu, Sơn Lai, Gia Lâm, yên Quang) huyện Nho Quan		Đảm bảo giao thông an toàn, thông suốt	538/QĐ-UB31/05/2010	UBND huyện Nho Quan	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021-2023	122.016	-	122.016
6	Xây dựng cấp bách đường giao thông kết hợp ứng cứu, chạy lũ thượng nguồn sông Lạng, xã Thạch Bình, huyện Nho Quan		Đảm bảo giao thông an toàn, thông suốt	197/TTr-UB 10/8/2020	UBND huyện Nho Quan	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2021-2023	49.000	7.350	41.650
7	Xây dựng cầu vượt sông Bồi phục vụ ứng cứu di dân và phát triển kinh tế vùng phân lũ chậm lũ Nho Quan - Gia Viễn		Đảm bảo giao thông an toàn, thông suốt	152/UB-VP4 10/3/2020 113/BD AGT-KHTC 17/02/2020	Sở giao thông Vận tải	Các sở, ngành liên quan, UBND cấp huyện	2021-2024	90.000	-	90.000
8	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường trục xã kết hợp nạo vét, kiên cố tuyến kênh tiêu xã Ninh Giang		Đảm bảo giao thông an toàn, thông suốt	26/TTr-UB 20/02/2020	Sở giao thông Vận tải	Các sở, ngành liên quan, UBND cấp huyện	2021-2023	50.000	-	50.000
9	Đường lánh nạn 03 xã vùng phân lũ chậm lũ Thượng		Đảm bảo giao thông an toàn, thông suốt	83/BC-UB	Sở giao thông Vận	Các sở, ngành liên	2021-2023	50.000	10.000	40.000

STT	Hoạt động	Mục tiêu	Nội dung mong đợi	Cơ quan Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)		
								Tổng số	Trung ương	Địa phương
	Hòa - Thanh Lạc - Sơn Thành, huyện Nho Quan			4/3/2020	tải	quan, UBND cấp huyện				
10	Cải tạo, hoàn thiện hệ thống thủy lợi - giao thông nội đồng phục vụ chương trình xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư		Đảm bảo giao thông an toàn, thông suốt	62/TTr-UB 8/4/2020 810/KH-KTN 15/4/2020	Sở giao thông Vận tải	Các sở, ngành liên quan, UBND cấp huyện	2021-2025	38.000	-	38.000
11	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường Đồng Đắc, xã Đồng Hượng, huyện Kim Sơn		Đảm bảo giao thông an toàn, thông suốt	918/UB-VP4 29/12/2017	UBND huyện Kim Sơn	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã		27.684	-	27.684
12	Đường cứu hộ, cứu nạn cho vùng lũ các xã Yên Phú, Yên Mỹ đến sông Bút, hồ Yên Thắng		Đảm bảo giao thông an toàn, thông suốt	537/QĐ-UB 31/5/2010	UBND huyện Yên Mô	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã		19.659	-	19.659
13	Đường cứu hộ, cứu nạn cho nhân dân vùng mưa lũ các xã Yên Nhân, Yên Từ, Yên Phong đến đê sông Vạc huyện Yên Mô		Đảm bảo giao thông an toàn, thông suốt	1259/QĐ-UB 9/10/2020	UBND huyện Yên Mô	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã		24.898	9.822	15.076
14	Xây dựng cầu Hội Thuần phục vụ cứu hộ cứu nạn ngoại đô Hội Thuần, huyện Kim Sơn		Đảm bảo giao thông an toàn, thông suốt	76/NQ-HĐ 23/7/2020	UBND huyện Kim Sơn	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2022	9.735	5.735	4.000
15	Nâng cấp đường liên xã Gia Sơn, Gia Thủy, huyện Nho Quan		Đảm bảo giao thông an toàn, thông suốt	95/NQ-HĐ 28/9/2020	UBND huyện Nho Quan	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã	2022	14.930	3.000	11.930
16	Đường gặt lũ kết hợp giao thông liên xã Lạc Vân - Gia		Đảm bảo giao thông an toàn, thông suốt	83/BC-UB	UBND huyện Nho	Các sở, ngành liên	2021-2023	25.000	5.000	20.000

STT	Hoạt động	Mục tiêu	Nội dung mong đợi	Cơ quan Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)		
								Tổng số	Trung ương	Địa phương
	Tường, huyện Nho Quan			4/3/2020	Quan	quan và UBND các huyện, xã				
17	Xây dựng nâng cấp đường nối dài đường tỉnh ĐT479B		Đảm bảo giao thông an toàn, thông suốt				2021-2025	5.220	1.500	3.720
18	Đoạn đường đóc Quèn Thạch		Đảm bảo giao thông an toàn, thông suốt	UBND tỉnh	Sở giao thông Vận tải	Các sở, ngành liên quan, UBND cấp huyện	2021-2025	18.600	18.600	
19	Đường 9 xã miền núi Xích Thổ, Sơn Hà, Phú Sơn, Lạc Vân, Đức Long, Quỳnh Lưu, Sơn Lai, Gia Lâm, Yên Quang		Đảm bảo giao thông an toàn, thông suốt				2021-2025	502.800	416.000	86.800
20	Nâng cấp tuyến đường chính vào khu du lịch suối Kênh Gà động Vân Trình, xã Gia Lạc, Gia Minh, Thượng Hòa		Đảm bảo giao thông an toàn, thông suốt				2021-2025	108.000	88.000	20.000
21	Hệ thống đường khu vực xã Gia Phong, Gia Minh		Đảm bảo giao thông an toàn, thông suốt	UBND tỉnh	Sở giao thông Vận tải	Các sở, ngành liên quan, UBND cấp huyện	2021-2025	60.000	40.000	20.000
22	ĐBGT đường thủy và hạn chế sự cố tàu, thuyền neo đậu gây hư hỏng công trình cầu đường khi tránh trú bão	Thực hiện nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng chống thiên tai	Xây dựng 4 khu tránh trú bão cho tàu thuyền trên các tuyến đường thủy nội địa (cầu Khuất, cầu Non Nước, cầu Gián, cầu Đê)	UBND tỉnh	Sở Giao thông vận tải	sở NN&PTNT, Bộ chỉ huy BĐBP tỉnh, các địa phương	2021-2025	100.000	100.000	
VI	Công trình hạ tầng cấp, thoát nước.							819.175	519.920	299.255
1	Nâng cấp, chỉnh trang các tuyến đường trục chính và hệ thống thoát nước chống ngập thành phố Tam Điệp			28/TTr-UB 23/3/2020	Sở giao thông Vận tải	Các sở, ngành liên quan, UBND cấp huyện	2021-2025	100.000	25.000	75.000

STT	Hoạt động	Mục tiêu	Nội dung mong đợi	Cơ quan Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)		
								Tổng số	Trung ương	Địa phương
2	Nâng cấp, cải tạo tuyến kênh thoát lũ từ ngã ba Cha đến trạm bơm Kiên Phong			UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp & PTNT	Các sở, ngành liên quan, UBND cấp huyện	2021-2025	22.320	22.320	
3	Nạo vét tuyến giao thông thủy Bích Động - Hang Bụt; Thạch Bích - Thung Nắng			1680/QĐ-UB 01/8/2005	Sở Du lịch	Các sở, ngành liên quan, UBND cấp huyện	2021-2022	2.755		2.755
4	Nâng cấp kênh tiêu Thường Xung, xã Kỳ Phú, vùng sản xuất nếp cau Thường Xung.			UBND tỉnh	Sở Xây dựng	Các sở, ngành liên quan, UBND cấp huyện	2021-2025	6.200	6.200	
5	Đầu tư nâng cấp kênh tiêu thoát nước khu vực xã Gia Phong, Gia Minh	Phục vụ nuôi trồng thủy sản		UBND tỉnh	Sở Xây dựng	Các sở, ngành liên quan, UBND cấp huyện	2021-2025	64.000	64.000	
6	Đầu tư nâng cấp kênh tiêu khu công nghiệp Gián Khẩu			UBND tỉnh	Sở Xây dựng	Các sở, ngành liên quan, UBND cấp huyện	2021-2025	37.200	37.200	
7	Đầu tư nâng cấp kênh tiêu Đầm Đa, kênh Đông Yên			UBND tỉnh	Sở Xây dựng	Các sở, ngành liên quan, UBND cấp huyện	2021-2025	6.200	6.200	
8	Kênh thoát lũ Yên Quang - Đông Phong, huyện Nho Quan			83/BC-UB 4/3/2020	Sở Xây dựng	Các sở, ngành liên quan, UBND cấp huyện	2021-2022	30.000	-	30.000
9	Nạo vét cấp bách sông tiêu 5 xã phục vụ tưới tiêu liên huyện Yên Khánh - Kim Sơn, kết hợp nâng cấp bờ thành đường giao thông phòng chống thiên tai, huyện Yên Khánh			67/BC-UB 19/02/2020	Sở Nông nghiệp & PTNT	Các sở, ngành liên quan, UBND cấp huyện	2021-2025	190.500	50.000	140.500
10	Nạo vét cấp bách sông Đầm			67/BC-	Sở Nông	Các sở,	2021-2025	180.000	154.500	25.500

STT	Hoạt động	Mục tiêu	Nội dung mong đợi	Cơ quan Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)		
								Tổng số	Trung ương	Địa phương
	Vân, đoạn từ đường Bái Đính - Kim Sơn (xã Khánh Hải) đến cống Đầm Vân (xã Khánh Vân) kết hợp nâng cấp bờ sông thành đường cứu hộ, cứu nạn phục vụ phòng chống thiên tai, huyện Yên Khánh			UB 19/02/20 20	ngành & PTNT	ngành liên quan, UBND cấp huyện				
11	Đầu tư xây dựng, nâng cấp hồ điều tiết công thương lưu C10, huyện Kim Sơn, giai đoạn II			691/UB- VP4 07/10/20 20	Sở Nông ng nghiệp & PTNT	Các sở, ngành liên quan, UBND cấp huyện	2021-2025	180.000	154.500	25.500
VII	Công trình neo đậu tàu thuyền tránh trú bão							10.000	9.000	1.000
1	Củng cố, nâng cấp, xây dựng các khu neo đậu tàu, thuyền tránh trú thiên tai; đảm bảo an toàn cho tàu, thuyền các loại tránh trú							10.000	9.000	1.000
VII I	Công trình đo đạc, giám sát, cảnh báo sớm							10.000	-	10.000
	Xây dựng, lắp đặt bổ sung các công trình đo đạc KTTV, giám sát và cảnh báo thiên tai hệ thống dùng riêng trên địa bàn tỉnh							10.000	-	10.000
	TỔNG CỘNG							9.056.036	4.487.809	4.568.227

Ghi chú: Các giải pháp công trình sẽ được bổ sung, cập nhật khi thực hiện phương án xóa bỏ khu phân chặm lũ sông Hoàng Long.

Chương IX

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

9.1. Xây dựng kế hoạch tài chính

Các sở, ban, ngành, đơn vị và UBND các cấp xây dựng dự toán kinh phí cho các hoạt động phi công trình, công trình theo nhiệm vụ, chương trình, dự án được giao trình cấp thẩm phê duyệt và tổ chức thực hiện.

- Dự toán kinh phí vật tư, vật liệu, nguyên liệu, mua sắm trang thiết bị và các khoản chi tiêu theo phương án PCTT và TKCN hàng năm của cơ quan, đơn vị trình cấp thẩm quyền phê duyệt và thực hiện.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, đề xuất nguồn vốn thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án được phê duyệt.

- Sở Tài chính cân đối nguồn vốn, báo cáo UBND tỉnh xem xét bố trí vốn hàng năm để thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án được phê duyệt.

9.2. Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch

- Sở Kế hoạch và Đầu tư lồng ghép nội dung Phòng chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2021-2025. Quá trình thực hiện cần đảm bảo các nhiệm vụ, chương trình, dự án trong kế hoạch PCTT giai đoạn 2021 - 2025 được lồng ghép trong quy hoạch, kế hoạch của các sở, ban, ngành, đơn vị; lồng ghép vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương để ưu tiên thực hiện.

- Sở Nông nghiệp và PTNT là cơ quan thường trực phòng chống thiên tai, chủ trì phối hợp với các sở, ngành thực hiện kế hoạch: Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch của các sở, ban, ngành, đơn vị và UBND các huyện, thành phố; tổ chức rà soát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch hàng năm.

- Các sở, ban, ngành, đơn vị và địa phương đóng vai trò là chủ trì hoặc phối hợp thực hiện như đã xác định trong Phụ lục.

9.3. Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch

a) Báo cáo đột xuất: Các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện trong quá trình thực hiện kế hoạch gặp khó khăn về nhân lực, tài chính hoặc gặp sự cố ảnh hưởng đến tính mạng, tài sản phải báo cáo về UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) để kịp thời xử lý.

b) Báo cáo định kỳ: 06 tháng 1 lần các sở, ban, ngành, đơn vị và UBND cấp huyện thực hiện báo cáo định kỳ các hoạt động phi công trình, công trình theo kế hoạch về UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh. Trong báo cáo định kỳ nêu rõ kết quả đạt được, những khó khăn và tồn tại cần giải quyết.

Trước 15/12 hàng năm, các sở, ban, ngành, đơn vị và UBND cấp huyện báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch PCTT về UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh qua Sở Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn các ngành, địa phương tổng hợp, báo cáo theo quy định.

9.4. Rà soát đánh giá cập nhật kế hoạch

- Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố phân công cán bộ chuyên trách giám sát, đánh giá và báo cáo việc thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án trong kế hoạch được giao định kỳ 6 tháng/lần và cuối năm.

- Trên cơ sở báo cáo đánh giá của UBND cấp huyện, các sở, ban, ngành và đơn vị Sở Nông nghiệp và PTNT rà soát nội dung, tiến độ thực hiện kế hoạch PCTT giai đoạn 2021 - 2025, tiến hành điều chỉnh, cập nhật kế hoạch hàng năm phù hợp với tình hình thực tiễn, báo cáo UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

- Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì tổ chức đánh giá định kỳ hàng năm việc thực hiện Kế hoạch PCTT cấp tỉnh. Đánh giá những khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện và kiến nghị UBND tỉnh điều chỉnh nội dung, giải pháp thực hiện. Trong điều kiện thiên tai xảy ra đặc biệt lớn, thiệt hại nặng nề, Sở Nông nghiệp và PTNT tổ chức đánh giá thiệt hại, nhu cầu tái thiết sau thiên tai và rà soát, cập nhật kế hoạch PCTT giai đoạn 2021 – 2025.

9.5. Theo dõi thực hiện

Để triển khai Kế hoạch PCTT có hiệu quả, việc theo dõi, giám sát và đánh giá trong quá trình thực hiện là cần thiết. Việc theo dõi và đánh giá được thực hiện như sau:

+ Theo dõi thường xuyên và liên tục quá trình thực hiện các nội dung của Kế hoạch PCTT.

+ Theo dõi, đánh giá kết quả có được từ các đầu ra của các hoạt động trong Kế hoạch PCTT đã được phê duyệt.

+ Theo dõi, đánh giá những đóng góp nhằm đạt được mục đích tổng thể đó là ảnh hưởng của thiên tai và giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản do thiên tai của các nhiệm vụ trong Kế hoạch PCTT.

9.6. Tổ chức thực hiện

Căn cứ Kế hoạch Phòng chống thiên tai giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh, các sở, ban, ngành, đơn vị, đoàn thể, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã khẩn trương tiến hành rà soát, bổ sung phương án Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn của cơ quan, địa phương mình; lồng ghép các nhiệm vụ, chương trình, dự án được giao vào kế hoạch phát triển của sở, ngành, đơn vị, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương để tổ chức thực hiện đạt hiệu quả.

Các cơ quan, doanh nghiệp Trung ương đóng trên địa bàn cần chủ động xây dựng kế hoạch PCTT và TKCN theo chu kỳ 5 năm theo lĩnh vực quản lý phù hợp với đặc điểm, tình hình thiên tai của tỉnh; phối hợp tích cực với các sở, ban, ngành của tỉnh trong công tác phòng chống giảm nhẹ thiên tai.

Giao Sở Nông nghiệp và PTNT (cơ quan thường trực về PCTT) tổ chức kiểm tra, đôn đốc các sở, ban, ngành, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các đoàn thể, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội và cá nhân liên quan trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện Kế hoạch này và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định./.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

Bảng 1: Vật tư dự trữ phòng chống thiên tai xảy ra trên địa bàn tỉnh.

STT	Đơn vị	Đá hộc (m3)	Đá dăm (m3)	Đất, Cát (m3)	Bao tải (cái)	Rọ thép (cái)	Dây thép (kg)	Vải lọc (m2)	Bạt chắn sóng (m2)
1	Huyện Nho Quan			1.680	61.000	35	10		300
2	Huyện Gia Viễn	8.890		5.600	10.000			200	
3	Huyện Hoa Lư	4.118		1.000	2.600	462			4.500
4	Huyện Yên Khánh	9.343	2.350	3.498	57.710	322	545		13.800
5	Huyện Yên Mô			1.640	56.000	50			
6	Huyện Kim Sơn	5.149		3.000	59.200	250	900	3.050	102
7	Thành phố Ninh Bình			1.000	26.718				
8	Thành Phố Tam Điệp			1.200	10.200				
9	Cty TNHH MTV Khai thác công trình Thủy Lợi			615	7.060				
10	Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh	34.918	422	10	331.475	2.099	13.680	3.550	51.900
	Tổng cộng:	62.418	2.772	19.243	621.963	3.218	15.135	6.800	70.602

Bảng 2: Hiện trạng trang thiết bị dự kiến huy động phòng chống thiên tai

ST T	Đơn vị	Xe tải, xe khách, xe con	Xe cứu thương	Xe chữa cháy các loại	Tàu TKCN các loại	Xuồng máy các loại	Nhà bạt các loại	Pháo áo, cứu sinh các loại	Máy phát điện, máy xúc	Các thiết bị khác
1	Huyện Nho Quan	40	1			5	30	2.239		
2	Huyện Gia Viễn	54	1			19	24	1.116	2	
3	Huyện Hoa Lư	35	1				8	486		
4	Huyện Yên Khánh	46	2				16	1.160		
5	Huyện Yên Mô	65	1				9	1.106		
6	Huyện Kim Sơn	50	1				25	1.206		
7	Thành phố Ninh Bình	88	3				9	350	1	
8	Thành Phố Tam Điệp	50	2				2	301		
9	Sở Du Lịch	2						2.250		
10	Sở Giáo Dục	2						1.608		
11	Sở Y Tế	10	15					302		50
12	Sở Giao Thông	105			0	1	7	364	8	4
13	Sở Nông nghiệp & PTNT	4					1	52		1
14	Sở Lao động và Thương binh xã hội	3								
15	Sở Khoa học và Công nghệ	3								
16	Bộ chỉ huy Quân sự	20	1			15	112	4.708	2	
17	Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng	1			3	4	20	1.101		
18	Công an tỉnh	16	2	10	3	21	71	2.525	27	11

ST T	Đơn vị	Xe tải, xe khách, xe con	Xe cứu thươn g	Xe chữa cháy các loại	Tàu TKCN các loại	Xuồng máy các loại	Nhà bạt các loại	Phao áo, cứu sinh các loại	Máy phát điện, máy xúc	Các thiết bị khác
19	Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh	2								
20	Cty TNHH MTV Khai thác công trình Thủy Lợi	2						657	2	
	Tổng cộng:	598	30	10	11	65	334	21.531	42	66

STT	Đơn vị	Lực lượng							
		Quân đội	Công an	Y tế	Thanh niên tình nguyện	Dân quân tự vệ	Xung kích	Chuyên trách, kiêm nhiệm	Lực lượng khác
16	Sở Công Thương								30
17	Bộ chỉ huy Quân sự	1.680		50					
18	Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng	100							
19	Công an tỉnh		1.800	40					
20	Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh							52	
21	Cty TNHH MTV Khai thác công trình Thủy Lợi								500
	Tổng cộng:	4.080	2.501	500	2.920	4.380	4.380	52	4.690

Bảng 4: Lương thực, nước uống, nhu phẩm thiết yếu dự kiến huy động phòng chống thiên tai

STT	Đơn vị	Lương thực, thực phẩm					Thuốc y tế (cơ số)	Nhiên liệu		
		Mỳ ăn liền (thùng)	Lương khô (thùng)	Gạo (tấn)	Nước uống đóng chai (thùng)	Muối (kg)		Xăng (lít)	Dầu diezen (lít)	Dầu hỏa (lít)
1	Huyện Nho Quan	3.000	2.500	5.50	4.000	550	18	2.000	2.000	300
2	Huyện Gia Viễn	2.500	2.000	4.50	3.500	450	20	1.500	2.000	300
3	Huyện Hoa Lư	600	600	2.50	1.000	150	10	500	1.150	100
4	Huyện Yên Khánh	1.000	1.000	4.00	1.500	300	13	1.000	1.000	200
5	Huyện Yên Mô	900	900	3.50	1.500	350	15	1.000	1.000	200
6	Huyện Kim Sơn	3.000	3.000	3.00	3.000	500	18	1.000	2.000	300
7	Thành phố Ninh Bình	1.500	1.000	2.00	2.000	200	15	800	1.000	100
8	Thành Phố Tam Điệp	1.000	1.000	1.00	1.500	200	15	600	1.000	200
9	Sở Du Lịch	20	10		50			100		
10	Sở Giáo Dục	10	10		30			100		
11	Sở Y Tế	100	50		150		108	620	100	
12	Sở Công Thương	9.500	1.000	650.00	1.150	3,000		840	900.000	
13	Sở Giao Thông	100	50		200			1.000	1.000	
14	Sở Nông nghiệp & PTNT	50	30		100			200		
15	Sở Lao động và Thương binh xã hội	20	10		20			100		

STT	Đơn vị	Lương thực, thực phẩm					Thuốc y tế (cơ số)	Nhiên liệu		
		Mỳ ăn liền (thùng)	Lương khô (thùng)	Gạo (tấn)	Nước uống đóng chai (thùng)	Muối (kg)		Xăng (lít)	Dầu diezen (lít)	Dầu hỏa (lít)
16	Bộ chỉ huy Quân sự	500	100	5.00	500	300		500	1,000	
17	Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng	100	50	1.00	100	200		500	500	
18	Công an tỉnh	500	300	3.00	800	300		1,000	1.000	
19	Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh	50	30		100			100	200	
20	Cty TNHH MTV Khai thác công trình Thủy Lợi	100	50		100				2.987	
	Tổng cộng:	24.550	13.690	685	21.300	6.500	232	13.460	917.937	1.700

MỤC LỤC

Chương I	2
CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ LẬP KẾ HOẠCH	2
Chương II.....	3
MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU	3
2.1. Mục đích	3
2.2. Yêu cầu	3
Chương III.....	4
ĐẶC ĐIỂM CHUNG VỀ TỰ NHIÊN, DÂN SINH, KINH TẾ - XÃ HỘI.....	4
CƠ SỞ HẠ TẦNG CHỦ YẾU	4
3.1. Vị trí địa lý.....	4
3.2. Đặc điểm địa hình, địa chất.....	4
3.3. Đặc điểm khí tượng, thủy văn, tình hình thiên tai trên địa bàn.....	5
3.3.1. Đặc điểm khí tượng.....	5
3.3.2. Đặc điểm thủy văn	5
3.3.3. Đặc điểm tình hình thiên tai trên địa bàn tỉnh trong những năm gần đây	6
1.Bão, ATNĐ.....	6
2.Lốc, sét, mưa đá.....	7
3.Mưa lớn.....	7
4.Nắng nóng.....	8
5.Hạn hán.....	8
6.Rét đậm, rét hại.....	8
7.Lũ và ngập lụt	8
8.Sạt lở đất, sụt lún đất.....	10
9.Xâm nhập mặn.....	11
3.4. Đặc điểm dân sinh.....	11
3.5. Đặc điểm kinh tế - xã hội.....	11
3.6. Đặc điểm cơ sở hạ tầng.....	13
HIỆN TRẠNG CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI	15
4.1. Hệ thống văn bản pháp luật, cơ chế chính sách liên quan đến PCTT	15
4.2. Hệ thống chỉ huy PCTT và TKCN các cấp và quy chế phối hợp	16
4.3. Công tác dự báo, cảnh báo sớm	17
4.4. Phương tiện, vật tư, trang thiết bị phục vụ phòng chống thiên tai	17
4.5. Công tác cứu hộ, cứu nạn.....	18
4.6. Thông tin, truyền thông trong PCTT	19
4.7. Năng lực và nhận thức của cộng đồng trong PCTT.....	20
4.8. Đánh giá năng lực các cơ sở hạ tầng phòng chống thiên tai	21
4.9. Đánh giá thực hiện lồng ghép nội dung PCTT trong các chương trình, dự án, kế hoạch, quy hoạch của các ngành, phát triển kinh tế - xã hội (KTXH).....	22
4.10. Đánh giá về công tác phục hồi, tái thiết.....	23
4.11 Nguồn lực tài chính.....	23
4.12. Những tồn tại và hạn chế trong công tác phòng chống thiên tai.....	24
4.13. Xu thế diễn biến thiên tai và thách thức trong điều kiện mới.	24
Chương V.....	25
ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI.....	25
5.1. Phạm vi đánh giá.....	25
5.2. Phương pháp đánh giá.....	25
5.3. Nội dung đánh giá.....	30
5.3.1. Đánh giá độ lớn của thiên tai	30

5.3.2. Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương	40
5.3.3. Đánh giá năng lực phòng chống thiên tai.....	45
5.3.4. Đánh giá mức độ rủi ro thiên tai	53
5.3.5. Xác định rủi ro thiên tai trên bản đồ	61
CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI	69
6.1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu.	69
6.1.1. Biện pháp chung.....	69
6.1.1.1. Nhóm biện pháp phi công trình.....	70
1. Hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách.....	70
2. Kện toàn tổ chức, bộ máy và tăng cường năng lực quản lý thiên tai.	71
3. Lập, rà soát và thực hiện các kế hoạch, quy hoạch	72
4. Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo cấp tỉnh.....	74
5. Ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ mới trong xây dựng hệ thống giám sát, cảnh báo, báo cáo thống kê, đánh giá thiệt hại thiên tai	75
7. Chương trình trồng và bảo vệ rừng.....	76
6.1.1.2. Nhóm biện pháp công trình.....	76
1. Đầu tư, nâng cấp công trình thủy lợi.....	76
2. Đầu tư, nâng cấp công trình xây dựng có xem xét đến PCTT	78
3. Đầu tư, nâng cấp công trình giao thông kết hợp PCTT	79
4. Công trình hạ tầng cấp, thoát nước.	80
5. Công trình neo đậu tàu thuyền tránh trú bão.....	81
6. Công trình đo đạc, giám sát, cảnh báo sớm	81
6.1.2. Các biện pháp cụ thể.	81
6.1.2.1. Đối với Áp thấp nhiệt đới, bão.....	81
6.1.2.2. Đối với lốc, sét, mưa đá	82
6.1.2.3. Đối với thiên tai do mưa lớn	82
6.1.2.4. Đối với thiên tai do nắng nóng hạn hán	83
6.1.2.5. Đối với thiên tai do rét hại, sương muối, sương mù	83
6.1.2.6. Đối với thiên tai do lũ, ngập lụt	83
6.1.2.7. Đối với thiên tai do xâm nhập mặn, nước dâng	84
6.1.2.8. Đối với thiên tai do gió mạnh trên biển	84
6.1.2.9. Đối với thiên tai do sạt lở đất, lũ quét.....	85
6.1.3. Trách nhiệm của các sở, ngành trong biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu.	85
6.1.3.1. Sở nông nghiệp và PTNT:.....	85
6.1.3.2. Sở Công thương:	87
6.1.3.3. Sở Giáo dục và Đào tạo:	88
6.1.3.4. Sở Lao động thương binh xã hội:.....	88
6.1.3.5. Sở Văn hóa, Thể thao:.....	89
6.1.3.6. Sở Tài nguyên và Môi trường:	89
6.1.3.7. Sở Xây dựng:	90
6.1.3.8. Sở Giao thông vận tải:.....	90
6.1.3.10. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh:	91
6.1.3.11. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng.....	92
6.1.3.12. Công an tỉnh:.....	92
6.1.3.13. Sở Kế hoạch và Đầu tư:	92
6.1.3.14. Sở Tài chính:	93
6.1.3.15. Sở Y Tế:	93
6.1.3.16. Sở Khoa học và công nghệ:	93
6.1.3.17. Chủ tịch uỷ ban nhân dân các huyện, thành phố:.....	93
6.1.3.18. Đài Khí tượng thủy văn:	94
6.1.3.19. Công ty Điện lực:.....	94

6.2. Biện pháp ứng phó.....	95
6.2.1. Trách nhiệm của Ban chỉ huy PCTT và TKCN các cấp.....	95
6.2.2. Nhiệm vụ của các sở, ngành.....	95
6.2.3. Xác định nguồn lực của địa phương, sở ngành.....	96
6.2.4. Nhiệm vụ ứng phó với từng cấp độ rủi ro thiên tai.....	96
1. Đối với bão và ATNĐ.....	98
2. Phương án ứng phó lũ, ngập lụt.....	104
3. Phương án ứng phó với mưa lớn.....	108
4. Phương án ứng phó với lũ quét, sạt lở đất.....	110
5. Phương án ứng phó với hạn hán, xâm nhập mặn.....	111
6. Phương án ứng phó với lốc, sét, mưa đá.....	113
7. Phương án ứng phó với nắng nóng.....	116
8. Phương án ứng phó với nước biển dâng.....	118
9. Phương án ứng phó với động đất, sóng thần.....	121
10. Phương án ứng phó với rét hại, sương muối.....	123
6.2.5. Công tác sơ tán dân về nơi an toàn.....	123
6.2.6. Thiết lập hệ thống thông tin liên lạc khẩn cấp.....	124
6.2.7. Triển khai công tác bảo đảm y tế:.....	124
6.2.8. Tổ chức ứng cứu trên biển.....	124
6.2.9. Bảo đảm thoát nước đô thị.....	125
6.2.10. Cung cấp nước sạch cho dân cư.....	125
6.2.11. Triển khai phương án ứng phó với thiên tai.....	125
6.2.12. Huy động nguồn lực cho công tác ứng phó thiên tai:.....	126
6.3. Tổ chức khắc phục hậu quả, tái thiết.....	127
6.3.1. Triển khai công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, hỗ trợ lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, nhu yếu phẩm; khắc phục thiệt hại bước đầu.....	127
6.3.2. Thống kê, đánh giá thiệt hại, nhu cầu hỗ trợ.....	128
6.3.3. Lập kế hoạch tái thiết sau thiên tai.....	129
6.4. Biện pháp phòng chống thiên tai liên vùng.....	131
Chương VII.....	132
LỒNG GHÉP NỘI DUNG PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI.....	132
7.1. Nội dung lồng ghép.....	132
7.1.1. Lồng ghép nội dung phòng chống thiên tai vào Quy hoạch tỉnh Ninh Bình thời kỳ 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2050.....	132
7.1.2. Lồng ghép trong các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động của thiên tai đến con người và sinh kế.....	132
7.1.3. Lồng ghép trong các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động của thiên tai đến các ngành kinh tế. 134	
7.1.4. Lồng ghép trong các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động của thiên tai đến cơ sở hạ tầng. 136	
7.2. Cách thức lồng ghép.....	136
XÁC ĐỊNH NGUỒN LỰC VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN.....	139
8.1. Nguồn lực thực hiện.....	139
8.2. Tiến độ thực hiện.....	140
Chương IX.....	190
TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN.....	190
9.1. Xây dựng kế hoạch tài chính.....	190
9.2. Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch.....	190
9.3. Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch.....	190
9.4. Rà soát đánh giá cập nhật kế hoạch.....	190
9.5. Theo dõi thực hiện.....	191

9.6. Tổ chức thực hiện	191
PHỤ LỤC BÁO CÁO.....	192

Bảng 3. 1: Thống kê số các cơn bão và áp thấp nhiệt đới đổ bộ hoặc ảnh hưởng trực tiếp, gián tiếp đến Ninh Bình.....	6
Bảng 3. 2: Tỷ lệ % số dân bị ảnh hưởng trên tổng số dân toàn xã theo độ ngập sâu.....	10
Bảng 4. 1: Các trạm quan trắc thủy văn.....	22
Bảng 5. 1: Phân cấp độ rủi ro do áp thấp nhiệt đới, bão	26
Bảng 5. 2: Phân cấp rủi ro thiên tai do mưa lớn.....	27
Bảng 5. 3: Phân cấp rủi ro thiên tai do nắng nóng	27
Bảng 5. 4: Phân cấp độ rủi ro thiên tai do hạn hán	27
Bảng 5. 5: Phân cấp độ rủi ro thiên tai do rét hại, sương muối.....	28
Bảng 5. 6: Phân cấp độ rủi ro thiên tai do lũ, ngập lụt.....	28
Bảng 5. 7: Phân cấp độ rủi ro thiên tai do xâm nhập mặn	29
Bảng 5. 8: Đánh giá cấp độ bão, ATNĐ chi tiết và mức độ DBTT	30
Bảng 5. 9: Đánh giá cấp độ lũ, ngập lụt chi tiết và mức độ DBTT	31
Bảng 5. 10: Đánh giá cấp độ hạn hán chi tiết và mức độ DBTT	31
Bảng 5. 11: Đánh giá cấp độ nắng nóng chi tiết và mức độ DBTT	32
Bảng 5. 12: Đánh giá cấp độ xâm nhập mặn chi tiết và mức độ DBTT	32
Bảng 5. 13: Đánh giá cấp độ lũ quét chi tiết và mức độ DBTT	33
Bảng 5. 14: Đánh giá cấp độ gió mạnh trên biển chi tiết và mức độ DBTT.....	33
Bảng 5. 15: Đánh giá cấp độ mưa lớn chi tiết và mức độ DBTT.....	34
Bảng 5. 16: Đánh giá cấp độ rét hại, sương muối chi tiết và mức độ DBTT.....	34
Bảng 5. 17: Đánh giá cấp độ sạt lở, sụt lún đất chi tiết và mức độ DBTT.....	35
Bảng 5. 18: Đánh giá cấp độ lốc, sét, mưa đá chi tiết và mức độ DBTT.....	35
Bảng 5. 19: Đánh giá thiên tai trên địa bàn tỉnh Ninh Bình từ năm 2011 đến nay	36
Bảng 5. 20: Đánh giá độ lớn của TT xảy ra trong những năm gần đây	40
Bảng 5. 21: Đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra.....	43
Bảng 5. 22: Danh mục các văn bản hướng dẫn, thi hành pháp luật, cơ chế chính sách liên quan đến phòng chống thiên tai.....	46
Bảng 5. 23: Tổng hợp lực lượng, phương tiện, trang thiết bị, vật tư phòng chống thiên tai trên địa bàn.....	47
Bảng 5. 24: Tổng hợp hiện trạng công trình thủy lợi nội vùng.....	50
Bảng 5. 25: Tổng hợp hiện trạng hệ thống kênh tưới, tiêu	51
Bảng 5. 26: Đánh giá ứng phó thiên tai theo nhóm đối tượng.....	52
Bảng 5. 27: Năng lực phòng chống thiên tai.....	53
Bảng 5. 28: Cấp độ rủi ro thiên tai tác động đến con người và dân sinh	55
Bảng 5. 29: Cấp độ rủi ro thiên tai tác động đến một số ngành kinh tế xã hội	56
Bảng 5. 30: Cấp độ rủi ro thiên tai tác động đến một số cơ sở hạ tầng thiết yếu.....	60
Bảng 5. 31: Bảng thống kê tình hình ngập.....	67
Bảng 6.1: Bảng thống kê các loại hình thiên tai	96
Bảng 6.2: Xác định các đối tượng bị ảnh hưởng ứng với từng thời điểm.....	98
Bảng 6.3: Xác định các giai đoạn ứng phó	105
Bảng 6.4: Cường độ, thời gian xuất hiện và các khu vực, đối tượng.....	108
Bảng 8. 1: Giải pháp PCTT được thống kê và ưu tiên phân bổ vốn (phân kỳ đầu tư) và thực hiện trong năm 2021	142